

“GIA ĐÌNH GIÁO HỘI TẠI GIA”

(Lumen Gentium 11; Familiaris Consortio, 21; Compendium of
The Catechism of The Catholic Church, 350)

*Kỷ niệm 30 năm
Tông Huấn Familiaris Consortio
Cộng Đồng Gia Đình
(22/11/1981-2011)
và hướng về
Cuộc Hội Ngộ Các Gia Đình VII, ở Milan Ý quốc,
30/5-3/6/2012.*

Daminh Maria Cao Tấn Tĩnh, BVL



Cao-Bùi 2011

© *Copyright 2011*

NỘI DUNG

Phần I

Gia Đình Giáo Hội Tại Gia

Tại sao gọi Gia Đình là Giáo Hội Tại Gia?.....	7
1. “Gia đình – hiện thực bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”	13
2. “Gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu”	23
3. “Gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”	37
4. “Gia đình trở thành một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”	49

Phần II

Gương Sống Giáo Hội Tại Gia

1. Thánh Giuse: Người Chồng thầm lặng Người Cha tôi tớ.....	65
--	----

2. Một người vợ có lòng thanh tịnh và một người mẹ sống đời nữ tu.....77
3. Một túp lều tranh hai trái tim vàng
Chồng Thánh - vợ chân phước:
sống tiết dục hôn nhân.....81
4. Người Mẹ Bảy Con - Người Vợ Tiết Dục..... 89
5. Vị Thánh Vương:
Một người chồng 2 đời vợ
Một người cha của 13 người con.....95
6. Lâu đài tình ái của một người vợ: xác thân
khổ hạnh trong xa hoa ngọc ngà101
7. Hai vợ chồng tiết dục
mà vẫn sinh 8 người con và
sống đời tu hành..... 109
8. Cha mẹ thánh sinh thành dương dục
4 trong 10 người con thánh..... 115
9. Một gia đình cả 2 cha mẹ và
3 người con đều thánh..... 125
10. Người Mẹ Chân Phước
Một Con Hiển Thánh
Cả Nhà Chân Tu..... 133
11. Một Đế Vương sống đời Đan Sĩ
trong vai trò Làm Chồng và Làm Cha..... 139
12. Cặp Vợ Chồng Chân Phước
cha mẹ thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu,
một trong năm người con nữ tu..... 151
13. Một Người Cha 8 con,
Một Người Chồng góa vợ
Một Linh Mục bề trên tổng quyền..... 175

14. Một Người Mẹ 6 con,
Một Người Vợ góa chồng,
Một Mẹ Bè Trên sáng lập dòng..... 185
15. Một con điếm ... vẫn đồng trinh
Một nhơ nhớp ... không rửa nát.....191

Phần III

Phá Hoại Giáo Hội Tại Gia

1. Ngoại Tình: Tại sao 'yes' - Làm sao 'no'?.....197
2. Sống Tận Hiến trong đời sống hôn nhân
khi một trong hai vợ chồng ngoại tình.....225
3. Khủng Bố Gia Đình.....249

Phụ Trưng

1. Giáo dục con cái của Chúa
như một người lớn còn nhỏ
hơn là một đứa nhỏ chưa lớn.....269
2. Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II
với Mục Vụ về Gia Đình.....281



Dẫn Nhập

“Tại sao gọi Gia Đình là Giáo Hội Tại Gia?”

“Gia đình Kitô hữu được gọi là giáo hội tại gia vì gia đình biểu lộ và sống bản chất cộng đồng và gia đình của một Giáo Hội là gia đình của Chúa. Tùy theo vai trò của mình, mỗi một phần tử trong gia đình thực thi vai trò linh mục phổ quát và góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu, một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”.

Trên đây là câu hỏi kèm theo câu trả lời của Giáo Hội trong cuốn Toát Lược Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo ở số 350, một vấn đề cần được cùng nhau tìm hiểu để nhờ đó gia đình Kitô hữu chúng ta có thể sống đúng ý nghĩa của gia đình theo giáo huấn của Giáo Hội và dự án thần linh của Thiên Chúa trong thế giới càng văn minh càng bạo loạn ngày nay.

Trong lịch sử loài người từ trước đến nay, chưa bao giờ cơ cấu gia đình được cấu tạo bởi hôn nhân lại trở thành vừa là một nạn nhân vừa là một tai họa cho xã hội như vậy. Gia đình là nạn nhân của xã hội vì gia đình trở thành mục tiêu tấn công của nền văn hóa sự chết. Gia đình là tai họa cho xã hội vì cá nhân chủ nghĩa đã càng ngày càng tạo nên những đứa con mồ côi bất đắc dĩ từ các cuộc ly dị, thậm chí đã pro choice đến độ muốn tự hủy diệt mình đi bằng những cuộc phá thai, có nơi số sinh còn thấp hơn số tử.

Nguyên nhân sâu xa gây ra tình trạng khủng hoảng gia đình hầu như bất khả cứu vãn theo tự nhiên như thế là vì gia đình đã bị mất đi ý nghĩa và giá trị đích thực của nó theo dự án thần linh về nó. Thậm chí gia đình trong thế giới văn minh hầu như tuyệt đỉnh ngày nay về vật chất, nhất là về nhân bản, còn trở thành méo mó dị dạng với những cuộc hôn nhân đồng tính. Để phần nào có thể cứu vãn tình thế, ít là từng gia đình hay một nhóm gia đình, chúng ta cần phải cùng nhau tái nhận thức ý nghĩa và giá trị đích thực của gia đình theo dự án thần linh của Thiên Chúa về nó.

Vậy, đâu là ý nghĩa và giá trị đích thực của gia đình theo dự án thần linh, nếu không phải "**gia đình – giáo hội tại gia**"? Nếu thực sự "**gia đình – giáo hội tại gia**" thì gia đình vĩnh viễn sẽ không còn là nạn

nhân và là tai họa cho xã hội nữa, trái lại, gia đình sẽ trở thành muối đất men bột, giữ cho thế gian khỏi bị hư hoại mà còn làm cho xã hội được trở thành một đại gia đình đúng như Thiên Chúa Hóa Công mong muốn khi dựng nên con người.

“Gia đình – giáo hội tại gia”, một câu nói nghe quen, dường như đã trở nên một thành ngữ. Thế nhưng, nó lại là một câu định nghĩa về gia đình rất chính xác và sâu xa, vì nó liên quan đến mạc khải thần linh về gia đình và dự án thần linh về gia đình, cần phải được tìm hiểu cho tường tận, để có thể sống trọn bản chất màu nhiệm của gia đình và ơn gọi cao cả của gia đình.

Đúng thế, theo dự án thần linh, ngay từ ban đầu, Thiên Chúa Hóa Công muốn tạo dựng nên con người theo hình ảnh Ngài và tương tự như Ngài là một Cộng Đồng Thần Linh “chúng ta” (Gen 1:21). Thế rồi, theo mạc khải thần linh của Ngài qua giòng lịch sử, từ Cựu Ước đến Tân Ước, Ngài đã từ từ cho thấy rõ ý định của Ngài muốn qui tụ tất cả loài người lại nơi Chúa Kitô là trưởng tử của một đàn em đồng đúc, “là đầu của thân thể Người là Giáo Hội” (Col 1:18).

Giáo Hội Chúa Kitô, tuy nhiên, không phải chỉ là một cộng đồng thuần túy về hình thức, giống như một tổ chức xã hội trần thế, mà là một gia đình

thiên liêng, tức một “Cộng Đồng Yêu Thương và Sự Sống” (Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, 1669), trung thực và sống động phản ánh Cộng Đồng Thần Linh “chúng ta” nơi Thiên Chúa. Đó là lý do, ngay từ ban đầu, con người đã được dựng nên “có nam có nữ” (Gen 1:27), để có thể yêu thương và nên một với nhau (x. Gen 1:24), trở thành một Cộng Đồng Yêu Thương và Sự Sống.

Thế nhưng, nói đến gia đình là nói đến một liên hệ ruột thịt. Vậy đâu là mối liên hệ “ruột thịt” trong “Giáo Hội là Gia đình của Chúa”? Trong câu giáo lý 350 của cuốn Toát Yếu Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, sau khi cho biết lý do tại sao “gia đình được gọi là giáo hội tại gia”, Giáo Hội đã cho biết mối liên hệ “ruột thịt” nơi “gia đình được gọi là giáo hội tại gia” này, đó là mối liên hệ hoàn toàn thiêng liêng, liên quan tới phép rửa và chức linh mục phổ quát bởi phép rửa mà có: *“Tùy theo vai trò của mình, mỗi một phần tử trong gia đình thực thi vai trò linh mục phổ quát...”*.

Và chính nhờ sống với nhau bằng mối liên hệ “ruột thịt” thiêng liêng theo vai trò linh mục phổ quát bởi phép rửa này mà các phần tử trong “gia đình được gọi là giáo hội tại gia” mới có thể, như Giáo Hội dạy ngay sau đó rằng: *“góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu, một trường dạy nhân đức làm người và Kitô*

giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”.

Như thế, nếu không sống theo tình nghĩa thiêng liêng này, tình nghĩa của những con người đã được phép rửa thánh hiến để trở thành những vị thánh, với vai trò tư tế phổ quát, không một gia đình nào có thể trở thành *“một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu, một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”.*

Đó là lý do, ngay trong câu giải thích “tại sao gia đình được gọi là giáo hội tại gia”, Giáo Hội đã nhấn mạnh về hai khía cạnh nhờ đó “gia đình” mới có thể thực sự “được gọi là giáo hội tại gia”, đó là khía cạnh chẳng những “biểu lộ” mà còn “sống – live out” (hay “hiện thực”) nữa... Nhưng, “biểu lộ” những gì và “sống” những gì để “gia đình được gọi là giáo hội tại gia”? Giáo Hội cho biết đó là “biểu lộ và hiện thực” “bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”.

Thật vậy, nhờ bí tích hôn phối, tức nhờ được thánh hiến trong “mầu nhiệm cao cả ... liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội” (Eph 5:32), mà gia đình Kitô giáo, theo nguyên tắc và về lý thuyết, đã thực sự “biểu lộ” những gì được gọi là “bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”. Thế nhưng, thực tế cho thấy, ít

gia đình nào, sau khi đã được hình thành bởi bí tích hôn phối, đã “sống” trọn hay “hiện thực” được “bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”, nhờ đó xứng đáng “được gọi là giáo hội tại gia”.

Bởi thế, vấn đề thực tế hết sức cụ thể và quan trọng được đặt ra ở đây là làm thế nào để gia đình Kitô hữu có thể: 1) *“hiện thực bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”*, nhờ đó gia đình của họ trung thực và sống động trở thành”: 2) *“một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu”* - liên quan tới đời sống phụng vụ và nội tâm, 3) *“một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”* - liên quan tới đời sống luân lý và tu đức, 4) *“một nơi đâu tiên loan truyền đức tin cho con cái”* - liên quan tới việc tông đồ và truyền giáo.

1. “Gia đình hiện thực bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”

Trước hết, vấn đề đầu tiên hết sức quan trọng cần phải lưu ý và được đặt ra ở đây là tại sao Sách Toát Yếu Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo khoản 350 về lý do “tại sao gia đình được gọi là giáo hội tại gia” không chỉ nói đến “bản chất cộng đồng của Giáo Hội” hay “bản chất gia đình của Giáo Hội” mà lại nói “bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”. “Gia đình” chẳng phải là một “cộng đồng” hay sao? Phải, chính ở chỗ này chúng ta mới thấy được cái then chốt của vấn đề được đặt ra. Đó là lý do, ngay sau câu “gia đình là biểu lộ và hiện thực bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”, Sách Toát Yếu Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo liên thêm, “là gia đình của Chúa”.

Đúng thế, “Giáo Hội là gia đình của Chúa”, chứ không phải chỉ là một “cộng đồng”, một tổ chức có tính cách thuần túy xã hội. Giáo Hội, về hình thức, quả thực là một “cộng đồng”, là một tổ chức bao gồm nhiều phần tử khác nhau, thuộc mọi ngôn ngữ, văn hóa và dân tộc trên thế giới, có cơ cấu quản trị và quyền bính, có luật lệ và điều kiện gia nhập.

Tuy nhiên, chính điều kiện gia nhập của Giáo Hội là một “cộng đồng” này đã làm cho Giáo Hội trở thành một “gia đình”, “gia đình Chúa”, “gia đình” của một Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất là Cha trên trời, Đấng “đã yêu thương thế gian đến ban Con Một Mình cho thế gian, để ai tin vào Người sẽ không phải chết nhưng được sự sống đời đời” (Jn 3:16).

Nếu yếu tố chính yếu bất khả thiếu làm nên gia đình trần gian đó là yếu tố máu mủ ruột thịt thì yếu tố làm nên “gia đình Chúa”, một “gia đình” thiêng liêng tức Giáo Hội, đó là đức tin, một đức tin được thể hiện qua việc con người chấp nhận Lời Nhập Thể là Chúa Giêsu Kitô, Đấng là tột đỉnh và là tất cả mạc khải thần linh của Thiên Chúa, Đấng được hạ sinh từ một người mẹ “bởi quyền phép Đấng Tối Cao” (Lk 1:35) và “tự hiến” (Jn 17:19) để thánh hóa những ai được Cha trao cho Người trên trần gian (xem Jn 17:19,6), nhờ đó họ được trở nên những đứa con thừa nhận của Ngài, thành Giáo Hội của Người,

một Giáo Hội được Thánh Phaolô ở đoạn 5 câu 25 so sánh như một người vợ được chồng mình là “Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội và đã hiến mình vì Giáo Hội...”.

Vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô đã cảm nhận và xác tín trong Thư Galata đoạn 4 câu 4 và 5 về những gì được Chúa Kitô khẳng định với nghị viên Nicôđê mô về vấn đề “sinh bởi trên cao” (Jn 3:3) như sau: “Đến thời gian ấn định, Thiên Chúa đã sai Con Mình sinh ra bởi một người nữ, để giải cứu khỏi lề luật những ai lụy thuộc lề luật, hầu chúng ta được trở nên những đứa con thừa nhận”. Và điều kiện về phía nhân loại để được trở nên những đứa con thừa nhận của Thiên Chúa, theo Thánh Ký Gioan trong lời mở đầu cuốn Phúc Âm của ngài ở đoạn 1 câu 12 đó là: “Ai chấp nhận Người thì Người ban cho quyền làm con Thiên Chúa” (Jn 1:12).

Việc “chấp nhận” này, về hình thức, được thể hiện qua một bí tích gia nhập Giáo Hội là phép rửa, như Chúa Kitô Phục Sinh đã nói tới, được Phúc Âm Thánh Marcô ghi lại ở đoạn 16 câu 15 và 16, khi sai các môn đệ là “các con hãy đi khắp thế gian rao giảng tin mừng cho mọi tạo vật. Ai tin vào tin mừng này mà chịu phép rửa thì được cứu độ, bằng ai không chịu tin vào tin mừng ấy thì bị luận phạt”.

Chính vì đức tin là máu mủ ruột thịt của “gia đình Chúa” và là yếu tố then chốt bất khả thiếu làm nên “gia đình Chúa” mà Chúa Giêsu, dù là người con trần gian thực sự của Mẹ Maria, được Mẹ thụ thai trong ngày Truyền Tin và hạ sinh ở Bêlem, được Mẹ ẵm bế và cho bú mớm như một đứa con cưng của Mẹ, Người cũng đã đối xử với Mẹ theo tình nghĩa thiêng liêng, khiến có những lúc Mẹ phải sống bằng đức tin, hơn là bằng tình mẫu tử tự nhiên. Chẳng hạn như khi Người cố ý ở lại đền thờ Giêrusalem năm lên 12 tuổi để lo việc cho Cha trên trời của Người (x Lk 2:49).

Về phần mình, Mẹ Maria đã sống tình nghĩa thiêng liêng này hết sức trọn hảo “vì đã tin” (Lk 1:45), đến nỗi Mẹ đã được chính Người khen rằng Mẹ có phúc vì đã “nghe lời Chúa và tuân giữ”, hơn là đã được diễm phúc cưu mang Người và cho Người bú (xem Lk 11:27-28).

Tình nghĩa thiêng liêng của “gia đình Chúa” liên quan tới đức tin đây còn được Chúa Kitô, khi Người được một kẻ báo là Mẹ và anh em Người đang ở ngoài chờ gặp Người, đã khẳng định về tình nghĩa thiêng liêng khi đặt vấn đề và khẳng định với người ấy rằng: “Ai là mẹ của Tôi? Ai là anh em của Tôi?” Đoạn Người giơ tay chỉ vào các môn đệ của mình mà nói: ‘Những người này là mẹ của Tôi và là anh em của Tôi. Bất cứ ai làm theo ý muốn của Cha Tôi

đều là anh em của Tôi và là mẹ của Tôi'" (Mt 12:48-50).

Cho dù yếu tố chính yếu tự nhiên làm nên gia đình là máu mủ ruột thịt, thế nhưng, thực tế phũ phàng cho thấy, chính các phần tử trong cùng một gia đình lại trở thành thù địch của nhau, đến nỗi đã sát hại lẫn nhau. Điển hình là trường hợp Cain sát hại Abel em mình (x Gen 4:8); hay trường hợp 10 người con lớn của Giacóp đã âm mưu sát hại Giuse em mình (x Gen 37:12-36); hoặc trường hợp con là Absalon muốn phản loạn và sát hại vua cha của mình là Đavít (2Sam 15:1-18) v.v.

Hiện tượng ly dị và phá thai từ hậu bán thập niên 1960 tới nay càng cho thấy yếu tố máu mủ ruột thịt, cho dù bất khả thiếu để làm nên gia đình, vẫn không phải là yếu tố chính yếu và thiết yếu trong việc xây dựng và bảo trì hạnh phúc gia đình.

Cũng thế nơi "gia đình Chúa". Cho dù là một "cộng đồng đức tin", nhưng lịch sử cho thấy "cộng đồng đức tin" là "gia đình Chúa" này đã từ từ chia rẽ nhau, qua những phân ly chính yếu theo thứ tự, trước tiên giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma và Giáo Hội Chính Thống Đông Phương từ năm 1054, sau đó giữa Giáo Hội Công Giáo Rôma với Phong Trào Cải Cách Thệ Phản từ năm 1519, và sau hết giữa

Giáo Hội Công Giáo Rôma với Giáo Hội Hiệp Thông Anh Giáo từ năm 1535.

Tuy nhiên, tình trạng sát hại lẫn nhau nơi gia đình trần thế và chia rẽ nhau nơi “gia đình Chúa” vẫn không làm mất đi những gì căn bản làm nên gia đình tự nhiên là tình nghĩa ruột thịt hay làm nên gia đình siêu nhiên là đức tin.

Dù sao cũng không thể phủ nhận được rằng vì tình trạng chia rẽ nhau, nơi cả cơ cấu gia đình tự nhiên lẫn siêu nhiên ấy, cũng đã làm mất đi ít nhiều ý nghĩa đích thực của gia đình và giá trị cao quý của gia đình, biến gia đình trở thành một “cộng đồng” thuần túy xã hội, một cơ cấu thường được làm nên bởi yếu tố lợi lộc, thích thì gia nhập - không thích thì rút lui, lợi thì nhào vô - bất lợi thì nhào ra.

Theo đúng ý nghĩa và ơn gọi của mình thì, như Sách Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo số 1669 định nghĩa, “gia đình là một cộng đồng yêu thương và sự sống”, hay nói ngược lại, bất cứ một “cộng đồng” nào hội đủ hai yếu tố yêu thương và sự sống mới đích danh và trọn vẹn là “gia đình”.

Yếu tố “yêu thương” ở đây trước hết được căn cứ vào tình yêu phu thê giữa hai vợ chồng, nhất là trong trường hợp hai vợ chồng son sẽ không có con cái. “Sự sống” ở đây thường làm cho con người liên

tường ngay đến vấn đề sinh sản con cái nói chung và con cái nói riêng, vậy thì trường hợp của những đôi phối ngẫu không có con cái và không sinh nở được thì chẳng lẽ họ không phải là một gia đình hay sao?

Đó là lý do “yêu thương và sự sống” ở đây còn có một ý nghĩa sâu xa hơn nữa, liên quan tới mối hiệp nhất. Ở đâu không có hiệp nhất thì không thể nào có “yêu thương và sự sống”.

Nếu hiệp nhất là mục tiêu cho “yêu thương”, thì hiệp nhất là chính thực tại của “sự sống”. “Đoàn kết thì sống chia rẽ thì chết” là một nhận định rất đúng, đặc biệt nơi trường hợp hôn lìa khỏi xác, tức trường hợp cái chết xảy đến cho con người.

Nếu hiệp nhất là chính thực tại của sự sống thì yêu thương là con tim của sự sống. Nếu xác chết là một tử thi vĩnh viễn bất động không còn biết gì nữa vì thiếu hồn sống là ý thức của nó thế nào, thì không thể nào sống mà lại không có ý thức là tác động được thể hiện nơi yêu thương.

Nếu “gia đình là một cộng đồng yêu thương và sự sống”, và “yêu thương và sự sống” được thể hiện nơi mối hiệp nhất nên một, thì quả thực đã xảy ra nơi Giáo Hội là “gia đình Chúa” ngay từ ban đầu.

Ở chỗ, như Sách Tông Vụ cho biết ở đoạn 4 câu 32-35 là “(32) Các tín hữu thời bấy giờ đông đảo, mà chỉ có một lòng một ý. Không một ai coi bất cứ cái gì mình có là của riêng, nhưng đối với họ, mọi sự đều là của chung. (33) Nhờ quyền năng mạnh mẽ Thiên Chúa ban, các Tông Đồ làm chứng Chúa Giêsu đã sống lại. Và Thiên Chúa ban cho tất cả các ông dồi dào ân sủng. (34) Trong cộng đoàn, không ai phải thiếu thốn, vì tất cả những người có ruộng đất nhà cửa, đều bán đi, lấy tiền, (35) đem đặt dưới chân các Tông Đồ. Tiền ấy được phân phát cho mỗi người, tùy theo nhu cầu”.

Bởi vậy, “gia đình hiện thực bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội là gia đình của Chúa” đây nghĩa là làm sao cho gia đình mình trở thành một “cộng đồng yêu thương và sự sống”, như Giáo Hội sơ khai, luôn hiệp nhất nên một, giữa vợ chồng với nhau, giữa cha mẹ với con cái, và giữa con cái với nhau.

Vấn đề then chốt được đặt ra ở đây là làm thế nào để gia đình có thể hiệp nhất nên một? Vì, như thực tế cho thấy, dù là ruột thịt với nhau, các phần tử gia đình tự nhiên vẫn không thương yêu nhau, trái lại, vẫn ghen ghét nhau, hận thù nhau, thậm chí sát hại nhau.

Và thực tế cũng cho thấy, nếu không thực sự yêu thương nhau, các phần tử trong cả gia đình tự nhiên lẫn thiêng liêng sẽ không thể nào sống với nhau, chưa nói chi đến vấn đề hiệp nhất nên một là chính sự sống đích thực của gia đình và cho gia đình.

Để giải quyết vấn đề then chốt này, trước hết, chúng ta cần phải ý thức rằng, theo ơn gọi của mình thì “gia đình được gọi là giáo hội tại gia”, mà Giáo Hội là “gia đình Chúa”, “một cộng đồng yêu thương và sự sống”, như Giáo Hội thời sơ khai, nên gia đình Kitô hữu chúng ta cũng phải làm sao để “hiện thực bản chất cộng đồng và gia đình của Giáo Hội”, ở chỗ hiệp nhất nên một với nhau trong tình nghĩa thiêng liêng của đức tin, chứ không phải theo bản tính tự nhiên.

Đúng thế, nếu các phần tử trong gia đình Kitô hữu biết sống với nhau bằng tình nghĩa thiêng liêng, bằng đức tin chân thực, sâu xa và mạnh mẽ, một đức tin được thể hiện qua đức ái (xem Gal 5:6), thì gia đình họ chắc chắn càng ngày càng trở thành một “giáo hội tại gia”, một “cộng đồng yêu thương và sự sống”, một “cộng đồng”, như Giáo Hội sơ khai qua việc tín hữu chung sống hiệp nhất như 1 gia đình, vợ chồng cũng “nên 1 thân thể” ở chỗ *sống cho* nhau như $1/1=1$ để nhờ đó có thể *sống trong* nhau như $1 \times 1=1$, chứ không phải chỉ *sống với* nhau hay *sống*

bên nhau như $1+1=2$ để từ đó dễ tiến tới chỗ *sống ngoài* nhau hay *sống xa* nhau như $1-1=0$.

Chính Chúa đã dạy thành phần môn đệ của mình sống cho nhau ở chỗ “bỏ mình đi” và sống trong nhau ở chỗ “vác thập giá”, theo gương của Người là Đấng đã đến “không phải để được phục vụ” (sống cho nhau) mà là “phục vụ (sống trong nhau) và hiến mạng sống mình cho nhiều người (hiệp nhất nên một)”.

2. “Gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu”

Nếu nói đến “ân sủng” là nói đến tình yêu thương nhưng không của Thiên Chúa cũng như nói đến các bí tích thánh là phương tiện được Thiên Chúa thiết lập và sử dụng để có thể ban ơn cho con người nói chung và Kitô hữu nói riêng, thì nói đến “nguyện cầu” hay “cầu nguyện” là nói đến tác động của con người trong việc chấp nhận và đáp ứng tình yêu thương của Thiên Chúa cũng như trong việc hiệp nhất nên một với Ngài đặc biệt nhờ các bí tích thánh.

Nếu “gia đình Kitô hữu được gọi là giáo hội tại gia” thì phải chăng Giáo Hội là “một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”. Quả thực, căn cứ vào nhận định và phân tích trên đây, Giáo Hội là “một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, như đã hiện thực nơi hình ảnh Giáo Hội sơ khai được Sách Tông Vụ nói tới ở đoạn 2 câu 42 ở chỗ: “trung thành với việc bẻ bánh” là

việc lãnh nhận Bí Tích Thánh Thể cũng như ở chỗ “cùng nhau hằng ngày lên khu vực đền thờ” (cùng đoạn câu 46) để cầu nguyện.

Giáo Hội

“Một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”

Trước hết, về chiều kích “ân sủng”, Giáo Hội quả thực là một cộng đồng ân sủng, vì Giáo Hội là đối tượng được Thiên Chúa yêu thương, đến độ, như Thánh Gioan Thánh Ký cho biết ở đoạn 13 câu 1 là “Người đã yêu thương thành phần thuộc về Người trên thế gian này và Người muốn tỏ tình yêu thương họ cho đến cùng”, ở chỗ, Thánh Ký Gioan còn cho biết tiếp ở đoạn 17 câu 19: “Vì họ mà Con tự hiến để họ được thánh hóa trong chân lý”, với mục đích duy nhất cũng được Thánh Ký Gioan thuật lại ngay trong Lời Nguyện Hiến Tế của Chúa Giêsu, ở câu 22 và 23, đó là “cho tất cả nên một ... như chúng ta là một”.

Đó là lý do Vị Tông Đồ Dân Ngoại Phaolô trong Thư gửi Êphêsô đoạn 5 từ câu 25 đến 27 đã cảm nhận một Giáo Hội được yêu thương như thế này: “... Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội. Người đã hiến mình cho Giáo Hội, để làm cho Giáo Hội nên thánh hảo, bằng cách thanh tẩy Giáo Hội trong bể nước bởi quyền năng của lời, để Người có được một Giáo Hội hiển vinh, thánh hảo và tinh tuyền vô tì tích và vết tích”.

Và chính vì Chúa Kitô đã hiến mình cho Giáo Hội như thế, đã nên một với Giáo Hội như thế, Giáo Hội chẳng những có tất cả những gì “của” Chúa Kitô liên quan tới công cuộc cứu độ thế gian của Người, mà còn “là” Chúa Kitô trong việc cử hành và ban phát cử hành các mầu nhiệm thánh, như chính Người muốn khi phán: “*Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy*” (Lk 22:19). Đến nỗi, như Công Đồng Chung Vaticanô II đã ý thức và tuyên xưng trong Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội là “Ánh Sáng Muôn Dân – Lumen Gentium”, ở đoạn 1, “*Giáo Hội trong Chúa Kitô như là bí tích hay dấu chỉ và phương tiện cho môi hiệp thông với Thiên Chúa và của môi hiệp nhất của toàn thể nhân loại*”.

Sau nữa, về chiều kích “cầu nguyện” Hình ảnh Giáo Hội cầu nguyện sống động và điển hình nhất, được Sách Tông Vụ ghi lại ở đoạn 1 câu 14, là lúc, cùng với Mẹ Maria, các tông đồ, tiêu biểu cho hàng giáo phẩm, và nhóm giáo dân nam nữ tụ họp nhau ở Nhà Tiệc Ly “*dấn thân liên li nguyện cầu*” để chờ đón Chúa Thánh Thần Hiện Xuống sau khi Chúa Giêsu Thăng Thiên về trời.

Theo giọng lịch sử, Giáo Hội đã đáp ứng tình yêu Thiên Chúa bằng việc trung thành với phu quân của mình là Chúa Giêsu Kitô, chẳng những bằng cách “*làm việc này mà nhớ đến Thầy*” khi cử hành các mầu nhiệm thánh, nhất là mầu nhiệm Thánh Thể

trên bàn thờ, mà còn bằng việc liên li trong cả một ngày và từng ngày sống thân mật với Người bằng việc nguyện Kinh Phụng Vụ sáng trưa chiều tối nữa, qua các vị giáo sĩ và trong các viện tu.

Nhờ đó, như cành nho liên li dính liền với thân nho, như lời Chúa Giêsu nói trong Phúc Âm Thánh Gioan ở đoạn 15 câu 5, Giáo Hội mới “sinh nhiều hoa trái” trong việc tông đồ mục vụ và truyền giáo của mình, mới có thể, như Người muốn, được Sách Tông Vụ ghi lại ở đoạn 1 câu 8, “làm chứng cho Thày ... đến tận cùng trái đất”, đặc biệt là bằng máu chúng tử đạo ở khắp mọi nơi dọc suốt giòng lịch sử của mình, những máu chúng hùng hồn cho thấy Giáo Hội cương quyết trung thành theo gương của Đấng “là mục tử nhân lành đã hiến mạng sống cho chiên... để chúng được sự sống và là một sự sống viên mãn” (Jn 10:11,10).

Đúng thế, nếu “gia đình Kitô hữu được gọi là giáo hội tại gia” mà Giáo Hội là “một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, thì gia đình cũng phải làm sao để “trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”. Bằng cách nào và ở chỗ nào?

“Gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng”

Trước hết, để “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng”, các phần tử trong gia đình nói chung và những người được kêu gọi làm vợ chồng và cha mẹ nói riêng, cần phải ý thức rằng hôn nhân là một ơn gọi chứ không phải là một thứ pro choice thuần túy.

Hôn nhân là một ơn gọi vì lý do thiên duyên tiền định, do Thiên Chúa sắp xếp cho hai người nam nữ hoàn toàn xa lạ chẳng hề biết nhau trước đó đã “tình cờ” gặp nhau trong đời và thương nhau trong lòng, đến độ họ đều cảm thấy họ không thể sống mà không có nhau, và từ đó họ đã tự do quyết định lấy nhau mà sống đời với nhau.

Chính vì ý thức hôn nhân là một ơn gọi như thế mà hai con người nam nữ, dù minh nhiên hay mặc nhiên, đã chấp nhận nhau trong Chúa và vì Chúa, như Adong sau nguyên tội đã nói về Evà là “người Chúa cho ở với con” (Gen 3:13, xem cả 2:22). Cũng vì hôn nhân là một ơn gọi và vợ chồng là “người Chúa cho ở với con” như thế mà “không ai được phép phân ly những gì Thiên Chúa đã kết hợp” (Mt 19:6).

Bằng không, hai con người đã công khai tình nguyện thề hứa với nhau một cách ý thức và long trọng trước nhan Chúa cũng như trước cộng đồng Giáo Hội ấy, một khi ly dị thì trước hết và trên hết, họ đã phủ nhận dự án thần linh về họ, muốn sống

theo kiểu pro choice của chủ nghĩa duy nhân bản chỉ biết tôn thờ quyền làm người. Ở chỗ, tôi có quyền chọn nên tôi cũng có quyền bỏ, muốn lấy ai thì lấy, miễn là làm sao đòi tôi được hạnh phúc theo ý muốn của tôi.

Để “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng”, cha mẹ cũng phải trong Chúa và vì Chúa chấp nhận con cái và con cái cũng phải vì Chúa và trong Chúa chấp nhận cha mẹ của mình nữa. Bằng không, thực tế cho thấy, cho dù là ruột thịt, các phần tử trong cùng một gia đình duy nhất vô tiền khoáng hậu trong cả loài người từ tạo thiên lập địa cho tới tận thế ấy cũng vẫn có thể trở thành kẻ thù không đội trời chung với nhau, vẫn không thể sống với nhau.

Phải chăng khi Chúa Giêsu nói câu này với các môn đệ: “Ở đâu có hai hay ba người họp lại vì danh Thầy thì Thầy ở giữa họ”, như được Phúc Âm Thánh Mathêu ghi lại ở đoạn 18 câu 20, thì trong óc của Người bấy giờ Người đã nghĩ đến cơ cấu gia đình trong xã hội, một đơn vị tối thiểu chỉ có 2 người là các cặp vợ chồng son sẽ không có con cái, hay 3 người nếu có ít là một đứa con, như Thánh Gia của Người? Căn cứ vào lời Chúa Kitô khẳng định đây, thì gia đình chỉ trở thành nơi cho Người ở giữa, là cung thánh cho Người ngự trị, nếu các phần tử trong gia đình biết yêu thương nhau, hiệp nhất nên một mà thôi.

Theo giáo lý, nhờ Bí Tích Hôn Phối, tình yêu nam nữ tự nhiên của hai con người trở thành vợ chồng đã chẳng những được thánh hóa mà còn được tham dự vào mầu nhiệm yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội. Cuộc sống chung vợ chồng của họ hay gia đình của họ đã trở thành nơi cho Chúa Kitô ở, thành cung thánh thần linh của Người rồi.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, như đã từng xảy ra ở tiệc cưới Cana (xem Jn 2:1-11), vào một lúc nào đó, bởi mầu mống nguyên tội vẫn còn tác dụng mãnh liệt nơi con người làm nên một gia đình này, đời sống hôn nhân gia đình của họ càng ngày càng trở thành cạn kiệt những gì cần thiết là ân sủng và ý thức về ơn gọi hôn nhân để có thể tồn tại và hạnh phúc.

Thế nhưng, Thiên Chúa là Đấng hay xót thương lại thích tỏ mình ra trong những trường hợp khốn khó. Bởi thế, Người đã thực sự tỏ mình ra ở tiệc cưới Cana khi bắt đầu công cuộc mạc khải Nước Trời là chính bản thân Người thế nào, Người cũng vẫn tiếp tục công việc này như thế nơi các gia đình Kitô hữu, để biến tình yêu tự nhiên vô vị và nhạt như nước lã của họ thành tình yêu siêu nhiên cao cả như tình Người yêu thương Giáo Hội vậy.

Như thế, “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng” ở đây còn được hiểu là gia đình chẳng những

đã được thánh hiến nhờ Bí Tích hôn phối ngay từ ban đầu, sau đó lại được liên tục thánh hóa bằng việc hiện diện và tỏ mình ra của Chúa Kitô nơi chính những yếu hèn của số con người hợp lại cấu tạo nên gia đình, để biến gia đình thành một “cộng đồng yêu thương và sự sống”, phản ánh Nhiệm Thể Giáo Hội có Chúa Kitô là Đầu và cộng đồng thần linh “chúng ta” (Gen 1:26) của Thiên Chúa.

“Gia đình trở thành một cộng đồng cầu nguyện”

Gia đình không phải chỉ là một cộng đồng “ân sủng” mà còn là một cộng đồng “cầu nguyện” nữa. Thật vậy, cho dù vợ chồng có ý thức hôn nhân là một ơn gọi, nếu không cầu nguyện, không sống đời nội tâm, riêng cũng như chung, đời sống hôn nhân gia đình của họ chắc chắn sẽ không thể nào trung thực phản ánh và sống động làm chứng cho “mầu nhiệm cao cả liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội” (Eph 5:32).

Bởi vì, tự bản thân, mỗi người vẫn còn đầy những mầm mống nguyên tội, vẫn xu hướng về cái tôi hơn là sống cho nhau, trong khi đó, đời sống hôn nhân gia đình tự bản chất lại chất chứa đầy những thử thách và khổ đau, đòi phải hoàn toàn bỏ mình, “trở nên một thân thể” (Gen 2:24), thậm chí đến độ chết cho nhau, như Chúa Kitô cho Giáo Hội và như Giáo Hội cho Chúa Kitô.

Đời sống tu trì nói chung và linh mục nói riêng là những cuộc đời được kêu gọi để sống thân mật với Chúa Kitô, được gần gũi nhất với Người, nhất là được đồng hóa với mẫu nhiệm thánh với thừa tác vụ tư tế thánh, mà còn sống bê bối, gương mù và thậm chí phản bội, thì phải nói sao về đời sống hôn nhân gia đình với đầy những bận bịu trần thế và dễ bị lôi kéo theo trần thế, nếu thành phần tín hữu giáo dân sống đời hôn nhân gia đình không có giờ với Chúa hằng ngày, bằng kinh nguyện (chính yếu là Kinh Mân Côi), tham dự Thánh Lễ, năng xưng tội, giành giờ đọc sách thiêng liêng, hồi tâm ăn năn thống hối cuối ngày v.v.

Trong Tông Thư “Kinh Mân Côi Trinh Nữ Maria” ban hành cho Năm Mân Côi 10/2002-2003, kỷ niệm mừng 25 năm giáo hoàng của mình, ĐTC Gioan Phaolô II đã nhận định về tính cách khẩn trương cùng với tác dụng của Kinh Mân Côi đối với gia đình trong giai đoạn khủng hoảng về văn hóa hiện đại như sau:

“Gia đình, tế bào căn bản của xã hội, đang càng ngày càng bị nguy hiểm bởi những lực lượng phân tán về cả phương diện ý hệ lẫn thực hành, khiến cho chúng ta lo sợ tương lai của cơ cấu nên tảng bất khả thiếu này, theo đó, lo sợ đến cả tương lai của toàn thể xã hội nữa. Việc làm sống lại Kinh Mân Côi nơi

gia đình Kitô giáo, trong tương quan của một thừa tác mục vụ bao rộng hơn về gia đình, sẽ là một trợ giúp hữu hiệu để đối đầu với những ảnh hưởng tác hại của thứ khủng hoảng này nơi thời đại chúng ta” (đoạn 6).

Ở hai đoạn của phần kết thúc bức Tông Thư này, đoạn 41 và 42, vị giáo hoàng “totus tuus – tất cả của con là của Mẹ” đã khuyên các gia đình hãy cầu kinh Mân Côi như sau:

“41. Là một kinh nguyện cầu cho hòa bình, Kinh Mân Côi còn là và bao giờ cũng là một kinh nguyện của gia đình và cho gia đình. Có một thời kinh nguyện này được các gia đình Kitô giáo đặc biệt mến chuộng, và kinh này chắc chắn đã làm cho họ gắn bó với nhau hơn. Vấn đề quan trọng là đừng làm mất đi cái gia sản quý báu ấy. Chúng ta cần phải trở lại với việc gia đình cầu nguyện và cầu nguyện cho gia đình, bằng cách tiếp tục đọc Kinh Mân Côi.

“Trong Tông Thư Vào Lúc Mở Màn Cho Một Tân Thiên Niên Kỷ Novo Millennio Ineunte, Tôi đã khuyến khích tín hữu giáo dân hãy việc cử hành Phụng Vụ Giờ Kinh trong sinh hoạt thường xuyên của các cộng đồng giáo xứ cũng như của các nhóm Kitô hữu (Cf. No. 34: AAS 93 [2001], 290).

“Giờ đây Tôi cũng muốn làm điều này với Kinh Mân Côi nữa. Hai đường lối cử hành Phụng Vụ Giờ

Kinh và lần hạt Mân Côi này, trong việc chiêm niệm của Kitô Giáo, không hề loại trừ nhau; cả hai bổ túc lẫn cho nhau. Bởi thế, Tôi xin những ai dẫn thân hoạt động mục vụ về gia đình hãy kết lòng khích lệ việc lần hạt Mân Côi.

“Gia đình cùng nhau cầu nguyện là gia đình cùng nhau chung sống. Kinh Mân Côi Thánh, theo truyền thống lâu đời của mình, đã cho thấy công hiệu đặc biệt của mình như là một kinh nguyện làm cho gia đình chung sống với nhau. Những phần tử của mỗi gia đình, khi hướng mắt nhìn lên Chúa Giêsu, cũng lấy lại được khả năng nhìn vào mắt của nhau, khả năng nói chuyện với nhau, khả năng chứng tỏ tình đoàn kết gắn bó với nhau, khả năng tha thứ cho nhau, và khả năng nhìn thấy giao ước yêu thương của họ được canh tân trong Thần Linh Chúa.

“Các gia đình đương thời hiện nay đang phải đối diện với nhiều vấn đề, nhất là trong những xã hội phát triển về kinh tế, gây ra bởi tình trạng họ càng ngày càng cảm thấy khó nói chuyện trao đổi với nhau hơn. Các gia đình ít khi tổ chức việc qui tụ các phần tử gia đình của mình lại với nhau, và khi họ thực hiện những cơ hội hiếm hoi này thường lại là việc họ ngồi coi truyền hình. Vấn đề quay về với việc lần hạt Mân Côi gia đình nghĩa là việc làm cho đời sống thường nhật tràn đầy những hình ảnh khác hẳn, những hình ảnh về màu nhiệm cứu độ, tức

hình ảnh về Đấng Cứu Chuộc, hình ảnh về Người Mẹ Rất Thánh của Người. Gia đình đọc Kinh Mân Côi chung với nhau làm phát sinh một cái gì đó giống như bầu khí của ngôi nhà Nazaret, ở chỗ, các phần tử của gia đình lấy Chúa Giêsu làm tâm điểm của mình, biết cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, biết đặt các nhu cầu và dự định của mình vào bàn tay của Người, biết tìm kiếm từ nơi Người niềm hy vọng và sức mạnh để tiến bước.

“42. Việc trao phó cho kinh nguyện này vấn đề tăng trưởng và phát triển của con cái cũng là một điều tốt đẹp và hữu ích. Kinh Mân Côi đã không theo bước cuộc đời của Chúa Kitô, từ khi Người được thụ thai cho đến khi Người tử nạn, rồi cho đến khi Người Phục Sinh và vinh hiển hay sao? Những người làm cha làm mẹ đang cảm thấy khó khăn hơn bao giờ hết, trong việc theo dõi cuộc đời của con cái mình, vào thời gian chúng tăng trưởng cho tới tâm mức thành nhân. Trong một xã hội tân tiến về kỹ thuật, về các phương tiện truyền thông đại chúng, và về vấn đề toàn cầu hóa, thì mọi sự đều trở nên vội vã gấp rút, và khoảng cách về văn hóa giữa các thế hệ càng ngày càng mở rộng hơn. Những sứ điệp hết sức khác lạ, cùng với những cảm nghiệm khôn lường nhất, đang nhanh chóng xâm nhập vào cuộc sống của trẻ em cũng như của các em vị thành nhân, làm cho cha mẹ hết sức lo âu về những nguy hiểm con cái của họ đang phải đối diện. Có những lúc cha

mẹ cảm thấy hết sức thất vọng về việc con cái họ không thể cưỡng lại được trước những dụ dỗ của một thứ văn hóa nghiện hút, trước sức thu hút của một trào lưu buông thả hưởng lạc, trước khuynh hướng bạo động, và trước những hình thức đa diện của hoang mang và chán chường.

“Cầu Kinh Mân Côi cho trẻ em, thậm chí cầu Kinh Mân Côi với trẻ em, dạy cho các em ngay từ những năm đầu tiên của cuộc đời các em việc “ngừng lại để cầu nguyện” hằng ngày với gia đình, thực ra không phải là cách giải quyết cho hết mọi vấn đề, song cũng là một hỗ trợ thiêng liêng không được phép coi thường. Người ta có thể phản đối là Kinh Mân Côi dường như khó có thể hợp thị hiếu với trẻ em và giới trẻ ngày nay. Thế nhưng, có lẽ điều chống đối này cố ý nói đến phương pháp nghèo nàn trong việc cầu Kinh Mân Côi. Và lại, miễn là không phạm gì đến cấu trúc căn bản của Kinh Mân Côi, cũng không cấm trẻ em và giới trẻ cầu Kinh Mân Côi, trong gia đình hay trong nhóm hội, với những phương trợ có tính cách biểu hiệu hay thực tế thích đáng để chúng có thể hiểu biết và cảm nhận. Tại sao lại không thử đi nhi? Với ơn Chúa giúp thì phương pháp mục vụ cho giới trẻ có tính cách tích cực, hăng say và sáng tạo – như được thực hiện vào những Ngày Giới Trẻ Thế Giới! – vẫn có thể đạt được những thành quả hết sức lạ lùng. Nếu khéo thực hiện Kinh Mân Côi, Tôi bảo đảm là giới trẻ một lần nữa sẽ làm cho người

lớn bỏ ngõ lạ lùng, ở cách thức chúng yêu chuộng kinh nguyện này và sốt sắng đọc kinh ấy hợp với lứa tuổi của chúng”.

Áp dụng thực hành - “Gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”

Trong nỗ lực sống “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, những việc gợi ý sau đây có thể sẽ giúp ích phần nào cho những gia đình nào cần đến chúng:

1. Vợ chồng đi tĩnh tâm với nhau vào ngày hay dịp kỷ niệm thành hôn, để ý thức hôn nhân là một ơn gọi và kiểm điểm xem mình đã sống ơn gọi hôn nhân với nhau ra sao?
2. Tổ chức mừng ngày thành hôn, đúng hơn là ngày thành lập gia đình (nhất là khi có con cái), một cách trọng thể, bằng việc tham dự Thánh lễ (nếu có thể được tại chính nơi lãnh nhận Bí Tích Hôn Phối), cuối lễ hai vợ chồng cùng nhau tái tuyên hôn, chung gia đình tận hiến cho Thánh Gia và tiệc mừng.
3. Gia đình đọc kinh chung với nhau hằng ngày hay ít là hằng tuần vào cuối tuần, nghĩa là vào bất cứ ngày nào có thể, đừng ươn lười, bỏ bê hay coi thường việc thiêng liêng quan trọng này.

4. Trước hay sau giờ cầu nguyện chung gia đình, nên giành giờ chia sẻ Lời Chúa cùng với những vui buồn trong gia đình hay các dự án hoạt động của gia đình và từng người.
5. Nhắc nhở và thúc giục nhau đi lễ hằng ngày nếu có thể hay bất cứ ngày nào có thể, và năng xung tội, hằng tháng càng tốt, nhưng đừng để lâu quá 3 tháng, đến độ trở thành ngại ngùng.
6. Tham gia vào các tổ chức tông đồ liên quan tới đời sống hôn nhân gia đình, hay thực hiện những việc truyền thông về hôn nhân gia đình, để nhờ đó càng ý thức ơn gọi hôn nhân của mình cũng như của anh chị em của mình.



3. “Gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”

Chiều kích chính yếu thứ hai để tỏ ra “Gia Đình được gọi là Giáo Hội Tại Gia” đó là “gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”. Nếu chiều kích thứ nhất, chiều kích “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, liên quan tới đời sống phụng vụ và nội tâm, thì chiều kích thứ hai, chiều kích “gia đình trở thành một trường dạy nhân đức nhân bản và Kitô giáo”, liên quan tới luân lý và tu đức.

Tuy nhiên, theo thứ tự thì không thể nào có chiều kích thứ hai về luân lý và tu đức nếu không có chiều kích thứ nhất về phụng vụ và nội tâm. Bởi vì, chiều kích luân lý và tu đức lệ thuộc vào chiều kích phụng vụ và nội tâm. Ở chỗ, nếu thiếu “ân sủng” và “cầu nguyện” là hai khía cạnh thuộc chiều kích thứ nhất, thì những con người được kêu gọi làm nên một gia đình trong vai trò làm vợ chồng, cha mẹ và con cái

không thể nào sống xứng đáng và trọn vẹn ơn gọi làm người và làm Kitô hữu của mình, được thể hiện qua những nhân đức làm người và làm Kitô hữu. Và nếu vợ chồng, cha mẹ và con cái không có những nhân đức làm người và làm Kitô hữu như thế, họ sẽ không thể hay khó có thể sống với nhau, và cuộc sống hôn nhân gia đình của họ sẽ không thể nào có được một hạnh phúc chân thật và bền lâu, chứ chưa nói đến trở thành “một cộng đồng yêu thương và sự sống”.

Đó là lý do, nếu công nhận Thánh Gia là gia đình lý tưởng nhất và là gia đình hạnh phúc nhất thì chỉ có gia đình nào “thánh” với những con người “thánh” mới hạnh phúc và lý tưởng thôi. Nếu “cầu nguyện” là tác động đáp ứng “ân sủng” thì những nhân đức làm người và làm Kitô hữu chính là những tác động cụ thể nhất cho thấy tác động đáp ứng “ân sủng” này của những con người làm nên một “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, một “Giáo Hội Tại Gia”.

Có ba vấn đề được đặt ra ở đây, thứ nhất: “gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo” nghĩa là gì; thứ hai: đâu là các nhân đức làm người và Kitô giáo; và thứ ba: làm thế nào để gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo?

1. “Gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”: ý nghĩa

Nói đến “trường”, trước hết, là nói tới một nơi để “học” và thành phần tới để “học” mới được gọi là “học” sinh. Bình thường người ta hiểu “trường” theo ý nghĩa căn bản và phổ thông này. Bởi thế, trong ngôn ngữ Việt Nam mới có danh từ kép là “trường học” hay “học đường”, luôn đi đôi với nhau. Tuy nhiên, nếu “trường học” hay “học đường” chỉ có học sinh mà không có “thầy dạy” cũng không được. Thế nên, người ta cũng có thể nói “trường dạy”.

Đúng vậy, thực tế cho thấy không thiếu những loại “trường” đặc biệt đáng được gọi là “trường dạy” này, thường liên quan trực tiếp tới những gì có tính cách chuyên môn nào đó. Chẳng hạn như các loại “trường dạy” nghề, như “trường dạy” chuyên về kỹ thuật hay mỹ thuật, “trường quốc gia âm nhạc” chẳng hạn v.v.

Ở đây, căn cứ vào ý nghĩa “trở thành” của gia đình: “gia đình trở thành một trường... nhân đức làm người và Kitô giáo” thì phải hiểu “gia đình trở thành một trường dạy (hơn là) một trường học...”. Đúng thế, theo ý nghĩa thứ hai về “trường”, liên quan đến môn “học” đặc biệt, đó là môn hạnh kiểm

hay “nhân đức”, cả về phương diện tự nhiên là “nhân bản” (làm người) lẫn siêu nhiên là “Kitô giáo” (làm thánh). Vì trong khi chữ “học” ở một vị thế thấp kém thì chữ “dạy” làm cho “gia đình” có một giá trị cao cấp và vị thế truyền thụ cân xứng với vai trò của mình hơn đối với các phần tử làm nên “gia đình” và trong “gia đình”.

Như thế, nếu các phần tử làm nên “gia đình” và trong “gia đình” là thành phần “học” sinh trong việc “học” “nhân đức làm người và Kitô giáo”, thì “gia đình” tự mình là thầy “dạy”, chất chứa những gì cần truyền thụ cho thành phần “học” sinh của mình. Phải chăng chính “nhân đức làm người và Kitô giáo” của các phần tử làm nên “gia đình” và nơi các phần tử trong “gia đình”, nhờ “học” hỏi được trong cuộc sống chung “gia đình” của họ, đã làm cho “gia đình trở thành trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”? Đây là những gì sẽ được bàn đến ở khía cạnh thứ hai, thuộc nội dung của vấn đề “gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”.

2. “Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”: nội dung

Thật vậy, nếu “gia đình được gọi là Giáo Hội Tại Gia”, mà “Giáo Hội” là “cộng đồng yêu thương và sự sống” lý tưởng nhất, mô phạm cho tất cả mọi gia đình và mỗi gia đình, hoàn toàn trung thực phản ảnh cộng đồng thần linh “chúng ta” (Gen 1:26) của Thiên Chúa và nơi Thiên Chúa, thì “gia đình” quả thực là nơi chất chứa hai yếu tố thuộc về một bản chất bất khả thiếu làm nên gia đình là “yêu thương và sự sống”, những yếu tố cần phải được “gia đình trở thành một trường dạy” cho các phần tử của mình, và đồng thời cũng là những yếu tố cần phải được các phần tử làm nên “gia đình” và trong “gia đình” cần phải nỗ lực “học” hỏi và “tự luyện” để nhờ đó gia đình của họ mới càng ngày càng thực sự “trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, một “cộng đồng yêu thương và sự sống”, theo đúng dự án thần linh về “gia đình”.

Trong câu “để gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”, sách Toát Yếu Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo không sử dụng số nhiều là “các nhân đức” mà là số ít “nhân đức” hay một “nhân đức”, một “nhân đức” lại có tính cách lưỡng diện, bao gồm cả phương diện nhân bản tự nhiên là “làm người” lẫn phương diện “Kitô giáo” siêu nhiên là làm thánh nữa. Vậy đâu là “nhân đức” duy nhất bao gồm cả hai phương diện tự nhiên về nhân bản và siêu nhiên về Kitô giáo này nơi “gia đình” và của “gia đình”, nhờ đó các phần tử có thể

sống đúng và sống xứng với ơn gọi hôn nhân gia đình của mình, nếu không phải là “yêu thương”.

Đúng thế, “yêu thương” chẳng những là yếu tố chính yếu đầu tiên bất khả thiếu để làm nên “gia đình” hay để “thành lập gia đình” mà còn là nhân đức duy nhất cần phải có nơi mọi phần tử làm nên “gia đình” và mỗi phần tử trong “gia đình”, nhờ đó các phần tử thuộc về cùng một “gia đình” mới có thể sống trọn và sống xứng với ơn gọi hôn nhân gia đình của mình, và cũng nhờ đó họ mới cảm thấy hạnh phúc chân thực và bền vững của đời sống hôn nhân gia đình và từ đời sống hôn nhân gia đình này.

“Yêu thương” tự mình vừa có tính chất nhân bản “làm người” tự nhiên, được thể hiện qua khuynh hướng tâm lý tìm kiếm nhau và gắn bó với nhau, đến độ “nên một thân thể” (Gen 2:24) với nhau về cả sinh lý nơi tác động vợ chồng, vừa có tính chất “đức ái” siêu nhiên của “Kitô giáo”, một tôn giáo đã cảm nhận và định nghĩa về Vị Thiên Chúa của mình “là Tình Yêu” (1Jn 4:8,16), một Vị Thiên Chúa đã dựng nên con người “có nam có nữ” (Gen 2:27) theo hình ảnh của Ngài và tương tự như Ngài là cộng đồng thần linh “chúng ta”, một Vị Thiên Chúa “đã yêu thương đến cùng”, nơi Lời Nhập Thể Vượt Qua là Chúa Giêsu Kitô, tất cả thành phần thuộc về Ngài là Nhiệm Thể Giáo Hội Chúa Kitô, “một màu nhiệm

cao cả” (Eph 5:32) cho on gọi của đời sống “yêu thương” hôn nhân gia đình.

3. “Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”: cách thức

Chính vì hôn nhân gia đình Kitô giáo tự bản chất là phản ánh và được tham dự vào “mầu nhiệm cao cả” yêu thương thần linh này mà thực sự “gia đình trở thành trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”. Thế nhưng, vấn đề áp dụng ở đây là làm thế nào để thực tế có thể cho thấy quai “gia đình trở thành trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”?

Nếu hôn nhân gia đình Kitô giáo, nhờ Bí Tích Hôn Phối, chẳng những là phản ánh mà còn được tham dự vào “mầu nhiệm cao cả liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội” về “yêu thương”, thì các phần tử trong gia đình nói chung, nhất là hai con người nam nữ đã tình nguyện lấy nhau vì “yêu thương” nhau, chỉ có thể “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”, nhất là đối với thành phần con cái của mình là hoa trái của “yêu thương” giữa họ với nhau, một khi họ biết sống theo gương của Chúa Kitô và Giáo Hội trong “mầu nhiệm cao cả” này, như được Thánh Tông Đồ Phaolô diễn tả và khuyên dụ trong Thư Ephêsô ở

đoạn 5 từ câu 22-24 cho người vợ và từ câu 25 và 28-30 cho người chồng.

Cho người vợ, để sống “mầu nhiệm cao cả liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội”, Thánh Phaolô khuyên dạy rằng: “(22) Người làm vợ hãy tùng phục chồng như tùng phục Chúa, (23) vì chồng là đầu của vợ cũng như Đức Kitô là Đầu của Hội Thánh, chính Người là Đấng cứu chuộc Hội Thánh, thân thể của Người. (24) Và như Hội Thánh tùng phục Đức Kitô thế nào, thì vợ cũng phải tùng phục chồng trong mọi sự như vậy”.

Cho người chồng, cũng căn cứ vào “mầu nhiệm cao cả liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội”, Vị Tông Đồ Dân Ngoại huấn dụ như sau: “(25) Người làm chồng, hãy yêu thương vợ, như chính Đức Kitô yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh; (28) Cũng thế, chồng phải yêu vợ như yêu chính thân thể mình. Yêu vợ là yêu chính mình. (29) Quả vậy, có ai ghét thân xác mình bao giờ; trái lại, người ta nuôi nấng và chăm sóc thân xác mình, cũng như Đức Kitô nuôi nấng và chăm sóc Hội Thánh (30)”.

Theo thứ tự của hai lời khuyên dạy giành cho cả vợ lẫn chồng này của Thánh Phaolô, thì vợ được khuyên “tùng phục” chồng trước rồi sau đó chồng mới được khuyên “yêu thương” vợ sau. Phải chăng đó là lý do trong Việt ngữ người ta hay nói “vợ

chồng” hơn là “chồng vợ”? Và phải chăng lý do của thứ tự khuyên dạy vợ trước chồng sau này là vì trong bản án nguyên tội, người nữ bị tuyên phạt trước chồng mình, và trong bản án giành riêng cho người vợ, Thiên Chúa đã cho biết rằng “ngươi sẽ thêm muốn chồng ngươi, và nó sẽ thống trị ngươi.” (Gen 3:16).

Tuy nhiên, dù được khuyên trước hay sau, vấn đề chính yếu cho cả vợ chồng ở đây là họ đều phải căn cứ vào “mầu nhiệm cao cả” mà sống, mà đối xử với nhau, và nhờ đó mới có thể sống với nhau và yêu thương nhau thực sự, yêu thương nhau một cách trọn lành, và cũng nhờ đó họ mới phần nào hay hoàn toàn phản ánh “mầu nhiệm cao cả” bởi tham dự vào “mầu nhiệm cao cả” này bằng chính cuộc sống yêu thương siêu nhiên vì Chúa và chấp nhận nhau trong Chúa.

Nếu không xảy ra trường hợp “vợ hãy tùng phục chồng *như* tùng phục Chúa... và *như* Hội Thánh tùng phục Đức Kitô thế nào, thì vợ cũng phải tùng phục chồng trong mọi sự như vậy”, và trường hợp nếu chồng không “yêu thương vợ, *như* chính Đức Kitô yêu thương Hội Thánh và hiến mình vì Hội Thánh... *như* Đức Kitô nuôi nấng và chăm sóc Hội Thánh”, chắc chắn cuộc sống hôn nhân của họ sẽ trở thành bất hạnh và không bền, và gia đình của họ sẽ không bao giờ trở thành một “cộng đồng yêu

thương và sự sống”, và không bao giờ có chuyện “gia đình trở thành trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”.

Thế nhưng, để có thể phần nào, không nhiều thì ít “cộng tác vào việc làm cho gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo” là yêu thương, nhờ đó “gia đình là một cộng đồng yêu thương và sự sống”, hai con người nam nữ trở thành vợ chồng bởi Bí Tích Hôn Phối trước hết và trên hết cần phải làm sao để “cộng tác vào việc làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện” đã. Có thể, họ mới có thể tiếp tục tiến tới chiều kích thứ ba cũng là chiều kích cuối cùng của vấn đề “Gia Đình được gọi là Giáo Hội Tại Gia”, đó là chiều kích “cộng tác vào việc làm cho gia đình trở thành nơi đầu tiên truyền bá đức tin cho con cái”.

Áp dụng thực hành - “Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”

1. Hãy ý thức rằng tất cả mọi sự chúng ta có là do được ban cho và để cho người khác. Như người mẹ sẽ chẳng có sữa nếu không có con và không tiếp tục cho con bú. Như thế sữa “nơi” người mẹ là “của” người con hơn là “của” người mẹ, một con người “có” sữa là để “cho” người con, với tư cách làm quản lý hơn là làm chủ nguồn sữa này,

hoàn toàn định đoạt theo ý muốn thường xu hướng vị kỷ của mình.

2. Thế nhưng, một khi ban tặng những gì “của” mình cho nhau, đừng tặng cho nhau những gì mình thích mà là những gì nhau thích, đúng hơn những gì hợp với nhau theo ý muốn của Thiên Chúa về nhau. Bằng không, cho dù là “cho” nhau đây, chúng ta vẫn tỏ ra độc quyền trên những gì vốn là “của” nhau và “cho” nhau. Tức là làm sao để hoàn toàn “trở nên mọi sự cho mọi người” (1Cor 9:22), như $1 \times 1 = 1$.
3. Hãy nhớ rằng trong vấn đề yêu thương chân chính thì chẳng những phải chia (chia sẻ cho nhau) trước nhân sau (nên một với nhau). Và yêu thương chỉ thực sự chân chính ở chỗ “hiệp nhất nên một”, một tình trạng cho thấy “sự sống” là cốt lõi và là thực tại của yêu thương, bằng không, không có “sự sống” là hiệp nhất nên một, yêu thương chỉ là một cái xác không hồn, là một tử thi hay là một con thú sống theo bản năng của luật rừng mạnh được yếu thua mà thôi, như đang xảy ra trong thế giới càng văn minh càng bạo loạn ngày nay theo chủ nghĩa duy nhân bản tôn sùng nhân quyền.
4. Bởi thế, hãy yêu thương trong chân lý và hãy sống làm sao để có thể duy trì “sự sống” là mối

hiệp nhất trong yêu thương và bằng yêu thương, cho dù phải hy sinh cho đến cùng, như Đấng đã tự hiến để Giáo Hội là Nhiệm Thể của Người được thánh hóa trong chân lý (xem Jn 17:19), nhờ đó mới sống trọn “mầu nhiệm cao cả” của hôn nhân gia đình.

5. Đừng sợ những khác biệt của nhau và tất cả những gì bất trắc xảy ra trong cuộc sống hôn nhân. Vì sợ là tỏ ra thua cuộc và sẽ không đủ sức chống chọi khi xảy ra biến sự. Trái lại, hãy coi tất cả mọi sự bất lợi cho cuộc sống hôn nhân, thậm chí hành động ngoại tình, kể cả thái độ khinh bỉ của người phối ngẫu, là cơ hội và dịp tốt để tình yêu thương vợ chồng nên chân thực hơn và hoàn thiện hơn.
6. Theo tâm lý tự nhiên của phái tính, chồng thường hành động, suy tư và phản ứng theo lý trí, lý sự, phải trái, đúng sai, trong khi đó, vợ lại sống theo cảm tình, theo con tim (ở bên trái của cơ thể) có những lý lẽ mà lý trí không hiểu được. Nếu trong cuộc ân ái vợ chồng tế bào tinh trùng của người chồng gặp tế bào trứng nơi người vợ làm nên mầm sống là con cái thế nào, lý lẽ của người chồng.

4. “Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”

“**G**ia Đình được gọi là giáo hội tại gia”, cho dù gia đình đã “trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện” và “một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”, vẫn chưa hoàn toàn và trọn vẹn là một “giáo hội tại gia”, nếu thiếu chiều kích thứ ba, liên quan tới vấn đề giáo dục, có tính cách tông đồ và truyền giáo tại gia, đó là chiều kích làm sao để “gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” nữa.

“Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” – với Giáo Hội

Đúng thế, theo Công Đồng Chung Vaticanô II, qua Sắc Lệnh về Hoạt Động Truyền Giáo “Cho Muôn Dân – Ad Gentes”, ở đầu đoạn 2, đã ý thức và tuyên

bổ rằng “tự bản chất của mình Giáo Hội là truyền giáo”. Nghĩa là nếu không truyền giáo Giáo Hội không còn là và phải là Giáo Hội nữa, như ánh sáng tự bản chất là chiếu soi mà không coi chiếu thì không còn là và phải là ánh sáng vậy.

Theo lời Đấng Sáng Lập của mình nói về thành phần chúng nhân tiên khởi bấy giờ là các tông đồ khi mở đầu Bài Giảng Phúc Đức Trọn Lành trên núi của Người, ở Phúc Âm Thánh Mathêu đoạn 5 câu 14, “các con là ánh sáng thế gian. Một thành xây trên núi không khuất được nữa”, Giáo Hội cũng thực sự ý thức được vai trò truyền giáo bất khả thiếu của mình qua Hiến Chế Tín Lý về Giáo Hội mang tựa đề “Ánh Sáng Muôn Dân – Lumen Gentium”, ở ngay câu mở đầu như sau: “Ánh sáng muôn dân chính là Chúa Kitô, nên Thánh Công Đồng đang nhóm họp trong Chúa Thánh Thần hết lòng mong ước soi dẫn mọi người bằng ánh sáng của Chúa phản chiếu trên dung nhan Giáo Hội, bằng việc rao truyền Phúc Âm cho mọi tạo vật (x. Mc 16,15)”.

Thật vậy, nếu yếu tố chính yếu làm nên Giáo Hội là Thánh Thể, nguồn mạch và là tột đỉnh của mọi hoạt động của Giáo Hội, đến nỗi không có Thánh Thể không có Giáo Hội (với thiên chức tư tế thừa tác nói chung và hàng giáo phẩm nói riêng), nhưng Thánh Thể không phải chỉ là Hiện Diện Thần Linh của Chúa Kitô ở cùng Giáo Hội cho tới tận thế (xem Mt

28:20) mà còn là Hy Tế Cứu Độ được ký thác cho Giáo Hội và Giáo Hội được lệnh (xem Luca 22:19) cử hành và hiện thực qua phụng vụ Thánh Thể nói riêng và các Bí Tích Thánh nói chung trên trần gian và cho trần gian, thì quả thực, tự bản chất Giáo Hội là truyền giáo, là mang ơn cứu độ đến cho nhân loại, là qui tụ tất cả nhân loại lại nơi mình để sửa soạn nghênh đón Người lại đến trong vinh quang (xem Rev 21:2).

“Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” – về sự sống

Cũng thế, “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện” và “trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo” để làm gì, nếu không phải để “trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”. Gia đình không phải chỉ có vợ chồng mà còn bao gồm cả con cái nữa. Một trong các mục đích chính yếu của đời sống hôn nhân gia đình, đó là “sự sống” tâm linh nói chung và “sự sống” về thể lý nói riêng.

Nếu “gia đình là cộng đồng yêu thương và sự sống”, mà “yêu thương” trực tiếp liên quan trước hết và trên hết tới đời sống hôn nhân vợ chồng thế nào thì “sự sống” về thể lý cũng trực tiếp liên quan đến con cái như thế. Theo dự án thần linh về hôn nhân gia đình của Thiên Chúa Hóa Công con người

được dựng nên “có nam có nữ” (Gen 1:27) không phải chỉ để “yêu thương” nhau giữa hai con người trở thành vợ chồng này, mà còn nhờ họ “yêu thương” nhau, “nên một xác thịt” (Gen 2:24) với nhau, “sự sống” xuất hiện nơi thành phần con cái là hoa trái “yêu thương” của họ.

Đó là lý do, ngay sau khi ghi nhận sự kiện Thiên Chúa Hóa Công đã dựng nên con người “có nam có nữ” ở đoạn 1 câu 27, Sách Khởi Nguyên liền thuật lại ở câu 28 cùng đoạn, tác động ngay sau đó của Ngài là chúc phúc cho họ mà truyền cho hai con người nam nữ này “sinh sôi nẩy nở cho đầy mặt đất và làm chủ nó”. Không phải hay sao, chính hữu thể của từng con người nam nữ này đã cho thấy ơn gọi liên quan tới “sự sống” hay sao, qua vai trò làm cha hay làm mẹ của họ?

Phải nói rằng vì ơn gọi làm cha mà một người trong họ đã được dựng nên là người nam, với những bộ phận về thể lý xứng với một nam nhân cùng với tâm lý của một nam tính. Cũng thế, vì ơn gọi làm mẹ mà một người trong họ đã được dựng nên là người nữ, với những bộ phận về thể lý xứng với một nữ nhân cùng với tâm lý của một nữ nhân.

Tuy nhiên, “sự sống” là hoa trái của “yêu thương” giữa hai con người nam nữ vợ chồng không phải chỉ là thứ “sự sống” về thể lý nơi con cái, giống như “sự

sống” nơi con cái của loài thú, mà còn là và phải là “sự sống” tâm linh và siêu nhiên nơi thành phần con cái của họ nữa.

Nếu Thiên Chúa dựng nên con người theo hình ảnh và tương tự như Ngài (xem Gen 1:26) trên trần gian này là để loài tạo vật “nhân linh ư vạn vật” này được muôn đời hiệp thông thần linh với Ngài, chứ không phải để họ “sống để mà ăn” như con vật trên đời này rồi cuối cùng “chết là hết”, thì “sự sống” tâm linh, nhất là “sự sống” siêu nhiên, “sự sống” thần linh mới là ơn gọi chính yếu của chung con người và là sứ vụ khẩn thiết của thành phần làm cha mẹ đối với con cái của mình.

Có thể nói và phải nói rằng định mệnh đời đời của con cái trực tiếp liên quan tới số phận đời đời của cha mẹ. Có thể nào xảy ra chuyện cha mẹ làm hư con cái mà lại được rỗi trong khi chúng bị đời đời hư đi hay chẳng?

“Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” ở đây không phải là vấn đề con cái chưa có đức tin như người ngoài Kitô giáo, mà là thành phần đã lãnh nhận đức tin qua Phép Rửa khi còn là một em bé sơ sinh nằm trên tay mẹ. Thế nhưng, đức tin này mới là một hạt giống được gieo vào thửa ruộng của chung nhân tính và của riêng linh hồn của em, rất dễ bị chết đi hay không thể lớn

lên được bởi cỏ lùng trong thửa ruộng nhân tính của em là các mầm mống tội lỗi của nguyên tội.

Đúng vậy, Phép Rửa, nói chung, có tác dụng tha nguyên tội cùng với các hình phạt của nguyên tội, thậm chí tha cả tư tội cùng với các hình phạt của tư tội nữa, trong trường hợp người lớn lãnh nhận bí tích này, nhờ đó, linh hồn vừa được lãnh nhận Phép Rửa mà chết ngay sau đó, chưa kịp phạm một tội lỗi gì trong tư tưởng, lời nói và việc làm, sẽ được lên Thiên Đàng lập tức. Tuy nhiên, Phép Rửa vẫn không tiêu diệt các mầm mống của nguyên tội.

“Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” – về con người

Chính mầm mống của nguyên tội này là những gì hằng gây trục trặc nơi nội tâm của mỗi người, như Thánh Tông Đồ Phaolô đã cảm nhận và diễn tả trong Thư Rôma ở đoạn 6 từ câu 14 đến 24, với lời than lên rằng:

“Ôi tôi là một con người khốn nạn là chừng nào! Ai có thể cứu tôi khỏi thân xác bị quyền lực sự chết thống trị này đây?” Cuốn Toát Yếu Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo ở số 339 cũng đã đặt vấn đề *“Tội lỗi đe dọa hôn nhân như thế nào?”* và sau đó trả lời rằng: *“Vì nguyên tội đã gây đổ vỡ cho sự hiệp thông, được Đấng Sáng Tạo ban tặng, giữa người nam và người nữ, nên sự kết hợp*

hôn nhân luôn bị đe dọa bởi bất hoà và sự không chung thủy. Tuy nhiên, với lòng nhân từ vô bờ bến, Thiên Chúa ban cho người nam và người nữ ân sủng để họ thực hiện sự kết hợp đời sống của họ theo đúng ý định nguyên thủy của Ngài”.

Nếu mầm mống nguyên tội đã gây rắc rối cho chính bản thân mỗi người làm vợ làm chồng thì còn trở thành một thách đố đến đâu nơi con cái nữa, với những đam mê nết xấu của chúng, đối với thành phần làm cha làm mẹ. Chưa hết, ngoài những đam mê nết xấu nơi bản thân mình cũng như nơi con cái, những chướng ngại hầu như tự nhiên không thể vượt qua, nơi chính bản thân cha mẹ và con cái còn có những cá tính riêng, với những ý thích, chủ trương và ước muốn riêng, thì vấn đề giáo dục con cái lại càng trở nên khó khăn, nếu không muốn nói là bất khả, nhất là trong một thời đại văn minh nhân quyền ở Tây phương là nơi con cái được bênh vực và bảo vệ tối đa.

Tuy nhiên, những gì con người không thể làm được thì Thiên Chúa lại làm được. Bởi thế, chỉ cần làm sao cho “gia đình trở thành cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, chiêu kích đầu tiên trong ba chiêu kích chính cho “gia đình được gọi là giáo hội tại gia”, thì không còn khó là bao trong việc làm cho “gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”, tức làm cho thành phần làm cha làm mẹ

“yêu thương” nhau chân thực hơn và trọn hảo hơn, để rời từ đó và nhờ đó, họ có thể làm cho “gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”.

Trong việc “loan truyền đức tin cho con cái”, thành phần cha mẹ không phải chỉ truyền dạy kiến thức căn bản về giáo lý cho con cái, bảo/bắt chúng đọc kinh hằng ngày với gia đình, thúc giục “giữ ngày Chúa Nhật” và “xưng tội một năm ít là một lần” v.v. Cũng trong việc “loan truyền đức tin cho con cái”, công việc của cha mẹ không phải chỉ quanh quẩn ở chỗ triệt để nhỏ những thứ cỏ dại nhú lên hay mọc lên trong đời sống của con cái mình, bằng những luật lệ khe khắt, những nhiếc mắng thậm tệ, những cấm đoán ngột ngạt, những dò la bói móc, những so sánh nhục nhã v.v.

Vấn đề chính yếu và quan trọng trong việc “loan truyền đức tin cho con cái” ở đây là làm sao cho chúng có thể sống vượt lên trên cả những thực hành đạo đức căn bản nữa, sống một cách tự do không sợ sệt, sống tự lập và ý thức, sống một cách thực sự trọn lành và thánh thiện. Ở chỗ, biết kính sợ Chúa và làm lành lánh dữ, biết phán đoán theo chân lý Phúc Âm, biết chọn lựa những gì tốt lành theo Ý Chúa, ở chỗ “không hưởng thụ nhưng phục vụ” (Mt 20:28), ở chỗ “vâng lời trọng hơn của lễ” (1Sam

15:22), ở chỗ “hiền lành và khiêm nhượng trong lòng” (Mt 11:29), ở chỗ quảng đại thứ tha v.v.

Một khi con cái của chúng ta có một tấm lòng đạo đức và đời sống lành thánh, chúng ta không còn phải lo sợ gì nữa, không phải lúc nào cũng cần phải theo dõi chúng, trái lại, chúng còn thúc giục chúng ta sống đạo và làm gương sống thánh cho chúng ta nữa là đằng khác.

“Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” – theo phương thức

Muốn “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” như thế, thành phần cha mẹ cần phải làm sao “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện” cũng như “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”.

Muốn “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” như thế, thành phần cha mẹ cần phải làm sao “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện”, điển hình nhất là trường hợp của gia đình Thánh Giáo Hoàng Basiliô Cả, vị Giáo Phụ được Đức Thánh Cha Biển Đức XVI, trong bài giáo lý cho buổi triều kiến chung Thứ Tư

hàng tuần ngày 4/7/2007 đã nhận định rằng: “Ngài được sinh vào đời khoảng năm 330 trong một gia đình của những vị thánh, ‘một Giáo Hội tại gia thực sự’, những con người đã sống trong một bầu không khí sâu sa đức tin”, một gia đình 10 người trong đó có 6 vị thánh, (chưa kể bà của các người con cũng thánh là Macrina the Elder), bao gồm người cha là Thánh Basiliô the Elder, người mẹ là Thánh Nữ Emmelia, người chị là Thánh Macrina the Younger cùng 2 người em trai là Thánh Grêgôriô Giám Mục Nyssa và Thánh Peter Giám Mục Sebaste.

Muốn “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” như thế, thành phần cha mẹ cần phải làm sao “góp phần vào việc làm cho gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”.

Chẳng hạn trường hợp của Thánh Giáo Phụ Gioan Kim Khẩu, vị được Đức Thánh Cha Biển Đức XVI trong bài giáo lý cho buổi triều kiến chung Thứ Tư hàng tuần ngày 19/9/2007 nhận định rằng “Ngài được sinh vào đời khoảng năm 349 ở Antiokia xứ Syria (ngày nay là Antakya Nam Thổ Nhĩ Kỳ). Ngài đã bị mất cha ở tuổi còn thơ và đã sống với mẹ ngài là bà Anthusa, một người đã làm thấm nhập nơi ngài cái cảm quan nhân bản cao quý và một niềm tin sâu xa Kitô Giáo”.

“Gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” – những trường hợp

Một khi quả thực “gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”, nhờ “gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và cầu nguyện” cũng như “trở thành trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”, “gia đình được gọi là giáo hội tại gia” này chắc chắn sẽ sinh hoa kết trái phong phú, như nơi trường hợp gia đình của Thánh Nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu và Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II.

Về trường hợp của gia đình Thánh Nữ Têrêsa Hải Đồng Giêsu, vào ngày 19/8/2008, ĐTC Biển Đức XVI đã phê chuẩn lễ nghi phong chân phước cho cha mẹ của chị là Louis và Zélie. Và ngày ấn định tôn phong chân phước cho nhị vị là ngày Khánh Nhật Truyền Giáo 19/10/2008. Đây là cặp vợ chồng thứ hai được Giáo Hội phong chân phước. Cặp vợ chồng đầu tiên là cặp người Ý Luigi (chết vào năm 1951) và Maria Beltrame Quattrocchi (chết năm 1965), được ĐTC Gioan Phaolô II tuyên phong vào Ngày Truyền Giáo Thế Giới 21/10/2001, 7 năm trước.

Vào ngày 4/4/1957, Céline, bấy giờ đã là nữ tu Dòng Kín Carmêlô với tên gọi là Gèneviève Thánh Nhan, đã làm chứng trong tiến trình phong chân phước cho cha mẹ mình về một *“vẻ đẹp của một đời sống phiêu ngẫu sống hoàn toàn cho một mình Chúa nhân lành, không theo cái tôi hay vị kỷ. Nếu người tôi tớ Chúa muốn có nhiều con là để hoàn toàn hiến dâng chúng cho Thiên*

Chúa mà thôi. Tất cả những điều ấy đều xảy ra một cách đơn thành của một cuộc sống bình thường, chịu khó làm việc và đây những khốn khó được đón nhận bằng niềm phó thác và cậy trông nơi Ý Muốn Thần Linh”.

Về trường hợp của gia đình Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II, trong tác phẩm “Tặng Ân và Huyền Nhiệm” kỷ niệm 50 năm linh mục của mình được phát hành 12/1996, ấn bản Anh Ngữ, trang 19, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã cho biết ảnh hưởng đầu tiên liên quan tới ơn gọi linh mục của ngài là gia đình:

“Việc chuẩn bị cho tôi lãnh nhận thiên chức linh mục ở chủng viện, một cách nào đó, đã được gia đình tôi chuẩn bị cho tôi trước đó, nhờ đời sống và gương sáng từ cha mẹ của tôi. Trước tiên, tôi phải biết ơn cha tôi góa vợ lúc ngài còn trẻ. Tôi đã mất mẹ khi chưa được Rước Lễ Lần Đầu: khi ấy tôi mới gần chín tuổi đầu. Do đó tôi chưa ý thức được rõ cho lắm những gì mẹ tôi đã đóng góp, chắc hẳn là lớn lắm, vào việc giúp tôi sống đạo. Sau cái chết của mẹ, rồi đến cái chết của anh tôi, tôi đã sống một mình với cha tôi, một người có lòng đạo đức sâu xa. Hàng ngày tôi quan sát thấy lối sống khắc khổ của cha tôi. Cha tôi đã sống đời binh nghiệp, và sau khi mẹ tôi qua đời, cuộc sống của cha tôi trở thành một đời liên li cầu nguyện. Đôi khi thức giấc nửa đêm, tôi thấy cha tôi đang quỳ cầu nguyện, như tôi vẫn thường thấy ông quỳ trong nguyện đường. Chúng tôi không bao giờ nói về ơn gọi linh mục, nhưng

gương sáng của ngài một cách nào đó là chúng viện đầu tiên của tôi, một loại chúng viện tại gia”.

Áp dụng thực hành - “gia đình trở thành nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”

1. *Hãy luôn ý thức rằng con cái là của Chúa hơn là của mình, thuộc về Chúa hơn về mình là cha mẹ của chúng. Vì thành phần cha mẹ chúng ta không biết con cái mình sẽ được thụ thai hay chẳng khi chúng ta làm việc vợ chồng, hay có thụ thai thì đích xác vào lúc nào, rồi sau đó thành hình ra sao trong lòng mẹ, nam hay nữ, mặt mũi cùng tính nết chúng ra sao, tương lai chúng thế nào?...*
2. *Vì con cái là của Chúa và thuộc về Chúa hơn là của mình và thuộc về mình như thế mà cha mẹ chúng ta cần phải dưỡng dục chúng theo ý Chúa hơn ý mình, cho dù những gì xảy ra cho chúng hay những gì chúng muốn trái nghịch với ý muốn của chúng ta là thành phần mất công dưỡng dục chúng. Trái lại, hãy dưỡng dục chúng làm sao để trọn vẹn trả chúng về cho Chúa và dâng lên Chúa như một của lễ đẹp lòng Chúa nhất.*
3. *Nếu có thể và cố gắng bao nhiêu có thể giành giờ đích thân dạy giáo lý cho con cái, nhất là chia sẻ Lời Chúa với con cái theo phụng vụ hằng tuần. Thảo luận về những biến cố hay vấn đề luân lý thời đại đang xảy ra*

hay vừa xảy ra trong xã hội. Cố gắng giải đáp những vấn nạn về đức tin và luân lý cho con cái bao nhiêu có thể, theo luật tự nhiên, theo Thánh Kinh và huấn quyền của Giáo Hội.

4. Cố gắng làm gương tốt bao nhiêu có thể, nhất là về gương sống đức tin, đặc biệt qua những cuộc thử thách và gian nan khôn khó của gia đình, và sẵn sàng xin lỗi con cái khi làm bất cứ điều gì gây gương mù gương xấu cho chúng. Hãy giáo dục con cái để làm sao chiều chúng - chúng vẫn không hư, phạt chúng - chúng vẫn không hận, lầm lỗi - chúng vẫn kính trọng.
5. Làm sao để tạo cho con cái cảm thấy gia đình thực sự là một tổ ấm, chứ không phải là một ngục tù, lúc nào cũng muốn vượt thoát. Làm sao cho con cái cảm thấy không đâu bằng ở nhà, đi đâu rồi cũng muốn về nhà, nhưng không phải chỉ biết có gia đình mình, không màng chi tới các gia đình khác, trái lại, tích cực tham gia sinh hoạt cộng đoàn và các hội đoàn tông đồ.
6. Hãy giáo dục con cái như một người lớn còn nhỏ (như trường hợp Chúa Giêsu bao giờ cũng cao cả trước mắt Mẹ Maria), sẽ dễ tôn trọng chúng hơn là như một đứa trẻ chưa lớn dễ bị coi thường. Đừng để xảy ra tình trạng lạc mất con ngay trong nhà của mình. Con sống với mình đó mà mình vẫn không biết nó đang ở đâu, vẫn cứ đi tìm nó!

**Thánh Giuse:
Người Chồng Thần Lặng
Người Cha Tôi Tớ**



Đã tới ngày các tư tế chỉ định. Các thanh niên ở Giêrusalem thuộc nhà vua Đavít, được triệu tập tại Đền Thờ. Trong bọn họ, có một thanh niên nghèo, sinh quán tại Nagiarét, tên là Giuse, bà con gần với Đức Trinh Nữ. Giuse khi lên 12 tuổi đã tuyên khấn giữ đức khiết trinh trọn đời. Lúc này chàng được 33 tuổi, vẻ mặt khô ngô, lộ ra một đức hạnh vô song. Chàng đã sống một cuộc đời rất trong sạch. Chàng được đặc biệt mời đến dự cuộc họp này, mặc dầu chàng không có ước vọng kết hôn. Trong khi các thanh niên khác đều ước ao kết hôn với Maria là người có duyên sắc, có tài sản, có đức hạnh tuyệt vời, thì Giuse âm thầm tuyên lại lời khấn khiết tịnh, đột nhiên cành cây của Giuse nở một chồi hoa, rồi một bồ câu đến đỗ trên đầu chàng. Trước quang cảnh lạ thường đó, các tư tế nhìn nhận ngay Giuse là Người được Chúa chọn. Các vị cho gọi Maria đến. Mẹ xuất hiện cách đoan trang, nét na. Các tư tế giao kết Đức Nữ với Giuse thành vợ chồng.

Tại Nagiaret, hai Đấng đã tỏ cho nhau lời khấn Trinh khiết trọn đời của mình và hứa cùng nhau chung sống như anh em để tôn vinh Chúa. Tuy nhiên, Mẹ phải chịu một thử thách thống khổ khác từ phía Thánh Giuse. Khi thấy Đức Mẹ có thai, dù Người không hề nghi ngờ sự trong trắng của Đức Mẹ, nhưng Người không biết làm sao hơn là quyết định bỏ Đức Mẹ mà ra đi. Thánh Cả không sao giữ

kín hoàn toàn được nỗi khổ tâm của mình. Có lúc, Người đã nghi hoặc và nói năng với Mẹ một cách nguờng nguợng, ít tự nhiên hơn trước. Mẹ Maria thấy rõ những ưu tư dằn vặt Bạn Thánh mình, nhưng không hề dám nói một lời trước việc Người mang thai Con Chúa. Người chỉ biết phó thác cho Chúa và cầu nguyện thiết tha. Thánh Cả Giuse ngày một mỏi mòn, Người quyết định phải lia biệt Mẹ. Biết được ý định của Thánh Cả, Mẹ Maria cầu xin với Con Mẹ can thiệp. Chúa hứa sẽ sai thiên thần tỏ cho thánh Giuse về màu nhiệm ấy. Tâm hồn tan nát đau khổ, Thánh Giuse quyết định hôm ấy sẽ ra đi vào lúc nửa đêm. Khi cầu nguyện theo thường lệ, Người cầu xin Chúa phù hộ cho Người vào sa mạc. Người tuyên khấn sẽ dâng kính vào Đền Thờ Giêrusalem một phần số bạc nhỏ của Người, để xin Chúa gìn giữ Người Bạn Thánh rất yêu dấu, rất đáng kính của mình khỏi mọi tai nạn. Mẹ Maria rất xúc động vì mối ân cần chu đáo của Người: từ phòng nguyện của Mẹ, Mẹ thấy rõ tất cả sự tình. Khi Thánh Giuse thiếp ngủ đi. Thiên chúa ra lệnh cho Tổng Thần Gabriel đến mặc khải cho Người màu nhiệm đã làm nơi Mẹ Maria. Thức dậy, Thánh Giuse tràn ngập vui mừng. Người sắp mình cảm tạ Chúa và chò xin lỗi Mẹ Maria. Người quyết chí từ nay làm tôi tớ hầu hạ Đức Mẹ Chúa Trời trong chương trình cứu chuộc.

Khi Mẹ Maria đã gần tới ngày sinh, hoàng đế Rôma ban bố sắc lệnh truyền mọi người dân trong toàn đế

quốc phải ghi tên vào Sổ Kiểm tra tại quê tổ của mình. Thánh Giuse và Mẹ, dù rất phiền lòng, nhưng phó thác mọi sự cho Thiên Chúa, và vui vẻ lên đường về miền Nam. Sau 5 ngày dài vất vả trên đường, Thánh Giuse và Mẹ đến Bêlem. Hai Người đi từ nhà nọ sang nhà kia xin tạm trú, nhưng người ta đều xua đuổi. Cả những chỗ thân thuộc bà con cũng khinh chê. Tính ra có tới 50 nhà hai Người đến xin trọ qua đêm mà không được. Khoảng chín giờ đêm, Thánh Cả Giuse vừa mệt mỏi vừa buồn sầu; Người không biết có còn nơi nào tạm ở được nữa, ngoài một cái hang đá ngoài thành. Hang này khôn khó đến nỗi ở Bêlem bấy giờ dù đầy dẫy người, nhưng không ai thềm ra trú ở nơi đó. Khi vào tới hang, Mẹ và Thánh Cả liền quì xuống, vui mừng tạ ơn Chúa. Mẹ bắt tay ngay vào việc quét dọn hang cho sạch sẽ. Tiết trời lạnh lắm, nên Thánh Giuse nhóm lên một đống lửa, xin Đức Thánh Nữ Trinh dùng với mình một chút lương thực. Sau khi chuyện vãn với Bạn Thánh mình một lúc, Mẹ giục Thánh Giuse đi nghỉ. Người lấy áo Người mang theo trải trên một cái máng khá rộng đặt trên nền đá của hang, để làm chỗ nghỉ đêm cho Mẹ. Mẹ quì bên máng cỏ, chấp tay trước ngực, mắt ngược lên trời, hồn trí cắm chặt vào Thiên Chúa, chính lúc đó là lúc Mẹ sinh Ngôi Lời giữa lúc nửa đêm. Mẹ Maria thờ lạy Chúa cao cả, rồi gọi Thánh Giuse đến thờ lạy Chúa. Thánh Giuse mang khăn áo đến, Mẹ cuốn cho

Hài Nhi, rồi Mẹ đặt Chúa trong máng cỏ mà Mẹ đã phủ lên một lớp cỏ khô.

Mẹ khéo léo chuẩn bị lễ Cắt bì cho Con để tuân phục luật chung. Mẹ nói với Thánh Giuse mua một lọ thủy tinh nhỏ, để chứa di tích cắt bì và sắm vải để thấm máu Chúa Hài Nhi sẽ đổ ra cũng như liệu thuốc dẫu thông thường để rịt chữa vết thương. Sắm liệu xong rồi, Đôi Bạn Thánh đồng ý đặt tên cho Chúa Hài Nhi là Giêsu; vì cả hai cùng được Trời Cao mặc khải cho là phải đặt danh hiệu ấy. Khi tư tế hỏi xem tên Hài Nhi là gì để biên vào sổ, Mẹ nhường Thánh Giuse nói, vì Người là gia trưởng, nhưng Thánh Cả lại nói danh hiệu khả tôn đó phải do miệng Mẹ nói ra. Trong lúc Đôi Bạn Thánh nhường nhau, Chúa thúc giục cả hai cùng đồng thanh nói lên: Tên Hài Nhi là GIÊSU.

Đã tới ngày một bà mẹ sinh con trai đầu lòng phải lên Đền Thờ, theo luật Maisen, để thi hành thủ tục thanh tẩy và dâng con mình cho Chúa. Mẹ xin Thánh Giuse ban phép lành và cho phép Mẹ được đi chân không lên Đền Thánh; nhưng Thánh Cả không cho Mẹ được khổ chế quá mức như vậy. Chiều hôm ấy, Thánh Giuse kín đáo mang những lễ vật của Đạo sĩ vào Đền Thờ. Khi trở về, Người mua mấy con chim gáy dành cho lễ nghi hôm sau. Sáng hôm sau, Thánh Gia lên Đền Thờ. Mẹ Maria quì xuống nơi các phụ nữ quen đứng khi đến chịu thanh tẩy và dâng

con mình. Từ Đền Thờ về, nghĩ đến những khổ sở Chúa Hài Nhi sắp phải chịu, Mẹ đau đớn không sao cầm được nước mắt, nhưng không nói cho Thánh Giuse biết tại lý do nào. Thánh Cả chân thật, nghĩ rằng: Bạn mình đau khổ là tại nhớ đến lời tiên tri của ông Simeon. Song không nghĩ vậy rồi thôi, trái lại, Thánh Cả cũng rầu rĩ hết tâm hồn vì thấy Đức Nữ Trinh phải khổ, nhất là không biết rõ Mẹ phải khổ vì lý do nào. Đêm hôm đó, Thánh Giuse trần trọc mãi mới thiếp ngủ được một chút, một thiên thần đến giải thích cho Người biết duyên cớ làm Mẹ Maria phải đau khổ. Thiên thần này là Đức Tổng Thần Gabriele lần trước đã đến báo mộng cho Thánh Cả hồi thấy Đức Nữ mang thai. Đức Tổng Thần nói với Người trong mộng: "Dậy mau đi, đem Chúa Hài Nhi và Mẹ Người sang Ai cập lánh nạn, cứ ở lại đó tới khi nào tôi đến báo hãy về, vì Hêrôđê đang cho tìm giết Chúa Hài Nhi". Ngay lúc đó, Thánh Giuse thức dậy với một tâm trạng vừa bàng hoàng vừa cẩn trọng; Người đến báo tin đó cho Đức Nữ Trinh. Lúc ấy Mẹ đang trầm mặc chiêm niệm. Người lại hỏi ý kiến Mẹ, xin Mẹ chỉ cho biết phải làm gì để Chúa Hài Nhi và Mẹ bớt phải khổ trong cuộc hành trình gian nan và dài dặc sang nước lạ sắp tới này. Mẹ nói: "Chúng ta mang cả Đấng Sáng Tạo vũ trụ đi theo. Có Người đâu còn phải là lưu đầy, là lánh nạn nữa: Người chính là quê hương của chúng ta". Lúc ấy đã quá nửa đêm một chút, Thánh Gia tức tốc lên đường, đem theo cả con lừa nhỏ đã mượn từ

Nagiarét. Mẹ có ý tưởng rẽ vào Hebron cách đường đi không xa lắm để thăm người chị họ. Nhưng Thánh Cả Giuse, vừa cẩn trọng vừa e ngại không muốn chậm đường kéo roi vào nguy hiểm. Mẹ Maria vâng ý Người. Thỉnh thoảng, Mẹ Maria trao Chúa Hài Nhi cho Thánh Cả bồng ẵm, để tăng thêm an ủi cho Người. Người ghì Chúa Hài Nhi sát vào trái tim, hôn kính chân Chúa và xin Chúa ban phép lành. Sau khi đã dừng lại ít lâu trong một vài thành phố quan trọng như Memphi, Matariê, Thánh Gia ở hẳn tại Hêliôpôli. Thánh Giuse mua được ở đó một căn nhà nghèo, chẳng có một đồ vật nào, và ở khá xa thành phố, theo như ước muốn của Thánh Nữ Đồng Trinh. Thánh Giuse đã đi xin người ta bố thí. Cơm bánh ấy nuôi sống Thánh Gia suốt ba ngày. Khi Thánh Giuse đã kiếm được việc làm, dành dụm được chút tiền, Người làm một cái phản cho Mẹ Maria và Chúa Hài Nhi. Còn Người vẫn nằm đất. Khi Thánh Gia đã lưu ngụ tại Ai cập tới năm thứ bảy, như thánh Matthêu đã thuật lại trong Phúc âm, một hôm sứ thần đến báo tin cho Thánh Giuse đem Mẹ và Chúa Giêsu về Nagiarét. Khi vào tới biên giới Palestina, Thánh Cả Giuse nghe nói vua Arkêlau lên kế vị Hêrôđê cai trị xứ Giuđêa. Vốn tính cẩn thận, Người ngần ngại không dám đi nữa, một Sứ Thần phải đến báo mộng cho Người cứ đưa Thánh Gia về Nagiarét, như thánh Matthêu đã thuật lại, Người mới dám đi.

Năm Chúa Giêsu lên mười hai tuổi, Thánh Gia cũng trải lễ Vượt Qua như các năm trước. Lễ Vượt Qua kéo dài suốt bảy ngày. Ngày cuối cùng, khi mọi người phải ra về, Chúa Giêsu đưa Mẹ vào một cuộc thị kiến trí năng; giác quan Mẹ không còn cảm thấy những gì xảy ra chung quanh nữa. Còn Thánh Giuse, Chúa nâng lên chiêm ngắm cao xa, trầm tư mặc tưởng những sự trên trời, cứ tin chắc rằng Chúa Giêsu đi với Mẹ Maria. Trong lúc đó, ở ngay cửa thành, Chúa lìa khỏi Cha Mẹ mà ở lại đền thờ. Khi tới nơi đã định gặp nhau trước để qua đêm, Mẹ và Thánh Giuse mới chết lịm vì Chúa chẳng đi với ai cả. Mẹ và Thánh Cả đau đớn quá không sao nói được nên lời, ai cũng nhận là tại lỗi mình mà lạc mất Chúa. Đôi Bạn liền trở lại thành thánh ngay, hỏi han khắp nơi về Chúa. Một thiên thần báo tin cho Thánh Giuse đang tắt tả đi tìm Chúa ở một ngã đường khác. Sau nhiều ngược xuôi vất vả, Người gặp được Bạn Thánh mình vừa đi vừa khóc trên đường. Cả hai cùng nhau vào Đền Thờ.

Thánh Cả Giuse tuổi chưa cao mấy, nhưng mà những vất vả lao nhọc và những đau khổ thường xuyên đã xoi mòn Thánh Cả. Dụng cụ làm nghề mộc, Người liền đem tặng cho các bạn nghèo tất cả, để trong nhà không có một vật nào thừa thãi. Từ khi nghỉ làm việc, Thánh Cả chỉ hoàn toàn chăm chú chiêm niệm và đạt tới đỉnh thánh thiện cao nhất, vượt trên tất cả loài người, chỉ kém có một mình Mẹ

Maria. Thiên Chúa càng ưu ái Thánh Cả, càng dành cho Thánh Cả nhiều vinh quang, Thánh Cả càng phải đau khổ. Trong suốt 8 năm đăng đấng, Thánh Cả bị đóng đanh vào thánh giá của nhiều thứ bệnh rất đau đớn, nào là nóng lạnh cao độ, nào là nhức đầu như búa giáng, nào là phong thấp cấp tính buốt nhức ở khắp thân thể. Đồng thời, Thánh Cả còn phải chịu một cơn đau khổ khác, một đau khổ ngọt ngào nhưng thật kịch liệt: đó là tình yêu mến Thiên Chúa nung đốt Người, ném Người vào trong những hứng khởi rất mạnh mẽ, đến nỗi tinh thần rất trong sạch của Người có thể gỡ tung cả những trói buộc thể xác, nếu Chúa không ban ơn đặc biệt để giữ Người khỏi chết. Trong 3 năm cuoái cuong ñôi Ngõôi, ba năm Ngõôi phaui chòu nhõõng ñau khoả raát cõic, Meĩ ngaoy ñeâm khoâng heà xa Ngõôi moät bööuc. Khi nào Mẹ cần phải vắng mặt, Chúa Giêsu lại thay chỗ Mẹ, cho nên đã và sẽ không bao giờ có một bệnh nhân nào được phục vụ kỹ lưỡng, được an ủi và được nâng đỡ như Thánh Cả Giuse. Suốt 9 ngày trước khi Thánh Cả trút hơi thở cuối cùng, Chúa Giêsu và Mẹ luôn luôn túc trực bên cạnh Đấng Thánh cao cả.

Thánh Cả xin Mẹ tha thứ cho những khuyết điểm có thể Người đã phạm trong khi phục vụ Mẹ, Người nói: "Đức Nữ được chúc phúc hơn hết mọi người nữ; cả thiên thần và loài người hãy ca tụng Đức Nữ; ngợi khen Chúa Ba Ngôi qua Đức Nữ đời đời! Tôi hi

vọng được hưởng dung nhan Đức Nữ trên quê trời vĩnh cửu". Nói những lời ấy xong, Thánh Cả cảm tạ Chúa Giêsu vì tất cả các ơn và các ân cần Chúa dành cho mình, rồi cố gắng quì xuống trước mặt Chúa. Nhưng Chúa Giêsu rất hiền từ nâng Thánh Cả lên, ôm lấy Người trong vòng tay Chúa. Thánh Cả dựa đầu trên tay Chúa, và thốt lên những lời sau cùng này: "Lạy Chúa là Thiên Chúa của con, là Con Chúa Cha hằng hữu, Sáng Tạo và Cứu Chuộc loài người, xin Chúa tha cho con những lỗi lầm con đã phạm trong cuộc sống chung với Chúa. Xin nhận lời con cảm tạ Chúa vì Chúa đã chọn con làm Bạn đường của Mẹ Chúa. Xin hãy làm cho vinh quang của Chúa trở nên niềm tri ân của con đời đời". Chúa Giêsu chúc lành cho Thánh Cả rồi nói: "Thưa cha, xin cha an nghỉ trong ân sủng Cha trên trời của Con và trong ân sủng của Con. Xin cha đi báo tin cho các thánh ở u ngục biết: ngày giải thoát của họ đã gần". Lúc Chúa nói dứt lời, Thánh Cả Giuse trút hơi thở cuối cùng trong vòng tay của Chúa. Chúa liền khép mắt cho Người. Các thiên thần đang có mặt bên Chúa Giêsu và Mẹ Maria hát lên nhiều ca khúc chào mừng linh hồn Thánh Cả, và dẫn đưa linh hồn Thánh Cả vào u ngục. Các thánh trong ngục tổ tiếp rước Thánh Cả rất tung bừng vì nhận thấy vinh quang tuyệt vời giải chiếu từ Thánh Cả.

Mặc dầu Thánh Cả Giuse mang nhiều bệnh tật lâu ngày, nhưng cái chết của Người không phải là hậu quả của bệnh nạn, của những đau khổ Người chịu,

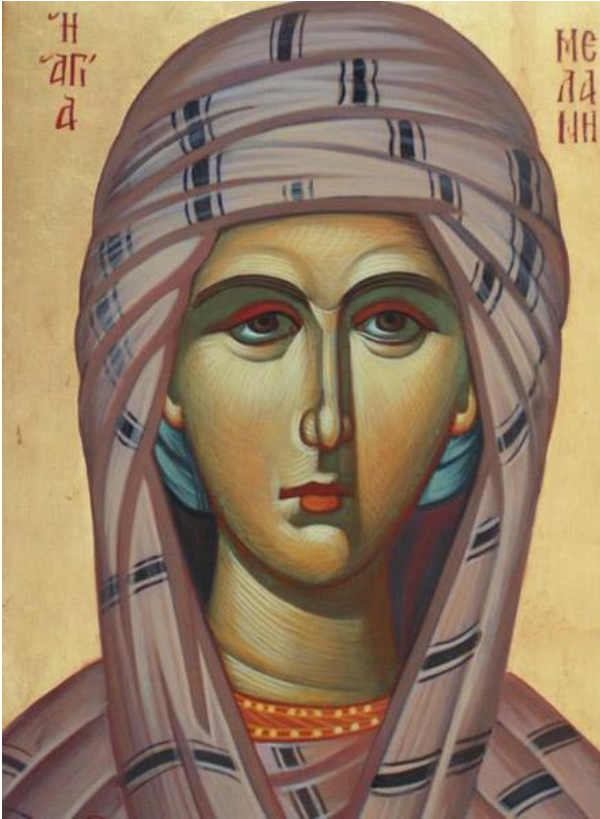
nhưng là hiệu quả và khởi thắng của tình yêu nhiệt liệt hằng nung nấu Người mến yêu Thiên Chúa. Đức Trinh Nữ Rất Thánh, trong trường hợp buồn đau này, vẫn giữ được một phong thái cao cả, một vẻ bình thản vững vàng. Đau khổ vì mất người thân yêu, nhưng Mẹ vẫn lo liệu tất cả những gì liên hệ đến cuộc mai táng Người Bạn Đường đồng trình cao quý của Mẹ. Mẹ không muốn cho một bàn tay nào động chạm đến thi thể của Thánh Cả. Để bảo vệ cho đức đoan trang cực đại của Đức Nữ Vương những người đồng trình, Thiên Chúa đã mặc cho thi thể Thánh Cả một ánh rực rỡ chỉ để người ta thấy được gương mặt thôi. Một số người được mùi hương êm dịu tỏa ra từ thi hài Thánh Cả lôi cuốn, đến xem, đã thấy Thánh Cả đẹp đẽ mềm mại y như còn sống. Thi thể Thánh Cả được an táng với một tang lễ thông thường; một số bà con, bạn hữu và đông đảo dân chúng tiễn đưa Người lần cuối cùng. Dẫn đầu đám tang đơn sơ ấy là Chúa Giêsu Cứu Thế, Mẹ rất thánh của Người và rất đông thiên thần.

Chúa đã đem bàn tay toàn năng và yêu thương của Người mà sáng tạo nên Thánh Cả Giuse với tất cả những hồng ân cân xứng với chức Bạn Đường đồng trình Người Mẹ sinh ra Con Một của Chúa ở trần gian. Việc kỳ diệu này đã bắt đầu ngay từ khi thể xác Thánh Cả hình thành trong lòng thân mẫu Người. Dựng thai đến tháng thứ bảy, Thánh Giuse được ơn thoát khỏi nguyên tội và tình dục, nên suốt

đời không bao giờ Thánh Giuse cảm nghiệm một xúc động xấu nào. Lên ba tuổi, Thánh Cả đã được ơn sử dụng trí năng hoàn toàn, với một tri thức thiên phú, một cách suy niệm tuyệt vời và các nhân đức mỗi ngày một tăng triển. Nhất là nhân đức khiết tịnh của Người thật là cao cả, sáng ngời, vượt trên cả đức khiết tịnh của những vị luyện thần cao cả nhất. Không bao giờ có một hình ảnh hay một ấn tượng nào tục tằn lọt được vào quan năng của Thánh Cả, vì lẽ Người phải có chính sự trong trắng hơn thiên thần để đồng cư với Đức Nữ Vương Đồng Trinh. Ngoài những đức tính và nhân đức Thiên Chúa ban riêng cho Thánh cả tự bẩm sinh ấy, Thánh Cả còn có những nhân đức và thánh thiện tập thành trong suốt cuộc đời dài sáu mươi năm cộng thêm mấy ngày nữa của Người. Thánh Cả Giuse kết hôn với Mẹ Maria lúc Người lên mười ba (13) tuổi, chung sống với Mẹ hai mươi bảy (27) năm. Lúc Thánh Cả Giuse qua đời, Mẹ Maria lên bốn mươi một tuổi sáu tháng (41,6), và Chúa Giêsu lên gần hai mươi (20) tuổi.

*tuyển lược bản dịch Thân Đô Huyền Nhiệm
của Phạm Duy Lễ*

Một người vợ có lòng thanh tịnh và một người mẹ sống đời nữ tu



Gia Đình là một Giáo Hội Tại Gia ở chiều kích thứ nhất là “*trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu*” có lẽ được thể hiện rõ nét nhất nơi đời sống hôn nhân gia đình của các vị thánh thiên về tiết dục khi còn liên hệ vợ chồng, và thậm chí còn thoát tục đi tu sau khi người phối ngẫu qua đời. Trong số các vị thánh này, trước hết phải kể đến Thánh Melania Trẻ, vị thánh sống trên trần gian 54 năm (383-439), trong đó 41 năm với người chồng là Valerius Severus Pinianus.

Bối cảnh xã hội: Thánh nhân là người Rôma, là cháu của Thánh Nữ Melania Già (Saint Melania the Elder), và được sinh ra bởi người cha Thượng Nghị Sĩ Valerius Publicola (chết năm 404), một người con trai của Thánh Nữ Melania Già. Gia đình Thánh Nữ Melania Trẻ rất ư giàu sang phú quý với cả chục ngàn nam nữ nô lệ.

Nhân đức và công nghiệp: Tuy sống trong cảnh giàu sang phú quý và quyền thế, Thánh Melania Trẻ lại yêu thích một cuộc đời chẳng những nghèo khó mà còn thanh tịnh nữa. Thế nhưng, vào năm 396, mới 13 tuổi, thánh nữ bị cha ép gả cho người cháu giàu có của ông là Valerius Severus Pinianus.

Tuy nhiên, thánh nữ đã cố gắng thuyết phục người chồng của mình từ bỏ tất cả thú vui nhục thể vợ chồng. Người chồng đồng ý, với điều kiện là người

vợ phải sinh cho chàng 2 người con. Thánh nữ đã sinh ra hai người con, một gái và một trai. Tiếc thay, cả hai đều chết, đứa con gái chỉ sống trên đời có mấy năm ngắn ngủi, còn đứa con trai chỉ thấy được ánh sáng mặt trời có vài tiếng đồng hồ. Trong thời gian cư mang đức thứ hai, thánh nữ đã bắt đầu thực hành những việc khổ chế nghiêm ngặt. Sau khi đứa con thứ hai qua đời, thánh nữ cũng tí nữa chết, nhưng được cứu sống bởi lời thề hứa của người chồng nơi mộ của vị Thánh Phó Tế Laurensô ở Rôma, lời thề hứa sẽ sống đời thanh tịnh với vợ nếu vợ của chàng thoát được con bệnh nguy tử.

Thánh nữ quả thực đã không bị chết nhưng cả hai vợ chồng vẫn không thể làm theo ý muốn giữ mình thanh tịnh trong đời sống vợ chồng cho tới khi người cha của thánh nữ qua đời vào năm 404, thời điểm thánh nữ được 21 tuổi và người chồng 25 tuổi. Quả thực cả hai vợ chồng của thánh nữ đã sống thanh tịnh trong bậc vợ chồng cho tới chết.

Ngoài việc thuyết phục chồng sống đời thanh tịnh vợ chồng, thánh nữ còn khuyên được chồng sống đời nghèo khó, từ bỏ tất cả những gì là xa hoa thái quá, để làm việc bác ái và đóng góp với Giáo Hội. Đó là lý do 8 ngàn nô lệ đã được giải phóng. Ngôi nhà của hai vị quá ư là đắt giá không ai mua nổi, đã bị thiêu rụi khi đám dân Visigoths xâm chiếm thành Rôma.

Thế nhưng, ngay trước khi thành Rôma bị đám dân Visigoths xâm chiếm, thánh nữ cùng chồng và mẹ đã đi Bắc Phi và sống ở Carthage 7 năm, thực hiện các cuộc hành hương đến Giêrusalem và viếng thăm các vị khổ tu ở Syria và Ai Cập. Thánh nữ đã gặp Thánh Giáo Phụ Tiến Sĩ Âu Quốc Tinh và Thánh Giáo Phụ Thánh Kinh Giêrônimô.

Thánh nữ đã thiết lập một đan viện cho bản thân mình và các phụ nữ khác. Sau biến cố đau thương người chồng qua đời vào năm 432, sau đó 4 năm, thánh nữ, một phần để tưởng nhớ chồng, cũng lập một đan viện cho nam giới.

Sau đó, thánh nữ hành hương tới Constantinople và ở đó thánh nữ đã hoán cải nhiều Kitô hữu theo bè rối Nestôriô về với Giáo Hội. Thánh nữ cũng được cho rằng đã hoán cải người chú ngoại giáo của mình là Volusian, một vị lãnh sự của Hoàng Đế Theodosius II, trở về với Kitô giáo.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Một túp lều tranh hai trái tim vàng
Chồng Thánh - Vợ Chân Phước:
sống tiết dục hôn nhân**



Gia Đình là một Giáo Hội Tại Gia ở chiều kích thứ nhất là “*trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu*” được thể hiện rõ nét nhất nơi đời sống hôn nhân gia đình của các vị thánh thiên về tiết dục khi còn liên hệ vợ chồng, và thậm chí còn thoát tục đi tu sau khi người phối ngẫu qua đời, như trường hợp Thánh Melania Trẻ, hoặc như cặp vợ chồng nông dân sống tiết dục Isidore và Toribia hay Maria de la Cabeza sau đây.

Thật vậy, chàng Isidore và nàng Toribia hay Maria de la Cabeza là hai vợ chồng ở Tây Ban Nha không thuộc giòng tộc quý phái hay hoàng triều như hầu hết các vị thánh sống đời hôn nhân gia đình vào thời Trung Cổ.

Người viết lại câu chuyện về chàng Isidore và đời sống hôn nhân của chàng là phó tế Johannes Aegidius of Zamora ở nhà thờ Thánh Anrê thủ đô MaNí trong thời khoảng 1232-1275; gần 150 năm sau khi chàng Isidore qua đời, vị phó tế này đã ghi lại những gì tai nghe mắt thấy: nghe về đời sống của chàng và chính mắt thấy các phép lạ tỏ tường xảy ra tại ngôi mộ của chàng.

Chàng Isidore sinh ra vào khoảng năm 1080 trong thành phố MaNí hay vùng phụ cận của thành phố thủ đô Tây Ban Nha này. Chàng là một tay lao động

không biết mệt như chàng chuyên tâm nguyện cầu vậy. Chàng tham dự Thánh Lễ hằng ngày và bao giờ cũng tìm Nước Chúa trước, nên mọi sự phụ thuộc khác đã được Chúa ban cho, đến độ các công việc lao nhọc của chàng đã gặt hái được dồi dào phong phú, khiến chàng thu được nhiều lợi tức, số lợi tức chàng không hoan hưởng một mình mà đã quảng đại chia sẻ với người nghèo, không sợ chính bản thân mình bị thiếu thốn.

Chàng đã lập gia đình với một người nữ trẻ cũng có đời sống nhân đức đạo hạnh như chàng, đó là cô Maria de la Cabeza. Cặp vợ chồng này sống thanh đạm bình dân quê mùa. Cả hai có một người con trai, nhưng sau khi người con trai duy nhất này qua đời lúc còn rất trẻ, đôi uyên ương này đã đồng ý với nhau hoàn toàn sống tiết dục trong đời sống vợ chồng, để nhờ đó hiến mình cho việc nguyện cầu và công việc sinh nhai.

Là nông dân làm công cho một người chủ ruộng là Juan de Vergas, chàng Isidore đã tạo được niềm tin tưởng của chủ. Nhưng cũng vì thế đã gây ra ghen tị với các đồng nghiệp của chàng. Và họ đã đi tố cáo với chủ về chàng rằng chàng cứ chuyên chú cầu nguyện và đi nhà thờ nên đã bỏ bê nhiệm vụ của chàng. Được chủ hạch hỏi, chàng đã trả lời với chủ rằng chàng phải phụng sự Thiên Chúa trước hết mọi sự và nhờ đó Thiên Chúa đã lo cho chàng và đã giúp

chàng chu toàn công việc của chàng qua các thiên thần của Ngài. Chính chủ nhân ông của chàng đã thực sự chứng kiến thấy vào một ngày kia có hai thiên thần cày ruộng bằng hai con ngựa trắng trong khi Isidore đang tham dự Thánh Lễ.



Chưa hết, các đồng nghiệp của chàng không chịu thua, còn vu oan giáng họa cho người vợ đạo hạnh của chàng nữa. Nàng Maria hằng ngày vốn có thói quen đến một nhà thờ nhỏ là nơi đặc biệt tôn kính Mẹ Maria. Ở đó, nàng thực hiện những việc tỏ lòng thành thực sùng kính Mẹ và giữ cho ngọn đèn châu luôn cháy sáng bằng việc tiếp tục và liên tục cung cấp dầu cho nó.



Nàng bị đồng nghiệp của chồng tố cáo là nàng đi đến đó để gặp một người chăn thú vật để lén lút tình tứ ân ái với hắn. Tuy nhiên, chàng Isidore quá biết về người vợ của mình và hoàn toàn tin tưởng rằng nàng chỉ một lòng thủy chung với mình.



Hai vợ chồng nông dân nghèo khó này đã sống với nhau hạnh phúc trong Chúa. Không ai đã từng nghe thấy họ to tiếng với nhau. Họ đã cùng nhau chia sẻ với những người anh chị em nghèo khổ hơn họ bằng chính những đồng lương chẳng bao nhiêu do công khó của họ kiếm được.



Chàng Isidore đã qua đời vào năm ngũ tuần, ngày 15/5/1130, sau khi chàng đã nói trước giờ chết của mình. Năm năm sau, vợ của chàng cũng theo chàng về đời sau. Nàng đã được kính như vị chân phước cho đến khi được chính thức tôn phong là Chân Phước của Giáo Hội bởi Đức Thánh Cha Innocent XII vào năm 1697, sau 75 năm chông của nàng được phong thánh vào năm 1622, do yêu cầu của Vua Philip III Nước Tây Ban Nha.

Đúng thế, lý do vị vua này yêu cầu như thế là vì vua đã lâm bệnh hiểm nghèo, đến độ các lương y đều bó tay đầu hàng, thì thành phần giáo sĩ đã long trọng kiệu hài cốt của Isidore vào phòng của vua. Khi hài cốt của Isidore rời Nhà Thờ Thánh Anrê ở MaNí thì cơn sốt của vua hạ xuống. Và khi hài cốt của Isidore được đặt trong phòng bệnh của vua thì vua chỗi dậy và hoàn toàn khỏi bệnh.

Người chồng nông dân sống tiết dục với vợ sau khi đưa con trai duy nhất qua đời và cùng vợ sống đời nhân đức đây bác ái này đã được Đức Giáo Hoàng Gregory XV phong thánh vào ngày 12/3/1622.

Thật vậy, hôm ấy, ngoại trừ một vị Thánh người Ý là Thánh Philip Nêri sáng lập Dòng Oratory, còn có các vị Thánh thời danh của Tây Ban Nha cũng được tuyên phong bấy giờ là Thánh Ignatiô sáng lập Dòng Tên, Thánh Phanxicô Xavier cũng Dòng Tên là quan

thầy các xứ truyền giáo, và Thánh Teresa Avila canh tân Dòng Carmelo, có cả một vị thánh giáo dân tầm thường sống đời hôn nhân gia đình đó là Thánh Isidore.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Người Mẹ bảy con
Người Vợ tiết dục**



Gia Đình là một Giáo Hội Tại Gia ở chiều kích thứ nhất là *“trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu”* được thể hiện rõ nét nhất nơi đời sống hôn nhân gia đình của các vi thánh thiên về tiết dục khi còn liên hệ vợ chồng, và thậm chí còn thoát tục đi tu sau khi người phối ngẫu qua đời, như trường hợp Thánh Melania Trẻ, hoặc như cặp vợ chồng nông dân sống tiết dục Isidore và Toribia hay Maria de la Cabeza. Tiếp theo là câu chuyện về một người mẹ bảy con và là một người vợ tiết dục đã sống đời góa bụa cuối đời trong bác ái yêu thương phục vụ tha nhân.

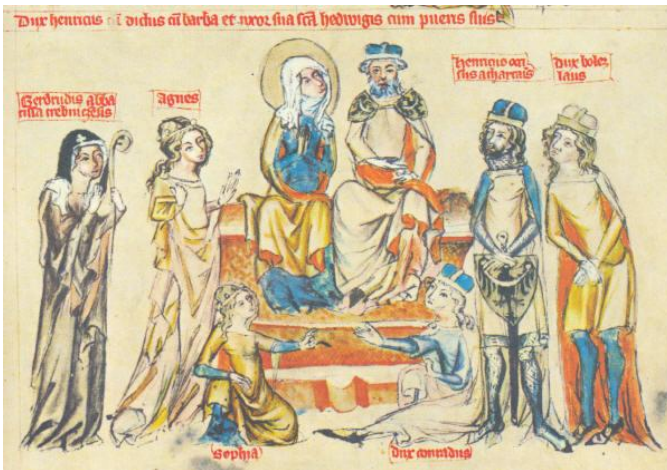
Ai bảo là sống đời hôn nhân vợ chồng không thể tiết dục, đến độ không thể ngừa thai tự nhiên, mà cứ phải ngừa thai nhân tạo. Nếu con người văn minh tân tiến không thể nào chấp nhận được Thông điệp Sự Sống Con Người - *Humanae Vitae* của Đức Phaolô VI ban hành ngày 25 tháng 7 năm 1968, và cảm thấy bị xúc phạm dữ dội đến công khai phản công chống đối Đức Thánh Cha Biển Đức XVI mỗi lần ngài nói động tới thần tượng cứu tinh là bao cao su làm tình an toàn của mình, thì họ làm sao có thể hiểu được, nếu không muốn nói sẽ cho là chuyện hoàn toàn hoang đường, những gì xảy ra cho một người mẹ có 7 người con cũng là một người vợ sống rất ư là tiết dục như Thánh Hedwig sau đây.

Thật vậy, người mẹ 7 con và người vợ tiết dục này được sinh vào trần gian khoảng năm 1174 trong Lâu Đài Andechs ở Ammersee thuộc Thượng Miền Xứ Bavaria. Gia đình ruột thịt của vị thánh này có 4 anh em và 3 chị em, trong đó có Thánh Gertrude là chị em ruột của ngài và có một người cháu con của Thánh Gertrude là Thánh Elizabeth. Vừa mới lên 12 tuổi, Hedwig đã được cha mẹ gả cho Hoàng Tử Henry I là người con trai 18 tuổi của Công Tước Boleslaus I xứ Silesia ở Balan, và em đã ngoan ngoãn vâng theo ý cha mẹ hơn là ước muốn riêng của mình trong việc em dường như muốn vào tu ở nữ Đan Viện Kitzingen.

Về nhà chồng, cô con gái chưa tới tuổi dậy thì này chẳng những thắng vượt được cuộc thử thách khi phải sống với một người chồng chẳng hề quen biết cũng như phải học ngôn ngữ bản xứ Balan của chồng, mà còn phụ chồng cai quản một cách tốt đẹp nhân dân xứ Silesia thuộc quyền của chồng mình. Hai vợ chồng Công Tước Hedwig và Henry I có tất cả 7 người con, nhưng đa số chết trẻ, trừ hai người, một là Gertrude sinh năm 1200 sau làm đan viện mẫu của tu viện Xitô ở Trebnitz năm 1232, tu viện do chính Công Tước thân phụ xây cất theo lời yêu cầu của người vợ đạo hạnh Hedwig, hai là Henry II là người thay cha làm Công Tước xứ Silesia và lập gia đình với cô Anna, con gái vua Bohemia, chị của

Thánh Agnes ở Prague, nhưng Henry II đã chết ngày 9/4/1241 bởi cuộc công phá của quân Mông Cổ.

Khi đưa con thứ bảy được sinh ra và rửa tội vào lễ Giáng Sinh năm 1208, cặp vợ chồng Công Tước Hedwig và Henry I bấy giờ mới 31 và 35 đã đồng lòng long trọng khẩn sống đời tiết dục hôn nhân trước sự chứng kiến cùng chúc phúc của Đức Giám Mục Laurence ở Breslau.



Công Tước Henry I thực ra đã chịu ảnh hưởng đời sống đạo hạnh của người vợ, tới độ có những hành vi cử chỉ cùng thái độ có tính cách đan tu, thậm chí đã đi đến chỗ cùng vợ sống đời vợ chồng tiết dục. Cả hai đã sống hôn nhân tiết dục 30 năm trường từ đó.

Tuy nhiên, trước lời khẩn này của hai vợ chồng, riêng người vợ Hedwig, một khi cảm thấy Chúa ban cho mình mang thai thì nàng nghiêm ngặt giữ mình không muốn gần gũi chồng nữa, cho đến khi sinh con. Nàng chẳng những tiết dục mỗi lần bắt đầu có thai cho tới khi sinh con, mà còn khuyên chồng tiết dục vào những thời điểm đặc biệt trong năm nữa, chẳng hạn vào Mùa Vọng và Mùa Chay, vào tất cả các Tuần Chay 3 Ngày (Ember Days), vào các ngày lễ, vào các ngày lễ vọng cũng như vào các ngày lễ của những vị thánh và các Chúa Nhật.

Nàng có ý nghĩ là việc chay tịnh của mình sẽ không phải là những gì tốt đẹp dâng lên các thánh hay Chúa nếu vẫn còn hoan hưởng khoái lạc. Bởi thế, nàng thường sống tiết dục với chồng cả tháng trời, thường từ 6 đến 8 tuần lễ liền, cho dù nằm bên nhau, chứ không tạm ly thân.

Còn một điểm đặc biệt nữa về người mẹ đông con và người vợ tiết dục Hedwig này nữa, đó là sống hài hòa với người con dâu Anna là vợ của Henry II của mình. Mẹ chồng con dâu này sống với nhau gần 30 chục năm mà chẳng những không xích mích lại còn khuyến khích nhau gắng gỏi nên trọn lành.

Thật vậy, Anna là vị Chân Phước, khi về nhà chồng ở Balan đã lụy thuộc và tuân phục mẹ chồng của mình trong hết mọi sự. Người con dâu

thánh đức này của bà mẹ thánh đã cố gắng noi gương bắt chước mẹ chồng đến độ đã trở thành người bạn tâm tình về tất cả mọi bí quyết thánh đức của người mẹ chồng.

Trong thời gian sống góa bụa 5 năm sau khi người chồng qua đời ngày 19/3/1238 ở Krossen an der Oder, người vợ Hedwig này vẫn không trở thành nữ tu, như thường thấy nơi nhiều trường hợp của các thánh sống đời hôn nhân gia đình thời ấy, cho dù bà sống rất gần gũi với các nữ tu thuộc đan viện Xitô ở Trebnitz, nơi được bà rất trân quý và trợ giúp.

Chắc có lẽ vì bà muốn được tự do phục vụ thành phần nghèo khổ và bệnh nhân thuộc dân xứ Silesia của chồng bà cũng là của bà. Người mẹ đông con và người vợ tiết dục này đã qua đời vào ngày 15/10/1243 trong giờ Kinh Phụng Vụ Tối, hưởng thọ 70 tuổi, và con người sống đời hôn nhân gia đình thuần túy này đã được Đức Clement IV phong thánh ngày 26/3/1267.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Vị Thánh Vương:
Một người chồng 2 đời vợ
Một người cha của 13 người con**



Gia Đình là một Giáo Hội Tại Gia ở chiều kích thứ nhất là “*trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu*” được thể hiện rõ nét nhất nơi đời sống hôn nhân gia đình của các vị thánh thiên về tiết dục khi còn liên hệ vợ chồng, và thậm chí còn thoát tục đi tu sau khi người phối ngẫu qua đời, như những trường hợp sau đây: 1- Thánh Melania Trẻ, 2- cặp vợ chồng nông dân sống tiết dục Isidore và Toribia / Maria de la Cabeza, 3- Thánh Hedwig, một người mẹ bảy con và là một người vợ tiết dục đã sống đời góa bụa cuối đời trong bác ái yêu thương phục vụ tha nhân, và 4- vị thánh vương hai đời vợ với 13 người con nhưng rất thánh đức và thi thể của vua mặc áo dòng ba Phanxicô.

Ai bảo rằng giàu sang phú quý quyền uy thì không nên thánh được hay ít ra rất khó nên thánh? Thực tế cho thấy, trong Lịch Sử Cứu Độ của mình, mỗi khi được an cư thịnh vượng, dân Do Thái lại quay ra hoan hưởng trần thế đến lãng quên và phản bội lại Vị Thiên Chúa chân thật duy nhất của mình.

Lịch sử hiện đại cũng cho thấy thế giới càng văn minh con người càng bạo loạn, càng toàn cầu hóa càng đào sâu vực thẳm ngăn cách giàu nghèo, càng xuất đầu lộ dạng những thế lực về kinh tế theo kiểu tân đế quốc và tân thực dân hóa.

Thế mà lại xảy ra khác hẳn và ngược đời nơi trường hợp của Thánh Vương Ferdinand III, vua Nước Tây Ban Nha, một lãnh thổ bắt đầu từ triều đại của ngài được gọi là Iberian Peninsula, vì vị vua này đã sát nhập làm một hai vương quốc, vương quốc León của cha ngài là Alfonso IX và vương quốc Castile của mẹ ngài là Berengaria.

Vị thánh vương này chịu ảnh hưởng sâu nặng việc giáo dục thánh đức của người mẹ là chị em của Blanche of Castile sinh ra Vua Thánh Louis IX Pháp quốc.

Theo ý định của mẹ mình, thánh vương Ferdinand III chẳng những muốn giải phóng dân nước của mình khỏi quyền thống trị của quân Hồi giáo Maroc mà còn muốn truyền bá và củng cố đức tin cùng đời sống Kitô giáo trong lãnh thổ thuộc quyền mình đã bị kung oang dưới thời đô hộ của quân Hồi nữa.

Vị vua này đã thắng được quân Hồi vào năm 1224, không phải chỉ nguyên bằng võ lực quân sự mà nhất là bằng sức thiêng xuất phát từ lòng đạo hạnh thánh đức của vua.

Vua đã lập gia đình với Beatrice là con gái của Vua Philip Đức quốc ở Swabia. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc này rất tiếc chỉ kéo dài được 15 năm, nhưng trong một thời gian này vua đã có tới 10

người con, trong số đó tên của 8 người con được liệt kê như sau:

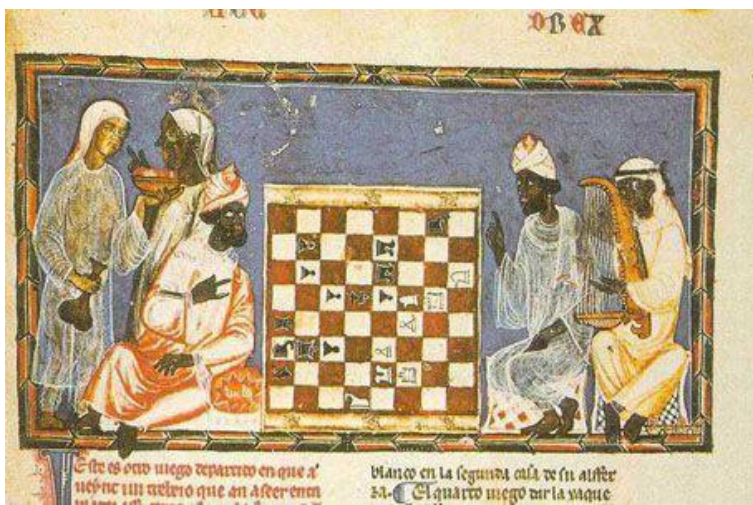
- 1- Alfonso X (1220-1284), vị thừa kế cha làm vua,
- 2- Federigo (chết năm 1277),
- 3- Enrique (chết 1304),
- 4- Philip (chết 1262), vị là học trò của Thánh anbertô Cả ở Paris,
- 5- Sancho (chết năm 1261), vị được thụ phong linh mục và chết khi làm tổng giám mục thành Toledo,
- 6- Juan Manuel (chết năm 1283),
- 7- Berengaria, vị vào nữ đan viện Xitô ở Las Huelgas (Burgos),
- 8- Maria (chết năm 1234), sau khi sinh người con này cả hai mẹ con đều chết.

Sau đó vua Ferdinand III tái hôn với Joan of Ponthieu và có thêm 3 người con, trong đó có Eleanor of Castile, vợ của Vua Edward I Anh quốc.

Vua Ferdinand III rất đạo hạnh và chính trực. Vua cai trị theo tinh thần Phúc Âm. Vua nhân từ với thành phần bề dưới và hết sức rộng lượng với các đan viện tu, nhất là với những dòng mới lập như Dòng Phanxicô, Đaminh và Ba Ngôi. Vua rất trung thành với giáo hoàng.

Vị vua này chẳng những đẩy lui quân Hồi khỏi lãnh thổ mình mà còn muốn tống họ khỏi miền Bắc Phi

Châu nữa để giải phóng thành phần Kitô hữu nô lệ bị quân Hồi đầy đọa khốn khổ.



Ở Seville trong khi sửa soạn cho cuộc viễn chinh này, vua đã ngã bệnh trầm trọng. Bấy giờ vua cho gọi các phần tử thuộc gia đình mình đến khuyên bảo sống đời Kitô hữu chân chính và sống an hòa với nhau. Sau đó, với lòng thống hối chân thành, vua đã xưng tội và quì (dù bệnh nặng) lãnh nhận của ăn đàng lần cuối.

Cuối cùng, vua hướng về cây thánh giá trước mặt tỏ hết lòng cung kính và qua đời khi bài Te Deum được hát lên như vua yêu cầu thành phần tu sĩ giáo sĩ thực hiện bấy giờ.

Hôm ấy là ngày 30/5/1252. Thi thể của vua được mặc bộ áo dòng ba Phanxicô mà vua là một phần tử khi an táng và vua được Đức Clemente X phong thánh vào ngày 4 tháng 2 năm 1671.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

Lâu đài tình ái của một người vợ:
xác thân khổ hạnh
trong xa hoa ngọc ngà



Gia Đình là một Giáo Hội Tại Gia ở chiều kích thứ nhất là *“trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu”* được thể hiện rõ nét

nhất nơi đời sống hôn nhân gia đình của các vị thánh thiên về tiết dục khi còn liên hệ vợ chồng, và thậm chí còn thoát tục đi tu sau khi người phối ngẫu qua đời, như những trường hợp sau đây: 1- Thánh Melania Trẻ, 2- cặp vợ chồng nông dân sống tiết dục Isidore và Toribia / Maria de la Cabeza, 3- Thánh Hedwig, một người mẹ bảy con và là một người vợ tiết dục đã sống đời góa bụa cuối đời trong bác ái yêu thương phục vụ tha nhân, 4- vị thánh vương hai đời vợ với 13 người con nhưng rất thánh đức và thi thể của vua mặc áo dòng ba Phanxicô.

Sau đây là một mẫu gương thứ 5 về một vị thánh, tuy không tiết dục, trái lại, còn đầy tình cảm, nhưng rất khổ chế trong xa hoa lụa là và sống những ngày góa bụa cuối đời đầy yêu thương phục vụ, đã được phong thánh hầu như nhanh nhất trong lịch sử của Giáo Hội.

Đúng thế, nàng công chúa nước Hung Gia Lợi mang danh Elizabeth sống trên đời ngắn ngủi chỉ có 24 năm (1207-1231), trong đó nàng đã sống đời hôn nhân với chồng là lãnh chúa Louis IV xứ Thuringia (ở trung tâm Đức quốc) vốn vẹn được 6 năm (1221-1227), một cuộc hôn nhân nàng đã được gả từ năm mới lên 4 tuổi vì lý do chính trị. Nàng đã xa gia đình và quê hương từ năm còn thơ ấu ấy, đến độ khi mẹ nàng là Gertrude of Andechs, chị em với Thánh Hedwig, bị ám sát chết nàng cũng chẳng hay biết gì.

Ở nơi xứ lạ quê người, nàng đã được chăm sóc nuôi dưỡng bởi nữ bá tước Sophia, vị 10 năm sau đã trở thành mẹ chồng của nàng và là người đã huấn luyện nàng theo tinh thần của đời sống tu trì. Thế nhưng, ngay từ những ngày mới lớn Elizabeth đã hướng chiều theo đời sống tự nhiên của cung đình. Vào năm 1221, nàng Elizabeth 14 tuổi đã chính thức thành hôn với Lãnh Chúa Louis IV, và đôi uyên ương đã sống tuần trăng mật ở Hung Gia Lợi, nơi bấy giờ nàng mới hay biết về cái chết thê thảm của mẹ mình.

Đời sống hôn nhân của cặp vợ chồng vương giả trẻ trung này rất hạnh phúc. Cho dù đã là vợ chồng, cả hai vẫn gọi nhau là anh em như tình ruột thịt, vì cả hai từ nhỏ đã được nuôi dưỡng bởi cùng một bà mẹ là Sophia. Nàng là một người vợ rất nồng nàn và đầy tình cảm, khao khát yêu thương và sống mật thiết. Nàng không lúc nào ngại chiều chuộng chồng bằng việc trang sức và phục sức một cách duyên dáng đáng yêu trước mặt chồng. Khi chàng đi đâu xa về, nàng chạy ra đón chàng, hết sức hân hoan ôm lấy chàng và không ngớt hôn chàng nhiều lần.

Nàng đã cho biết về việc nàng trang điểm một cách điểm lệ để nghênh đón chồng nàng mỗi khi chàng đi đâu xa về như thế này: *"Tôi muốn trang điểm bản thân mình, không phải vì niềm kiêu hãnh thế*

gian, nhưng chỉ vì mến yêu Thiên Chúa, nhưng trang điểm một cách thích đáng để chồng tôi khỏi phạm tội nếu chàng không hài lòng về tôi cách nào. Chỉ để cho chàng yêu thương tôi trong Chúa, bằng một niềm cảm xúc phu thê thanh tịnh, nhờ đó chúng tôi cũng hy vọng được hưởng sự sống đời đời bởi Đấng đã thánh hóa luật hôn nhân".

Về phần người chồng của nàng, một con người giàu sang quyền quý, một vị thế rất dễ sống bê tha hoang đường, nhất là về tình cảm. Thế nhưng, bất cứ khi nào những bạn bè hiệp sĩ khác của chàng xúi giục chàng bất trung với vợ chàng, chàng dứt khoát bác bỏ ngay ý tưởng bất chính ấy. Có lần chàng đã tuyên bố rằng: *"Mặc kệ ai nói gì thì nói, nhưng tôi xin nói thẳng thế này: Elizabeth là người vợ rất thân thương của tôi, và tôi không còn gì quý hơn trên trái đất này".*

Ngoài ra, ngoài việc triệt để trung thành với vợ, người chồng dễ thương này của nàng, hơn thế nữa, còn để cho vợ mình được sống đạo theo lòng đạo đức của nàng và làm việc bác ái theo lòng quảng đại của nàng. Chẳng hạn khi nàng thức dậy vào ban đêm để đi cầu nguyện, chàng giả vờ như ngủ say như chẳng hay biết gì; mặc dù có những lần chàng thường xiết chặt lấy tay của nàng mà nói: *"Muội yêu (dear sister), thanh thân đi mà; hãy nằm xuống nghỉ ngơi một chút".* Hay khi nghe thấy nàng như phung phí gia tài cho người nghèo khổ, chàng đáp lại rằng:

"Hãy để cho nàng làm việc thiện và dâng bất cứ điều gì nàng có thể cho Thiên Chúa!"

Đối với Elizabeth, đôi khi nàng cảm thấy bối rối làm sao ấy trong việc làm sao để vừa yêu thương chiều chồng vừa phải trọn vẹn thuộc về một mình Thiên Chúa mà thôi. Có lần nàng đã nói với các người tỳ nữ của mình rằng nàng cần phải nguyện kinh đêm *"để giữ vững một tình yêu quá độ đối với chồng của tôi"*. Thậm chí đã có những lần nàng tỏ ra hối tiếc về việc lập gia đình của mình và không thể chết đi như là một người trinh nữ.

Hai vợ chồng nàng sống yêu thương gắn bó với nhau tới độ, nếu có thể được, bao giờ nàng cũng đi công vụ xa nhà với chồng, dù có vất vả xa xôi vì đường dài, vì khí hậu thất thường v.v. Tuy nhiên, những lúc vắng chồng, nàng đã giành nhiều giờ về đêm để canh thức và cầu nguyện. Trong những lúc ấy, nàng không mặc trang phục gấm vóc lụa là, mà là thứ trang phục của một bà góa. Nàng mặc áo nhặm trong mình. Thậm chí nàng cứ mặc như thế ở bên trong các thứ trang phục ngọc ngà. Nhưng khi nghênh đón chồng về nàng bao giờ cũng trang điểm duyên dáng trở lại.

Hai vợ chồng nàng đã có được ba người con: người con đầu là nam, vào năm 1222 khi nàng mới 15 tuổi, đó là Hermann, sau thay cha trở thành lãnh chúa xứ

Thuringia; người con thứ hai là nữ, vào năm 1224 khi nàng 17 tuổi, một người con sau này trở thành nữ công tước xứ Brabant; và người con gái út được nàng sinh ra vào năm 1227 là Gertrude, sau làm đan viện mẫu ở Altenburg. Tuy nhiên, vào chính năm nàng sinh đứa con gái út này thì chiến dịch cần một Đạo Binh Thánh Giá được phát động ở Âu Châu, và chồng nàng đã giấu không cho nàng biết về việc chàng cũng muốn tham gia vào chiến dịch ấy.

Tuy nhiên, nàng cũng đã khám phá ra ý định của chồng khi nàng, vào một lần tìm kiếm một điều gì đó, đã thấy trong túi của chàng một cây thánh giá là biểu hiệu cho những ai đã hứa hẹn lên đường chiến đấu với quân thù ở Thánh Địa hầu bảo vệ những di tích thánh của Chúa Cứu Thế. Và cái linh cảm của nàng về số phận của chồng quả thực đã ứng nghiệm khi chồng của nàng qua đời vào ngày 11/9/1227 tại Otranto bởi bệnh dịch ở miền nam Ý quốc sau khi lên đường mấy tuần.

Nghे thấy tin chồng chết, nàng đã bàng hoàng rung động than lên rằng: *"Thế giới này cùng hết mọi sự trong đó mà tôi đã yêu thương giờ đây đã chết"*. Khi nhìn thấy thi thể của chồng mang về cho nàng, nàng đã thốt lên rằng: *"Nếu tôi có thể làm cho chàng sống lại, cho dù có phải trả giá cả thế gian này, tôi cũng muốn có chàng rồi sau đó cùng chàng đi ăn xin cho đến mãn kiếp"*.

Sau cái chết của chồng, người vợ góa giàu lòng đạo đức và thương người này không còn được tự do làm phúc nữa, cho dù bằng số tiền bổng lộc giàng cho riêng nàng. Vào một đêm kia, nàng đã âm thầm thoát khỏi lâu đài tình ái Wartburg một thời vang bóng ấy, không mang theo gì hết, ngoài 3 đứa con nhỏ của nàng. Thoạt tiên nàng đã sống nhờ vào của bố thí do nàng đi ăn xin. Nhờ các tu sĩ Dòng Phanxicô Khó Khăn bấy giờ đến Eisenach vào năm 1225, nhất là vị linh mục cố vấn cho chồng nàng là Conrad, vị cũng đã trở thành cha linh hướng của nàng năm 1226, nàng đã cảm thấy hân hoan vui sống đời khổ đau và nghèo khó.



Cho dù nàng đã được đưa về lại lâu đài tình ái Wartburg bởi những con người thông cảm với trường hợp bất đắc dĩ bỏ đi của nàng, nhưng nàng

không còn cảm thấy hứng thú gì ở đó nữa. Nên chẳng bao lâu nàng đã chuyển đến một dinh thự riêng giành cho nàng ở Marburg, nơi nàng đã thành lập một bệnh viện lớn do chính nàng dùng lợi tức của mình thực hiện. Hằng ngày nàng viếng thăm và phục vụ những người được ký thác cho nàng chăm sóc.



Nàng đã vĩnh viễn ra khỏi trần gian về với Chúa vào đêm 17/11/1231. Người vợ chí tình sống thánh thương người này đã được phong thánh rất nhanh, chỉ sau khi qua đời chưa đầy 4 năm, đó là vào ngày 27/5/1235. Lễ kính (ở bậc lễ nhỏ) vị thánh nữ này hiện được Giáo Hội cử hành vào ngày 17/11 hằng năm.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Hai vợ chồng tiết dục
mà vẫn sinh 8 người con và
sống đời tu hành**



Gia Đình là một Giáo Hội Tại Gia ở chiều kích thứ nhất là “*trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu*” được thể hiện rõ nét nhất nơi đời sống hôn nhân gia đình của các vị thánh thiên về tiết dục khi còn liên hệ vợ chồng, và thậm chí còn thoát tục đi tu sau khi người phối ngẫu qua đời, như những trường hợp sau đây: 1- Thánh Melania Trẻ, 2- cặp vợ chồng nông dân sống tiết dục Isidore và Toribia / Maria de la Cabeza, 3- Thánh Hedwig, một người mẹ bảy con và là một người vợ tiết dục đã sống đời góa bụa cuối đời trong bác ái yêu thương phục vụ tha nhân, 4- vị thánh vương hai đời vợ với 13 người con nhưng rất thánh đức và thi thể của vua mặc áo dòng ba Phanxicô, 5- một vị thánh, tuy không tiết dục, trái lại, còn đầy tình cảm, nhưng rất khổ chế trong xa hoa lụa là và sống những ngày góa bụa cuối đời đầy yêu thương phục vụ, và 6- vị thánh rất đặc biệt, đã từng trải qua các lối sống trong cuộc đời, từ khi còn đồng trinh, đến lúc làm vợ và làm mẹ, cuối cùng góa bụa và lập dòng.

Đó là Thánh Nữ Bridget Thụy Điển, tiếng Anh gọi là Bridget, hay Birgitta vì ngài là người Thụy Điển. Cha ngài lập gia đình 2 lần, lần thứ hai ông có 7 người con, 3 trai và 4 gái, trong đó có ngài.

Ngài sinh vào trần gian vào Tháng Sáu năm 1303 ở Finta Manor. Vào năm 13 tuổi, ngài đã có ý định

dâng mình cho Chúa sống đời đồng trinh. Nhưng cha ngài lại gả ngài cho một trong hai người con trai của bạn ông là Ulf. Ông gả cả một người con gái nữa là Catherine cho người con trai còn lại của người bạn là Magnus.

Thế là hai chị em ngài lấy anh em của người bạn thân phụ cùng một lúc vào tháng 9/1316. Riêng đối với vị thánh nữ này, như ngài tâm sự với đứa con gái thánh thiện của ngài là Catherine rằng bấy giờ ngài thà chết đi hơn là lập gia đình vì ngài chỉ muốn phụng sự Thiên Chúa như là một trinh nữ mà thôi.

Cho dù lập gia đình, ngài vẫn cố gắng sống thanh tịnh bao nhiêu có thể. Bởi thế, vào ngay đêm tân hôn, người vợ 13 tuổi này đã thuyết phục người chồng 18 tuổi noi theo gương cặp vợ chồng trong Thánh Kinh là Tôbia và Sarah. Quả thực hai vợ chồng trẻ này đã sống vợ chồng với nhau hơn một năm trời hoàn toàn thanh tịnh tiết dục.

Thánh Bridget là người vợ dạy cho chồng học hành và sống đạo, nhờ đó người chồng đã có thể đọc các kinh nguyện hằng ngày trong sách và cùng vợ gia nhập Dòng Ba Phanxicô. Khi chồng vắng nhà vì công vụ, thánh nữ đã canh thức thâu đêm cầu nguyện và hãm mình phạt xác.

Khi ở với nhau, hai vợ chồng sống tiết dục vào các Mùa Chay hằng năm, vào các Thứ Sáu hằng tuần và các ngày lễ chính trong năm. Trong chuyến hành hương đến Santiago Compostela ở Tây Ban Nha, hai vợ chồng đã khấn vĩnh viễn tiết dục cho đến trọn đời. Thậm chí, ở đan viện Xitô Alvastra, hai vợ chồng còn để nhau tùy ý theo đuổi ơn gọi tu trì như lòng mong muốn.

Ngoài ra, vị thánh nữ này còn giàu lòng bác ái phục vụ người nghèo khổ nữa. Khi chồng ngài còn sống, ngài đã mời 12 người đến ăn uống ở nhà ngài mỗi ngày để ngài hầu hạ họ, cung cấp cho họ những gì họ cần. Mỗi Thứ Năm ngài còn rửa chân cho họ theo gương Chúa Giêsu trong Bữa Tiệc Ly.

Ngài phục hưng lại các bệnh viện hư hỏng ở các miền nơi quê hương của ngài. Ngài viếng thăm người nghèo khó và bệnh tật, chăm sóc, rửa ráy, băng bó cho họ. Chưa hết, thánh nhân còn khuyến khích con cái của mình ngay từ khi còn nhỏ tập làm phúc bố thí.

Thậm chí ngài còn xin phép chồng đưa chúng đến nhưng nơi ở của người nghèo hay bệnh viện để chúng chúng kiến thấy những cảnh đáng thương của họ mà theo gương ngài phục vụ những người anh chị em xấu số bất hạnh ấy.

Đối với đàn con 8 đứa của mình, Thánh Bridget đã hết sức chăm lo giáo dục chúng trở thành Kitô hữu tốt lành thánh thiện. Có lần Đức Mẹ đã hiện ra với thánh nữ mà nói: "Con hãy chăm sóc những đứa con của con để chúng trở nên con cái của Mẹ nữa".

Ngài đã cố gắng hoàn tất lời này của Mẹ Maria. Tới độ, đứa con trai hư nhất nhà của ngài là Charles, một người đã cưới vợ 3 lần, cũng có một lòng mến yêu Đức Mẹ đặc biệt, như anh thường nói rằng anh "thà tàn tạ đi trong hỏa ngục còn hơn để cho Mẹ Maria bị mất đi sự tôn kính".

Trong số các người con này, người mẹ thánh đức này cũng có được một người con làm thánh, đó là thánh nữ Catherine.



Cuộc đời 24 năm cuối cùng, Thánh Bridget đã sống đời góa bụa sau khi người chồng qua đời ngày 12/2/1344, thời điểm trước khi ông được khẩn trọng, sau thời gian ông đã hoàn toàn dâng mình cho Chúa để làm một đan sĩ dòng Xitô ở đan viện Alvastra. Thánh nữ đã nhận được mạc khải từ Chúa về việc

lập dòng. Ngài ở tạm đan viện Alvastra như thời kỳ sửa soạn lập dòng.

Ngài đã đến Rôma năm 1349 và rời vào năm 1372-1373 ngài đã đi hành hương Thánh Địa. 24 năm cuối cùng của ngài sống tại Rôma và gây được ảnh hưởng rất nhiều nơi các vị lãnh đạo Giáo Hội thời bấy giờ trong việc thực sự canh tân Giáo Hội.

Ngài qua đời ở Rôma ngày 23/7/1373, hưởng thọ 70 tuổi, và được phong thánh năm 1391, rồi được tuyên phong làm quan thầy của nước Thụy Điển năm 1396.

Giáo Hội, qua công đồng Basil, đã chỉ thị cho Cha John de Torrecremata (sau làm hồng y) kiểm duyệt những gì ngài được mạc khải và được viết ra bởi cha linh hướng của ngài, trong đó có số roi đòn Chúa chịu và 15 Kinh Chúa dạy.

Sau khi được Giáo Hội chuẩn nhận, những mạc khải tư của ngài bắt đầu được phổ biến từ năm 1492. Bản dịch tiếng Anh chỉ bắt đầu được phổ biến từ năm 1611, có thể tìm mua ở Tan Books And Publishers, Inc: P.O. Box 424 - Rockford, IL 61105.

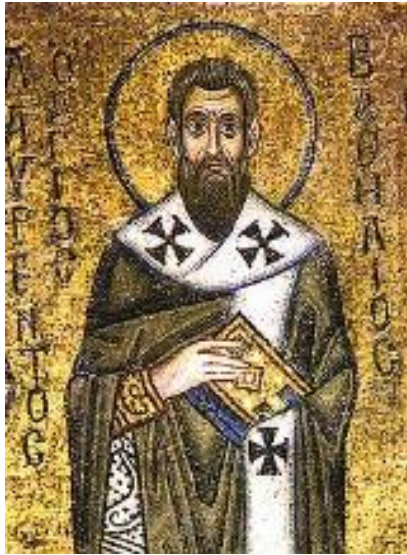
(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

Cha mẹ thánh sinh thành dưỡng dục 4 trong 10 người con thánh

Chiều kích thứ hai của “Gia Đình được gọi là Giáo Hội tại gia” ở chỗ *“Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”* quả thực đã được thể hiện trọn hảo nơi một số gia đình Kitô hữu, đặc biệt nhất là nơi 3 gia đình có cả cha mẹ lẫn con cái được Giáo Hội tuyên phong như những vị thánh của Giáo Hội: thứ nhất là cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh; thứ hai là cặp vợ chồng thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna với 3 người con thánh; và thứ ba là cặp vợ chồng thánh Vincent Madelgarius và Thánh Waldetrudis với 4 người con thánh.

Thứ nhất là cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh.

Thánh Basil the Elder, xuất thân ở Ceasarea Xứ Cappadocia, là một luật sư và giáo sư khoa hùng biện, lập gia đình với Thánh Emmelia là một người nữ vừa nết na đức hạnh vừa nhan sắc, một người con gái mồ côi cha mẹ từ nhỏ nên lập gia đình sớm để tránh nguy hiểm.



Cặp vợ chồng này nổi tiếng về nhân đức ở Pontus và Cappadocia, nhất là về lòng nhiệt thành trong việc thiết lập các công việc nhân ái đối với thành phần nghèo khổ và hành hương. Hai vị đã sinh được 10 người con.

Thánh Emmelia dạy con cái ngay từ thuở nhỏ biết trân quý Lời Chúa trong Thánh Kinh, nhất là Sách Khôn Ngoan được người mẹ thánh này sử dụng để

dạy cho con cái quen biết với các nguyên tắc của đời sống Kitô giáo.



Khi Thánh Basil the Elder qua đời vào năm 349 lúc người con cuối cùng vừa ra đời, và sau khi chu toàn nhiệm vụ dưỡng dục con cái, Thánh Emmelia đã ẩn thân trong một đan viện ở Annesi và đã qua đời năm 373.

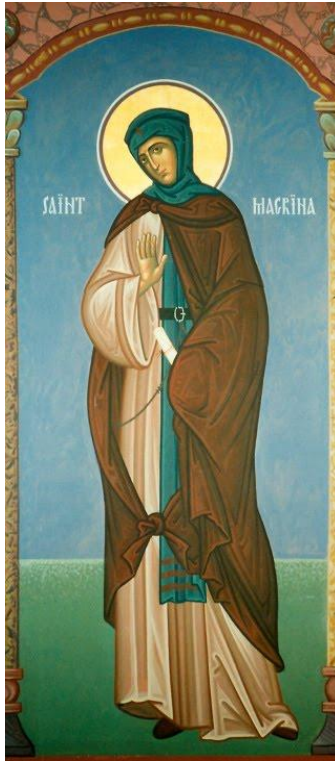
Bốn trong 10 người con thánh đức của cặp vợ chồng thánh Basil the Elder và Emmelia đó là Thánh Macrina the Younger, Thánh Basiliô Cả, Thánh Gregory of Nyssa, và Thánh Peter of Sebaste.

Thánh Nữ Macrina the Younger là cháu của Thánh Macrina the Elder, sinh năm 327 ở quê hương như của vị thân phụ.

Thánh nữ là một nữ nhân nhan sắc như mẹ và đã được cha mẹ gả cho một người nam xứng đáng nhất theo ý nghĩ của nhị vị thân sinh. Tuy nhiên, con người được tuyển chọn ấy đã chết bất ngờ trước khi thành hôn với thánh nữ. Thánh nữ đã quyết giữ mình đồng trinh trước mộ của người quá cố như để trung thành với người chồng chưa cưới này của mình.

Sau khi cha chết, thánh nữ đã phụ giúp mẹ nuôi dưỡng đàn em cho đến khi người mẹ hoàn thành nhiệm vụ làm mẹ của bà thì thánh nữ đã khuyên mẹ sống đời tu trì với một số phụ nữ vốn giúp việc cho gia đình thánh nữ, và người mẹ đã theo chấp thuận sống như thế trên bờ sông Iris ở Annesi gần Hore thuộc Pontus cho tới khi bà qua đời và vai trò lãnh đạo tu viện của bà được thay thế bởi chính thánh nữ.

Thánh Macrina the Younger đã ảnh hưởng nhiều đến những người em thánh nổi tiếng của mình. Hai người em trai lớn hơn của Thánh Peter là Thánh Basiliô Cả và Gregory of Nyssa, cho dù sau này đã trở thành các vị giám mục cũng vẫn liên lạc với người chị thánh đức khả kính này của mình.



Riêng Thánh Basiliô Cả, sau khi trở thành giám mục ở Ceasarea xứ Cappadocia vào năm 370, đã đích thân đến thăm chị của mình và truyền chức linh

mục cho người em Peter của mình để người em linh mục này có thể chăm sóc phần thiêng liêng cho chị và các nữ đan sĩ thuộc đan viện do chị mình thành lập.

Thánh Gregory, em trai của Thánh Basiliô Cả, sau khi làm giám mục ở Nyssa vào năm 371, cũng đã viếng thăm chị mình khoảng năm 380 và kết quả của cuộc viếng thăm này đã được đúc kết thành cuốn sách “Về Linh Hồn và Cuộc Phục Sinh” (PG 46:16-140).

Thánh nữ Macrina the Younger đã được chôn táng, như cha mẹ của mình, tại Thánh Đường gần đan viện của thánh nữ, một thánh đường được xây cất để tôn kính 40 vị tử đạo ở Sebaste.

Thánh Basiliô Cả là trưởng nam của cặp vợ chồng thánh Basil the Elder và thánh Emmelia, và là em của Thánh Nữ Macrina the Younger.

Ngài được sinh vào đời khoảng năm 329 hay 330 ở cùng quê hương với thân phụ là Ceasarea ở Cappadocia. Ngài là một đứa bé bệnh nạn và được chăm sóc bởi Thánh Nữ Macrina the Elder là bà của mình ở Annesi.



Sau khi được khỏi bệnh một cách lạ lùng sau biến cố thập tử nhất sinh, ngài trở về sống với cha mẹ của mình ở Ceasarea. Ngài chẳng những theo học ở quê quán của mình mà còn ở cả Constantinople và Nhã Điển. Ngài trở về nhà năm 356 và dạy khoa hùng biện một thời gian ngắn rồi rút lui sống đời tu trì.

Ngài đã viếng thăm các nơi chốn tu trì ở Syria, Palestine, Ai Cập, Mesopotamia để làm quen với tinh thần tu trì. Sau đó ngài đã sống đời tu trì với một nhóm người nam đồng chí hướng ở Neoceasarea thuộc Pontus.

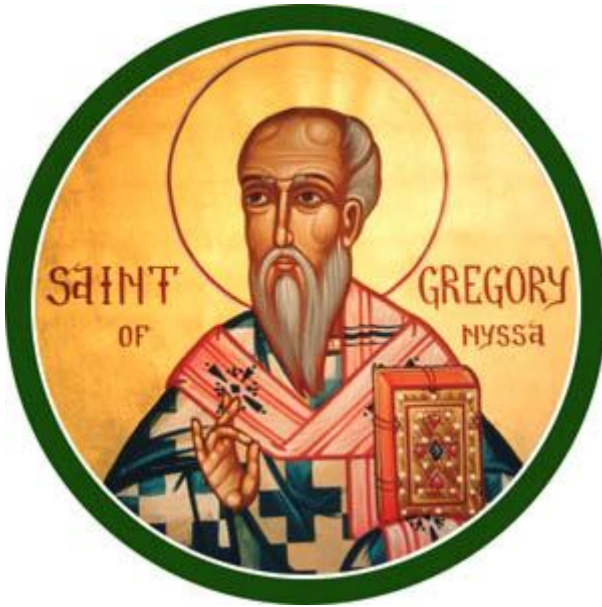
Vào năm 358, khi Thánh Gregory of Nazianzen viếng thăm ngài ở đây, một người bạn ngài đã quen biết khi còn học ở Nhã Điển, cả hai đã cùng nhau chẳng những biên soạn một tập sách được gọi là Philokalia bao gồm các câu nói được trích từ các tác phẩm của giáo phụ Origen mà còn cả luật lệ tu trì của đời sống đan sĩ làm nền tảng cho các luật lệ tu trì sau đó.

Thánh Basilô sở dĩ được gọi là “Cả” là vì các công việc của ngài làm với tư cách giám mục từ năm 370, liên quan tới việc linh hướng cũng như việc mục vụ tông đồ, nhất là việc ngài chống lại bè rối Arianism đang sung sức trong thời hoàng đế Valens cho đến khi bè rối này hoàn toàn bị tàn lụi vào năm 381. Ngài qua đời năm 379.

Thánh Gregory of Nyssa vào đời khoảng năm 335. Thời niên thiếu của ngài không được biết đến cho lắm và ngài không được học hành như anh ngài là Thánh Basiliô Cả. Ngài chỉ được học ở nơi quê quán của mình.

Hình như cha mẹ ngài mong muốn ngài trở thành linh mục, nhưng ngài lại trở thành một hùng biện gia. Ngài đã từ bỏ nghề hùng biện nhưng vẫn theo đuổi đời sống hôn nhân gia đình với Theosebia, và ngài đã tiếp tục sống đời hôn nhân gia đình này thậm chí cho cả sau khi ngài đã được người anh

giám mục Basiliô Cả tấn phong giám mục ở Nyssa cho ngài năm 371.



Tuy nhiên, đời sống hôn nhân gia đình vẫn không cản trở ngài sống thánh đức. Vợ ngài qua đời năm 385 và được giám mục Gregory Nazianzen là bạn học của Thánh Basiliô Cả ca tụng là “một người vợ thật là thánh đức và trung thực của một vị linh mục”.

Thánh nhân đã sống đời cô quạnh với vợ của mình và cảm thấy bị người anh giám mục Basiliô Cả bắt buộc làm giám mục. Thế nhưng, ngài đã chu toàn nhiệm vụ chủ chăn của mình, và đã được dân Chúa

quí mến. Ngoài ra, ngài đã trở thành một đại thần học gia và thần bí gia và là tổ phụ của khoa thần học về thần bí.

Thánh Peter of Sebaste là người con trai út của cặp vợ chồng thánh Basil the Elder và thánh Emmelia. Thánh nhân được sinh vào đời khoảng năm 349 và được giáo dục đạo đức bởi người chị thánh đức của mình cùng chịu ảnh hưởng sống thánh của người chị này rất nhiều.

Thánh nhân đã sống đời đan sĩ ở đan viện do người anh Giám Mục của mình là Basiliô Cả thành lập và sau đó trở thành đan viện phụ của đan viện này. Thánh nhân còn trở thành giám mục ở Sebaste trong thời gian 379-381 và qua đời năm 392.

Tiểu sử của các cặp vợ chồng thánh có các người con thánh không thuật lại cho chúng ta biết cách thức hay nghệ thuật giáo dục của các vị ra sao để có được những người con thánh đức như các vị, nhưng hoa trái thánh đức nơi con cái của các vị đã cho thấy các vị phải là những cây tốt lành và gia đình của các vị quả thực đã *“trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo”*.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

Một gia đình cả 2 cha mẹ và 3 người con đều thánh

Nếu chiều kích thứ hai của “Gia Đình được gọi là Giáo Hội tại gia” ở chỗ “*Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái*” chẳng những đã được thể hiện trọn hảo nơi gia đình của cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh, Thánh Macrina the Younger, Thánh Giám Mục Giáo Phụ Basiliô Cả, Thánh Giáo Phụ Gregory Giám Mục Nyssa, và Thánh Peter Giám Mục Sebaste, mà còn được thể hiện đặc biệt nơi gia đình của cặp vợ chồng thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna với 3 người con thánh, Thánh Giáo Phụ Gregory Nazianzen the Younger, Thánh Caesarius và Thánh nữ Gorgonia.

Thánh Gregory Nazianzen the Elder vào đời khoảng năm 274. Ngài vừa là một điền chủ ở Arianus gần Nazianus đồng thời cũng là một viên chức cao cấp trong chính quyền. Về vấn đề tâm linh và tín ngưỡng, ngài tin thờ thần “Zeus hypsistos”. Nhưng nhờ người vợ Kitô giáo của mình, viên chức cao cấp 45 năm trong chính quyền này đã trở lại Kitô giáo. Ngài được rửa tội vào năm 325 và dần thân sống đức tin Kitô giáo và sau đó 4 năm ngài được chọn làm giám mục ở quê quán của mình là Nizianus thành Cappadocia. Ngài đã qua đời năm 374 hưởng thọ gần 100 tuổi.



Thánh Nonna là vợ của Thánh Gregory Nazianzen the Elder và là con gái của một người Philantios. Thánh nữ đã sống đời làm vợ và làm mẹ Kitô giáo

gương mẫu, luôn nỗ lực thực hành các nhân đức Kitô giáo. Thánh nữ rất đạo hạnh và nết na, có một tấm lòng thương mến người nghèo khó. Nhất là việc Thánh nữ dưỡng dục cả 3 người con của mình sống thánh đức, đặt nền tảng nơi các con cho tương lai thánh đức của các vị. Thánh nữ đã qua đời vào năm 374, cùng năm với chồng, ở trong nhà thờ thánh nữ thường xuyên lui tới và trong khi đang tham dự Thánh Lễ.



Sau đây là ba người con đều làm thánh của gia đình cặp vợ chồng Thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna.

Thánh Gregory Nazianzen the Younger được sinh ra vào khoảng năm 330. Ngài học ở Caesarea xứ Cappadocia cũng như ở Caesarea xứ Palestine, sau đó ở Alexandria xứ Ai Cập, và sau cùng ở Nhã Điển gần 10 năm, nơi ngài đã trở thành bạn thân của Thánh Basiliô Cả.

Vào khoảng năm 358 ngài trở về Nazianzus và làm giáo sư hùng biện một thời gian ngắn. Cho tới bấy giờ ngài mới quyết định lãnh nhận phép rửa. Có lúc ngài đã muốn trở thành một đan sĩ. Năm 362, hoàn toàn ngoài ý muốn của mình, theo lời yêu cầu của cộng đồng dân chúng nơi quê quán của ngài, ngài đã thụ phong linh mục bởi vị giám mục thân phụ của ngài là Thánh Gregory Nazianzen the Elder.

Sau đó ngài đã trốn vào nơi hoang vắng và biện minh cho hành động của mình bằng cuốn Apologia for His Flight về phẩm vị và gánh nặng của thiên chức linh mục. Tuy nhiên, chẳng bao lâu, ngài đã trở về Nizianzus giúp vị giám mục cha mình để cai quản và chăm sóc mục vụ trong giáo phận của cha.

Ngài được giám mục bạn mình là Thánh Basiliô Cả tấn phong giám mục và sau khi vị giám mục thân

phụ của ngài qua đời năm 374, ngài đã tạm thay cha coi sóc giáo phận của cha. Tuy nhiên, chẳng bao lâu ngài lại dần thân sống đời đan tu ở Seleucia. Thế nhưng, vào năm 379, ngài đã chấp nhận coi sóc và tái thiết giáo phận Constantinople bấy giờ đang bị khủng hoảng.



Tuy nhiên, trước những tình huống ngoài ý muốn, ngài đã từ nhiệm vai trò lãnh đạo giáo phận Constantinople và tiếp tục chăm sóc cho giáo phận nhà Nizianzius 2 năm. Ngài đã sống những năm tháng còn lại trong đời của ngài ở gia sản do cha ngài để lại ở Arianzus gần Nazianzus, nơi ngài biên soạn những tác phẩm thần học quan trọng, nhất là về mầu nhiệm Chúa Ba Ngôi liên quan tới sự thật đồng bản thể của Chúa Con với Chúa Cha cũng như của Chúa Thánh Thần với cả Cha lẫn Con.

Thánh Caesarius là con thứ hai trong ba người con của gia đình cặp vợ chồng Thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna. Ngài đã theo học ở Alexandria Ai Cập các môn hình học, thiên văn và y dược.



Sau khi trở về quê quán Nazianzus của mình, ngài đã hành nghề y dược, thành công tới độ ngài đã

chiếm được lòng tin tưởng của Hoàng Đế Constantius, vị đã triệu ngài đến Constantinople. Cả vị tân hoàng đế là Julian the Apostate cũng bổ nhiệm ngài làm vị lương y cho triều đình của hoàng đế, cho dù thánh nhân không chấp nhận quan điểm về nhân sinh của vị hoàng đế này.

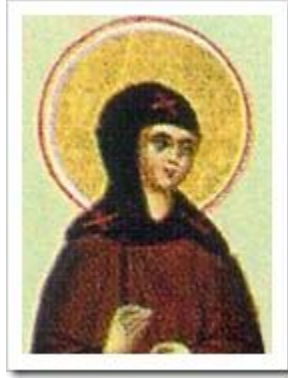
Sau đó ngài được Hoàng Đế Jovinian bổ nhiệm làm quan coi quốc khố ở Bithynia. Ở đó, ngài thoát chết một cách lạ lùng dưới đống đổ nát gây ra bởi trận động đất năm 368. Thế là ngài đã từ nhiệm tất cả mọi vị thế trong xã hội và chính trị để lo phần rỗi của mình.

Ngài đã lãnh nhận Phép Rửa và đã sống một cuộc sống thống hối và phục vụ người nghèo là thành phần ngài đã bán hết mọi sự ngài có để giúp họ. Ngài chết bất ngờ vào năm 369. Người anh giám mục của ngài là Thánh Gregory of Nazianzus the Younger đã ngỏ cùng ngài bài diếu văn an táng.

Thánh Gorgonia là người con gái út trong 3 người con của cặp vợ chồng Thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna.

Khi còn trẻ, thánh nữ đã được gả cho một người Alipius xứ Iconium, và hai vợ chồng thánh nữ đã có 5 người con, 2 trai và 3 gái. Thánh nữ đã sống một cuộc đời làm vợ và làm mẹ rất gương mẫu. Thánh

nữ đã qua đời vào năm 370, một năm sau người anh Caesarea và 4 năm trước cha mẹ của thánh nữ.



Trong lúc hấp hối, vị linh hướng của thánh nữ là Thánh Basiliô Cả đã có mặt. Và người anh giám mục của thánh nữ là Thánh Gregory Giám Mục Nazianzus the Younger đã ngỏ những lời phúng điếu với thánh nữ.

Thánh Gregory Giám Mục Nazianzen the Younger qua đời năm 390, muộn nhất trong cả gia đình 5 người của ngài, nên ngài đã lưu lại cho biết về các chi tiết liên quan tới đời sống của các phần tử trong gia đình ngài qua các bài điếu văn của ngài mỗi khi có người thân yêu trong gia đình của ngài qua đời.

(Phòng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

Người Mẹ Chân Phước Một Con Hiền Thánh Cả Nhà Chân Tu

Nếu chiểu kích thứ hai của “Gia Đình được gọi là Giáo Hội tại gia” ở chỗ “*Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái*” chẳng những đã được thể hiện trọn hảo nơi gia đình của cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh, Thánh Macrina the Younger, Thánh Giám Mục Giáo Phụ Basiliô Cả, Thánh Giáo Phụ Gregory Giám Mục Nyssa, và Thánh Peter Giám Mục Sebaste, cũng như nơi gia đình của cặp vợ chồng thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna với 3 người con thánh, Thánh Giáo Phụ Gregory Nazianzen the Younger, Thánh Caesarius và Thánh nữ Gorgonia, mà còn được thể

hiện đặc biệt nơi một gia đình có người mẹ chân phước, người con hiển thánh và cả nhà chân tu sau đây.

Người mẹ chân phước này là Chân Phước Aleth và người con hiển thánh này là Thánh Bênêđô nổi tiếng, vị giảng thuyết hùng danh cho các cuộc Thánh Chiến, là một con người tôn sùng Mẹ Maria và là Tiến Sĩ của Giáo Hội.

Chân Phước Aleth đã có công giáo dục con cái và tác dụng rất lớn nơi người chồng của mình, tới độ cả chồng lẫn 7 người con của ngài 8 người đều trở thành tu sĩ.

Chân Phước Aleth được sinh ra vào khoảng năm 1070, con của một con nhà quý phái là ông Bernard de Montbard và bà Humbeline de Ricey. Cha mẹ của chân phước đã hiến dâng chân phước cho Thiên Chúa trước khi chân phước được sinh ra và dưỡng dục chân phước theo ý hướng đó.

Vào năm 15 tuổi, chân phước lập gia đình với một bá tước trẻ can đảm và đức độ là Tescelin ở Fontaines, một thành gần Dijon. Người chồng này vì bận bịu với binh nghiệp nên không thường xuyên ở nhà với vợ con. Hai vợ chồng có tất cả là 7 người con, 3 trai đầu (Guy, Gerard và Bernard), 1 gái giữa

(Humbeline) và 3 trai cuối (Andrew, Bartholomew và Nivard).

Trong ngày thành hôn, Chân Phước Aleth đã xin với Chúa như thế này, một lời nguyện ước đã được Thiên Chúa hoàn toàn khứng nhận: “Ôi Thiên Chúa, nếu Chúa chúc phúc cho cuộc hôn nhân của con với Tescelin bằng những người con, thì con muốn dâng tất cả chúng về cho Chúa, để phụng sự Chúa thay cho con trong đời sống tu trì”.

Thật vậy, Chân Phước Aleth đã dưỡng dục con cái mình sống đời Kitô hữu, và đã làm gương sống cuộc đời này cho các con của mình, chẳng những bằng lòng đạo hạnh của mình (tĩnh lặng nguyện cầu, ăn uống thô sơ đạm bạc, ăn mặc bình dị nghèo hèn, xa tránh mọi vinh dự và vinh quang trần thế), mà còn bằng các hành động bác ái với người nghèo khổ và bệnh nhân, thành phần được chân phước tới thăm và không nề quản hầu hạ họ.

Thậm chí để gieo vãi và vun trồng ơn gọi linh mục nơi các con trai của mình, chân phước đã mời tất cả các vị linh mục trong làng và các vùng phụ cận đến nhà của mình vào Lễ Thánh Ambrôsiô là quan thầy của các vị mục tử và hân hoan thiết đãi các vị.



Blessed Aleth, mother of
St. Bernard of Clairvaux
XVc. Mus. Dijon

Thế nhưng, 5 trong 6 người con trai của chân phước mới đầu theo nghề binh nghiệp như cha với những hào phóng tự nhiên của tuổi trẻ, không một người nào trong họ có xu hướng về đời sống tu trì. Chỉ còn lại một mình Bernard, trầm lặng, thậm chí nhút nhát và e thẹn, là giống mẹ và có cùng một cảm thức với mẹ. Tiếc thay người mẹ chân phước này qua đời vào ngày 1 tháng 9 giữa những năm 1105 và 1110, chưa đầy 40 tuổi.

Trong lúc đó người con Bernard của người mẹ chân phước này đang học ở Châtillon xa nhà. Người con trai duy nhất giống cảm thức của mẹ này cảm thấy hết sức xót xa thương mẹ.

Thánh William of Saint-Thierry (chết năm 1148) đã viết về con người trẻ Bernard sau khi mẹ chết như thế này: “Ý nghĩ về người mẹ thánh đức này theo đuổi anh. Anh thường dường như thấy bà trước mặt, tiến đến với anh, khiển trách anh là bà đã không nuôi dưỡng anh cho những cái tầm thường và chơi đùa trần gian” Cảm thấy khắc khoải khôn nguôi với những lời ám ảnh này của mẹ, chàng thanh niên 21 tuổi là đứa con trai thứ ba trong gia đình người mẹ Chân Phước Aleth đã trở thành một đan sĩ.

Tuy nhiên, ý nghĩ đi tu của chàng Bernard đã bị cả cha lẫn anh em kịch liệt chống đối. Cuối cùng, người con vốn có bản chất trầm lặng, nhút nhát và e thẹn này chẳng những đã thực hiện được ý định tu trì của mình, mà còn thuyết phục được cả 4 trong 5 người anh em của mình, kể cả ông chú là Daudrich và 24 thanh niên quen biết, kéo nhau vào đan viện Biển Đức cải tổ ở Citeaux.

Người con trai út trong gia đình của người mẹ chân phúc Aleth là Nivard không theo chân các anh mình đi làm đan sĩ. Nhưng khi nghe người anh cả là Guy nói với nó rằng: “Này, tất cả gia sản của chúng ta giờ đây hoàn toàn thuộc về em”, hấn trả lời rằng: “Thế thì thiên đàng là của các anh còn trần gian này là của em hay sao? Như thế thì không phân chia công bằng!”



Mấy năm sau, người em út này cũng theo chân các anh đi tu ở cùng một đan viện. Riêng cô con gái duy nhất trong 7 người con là Humbeline, sau một thời gian ham hố trần gian và những gì là hư vô ảo ảnh, cũng đã trở thành nữ tu. Sau cùng là người cha góa của 7 người con này, cũng gia nhập cùng một đan viện với 6 người con trai của mình.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

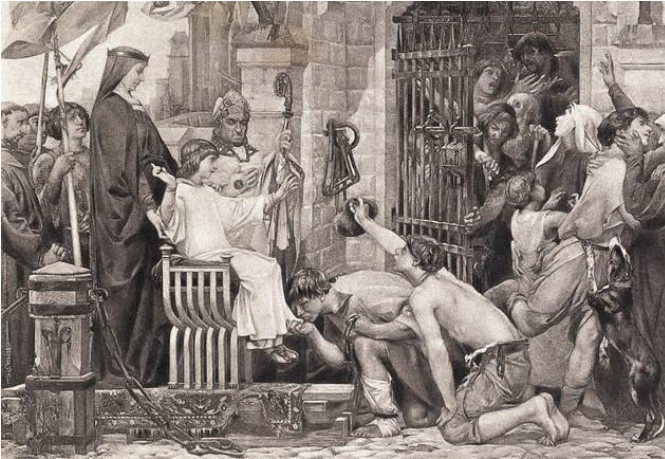
Một Đế Vương sống đời Đan Sĩ trong vai trò Làm Chồng và Làm Cha

Nếu chiều kích thứ hai của “Gia Đình được gọi là Giáo Hội tại gia” ở chỗ “*Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái*” chẳng những đã được thể hiện trọn hảo nơi gia đình của cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh, Thánh Macrina the Younger, Thánh Giám Mục Giáo Phụ Basiliô Cả, Thánh Giáo Phụ Gregory Giám Mục Nyssa, và Thánh Peter Giám Mục Sebaste, nơi gia đình của cặp vợ chồng thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna với 3 người con thánh, Thánh Giáo Phụ Gregory Nazianzen the Younger, Thánh Caesarius và Thánh nữ Gorgonia, cũng như nơi một gia đình có người mẹ chân phước, người con hiền thánh và cả nhà chân tu, mà còn được thể hiện đặc biệt nơi

một đế vương sống đời đan sĩ trong vai trò làm chồng và làm cha sau đây.

Vị thánh vương này vào đời năm 1214 ở Poissy. Ngài lên ngôi vua vào ngày 26/11/1226, khi mới 12 tuổi nên mẹ ngài là Blanche of Castile đã nắm quyền cai trị đất nước thay cho ngài với tư cách là Vương Thái Hậu. Ảnh hưởng giáo dục về Kitô giáo của bà trên vị thiếu vương này rất sâu đậm, đến độ, bà đã nói với ngài rằng:

- *“Con của mẹ, con biết mẹ thương con biết bao, thế nhưng mẹ thà thấy con chết đi còn hơn là phạm một trọng tội”.*



Tuy nhiên, sau khi vị thiếu vương con bà lập gia đình vào ngày 27/5/1234, năm 19 tuổi, với Margaret ở Provence, thì bà, hình như vì cảm thấy mất con, đã

tỏ ra quá khắt nghiệt với cả người con trai của bà lẫn đứa con dâu của bà. Ở chỗ, bà đã không cho đôi trẻ chung sống với nhau cả 6 năm đầu. Sau đó, bà vẫn cứ tiếp tục can thiệp vào cả việc vợ chồng của đôi trẻ, tới độ cả hai đã phải tỏ thái độ phản kháng lại bà.



Thái độ này không phải là chuyện dễ làm đối với người con trai của bà, vì một đảng là tình nghĩa đối với người mẹ có công sinh thành dưỡng dục mình,

đàng khác là tình yêu đối với người vợ yêu kiều
hằng thiết tha gắn bó với mình.

Về người vợ này, Thánh Phanxicô Salêsiô đã cho
chúng ta biết rằng:

- “Nếu ai hỏi vị nữ hoàng này rằng bà đang đi đâu thì bà chắc chắn trả lời rằng: ‘Tôi đang đi đến cùng một nơi đức vua tới’. Và nếu họ muốn hỏi thêm ‘thế nhưng bà có biết chính xác nơi nào vua đến hay chẳng?’ thì bà sẽ đáp như thế này: ‘Dĩ nhiên là vua nói với tôi một cách chung chung vậy thôi, nhưng nơi vua đi không phải là những gì tôi quan tâm; tôi chỉ biết rằng tôi đang đi với vua là đủ’. Nếu nếu ai đó than lên rằng: ‘Vậy thì bà không có ý định gì trong cuộc hành trình hay sao?’ thì bà sẽ nói rằng: ‘Không, tôi không có một ý định gì khác ngoài ý định được ở với chúa tôi cũng là người chồng thân yêu của tôi’” (Luận về Tình Yêu Thiên Chúa, cuốn 9, chương 13).

Cả 4 vị tiểu sử gia viết về vị thánh vương này ngay sau khi ngài qua đời đều cho biết rằng cặp vợ chồng vương giả này đã giữ “những ngày kiêng cử – days of abstinence” làm việc vợ chồng trong năm phụng vụ, chẳng hạn, trong suốt Mùa Vọng và Mùa Chay, cũng như vào Thứ Sáu và Thứ Bảy hằng tuần, và một ngày trước lẫn một ngày sau mỗi lần rước lễ (thời ấy một năm được rước lễ 6 lần: 1- Phục Sinh, 2-

Hiện Xuống, 3- Mộng Triệu, 4- Chư Thánh, 5- Giáng Sinh và 6- Dân Con). Chưa hết, cặp vợ chồng này còn tiết dục trong suốt thời gian người vợ bắt đầu mang thai, 11 lần như vậy trong 36 năm chung sống vợ chồng, vì họ có tất cả 11 người con, mặc dù tiết dục, trong đó có 9 đứa con được họ giáo dục cho tới khi khôn lớn.

Để được như vậy, hai vợ chồng đã phải nhờ đến ơn thiêng bằng việc tha thiết nguyện cầu, hằng ngày tham dự Thánh Lễ, và các giờ kinh phụng vụ. Riêng vị vương phu quân đạo hạnh thánh đức này rất mến thương đan viện Xitô ngài thành lập ở Royaumont. Ngài hay đến tĩnh lặng ở đan viện này và tuân giữ tất cả mọi việc khổ chế ở đó cùng tham dự các giờ kinh phụng vụ, thậm chí vua còn đóng vai phục vụ bàn ăn cho cả trăm đan sĩ ở đó nữa.



Sau cuộc viễn chinh của Đạo Binh Thánh Giá lần đầu vào năm 1224, và trở về lại quê hương của mình vào tháng 11 năm 1252, ngài càng sống đời đan tu hơn bao giờ hết. Ngài chẳng những đã bỏ đi tất cả những gì là xa hoa lộng lẫy ở cung đình, mà còn thực hành các việc hãm mình phạt xác, mặc áo nhặm.

Tuy nhiên, không phải vì thế mà không có những khác biệt và bất đồng xảy ra giữa hai vợ chồng đặc biệt này. Điển hình là vấn đề ăn mặc. Người chồng thì muốn phục sức đơn sơ giản dị hơn là oai phong uy nghi lẫm liệt như một đế vương, trong khi người vợ lại chủ trương trang phục phải đêu vào đó, xứng với chức bậc của mình. Có một lần người bạn của vị vương phu quân này là Joinville nghe lóm được một chút về cuộc tranh luận liên quan tới vấn đề ăn mặc này và đã thuật lại rằng. Có lần, bằng một giọng trào phúng vui vẻ, người chồng ấy đã nói với người vợ thân yêu của mình như thế này:

- *‘Vậy thì em muốn anh trang phục một cách sang trọng hơn phải không? Được lắm, rồi em sẽ thấy như thế; anh cần phải làm theo ý muốn của em, và em cũng cần phải làm theo ý muốn của anh. Thế nên, anh muốn rằng em làm ơn bỏ đi tất cả những thứ sơn phấn của em. Em làm sao thích ứng với cách thức phục sức của anh thì anh sẽ thích ứng với cách thức phục sức của em!’.*

Trên thực tế người chồng này vẫn để cho vợ mình trang điểm tùy theo ý muốn của nàng, nhưng chàng vẫn trang phục theo tinh thần khó nghèo hơn là kiểu cách trần gian.

Về vấn đề giáo dục con cái, vị vua thánh đức này rất mong muốn trong số con cái của mình có được on gọi tu trì làm linh mục (như ngài mong mỗi nơi đưa con trai tên là Tristan) ở những dòng tu ngài yêu chuộng như Đaminh, Phanxicô và Xitô, hay làm nữ tu (như ngài hy vọng nơi người con gái tên Blanche). Thế nhưng không đứa nào làm cho ngài toại nguyện. Ngài giáo dục con cái không phải chỉ biết sống đạo đức với Chúa mà còn sống bác ái với cả tha nhân nữa.



Vào thời điểm mở màn cho cuộc viễn chinh lần hai của Đạo Binh Thánh Giá năm 1267, ngài đã bị dịch tả và qua đời ngày 25/8/1270. Đức Thánh Cha Bonifacio VIII đã phong thánh cho Vị Đế Vương Phu Quân Louis IX của Nước Pháp này vào ngày 11/8/1297.

Sau đây là bức thư tuyệt mệnh di chúc ngài đọc trên giường bệnh ở Tunis để gửi cho người con trai sẽ lên làm vua thay mình:

- *“Con chí ái của cha ơi, lời răn bảo đầu tiên của cha đó là con phải kính mến Chúa là Thiên Chúa của con hết tâm hồn và hết sức của con. Bằng không con sẽ chẳng được cứu độ. Con ơi, con hãy giữ mình khỏi tất cả những gì làm mất lòng Thiên Chúa, tức là khỏi hết mọi trọng tội. Con thà chịu mọi cực hình tử đạo trước khi con sa ngã phạm một tội trọng.*

“Nếu Chúa để cho con chịu thử thách thì con hãy sẵn sàng và tri ân chấp nhận nó, coi nó xảy ra vì thiện ích của con và có lẽ con thật đáng phải chịu như thế. Nếu Chúa ban cho con được thịnh vượng, con hãy khiêm nhượng tạ ơn Ngài và cố đừng trở nên bất xứng với ơn ấy, vì lòng kiêu hãnh hoang đường của con hay vì bất cứ sự gì, bởi con không được chống lại Thiên Chúa hay xúc phạm đến Ngài với các tặng ân Ngài ban cho con.

“Hãy hân hoan và sốt sắng lắng nghe giờ kinh phụng vụ thánh. Bao lâu con ở trong nhà thờ, hãy cẩn thận đừng để cho mắt của con ngang dọc đó đây và đừng nói năng vô ích, mà hãy ân cần cầu nguyện cùng Chúa, vang lên lời nói hay âm thầm cầu nguyện trong lòng.

“Hãy tỏ lòng nhân ái với thành phần nghèo hèn, thành phần bất hạnh và thành phần đau khổ. Hãy cố gắng bao nhiêu có thể trợ giúp và an ủi họ. Hãy tạ ơn Chúa về tất cả mọi ân huệ Ngài ban xuống trên con, để con xứng đáng lãnh nhận nhiều hơn nữa. Hãy tỏ ra công bằng với những thuộc nhân của mình, không nghiêng bên phải hay ngã bên trái, nhưng giữ vững những gì là công minh chính trực. Hãy nghiêng về người nghèo hơn là người giàu cho tới khi con nắm được sự thật. Hãy làm sao cho tất cả mọi người thuộc quyền của con sống trong công lý và hòa bình, nhất là những đấng bậc trong Giáo Hội và những vị thuộc về các dòng tu.

“Hãy tôn sùng và vâng phục Mẹ Giáo Hội Rôma của chúng ta cũng như Đức Giáo Hoàng như người cha thiêng liêng của con. Hãy nỗ lực loại trừ tất cả tội lỗi khỏi đất nước của con, nhất là các tội lộng ngôn và lạc giáo.

“Tóm lại, hỡi con chí ái của cha, cha ban cho con hết mọi phúc lành mà một người cha ưu ái có thể ban cho

con mình. Chớ gì Ba Ngôi Chí Thánh và tất cả chư thánh bảo vệ con khỏi mọi sự dữ. Và chớ gì Chúa ban cho con ơn làm theo ý của Ngài, nhờ đó qua con Ngài được phụng sự và tôn vinh, để ở đời sau chúng ta cùng nhau liên lý được chiêm ngưỡng Ngài, mến yêu Ngài, và chúc tụng Ngài”.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Cặp Vợ Chồng Chân Phước
cha mẹ thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu,
một trong năm người con nữ tu.**



Nếu chiều kích thứ hai của “Gia Đình được gọi là Giáo Hội tại gia” ở chỗ “*Gia đình trở thành một học đường dạy nhân đức làm*

người và Kitô giáo và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái” chẳng những đã được thể hiện trọn hảo nơi gia đình của cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh, Thánh Macrina the Younger, Thánh Giám Mục Giáo Phụ Basiliô Cả, Thánh Giáo Phụ Gregory Giám Mục Nyssa, và Thánh Peter Giám Mục Sebaste ; nơi gia đình của cặp vợ chồng thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna với 3 người con thánh, Thánh Giáo Phụ Gregory Nazianzen the Younger, Thánh Caesarius và Thánh nữ Gorgonia ; cũng như nơi một gia đình có người mẹ là chân phước Aleth, người con là hiền thánh Bênadô và cả nhà chân tu ; nơi một đế vương là Vua Louis IX Pháp quốc đã sống đời đan sĩ trong vai trò làm chồng và làm cha, mà còn được thể hiện đặc biệt nơi cả cặp chân phước cha mẹ của Thánh Nữ Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu sau đây.

Lừa dối Chân Phước

“Thiên Chúa nhân lành đã ban cho con một người cha và một người mẹ xứng với Thiên Đàng hơn là thế gian”. Đó là lời chị Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu viết (Lá Thư 261) khi gần qua đời cho Cha Bellière tóm tắt về gia đình của chị. Và đó cũng là lời được khắc trên mộ của cha mẹ chị, khi thi thể của hai vị được cải táng và chôn bên nhau ở gần hậu cung Đền Thờ Lisieux. Vào năm 1956, kỷ niệm 50 năm khấn trọn

đòi của Céline là một trong 4 chị em vào cùng một dòng kín Carmêlô, nhưng sau 2 chị và cô em, vị giám mục bản quyền địa phương đã loan báo rằng: *“Tôi có một tin vui cho Sơ. Tôi có thể loan báo là án phong chân phước cho cha mẹ của Sơ được bắt đầu”*.

Ngày 19/8/2008, ĐTC Biển Đức XVI đã phê chuẩn lễ nghi phong chân phước cho các vị. Và ngày ấn định tôn phong chân phước cho nhị vị là ngày Khánh Nhật Truyền Giáo 19/10/2008. Đây là cặp vợ chồng thứ hai được Giáo Hội phong chân phước. Cặp vợ chồng đầu tiên là cặp người Ý Luigi (chết vào năm 1951) và Maria Beltrame Quattrocchi (chết năm 1965), được ĐTC Gioan Phaolô II tuyên phong vào Ngày Truyền Giáo Thế Giới 21/10/2001, 7 năm trước.

Thật vậy, án phong thánh cho cha mẹ của chị được bắt đầu tiến hành từ đó, nhưng mãi cho đến ngày 10/6/2003, tức gần một nửa thế kỷ mới xong, ngày ĐHY Tổng Giám Mục Milan là Dionigi Tettamanzi long trọng kết thúc án phong chân phước, khi công nhận một phép lạ chữa lành nhờ lời chuyển cầu của các vị. Trong khi ĐHY đang cử hành nghi thức thì chính em bé 13 tháng tuổi được chữa lành này bò ở dưới bàn của ngài.

Phép lạ được công nhận này đã xảy ra cho bé Pietro Schiliro, sinh ở Monza ngày 25/5/2002 trong một gia đình có 5 anh chị em, và đã được chữa lành vào

chính ngày lễ quan thầy của mình 29/6/2002 khỏi một chứng bệnh phổi rất trầm trọng và nguy tử sau hai tuần cứu nhật với nhị vị cha mẹ đáng kính này, theo lời đề nghị của Cha Sangalli dòng Carmêlô. Bé đã rời bệnh viện ngày 26/7 hoàn toàn bình phục.

Và bé cũng đã có mặt ở vương cung thánh đường Lisieux Pháp quốc Chúa Nhật 19/10/2008 trong thánh lễ do Đức Hồng Y Tổng Trưởng Thánh Bộ Ấn Phong Thánh hưu trí là Saraiva Martins chủ tế phong chân phước cho nhị vị đã chuyển cầu cho việc bé được chữa lành..





Thế nhưng, vấn đề được đặt ra ở đây là đâu là đời sống hôn nhân gia đình thánh thiện nơi nhị vị tân chân phước vợ chồng là cha mẹ của vị thánh nữ quan thầy các nhà truyền giáo Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu?

Vào ngày 4/4/1957, Céline, bấy giờ đã là nữ tu Dòng Kín Carmêlô với tên gọi là Gèneviève Thánh Nhan, đã làm chứng trong tiến trình phong chân phước cho cha mẹ mình về một *“vẻ đẹp của một đời sống phôi ngấu sống hoàn toàn cho một mình Chúa nhân lành, không theo cái tôi hay vị kỷ. Nếu người tôi tớ Chúa muốn*

có nhiều con là để hoàn toàn hiến dâng chúng cho Thiên Chúa mà thôi. Tất cả những điều ấy đều xảy ra một cách đơn thành của một cuộc sống bình thường, chịu khó làm việc và đây những khốn khó được đón nhận bằng niềm phó thác và cậy trông nơi Ý Muốn Thần Linh”.

Trong bản Tuyên Ngôn được công bố ngày 13/10/1957 về Các Nhân Đức của cặp vợ chồng thân phụ mẫu của Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu này, người ta đọc thấy những lời được Đức Hồng Y Tổng Trưởng Thánh Bộ Ân Phong Thánh hưu trí là Saraiva Martins lập lại để kết thúc bài nói của ngài trong Đại Hội mừng kỷ niệm 150 năm lập gia đình của nhị vị vào ngày 12-13/7/2008 ở Alencon và Lisieux như sau:

“Chúng ta đã thấy trước mắt chúng ta một cặp vợ chồng, và một gia đình, những người đã sống và đã tác hành hoàn toàn tuân hợp với Phúc Âm, chỉ lo sống trọn mỗi phút giây trong ngày dự án mà Thiên Chúa giành cho họ. Họ chỉ đạt đến sự trọn lành bằng việc tìm kiếm và nghe tiếng của Ngài. Louis và Zélie không phải là những con người rao giảng tin mừng trong các phong trào nhiệt thành hay của một hội tông đồ đặc biệt nào đó, thế nhưng cả gia đình của họ đã sống một cuộc sống bình thường được soi dẫn bởi thần linh và siêu nhiên. Đó là chiều kích chính yếu, thuận lợi cho bất cứ ai, được cống hiến cho các gia đình ngày nay noi gương bắt chước. Trước gương của gia đình Martin này, chúng ta có được dưỡng chất,

sức mạnh và hướng đi hầu tránh được quyền lực tân tiến của chủ nghĩa tục hóa, nhờ đó vượt lên trên nhiều sâu thuong và thấy được tặng ân yêu thương phiêu ngẫu, cũng như tặng ân làm cha làm mẹ trong ý nghĩa thích đáng của chúng như là Tặng Ân khôn lường của Thiên Chúa”.

Sau đây là truyện đời của riêng nhị vị tân chân phước cũng như của chung gia đình hai vị.

Thiên duyên tiền định

Louis, đứa con thứ hai trong 5 người con của gia đình Martin, vào đời ngày 22/8/1823 ở Bordeaux. Cha của Louis Martin giải ngũ và dọn về ở Alencon. Louis đã học hành ở đó cho đến năm 22 tuổi thì quyết định hành nghề chế tạo đồng hồ. Louis đã đến Strasbourg học nghề này. Trong thời gian học nghề ấy, có một lần chàng đến thăm Đan Viện Thánh Bênadô sống theo Luật Thánh Âu Quốc Tinh, một đan viện có một địa thế cao nhất Âu Châu, 6000 bộ trên mặt biển ở rặng núi Alps, lạnh âm 20 độ vào mùa đông. Khi trở về, chàng mang theo một cành hoa nhỏ, và cành hoa này đã được tìm thấy trong những thứ đồ đạc của chàng sau khi qua đời.

Sau đó một năm, tức vào năm 23 tuổi, cảm thấy có ơn gọi làm linh mục, chàng quyết định trở lại với Đan Viện Thánh Bênadô ấy một lần nữa, nơi hợp

với lòng yêu thích thiên nhiên và khuynh hướng chiêm niệm của chàng. Thế nhưng, vì đan viện trưởng đã đòi hỏi chàng một điều kiện, đó là “*anh cần phải học tiếng Latinh đã*”. Thế là chàng đã cố gắng học tiếng Latinh. Người ta còn thấy trong cuốn sổ chỉ tiêu của chàng những ghi nhận về việc mua các cuốn sách giáo khoa Latinh và các bài học Latinh hằng tuần. Rồi đùng một cái, người ta thấy xuất hiện một ghi chú là “*bán cuốn tự điển Pháp – Latinh...*” Thế là chàng đã bỏ cuộc, không theo đuổi on gọi linh mục nữa. Nhưng vẫn không có hay chưa có ý định lập gia đình.

Chàng tiếp tục học nghề chế tạo đồng hồ ở Strasbourg và sau mấy năm học thêm ở Paris, chàng đã hoàn tất việc huấn nghệ này. Trở về Alencon, chàng đã mua một căn nhà và mở tiệm chế tạo đồng hồ lẫn sửa chữa đồng hồ ở địa chỉ 17 rue du Pont Neuf 21 năm. Công việc làm ăn của chàng thành công đến nỗi sau đó chàng mở thêm tiệm nữ trang nữa. (Thì ra từ hậu bán thế kỷ 19 đã có những tiệm bán đồng hồ kiêm nữ trang rồi, chứ không phải bây giờ mới có). Chàng thích đọc sách, bơi lội, cầu nguyện, chơi thực bida, câu cá và đi bách bộ lâu giờ ở đồng quê. Chàng tậu một khu đất có một cái chòi để có thể sống một cuộc đời bình lặng thanh thoi. Tuy nhiên, mẹ của chàng lại có ý khác. Bà đã sắp xếp cho chàng gặp Zélie là cô bé cùng học lớp làm ren với bà...

Zélie, người con thứ hai trong 3 chị em, sinh ngày 23/12/1831 ở Gandelain. Cha của nàng cũng là một quân nhân và giải ngũ như cha của Louis. Sau khi vợ ông mở tiệm cà phê bị lỗ lã, ông đã dọn về Alencon để hai đứa con gái của ông được học ở trường Công Giáo của các Chị Dòng Thánh Tâm. Zélie rất thông minh. Cô đã chiếm giải nhất thi viết văn 10 trong 11 lần. Cô đã trải qua thời niên thiếu khốn khổ với người mẹ khắc nghiệt. Sau này cô đã viết cho đứa em trai Isidore của cô rằng: *“Mẹ tỏ ra quá nghiêm khắc với chị, còn em thì lại được mẹ nuông chiều”*.

Zélie đã xin vào Dòng Thánh Vinh Sơn Phaolô ở Alencon, đã gặp mẹ bề trên, vị đã nói với cô rằng cô không có ơn kêu gọi. Tuy cảm thấy buồn khi phải chấp nhận lời khuyên này, vì cô nhận ra Thánh Ý Chúa khi kêu lên cùng Ngài rằng: *“Chúa Trời con ơi, con sẽ đi lập gia đình để chu toàn thánh ý của Chúa. Vậy con xin Chúa hãy ban cho con nhiều con cái và chúng được thánh hiến cho Chúa”*.

Thế là cô trở về quyết định theo học nghề làm ren. Alencon là trung tâm làm ren ở Pháp. Zélie đã trở thành một chuyên nghiệp viên về ngành nghề này. Cô đã điều hành một nhóm phụ nữ, vẽ kiểu và mua chỉ sợi. Cứ mỗi Thứ Năm họ tới nhà của cô để cô giao cho một số việc nào đó mang về làm ở nhà họ trong vòng một tuần, và nộp lại cho cô vào Thứ

Năm sau đó. Cô ráp nối những gì họ làm, điều chỉnh những sai sót rồi lại chia việc cho họ làm tiếp. Cô rất thành công trong ngành nghề này. Cô đã biến lâu một căn nhà của cô cư ngụ ở Rue Ste Blaise thành văn phòng và công xưởng. (Đường lối làm việc này vẫn còn thịnh hành cho tới ngày nay, ngay trong cộng đồng Người Việt Hải Ngoại Nam California).

Thấy mình không có ơn gọi làm nữ tu, cố đã quyết định lập gia đình. Một ngày kia, tình cờ cô lưu ý tới một chàng thanh niên có vóc dáng quý phái đi ngang qua mặt cô. Bấy giờ cô nghe thấy một tiếng nói trong lòng rằng *“chàng là người Ta sửa soạn cho con đó”*. Ít lâu sau nàng biết được người thanh niên đó là Louis Martin. Qua việc sắp xếp của mẹ Louis, hai người đã gặp nhau và chỉ sau 3 tháng, họ đã quyết định tiến tới hôn nhân, và chính thức trở thành vợ chồng với nhau tại Nhà Thờ Đức Mẹ Ban Ôn, vào nửa đêm Thứ Ba ngày 13/7/1858, khi Zélie ở vào tuổi 27 và Louis ở vào tuổi 35.

Khi quyết định lập gia đình, cô không có ý nghĩ gì về vấn đề sinh sản. Vào chính ngày cưới, nghe thấy vấn đề này, cô đã đến gặp người chị của cô bấy giờ là Nữ Tu Maria-Dosithée Dòng Thăm Viếng ở Le Mans cũng vào năm 1858, khóc lóc thảm thiết. Nhưng sau đó cô đã viết trong một bức thư rằng: *“Em không bao giờ hối tiếc về việc lập gia đình”*. Louis là một con người sống lý tưởng, thậm chí là một con

người lãng mạn, đã thuyết phục nàng rằng cả hai sẽ sống với nhau như anh em theo gương Thánh Giuse và Mẹ Maria.

Tuy nhiên, 10 tháng sau, qua vị giải tội, nhận thấy việc sống như thế không hợp với ý muốn của Thiên Chúa, nhất là Zélie lại muốn có con, cặp vợ chồng có một không hai này đã bắt đầu cho ra đời những đứa con, đầu tiên là Maria, rồi tới Pauline và Léonie. Zélie viết: *“Chúng tôi chỉ sống cho con cái của mình, chúng là tất cả những gì may lành mà chúng tôi chỉ tìm thấy nơi chúng”*. Nàng còn viết cho người con gái Pauline của nàng rằng: *“Đôi với mẹ thì mẹ muốn có nhiều con cái để mẹ có thể dưỡng dục chúng cho Thiên Đàng”*. Bởi thế, chưa đầy 13 năm, họ đã có tất cả là 9 người con.



Muối đất men bột

Công việc làm ăn của Zélie thành công tới độ Louis đã bán cả tiệm chế tạo đồng hồ lẫn tiệm nữ trang cho người cháu của mình để về làm quản đốc và giao dịch cho vợ. Tổ ấm gia đình của họ là chính căn nhà bấy giờ của Zélie, nơi đã trở thành một hãng làm ren nổi tiếng được gọi là “*Point d’Alencon*”. Tuy nhiên, công việc làm ăn càng lên và để phát triển ngành nghề này của vợ, Louis đã phải bỏ ba đầy đó ít khi có nhà, ngay cả lúc cô con gái út của ông là Têrêsa vào đời cũng thế.

Hai vợ chồng Louis và Zélie làm ăn chẳng những rất lương thiện mà còn bác ái nữa. Nhất là đối với người nghèo và nhân viên của mình. Họ trả tiền cho nhân viên ngay sau khi họ xong việc, kể cả khi họ bị bệnh nữa. Trong năm đầu đời hôn nhân, họ đã nhận chăm sóc cho một bé trai có mẹ chết để lại 11 người con. Đối với Chúa, cả hai đều chú trọng tới đời sống nội tâm cầu nguyện nữa. Họ đã tham gia vào các hội đạo đức, chẳng hạn như Dòng Ba Phanxicô, hội châu Thánh Thể đêm. Họ tuân giữ kỷ càng những luật lệ của Giáo Hội như ăn chay, kiêng thịt. Họ thường xuyên xưng tội và tham dự Thánh Lễ hằng ngày.

Louis tỏ ra rất chăm sóc cho vợ, cho dù không thường xuyên ở nhà với vợ. Có lần, từ Paris, chàng

đã viết thư về cho vợ căn dặn nàng như thế này: “Đó em thấy không, anh đã dặn em là hãy cứ bình thản mà. Em làm việc vất vả quá đi; em bị mệt chết mất thôi. Chúng ta chỉ cần chịu khó làm việc, phần Chúa sẽ lo cho chúng ta hết mọi sự. Chúng ta sẽ xây dựng một thương vụ phát triển nho nhỏ, nhưng đừng vì thế mà kiệt sức nghe em”.

Có lần chàng lại viết như sau: “Cưng ơi, anh xin lập lại một lần nữa là đừng có lo lắng quá nghe cưng. Với ơn Chúa giúp, chúng ta sẽ xây dựng được một công việc làm ăn nhỏ bé tốt đẹp thôi” “Anh ấp yêu em trong lòng và chờ ngày được vui vầy với em” “Chồng của em và người bạn chân thật mãi mãi yêu em”.

Mặc dù bận bịu với việc làm ăn như thế, đồng thời còn phải chăm sóc cho một gia đình đông đảo, kể cả người bố chồng được nàng phụng dưỡng sau khi mẹ chồng nàng qua đời, Zélie vẫn trung thành với đời sống cầu nguyện, với Thánh Lễ hằng ngày, với việc cùng các con cầu nguyện. Trong 218 bức thư (từ năm 1863 đến 1877) còn được lưu giữ của nàng, nhất là những bức thư nàng gửi cho bà chị nữ tu ở Le Mans và đứa em trai dục sĩ Isidore ở Paris, cũng như cho hai đứa con gái lớn học nội trú của nàng, người ta thấy được mối quan tâm nàng tỏ ra đối với các thực tại của đời sống cũng như của thế giới.

Vào năm 1870, quân Đức xâm chiếm Pháp quốc. Họ đã trú chân ở các gia đình trong tỉnh Alençon. Trong một bức thư, Zélie đã thuật lại hậu quả của cuộc xâm chiếm này đối với riêng gia đình nàng cũng như với phố thị này như sau: *“Quân Đức đã hủy hoại nếp sống của gia đình tôi trong nháy mắt. Tình lý này trở thành tan hoang, và hết mọi người than van khóc lóc trừ chúng tôi”*. Cũng qua một bức thư của Zélie, người ta biết được rằng có 9 người lính Đức vào ở trọ gia đình nhà Martin này, nhưng có một người lính bị Louis bắt quả tang lấy trộm chiếc đồng hồ của chàng, đã bị chàng tóm cổ tống ra khỏi nhà. Hôm sau, chàng nộp đơn tố cáo vụ này với thẩm quyền của quân Đức. Tuy nhiên, sau đó một ngày, khi nghe thấy có lệnh xử bắn những ai hôi của, và tên lính bị chàng tố cáo sẽ bị xử như thế thì chàng lập tức tới xin rút lại lời tố cáo của mình và xin đừng bắn người lính tội nghiệp ấy.

Việc chiếm đóng của quân Đức không phải là hoạn nạn duy nhất của gia đình Martin này, mà còn những đau khổ thử thách khác xảy ra trong nội bộ gia đình họ nữa. Đúng thế, đó là 6 cái chết liên trong vòng 5 năm của gia đình này. Đầu tiên là người bố chồng qua đời vào năm 1865. Bố của Zélie qua đời 3 năm sau đó, năm 1868, nơi an táng của ông đã được Zélie đã cho biết là: *“Mộ của ông sẽ là ngôi mộ gần với nấm mồ của hai nhỏ Giuse”*. Thật thế, hai bé trai Giuse đều chết vào năm mới được một tuổi, một đứa qua

đời năm 1867 và đưa kia vào năm 1868. Nhất là trong năm 1870 họ mất đến hai đứa con gái, một đứa 5 tuổi rưỡi là Hélène và một đứa chưa đầy 2 tháng tuổi là Mélanie.

Về những cái chết của con cái mình, Zélie đã ghen ngào viết: *“Khi tôi khép mắt cho những đứa con thân yêu của tôi lại để sửa soạn an táng chúng, thì lòng tôi cảm thấy hết sức xót xa, thế nhưng, nhờ ơn Chúa, tôi bao giờ cũng cam chịu theo ý muốn của Người. Tôi không hối hận về những đờn đau và hy sinh phải chịu vì chúng... Tôi không hiểu được tại sao dân chúng lại nói rằng ‘nếu không trải qua những sự ấy thì cô đã sống hạnh phúc hơn rồi’... Giờ đây chúng đang được hoan hưởng trên thiên cung. Như thế tôi đâu có mãi mãi mất chúng. Đời sống thì ngắn ngủi, rồi tôi sẽ được gặp lại những đứa nhỏ của tôi trên thiên đàng”*.

Cô út Thiên-Sa vào đời năm 1873. Zélie biết rằng bé là đứa con cuối lòng. Thế nhưng, cô út Thiên-Sa sinh ra rất yếu ớt. Cho dù đã quen với những cái chết của các người con trước, Zélie vẫn lo cho sự sống của cô út Thiên-Sa. Sau 3 đứa đầu, nàng không thể cho con bú sữa mẹ, mà phải nhờ đến một người vú nuôi. Nàng đã thuật lại bệnh hoạn của cô út Thiên-Sa như thế này:

“Để khỏi quá muộn, ngay đêm hôm ấy tôi đã lên đường đi tìm người vú nuôi. Thật là cả một đêm dài! Thiên-Sa

không dùng một chút dinh dưỡng gì hết. Cả đêm hôm ấy, tất cả mọi dấu hiệu chẳng lành xảy ra cho những cái chết của các vị thiên thần khác của tôi đã chập chờn hiện lên, và tôi cảm thấy buồn là tôi không thể giúp được gì hết trong tình trạng yếu đuối mỏng dòn của đứa con gái út này”.

Trên đường đi vào đêm hôm ấy, nàng đã thấy hai người đàn ông mặt mũi hung dữ tiến đến với nàng từ một con đường hoang vắng. Bấy giờ nàng nhủ thầm rằng “*nếu họ có giết tôi chẳng nữa thì cũng chẳng có gì là khác biệt hết. Tôi đã cảm thấy đau lòng đến chết được ở trong lòng rồi*”. Cuối cùng nàng cũng đến được Semallè và xin Rose Taillè là vú nuôi mấy đứa con trước của nàng đến Alencon nuôi cô út Thiên-Sa. Tuy nhiên, Rose đã từ chối vì chính người vú này cũng đang phải nuôi đứa con nhỏ của mình. Sau đó Rose đã nhận lời đến Alencon nhưng là để mang Thiên-Sa về Semallè nuôi. Tới Alencon, nhìn thấy Thiên-Sa, Rose đã nói rằng “*đã quá trễ rồi*”. Zélie liền chạy ngay lên lầu, đến trước tượng Thánh Giuse van xin Thánh nhân cứu lấy Thiên-Sa. Trở xuống lầu, nàng thấy Thiên-Sa không còn trong tình trạng “*đã quá trễ rồi*” nữa.

Đường tình thập giá

Vấn đề Zélie không cho con bú sữa mẹ được là vì khi còn là con gái, nàng đã ngã trúng vào một cái

bàn và bị đau ngực. Năm 1865 nàng viết thư cho đứa em trai cho biết nàng cảm thấy đau ở ngực. Nàng cứ mặc kệ nó vì có lẽ nàng hy vọng rằng nó sẽ hết thôi. Sau đó ngực nàng có bướu và vì đau nên không thể cho con bú. Sau hết, vì cái đau ấy, vào tháng 12 năm 1876, nàng khám phá thấy rằng mình bị ung thư, nhưng đã quá trễ mất rồi, các bác sĩ đều cho là nàng đã ở vào thời kỳ ung thư cuối cùng.

Nàng đã dẫn 3 đứa con gái đầu đi hành hương Lộ Đức, một cuộc hành hương làm cho nàng càng cảm thấy vất vả đốn đau. Ba cô con gái cảm thấy buồn vì Đức Mẹ đã không chữa lành cho mẹ của mình. Nhưng người mẹ bất hạnh này đã trấn an các con một cách đầy thánh đức bằng chính lời Đức Mẹ nói với chị Bernadette (vị thụ khải mà khi người mẹ khốn khổ này gần qua đời bấy giờ vẫn còn sống) rằng: *“Đức Mẹ đã nói với mẹ như đã nói với Bernadette rằng: ‘Mẹ sẽ làm cho con được hạnh phúc, nhưng không phải ở đời này mà là đời sau’”*.

Người ta còn đọc thấy tâm tưởng của người vợ tốt lành và người mẹ thánh đức này trong một bức thư như sau: *“Khi tôi nghĩ đến những gì vị Thiên Chúa nhân lành này, Vị tôi hết lòng tin tưởng, và tôi đã trao phó vào tay Ngài việc chăm sóc cho các công việc của tôi, đã làm cho tôi cũng như cho chồng của tôi, thì tôi chắc chắn một điều là Vị Quan Phòng Thần Linh này đang đặc biệt chăm sóc giữ gìn những người con cái của Ngài”*.

Trong cuốn tự thuật của mình, Chị Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu đã diễn tả về người mẹ của mình đang hấp hối như sau: *“Những nghi thức Xức Dầu Thánh đã in sâu vào trí tưởng tượng của con. Con vẫn còn thấy được nơi con quì bên cạnh chị Céline. Năm đứa chúng ta ở đó thứ tự theo tuổi tác, và tội nghiệp thay người cha thân yêu cũng quì đó thõn thức”*.

Trong cuốn tự thuật của mình, Céline còn cho biết thêm là người cha này chỉ khóc duy có hai lần trong đời và đó là lần thứ hai. Người mẹ của 5 cô con gái này đã qua đời ngày 28/8/1877, hưởng dương 46 tuổi, sau 19 năm sống đời hôn nhân gia đình. Cô gái út Thiên-Sa bấy giờ mới được 4 tuổi.

Tuy rất luyến tiếc Alencon là nơi an táng vợ và có nhiều bạn bè thân thiết, nhưng vì con cái cần sống gần gũi một người đàn bà thay mẹ chúng mà người bố góa bụa quyết định hy sinh dọn đến ở với gia đình cậu của chúng là Isidore Guérin ở Lisieux, nơi sau này cô út được gọi là Thánh Thiên-Sa Lisieux. Gia đình ông cậu này có người vợ là Céline và hai người con gái là Jeanne và Marie. Chính bà mợ tốt lành này đã ngỏ lời mời gia đình của người chị dâu mới qua đời về chung sống với gia đình mình. Trong khi để các con đi trước đến ở với cậu và ở lại Alencon thu dọn, người bố đã viết thư nhắn nhủ con cái của mình rằng: *“Các con hãy nhớ rằng bố phải hy sinh rất nhiều để dọn đi, nhưng bố vì các con mà đi... Khi*

cậu mợ các con bảo các con làm gì thì hãy làm như vậy nhé – và hãy học hỏi với cậu mợ nghe”.

Người cha góa 54 tuổi bắt đầu cuộc đời hưu trí của mình ở Lisieux với 5 cô công chúa của ông. Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu đã viết về người cha của mình như thế này: *“Tâm lòng rất dịu dàng của Ba đã liên kết tình yêu thương từ mẫu thực sự với một tình yêu vốn đã có”.*

Gia đình gà trống nuôi con này sống ở Lisieux không sinh động như ở Alençon trước đó. Họ ít có những giao tiếp về xã hội và sống trong nhung nhớ hình ảnh của một người vợ và người mẹ. Ông bố luôn nói với con cái mình về *“người mẹ thánh đức của các con”*. Hai đứa con gái nhỏ trong 5 chị em được ông gửi vào học với các Đan Sĩ Biển Đức Đức Bà Pré.

Tuy nhiên ông cũng biết cách làm khuây khỏa các con của mình, bằng cách đi xem kịch ảnh, đi chơi biển ở Trouville, thăm viếng Paris v.v. Nhất là chuyến viếng thăm Rôma với cô út Thiên-Sa. Có lần ông đã cùng với một vị linh mục thực hiện một cuộc hành hương thăm Constantinople, Nhã Điển và Rôma, và trong thời gian này, ông đã viết về thăm các con, ở cuối thư, ông đã tỏ ra lòng ông rất mến thương gắn bó với chúng như thế này: *“Ngàn nụ hôn cho tất cả con cái của bố. Bố của các con, người yêu thương các con”*. Hay *“Bố yêu thương tất cả các con và*

ấp ủ các con trong tâm can của mình". Hoặc "Bố ôm ấp các con bằng tất cả tấm lòng của bố".

Chiều tím Canvê

Đời sống thánh đức của người bố góa vợ này được thể hiện đặc biệt nơi việc hiến dâng con cái và chính bản thân mình cho Chúa. Người vợ thân yêu của ông đã thấy trước ơn gọi tu trì của hai đứa con gái lớn của bà, đó là Pauline vào Dòng Carmêlô ở Lisieux tháng 10/1882, và Marie cũng tháng 10 nhưng 4 năm sau, 1886. Còn người con gái bệnh hoạn Léonie cũng bắt đầu dâng mình cho Chúa, đầu tiên với Dòng Thánh Clara Nghèo, rồi tới Dòng Thăm Viếng là nơi sau hai lần thất bại cô đã được vĩnh viễn trở thành phần tử vào năm 1899, sau khi cô em út Thiên-Sa qua đời 2 năm.

Đúng thế, con út Thiên-Sa cũng phải tranh đấu lắm mới được nhập Dòng Kín Carmêlô vào năm 15 tuổi, hồi tháng 4/1888, thay vì 21 theo luật dòng, nhờ phép chuẩn của Đức Giáo Hoàng Lêô XIII, sau cuộc gặp gỡ thiên định giữa cha con cô với ngài trong chuyến viếng thăm Vatican 20/11/1887 trước đó. Vào ngày 15/6/1888, tức sau 2 tháng cô út lên đường, cô chị Céline cũng tiết lộ cho cha biết là mình cũng cảm thấy ơn gọi tu trì. Bấy giờ, cha cô nói với cô rằng: "Nào, chúng ta hãy cùng nhau đến với Thánh Thể để tạ ơn Chúa là Đấng đã ban cho bố được vinh dự chiếm được

tất cả mọi đứa con của bà". Và cô cũng vào Dòng Kín Carmêlô năm 1994, sau khi cha của cô qua đời, với 2 chị và em. Để rồi vào năm 1956, thời điểm mừng lễ kim khánh 50 năm khẩn trọn đời trong dòng Carmêlô, cô đã được nghe vị giám mục bản quyền địa phương Lisieux cho biết là án phong chân phước cho cha mẹ cô được bắt đầu tiến hành.

Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu đã chứng thực đời sống Phúc Âm của vị thân phụ mình như sau: *"Những gì con nhận thấy nhất đó là tình trạng tăng tiến nên trọn lành của Ba; theo gương thánh Phanxicô Salêsiô, ba đã có thể làm chủ được bản chất hăng máu của ba cho đến độ ba đã tỏ ra có một bản chất dịu dàng nhất trên thế gian này... Các sự xảy ra trên thế gian này dường như khó có thể chi phối được ba; ba đã dễ dàng thắng vượt được những khó khăn trong cuộc đời này"*.

Vào năm 1887, ông bị một cú đột quỵ nhẹ trên đường đi Lễ. Vào tối áp Lễ Hiện Xuống, sau khi tham dự Buổi Kinh Tối ở Vương Cung Thánh Đường về, đang ngồi nghỉ ngơi trong vườn, vừa thấy cô út Thiên-Sa ra vườn, ông đã đứng lên loạng choạng ôm lấy cô, ghì cô vào lòng. Thấy cô khóc, ông hỏi *"sao vậy con?"* Cô út bấy giờ xin cha cho vào dòng kín Carmêlô ở Lisieux. Ông nói với cô rằng cô còn quá trẻ, mới 14 tuổi đầu thôi. Cô đã thuyết phục cha, đến nỗi cha cô đã cho phép nếu đó là ý Chúa muốn. Ông đã ngắt một cành hoa trắng nhỏ trên tường trao cho

cô như là biểu hiệu cho cuộc đời của cô vậy. Cuối cùng, cô út đã từ giã cha lên đường vào dòng kín Carmêlô ở Lisieux ngày 9/4/1888. Đêm hôm đó, ông nghe thấy một người bạn nói cùng ông rằng: *“Anh thực sự còn hơn cả Abraham nữa kia”*. Ông trả lời: *“Đúng thế, nếu tôi được ở vào trường hợp của Abraham, thì tôi đã thực hiện cùng một của lễ hiến dâng, thế nhưng đồng thời tôi cũng đã nguyện cầu, nguyện cầu và nguyện cầu. Tôi đã rợn người khi giờ con dao lên, run run giờ con dao lên một cách chậm chậm, và xin Chúa hãy sai vị thiên thần cùng với con cừu tới”*.

Sau khi cô út Thiên-Sa vào dòng, ông bắt đầu bị đột quỵ nhiều hơn. Vào Tháng 5/1888, năm ông dâng cúng hầu như trọn vẹn số tiền để làm bàn thờ cho ngôi Vương Cung Thánh Đường Thánh Phêrô ở địa phương của mình, người cha này đã hồi tưởng lại những giai đoạn cuộc đời của ông trong lúc ông đến viếng thăm ngôi nhà thờ ở Alencon mà ông đã thành hôn 30 năm trước. Sau đó ông đã nói với các cô công chúa của ông rằng: *“Các con ơi, ba đã trở lại Alencon là nơi ba đã lãnh nhận ở Nhà Thờ Đức Mẹ Ban Ôn những ân huệ rất trọng đại, những niềm an ủi đến nỗi ba đã đọc lời nguyện này: ‘Chúa Trời con ơi, thật là quá sức! Vâng, con quá ư là hạnh phúc. Con không thể nào về trời như thế được, con muốn chịu đựng một điều gì đó vì Chúa! Và con xin dâng mình con...’”*. Chữ cuối cùng ông không nói lên lời này được các con ông hiểu là *“làm tế vật”*.

Quả nhiên lời ông cầu lòng ông ước đã được trời cao khúng nhận. Vào ngày 23 tháng 6 năm 1888, tức 1 tháng sau đó, ông đã bị chứng sơ cứng động mạch ảnh hưởng đến cả tâm thần của ông. Người ta đã không còn thấy ông ở đâu nữa. Ông đã biến mất. Mãi đến ngày 27 cùng tháng người ta mới thấy ông ở Le Havre. Vì ông hay thất thường biến mất như thế, đến độ hai cô con gái còn ở nhà với ông là Léonie và Céline không thể chăm sóc cho ông. Vào tháng 2/1889, hai cô đã phải đành đưa cha vào nhà thương tâm thần ở Caen là Nhà Thương Chúa Cứu Thế Nhân Lành. Cùng năm ấy, nhà họa sĩ lừng danh Van Gogh cũng vào bệnh viện tâm thần ở San Remy, và qua các bức tranh của ông người ta thấy được phần nào cảnh đọa đày của một nhà thương điên bấy giờ.

Khi người cha này vừa được đưa vào đấy, mang số 14449, ông đã nghe cô y tá nói với ông rằng: *“ở nơi đây ông cũng có thể thực hiện một việc tông đồ tuyệt vời”*. Ông đáp lại rằng: *“Tôi biết, thế nhưng tôi thích thực hiện nó ở chỗ khác kìa. Phải, cả cuộc đời của tôi đã từng ra lệnh và ban bố các thứ chỉ thị, bởi vậy mà Thiên Chúa có thể là đang thanh tẩy tôi đây – để không chế cái kiêu hãnh và lãng xãng của tôi bằng việc giở dây tôi phải tuân theo các lệnh truyền”*. Vào lúc tỉnh táo, ông đã thường lập lại rằng: *“Tất cả cho vinh danh Chúa hơn... Tôi chưa bao giờ bị nhục nhã trong đời, tôi cần phải chịu ô nhục”*.

Tuần nào cũng thế, trong vòng 3 năm liên tục, hai chị em Léonie và Céline đã đi xe lửa tới Caen để thăm cha của họ. Sau đó ông bị đột quỵ nặng và trở nên tê liệt. Vì không còn lang thang được nữa, vào tháng 5/1892, ông đã được mang về lại Lisieux sống với gia đình đứa em trai của vợ. Ông đã nghẹn ngào thốt lên lời vĩnh biệt 3 đứa con gái của ông đang tu ở đan viện Carmêlô khi ông đến thăm họ lần cuối rằng: *“Thôi già biệt các con nhé, hẹn gặp các con trên Thiên Đàng!”* Cuối cùng, sau khi bị đứt mạch tim, ông đã âm thầm qua đời vào ngày 29/7/1894, bên cạnh chỉ có Céline là đứa con gái duy nhất tạm dời ngày gia nhập đan viện Carmêlô để ở nhà lo chăm sóc cho bố đến giây phút ông vĩnh viễn ra đi.

Thánh Thiên-Sa Hài Đồng Giêsu đã viết về cuộc khổ nạn cuối đời của cha mình như sau: *“Con không biết rằng vào ngày 12/2, một tháng sau khi con được mặc áo dòng, thì người Cha thân yêu của chúng ta lại phải uống một trong những chén đắng nhất, một chén hèn mạt nhất. A! Ngày hôm đó, con không nói rằng con đã có thể chịu khổ hơn được nữa! Không lời nào có thể tả hết nỗi buồn thương của chúng ta, và con sẽ không cố gắng để bày tỏ nó. Ngay kia, trên Thiên Đàng, chúng ta sẽ tha hồ mà nói với nhau về những thử thách về vang của chúng ta; chúng ta đã chẳng cảm thấy hạnh phúc vì được chịu đựng chúng hay sao? Phải, ba năm tử đạo của Ba đôi với con dường như là những gì khả ái nhất, lợi ích nhất trong cuộc sống của con; con không trao đổi chúng với tất*

cả những thứ ngất trí xuất thân và khả thị của các thánh. Lòng con tràn đầy niềm tri ân cảm tạ khi con nghĩ đến thứ kho tàng vô giá đến khiến cho các thần trời cũng phải cảm thấy ghen tương thánh hảo nữa..."

Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu quả thực đã cảm nhận rất chính xác về cha mẹ của chị: *"Thiên Chúa nhân lành đã ban cho con một người cha và một người mẹ xứng với Thiên Đàng hơn là thế gian".*



Đúng thế, cặp vợ chồng chân phước là thân phụ mẫu của vị Thánh Nữ Tiến Sĩ 33 này nói riêng và chung gia đình của hai vị nói chung, đã sống ở thế gian mà không thuộc về thế gian (x Jn 17:11,14), ở chỗ:

1) "lấy nhau không phải vì sắc dục" (Tôbia 8:7) mà hoàn toàn theo Thánh Ý Chúa;

2) muốn có con là để dưỡng dục chúng hoàn toàn hầu dâng lại cho Chúa;

3) đã làm ăn sinh sống một cách chân chính theo lòng kính sợ Chúa, dù làm chủ và phát tài nhưng không quên Chúa, và không tỏ ra gian dối, hách dịch, trái lại đã biết sử dụng của cải theo Ý Chúa và cho tha nhân;

4) biết chấp nhận mọi sự theo Ý Chúa về tất cả những gì xảy ra cho chung gia đình cũng như cho từng người, nhất là liên quan đến những cái chết của phần tử thân yêu trong nhà. Tóm lại, gia đình Chị Thánh Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu quả thực là mô phạm cho một "Cộng Đồng Yêu Thương và Sự Sống" (Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, 1660), cho một "Giáo Hội Tại Gia" (Giáo Lý Giáo Hội Công Giáo, 1666 và 2685) vậy .

(Bài viết được nghiên cứu từ 4 nguồn của mạng điện toán toàn cầu thereseoflisieux.org, một là của Đức Giám Mục Phụ Tá ở Bayeux và Lisieux, Guy Gaucher, OCD, trong bài "Louis and Zélie Martin: A Marriage of Love," hai là của Cha James Geoghegan, OCD, trong bài "The Parents of St. Therese", ba là của Cha Dom Antoine Marie osb. trong bài "Louis and Zélie Martin: An example of a Christian family Interpreted according to Pope John Paul II's Letter to Families", và bốn là của Đức Hồng Y Tổng Trưởng Thánh Bộ Ân Phong Thánh hưu trí Saraiva Martins trong bài "The Martin Couple: A Path of Sanctity that Imparted Faith").

**Một Người Cha 8 con,
Một Người Chồng góa vợ
Một Linh Mục bề trên tổng quyền.**

Truyện về vị thánh ở đây không nổi bật về một trong hai yếu tố về "Gia Đình - Giáo Hội Tại Gia" liên quan tới yếu tố *"làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu, một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái"* như các vị thánh trước:

Về yếu tố *"làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu"*, có các vị thánh như: 1- Thánh Melania Trẻ, 2- cặp vợ chồng nông dân sống tiết dục Isidore và Toribia / Maria de la Cabeza, 3- Thánh Hedwig, một người mẹ bảy con và là một người vợ tiết dục đã sống đời góa bụa cuối đời trong

bác ái yêu thương phục vụ tha nhân, 4- vị thánh vương hai đời vợ với 13 người con nhưng rất thánh đức và thi thể của vua mặc áo dòng ba Phanxicô, 5- một vị thánh, tuy không tiết dục, trái lại, còn đầy tình cảm, nhưng rất khổ chế trong xa hoa lụa là và sống những ngày góa bụa cuối đời đầy yêu thương phục vụ, và 6- vị thánh rất đặc biệt, đã từng trải qua các lối sống trong cuộc đời, từ khi còn đồng trinh, đến lúc làm vợ và làm mẹ, cuối cùng góa bụa và lập dòng.

Về yếu tố *“làm cho gia đình trở thành một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái”*, cũng có các vị thánh như: gia đình của cặp vợ chồng Thánh Basil the Elder và Thánh Emmelia với 4 người con thánh, Thánh Macrina the Younger, Thánh Giám Mục Giáo Phụ Basiliô Cả, Thánh Giáo Phụ Gregory Giám Mục Nyssa, và Thánh Peter Giám Mục Sebaste; nơi gia đình của cặp vợ chồng thánh Gregory Nazianzen the Elder và Thánh Nonna với 3 người con thánh, Thánh Giáo Phụ Gregory Nazianzen the Younger, Thánh Caesarius và Thánh nữ Gorgonia; cũng như nơi một gia đình có người mẹ là chân phước Aleth, người con là hiền thánh Bênêđô và cả nhà chân tu; nơi một đế vương là Vua Louis IX Pháp quốc đã sống đời đan sĩ trong vai trò làm chồng và làm cha, mà còn được thể hiện đặc biệt

nơi cả cặp chân phước cha mẹ của Thánh Nữ Thiên-Sa Hải Đồng Giêsu.

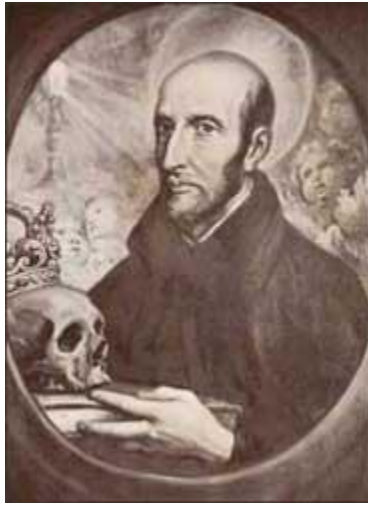
Thế nhưng, vị thánh trong câu truyện này lại là một vị thánh cần phải trải qua hai ơn gọi, mà ơn gọi thứ hai mới là chính.

Nếu bên thánh nữ có hai vị thánh đặc biệt trải qua các ơn gọi khác nhau đến ngược nhau là Thánh Bridget người Thụy Điển (xin xem trang 109-114) và Thánh Jane Frances de Chantal người Pháp (xin xem ngay sau truyện về vị thánh nam ở đây), thì bên thánh nam cũng có ít là một vị thánh quả thực là ngoại lệ về các vai trò và các ơn gọi khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau, trong cuộc sống của mình.

Trước hết, về xã hội, ngài là một công tước và là một phó vương, về gia đình, ngài là một người chồng có 8 người con nhưng trở thành một người chồng góa vợ, và về tôn giáo ngài là một linh mục Dòng Tên và là bề trên tổng quyền dòng này ngay sau vị sáng lập là Thánh Ignatiô. Vị Thánh nam ngoại lệ này là Thánh Francis Borgia người Tây Ban Nha.

Thánh nhân được sinh vào trần gian ngày 28/10/1510 trong một dinh bá tước ở Gandia Tây Ban Nha, người con đầu lòng của đệ tam công tước nhà Gandia là John Borgia với vợ là Joan of Aragon. Về phía thân phụ, ngài là cháu của Đức Giáo Hoàng

Alexander VI, và về bên thân mẫu ngài là cháu của Vua Ferdinand II. Ngài còn có 2 em trai và 4 em gái nữa. Với tư cách là con đầu lòng và là con trai, ngài sẽ đóng vai trò đệ tứ công tước ở Grandia. Vào năm 7 tuổi, ngài được kèm riêng về các môn học chính thời bấy giờ (như văn phạm, toán học và âm nhạc) cũng như các môn phụ (như quân sự và cưỡi ngựa).



Năm lên 10 tuổi, ngài mất người mẹ mới ở vào tuổi 28. Cha ngài tái hôn với Francisca de Castro. Bởi thế, tổng số anh em cùng cha cùng mẹ và cùng cha khác mẹ của ngài từ 7 tới 17. Tuy nhiên, gia đình vị bá tước cha của ngài này đã bị bất ổn bởi những hỗn loạn trong lãnh thổ của ông. Ngài và đứa em gái Luisa đến ở với Đức Tổng Giám Mục là người anh của mẹ ngài đang cai quản giáo phận Saragossa, nơi ngài được dự lễ hằng ngày và lãnh nhận các bí tích

vào các dịp lễ lớn, ngoài ra ngài không được quan tâm mấy về vấn đề học vấn nhưng cuối cùng ngài cũng đã hoàn thành việc học vấn tổng quát của ngài 6 năm sau cái chết của mẹ ngài.

Theo mưu tính của thân phụ, ngài đã vào cung đình, và trong 11 năm, 1528-1539, ngài đã trở thành một con người tín cẩn của hoàng đế Charles V, vị có mộng bá chủ Âu Châu. Cả hai đều thích săn bắn và cưỡi ngựa. Cả hai cũng có lòng đạo đức, ở chỗ dự lễ hằng ngày và lãnh nhận các bí tích mỗi năm mấy lần. Tuy nhiên, chỉ có mỗi cái khác nhau đó là hoàng đế thì có gia đình còn anh Francis Borgia thì còn độc thân vui tính. Ngài có vẻ hơi kén và nghiêm chỉnh về vấn đề này. Nhưng ngài vẫn không thể không chú ý tới một người nữ thân cận của nữ hoàng Isabella là Eleonor de Castro. Khi nữ hoàng biết được điều ấy thì đã làm mai mối cho đôi trai gái này với hoàng đế Charles V, vị đã đích thân viết thư cho thân phụ của chàng Francis Borgia cho phép chàng lập gia đình với Eleonor.

Thế nhưng vị thân phụ của chàng đã từ chối khéo vì ông muốn toàn quyền quyết định vấn đề gia đình của người con sẽ thay ông làm bá tước xứ Grandia. Tuy nhiên, theo đề nghị của Francis Borgia, hoàng đế Louis V đã mời thân phụ của chàng vào cung đình và ở đây ông không thể từ chối lời yêu cầu của

hoàng đế. Thế là cuộc thành hôn đã diễn ra vào ngày 27/7/1529.

Sau khi thành hôn, người vợ mới cưới của chàng là Eleonor đã được bổ nhiệm vai trò mới đó là vai trò thủ quản tất cả cung đình. Còn chàng thì được hoàng đế phong làm hầu tước (marquis) xứ Lombay là đất do cha chàng nhường cho chàng và càng gắn bó với việc triều đình hơn, nhất là được tự nhiên ra vào cung nữ hoàng, một chuẩn mực đặc biệt theo lệ và được hoàng đế hết sức tin tưởng đối với một người nam trẻ mới 20 tuổi như chàng.

Hai vợ chồng chàng sống rất hạnh phúc và gương mẫu, đầy yêu thương và tuyệt đối thủy chung với nhau. Họ sống đức tin với Thiên Chúa và tỏ lòng kính trọng cả hoàng đế lẫn nữ hoàng. Thiên Chúa đã chúc phúc cho cuộc sống hôn nhân của họ bằng 8 người con, thứ tự như sau: trước hết là Carlos, bé trai được đặt tên theo ý của hoàng đế khi lãnh nhận phép rửa, sau đó tới Isabella, bé gái được lãnh nhận tên gọi theo ý của nữ hoàng khi bé được rửa tội, sau 2 người con đầu vừa trai vừa gái này là một loạt 4 đứa con trai: Juan, Alvaro, Fernando và Alonso, và 2 người con gái út: Juana và Dorothea.

Tất cả những người con trai đều lập gia đình. Hai người con gái lớn cũng thế, còn người con gái út qua đời năm 14 tuổi ở tu viện Thánh Clara ở Gandia,

nơi tu trì của một trong các người bà của chàng Francis Borgia, chưa kể một người dì của chàng cùng với 3 đứa em gái ruột của chàng và 2 đứa em gái cùng cha khác mẹ của chàng, bao gồm cả 3 đứa cháu gái của chàng sau này.

Vào ngày 1/5/1539, nữ hoàng Isabella tuyệt vời nhan sắc qua đời sau một cơn bệnh ngắn. Theo di chúc của vị nữ hoàng này thì bà không cho ướp xác của bà, chỉ có nữ hầu tước Eleonor là vợ của chàng Francis Borgia mới được đụng đến thi thể của bà. Nhiệm vụ dẫn đoàn rước đưa đám cho vị nữ hoàng này được giao cho hầu tước Francis Borgia.

Ngay trước khi chôn táng, chàng cần phải mở quan tài ra để bảo đảm là thi thể của nữ hoàng. Khi vừa nhìn thấy dung nhan mỹ lệ tuyệt vời của vị nữ hoàng trước kia giờ đây đã hoàn toàn bị biến dạng, chàng liền cảm thấy hết sức bàng hoàng ngỡ ngàng trước cái mau qua chóng tàn của đời sống con người. Đó là giây phút khởi điểm cuộc hoán cải của chàng hầu tước Francis Borgia. Từ đó chàng đã sống một cuộc đời thánh đức hơn, luôn tìm kiếm những gì bất diệt.

Vào lúc ấy chàng hầu tước Francis Borgia đã có 8 người con, một đàn lo sống trọn lành hơn, một đàn lo đủ lợi tức để nuôi dưỡng đàn con đông đức. Chàng đã chấp nhận vai trò mới được hoàng đế

cống hiến cho chàng đó là làm phó vương (viceroys) cho hoàng đế ở Catalonia, từ năm 1539 đến 1543, một cách khôn ngoan và chính trực. Ở đây, chàng đã gặp mấy vị linh mục Dòng tên đầu tiên, như Chân Phước Peter Faber và Antonio Araoz.

Vào ngày 7/1/1543, cha chàng qua đời ở tuổi 48 và vai trò làm bá tước thứ tư ở Gandia rơi vào tay của chàng. Vừa trở thành bá tước thì vợ chàng trở bệnh vào tháng 4/1544 và qua đời vào ngày 27/3/1546, sau 17 năm chung sống đời hôn nhân với chồng là Francis Borgia. Vai trò làm mẹ của đàn con được thay thế bởi người chị em của vợ chàng là Joan of Meneses, người luôn gần gũi bất khả phân ly với gia đình của hai vợ chồng này.

Ở vào tuổi 36, trở thành góa vợ, nhưng người chồng làm bố của 8 đứa con này đã không còn nghĩ đến việc tái hôn nữa. Trong khi đó, theo quan phòng thần linh, trong thời gian làm bá tước, chàng Francis Borgia tự nhiên cảm thấy thân quen với Dòng tên và vị sáng lập dòng này, đến độ, nếu được tự do, chàng sẽ vào dòng này. Thế rồi, con cái của chàng hầu hết đã khôn lớn và có thể tự lập, chàng đã đến tận tâm với chính vị sáng lập dòng là Thánh Ignatio of Loyola, vị đã nhận ngài vào dòng ngày 9/10/1546.



Tuy nhiên, việc nhập Dòng Tên của chàng vẫn trong vòng bí mật, cho đến khi chàng lo xong nhiệm vụ làm cha và ổn định vai trò làm bá tước của mình, cho đến năm 1550. Chàng đã lập một học viện Dòng tên ở Gandia vào ngày 4/11/1547, một học viện được thăng cấp thành đại học, nơi chính chàng đã theo học thần học và được cấp bằng tiến sĩ thần học *doctor theologiae* vào ngày 20/8/1550.

Vào ngày 26/8/1550, bá tước Francis Borgia đã chính thức trao lại vai trò bá tước xứ Gandia cho người

con trai đầu lòng của mình là Carlos. Sau đó 5 ngày, ngài đi Rôma như để chính thức gia nhập Dòng Tên. Vào ngày 26/5/1551, ngài được thụ phong linh mục. Sau đó ngài đã giữ nhiều chức vụ khác nhau và mang lại nhiều lợi ích cho hội dòng mới này, đến độ, vào cuộc tổng tu nghị thứ hai của dòng, ngài đã được bầu chọn là bề trên tổng quyền ngày 2/7/1565. Ngài còn được Thánh Giáo Hoàng Piô V trao phó cho một số nhiệm vụ quan trọng khác nữa.

Ngài đã qua đời ở Rôma vào đêm 30/9 rạng sáng 1/10/1572. Ngài được Đức Urbanô VIII phong chân phước ngày 24/11/1624 và được Đức Clementê X phong hiển thánh ngày 12/4/1671.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Một Người Mẹ 6 con,
Một Người Vợ góa chồng,
Một Mẹ Bề Trên sáng lập dòng**



Truyện về vị thánh ở đây không nổi bật về một trong hai yếu tố về "Gia Đình - Giáo Hội Tại Gia" liên quan tới yếu tố *"làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu, một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái"* như các vị thánh trước (như đã được kể đến ở đầu truyện về Thánh Francis Borgia ở trang 173-174).

Thế nhưng, vị thánh trong câu truyện này lại là một vị thánh cần phải trải qua hai ơn gọi, mà ơn gọi thứ hai mới là chính, như trường hợp của Thánh Phanxicô Borgia vậy.

Trước hết, vị thánh nữ này có một nét mặt sầu thảm không thể chối cãi, vì nhiều điều ngài đã trải qua khi còn nhỏ cũng như trong thời niên thiếu. Ngài được sinh ra ở Dijon Pháp quốc vào tháng Giêng năm 1572, con gái của vị chủ tịch quốc hội ở Burgundy là Bénigne Frémyot và người vợ quý phái Margaret Berbisy. Sau khi mẹ mất vào năm hơn 2 tuổi, bé Jane Frances bị hành hạ bởi một nữ quản gia mang danh là "nữ Satan".

Vào ngày 29/12/1592, ở vào tuổi 21, nàng được gả cho nam tước (baron) ở Chantal và là lãnh chúa (seigneur) ở Bourbilly là Christopher II. Hai vợ

chồng định cư ở Bourbilly. Hai vợ chồng, theo chúng từ phong thánh, đã yêu thương nhau hết lòng: "Họ chỉ có một lòng trí và một linh hồn với nhau mà thôi". Chồng nàng thường vắng nhà vì công việc triều chính. Nàng phải coi sóc việc quản trị đất đai và nhân viên làm việc. Nàng sống đạo và tạo tinh thần đạo đức nơi hoàn cảnh sống và làm việc của mình.

Nàng sinh được 6 người con, trong đó có 2 bị chết yếu. Bốn người sống sót đó là Celsus Benignus, chết trận năm 1607; Marianne lập gia đình vào tuổi 12 với người em 16 tuổi của Thánh Phanxicô Salêsiô nhưng sau mấy năm lập gia đình đã sống đời góa chồng; Françoise, người con gái lập gia đình và trở thành một người mẹ phúc hậu; và Charlotte, chết bất ngờ vào năm 10 tuổi, ngay khi người mẹ của em bắt đầu thành lập dòng Thăm Viếng.

Tiếp thay đời sống hôn nhân của nàng và chồng chỉ kéo dài có 9 năm. Vì chàng bị kẻ thù bắn chết trong một cuộc đi săn ngay sau khi nàng ở cử để sinh nở lần cuối cùng. Thế là người vợ góa 28 tuổi trẻ trung đem các con mình về lại Dijon để sống với cha của mình. Nhưng bị người cha chồng vốn sẵn bản tính nóng giận dọa sẽ từ các cháu của ông nếu nàng và chúng không trở về sống với ông ở Chateau Monthelon. Ở đó, 7 năm trường đầy những đắng cay, nàng đã trải qua tất cả những gì là vô dụng bất

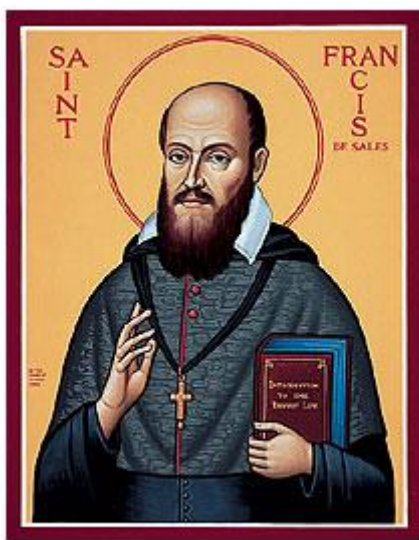
lực của một người vợ góa. Nàng đã bị nhục nhã trước người bố chồng.

Thật vậy, nữ nam tước ở Chantal bấy giờ đã trở thành nô lệ cho một trong những nữ đầy tớ của ông, một con người độc ác đã áp bức cả nhà, dụ dỗ vị nam tước tấn công đưa con dâu của ông và tìm đủ mọi cách để đẩy người con dâu ấy ra khỏi cơ nghiệp của ông. Trái lại, cô con dâu cố gắng sống bình an và nhẫn nhục. Thậm chí còn chăm sóc cho 4 đứa con thất học của mẹ này cùng với các con của mình. Nàng cũng tha thứ cho kẻ hạ sát chồng nàng, và trở thành mẹ đỡ đầu cho con của ông.

Thế rồi vào năm 1604, ở Dijon, vị nữ bá tước này đã gặp vị giám mục giảng thuyết lòng danh Francis de Sales khi ngài đang giảng Mùa Chay. Nàng cảm thấy gần gũi với ngài như một người cha thiêng liêng, vị đã được Chúa quan phòng gửi đến để nâng đỡ và dìu dắt nàng trên con đường sống trọn lành. Vị giám mục này cũng giúp nàng trông coi các con của nàng nữa. Nhất là ngài ngỏ ý với nàng trong việc thành lập Dòng Thăm Viếng và nàng đã cảm thấy được thúc động thực hiện.

Sau khi người con gái lớn nhất của nàng là Marianne kết hôn với nam tước ở Thorens là một người em của Đức Giám Mục Francis de Sales, và anh của nàng là tổng giám mục ở Bourges đã đảm nhận coi

sóc đưa con trai 14 tuổi của nàng, nàng cùng với hai người con gái của nàng thành lập tu viện đầu tiên cho hội dòng mới được Thánh Francis de Sales gọi ý.



Tuy nhiên, ý định này của nàng và Thánh Francis de Sales đã bị cha nàng cùng với cả gia đình bên nàng phản đối. Đến độ, khi nàng lên tiếng từ biệt mọi người thì đưa con trai của nàng đã ôm lấy cổ nàng mà xin nàng đổi ý. Thấy nàng cương quyết nó liền nằm ngửa chặn ngang cửa nhà mà nói: "Thưa mẹ, nếu con không thể làm mẹ ở lại thì mẹ phải bước qua thân thể đưa con trai của mẹ mà đi". Nàng quả thực có lòng lự đôi chút nhưng lời Chúa sau đây đã giúp nàng thắng vượt: "Ai yêu con trai hay con gái hơn Thày thì không xứng với Thày".

Vào năm 1610 Thánh Francis de Sales đã thành lập ở Annecy một tu viện đầu tiên của Dòng Thăm Viếng. Bà nam tước quả phụ Jane Frances de Chantal đã dẫn dắt chị em ở đây bằng gương sáng của mình. Bà luôn bàn hỏi linh hướng với người bạn thiêng liêng là vị giám mục ở Geneva đang trông coi giáo phận Annecy. Dòng Thăm Viếng đã phát triển trong vòng 30 năm thành 26 tu viện. Bà đã qua đời ngày 13/12/1641, đang khi viếng thăm tu viện Thăm Viếng ở Moulins với tư cách là mẹ bề trên tổng quyền.

(Phỏng theo cuốn Married saints and Blesseds through the Centuries, by Ferdinand Holbock, translated by Michael J. Miller, Ignatius Press San Francisco 2002)

**Một con điếm ... vẫn đồng trinh
Một nơ nhóp ... không rữa nát**



Truyện về vị thánh ở đây chẳng những không nổi bật về một trong hai yếu tố về "Gia Đình - Giáo Hội Tại Gia" liên quan tới yếu tố *"làm cho gia đình trở thành một cộng đồng ân sủng và nguyện cầu, một trường dạy nhân đức làm người và Kitô giáo, và là một nơi đầu tiên loan truyền đức tin cho con cái"* như các vị thánh (như đã được kể đến ở đầu truyện về Thánh Phanxicô Borgia ở trang 173-174), lại cũng chẳng là một vị thánh cần phải trải qua hai ơn gọi, mà ơn gọi thứ hai mới là chính, như Thánh Phanxicô Borgia và Thánh Jane Frances de Chantal. Bởi vì, vị thánh này đã sống đời hôn nhân và đã có con, nhưng lại là một cuộc hôn nhân bất chính.

Chính vì con điếm có tiếng trong thành kia, dù thân xác nhóp nhúa dâm ô và đời sống ghê tởm trước mặt dân chúng, nhất là thành phần luật sĩ và Pharisiêu, nhưng vẫn không vì thế mà không dám tới gần Đấng Thánh là Chúa Giêsu Kitô bấy giờ đang ở trong nhà một người Pharisaiêu tên Simon, thậm chí còn dám chạm tới Ngài, bằng cách lấy nước mắt mà rửa chân cho Ngài, lấy tóc mình mà lau khô và lấy thuốc thơm mà xức chân Ngài, mà con điếm này ngay bấy giờ đã được Đấng chi tin tưởng bệnh vực và khẳng định rằng: *"Đó là lý do tại sao tội lỗi của cô ta dù nhiều cũng đều được thứ tha vì cô ta đã yêu mến nhiều"* (Lk 7:47). Con điếm "yêu nhiều"

này chính là đệ nhất Mai Đệ Liên (xem Lk 8:2; Jn 11:2, 12:3; Mk 16:9).

“Đệ nhị Mai Đệ Liên” là một trong những vị thánh nữ ở thế kỷ 13 đó là Thánh Margaret thành Cortona Ý quốc, sau cuộc đời chín năm phóng đảng dâm ô theo nhan sắc và tình cảm tự nhiên của mình với một chàng thanh niên giàu sang phú quý trong vùng và có một đứa con trai với anh ta, nhưng không bao giờ trở thành vợ của anh ta như anh ta hứa hẹn. Tuy nhiên, sau khi nhờ con chó thân thương và tinh khôn dẫn đường thấy được thi thể của người tình này bất ngờ bị sát hại trong rừng vắng, nàng đã bắt đầu ăn năn hoán cải và chịu đựng tất cả những hậu quả hết sức đắng cay gây ra bởi gương mù tội lỗi của mình ở địa phương quê quán của nàng, nhất là thái độ hắt hủi của người cha ruột và bà mẹ ghẻ của nàng.

Sau đó, nàng đã sống một cuộc đời thống hối ăn năn, đã gia nhập Dòng Ba Phanxicô, con trai nàng đã trở thành tu sĩ Dòng Phanxicô cùng được phúc tử đạo, và nàng đã lập Hiệp Hội Đức Mẹ Tình Thương để phục vụ thành phần bệnh nhân và nghèo khổ. Người thiếu phụ hoang đường tội lỗi này đã sống một cuộc đời hối nhân đầy nguyện cầu và khổ chế, nằm đất, ăn uống khem khổ, ngủ ít, mặc áo nhặm, đánh tội, và trải qua những giây phút ngất ngây chiêm niệm. Nàng đã dứt khoát với thân xác một

thời lằng lộn của mình đang bị nàng hành khổ để
đền tội rằng:

*“Ôi thân xác của ta, tại sao người không giúp ta phụng
sự Đấng Hóa Công và Đấng Cứu Chuộc của người chứ?
Tại sao giờ đây người không mạnh mẽ trong việc phụng
sự Ngài như trước đây người đã đưa ta đến chỗ xúc
phạm đến Ngài chứ? Vô ích thôi cho dù người có than
van và chống cự về tình trạng người đang bị quằn quại,
vì giờ đây người cần phải chịu đựng cho đến cùng cái ách
ta đặt lên người, như trong quá khứ ta đã mang lấy cái
ách của người để gây tổn thương cho Đấng đã dựng nên
người”.*

Thậm chí nàng còn bị một số người trong dân chúng
hiểu lầm về chính những nỗ lực thật tình thống hối
ăn năn của nàng và tìm cách gây trở ngại cho việc
chị được dẫn dắt trong hàng thiêng liêng bởi vị linh
hướng Dòng Phanxicô. Thêm vào đó, chính các tu sĩ
Dòng Phanxicô cũng hiểu lầm chị trước khi chị qua
đời ít lâu.

Về cuối đời, Chúa Giêsu đã cho chị biết về mục đích
và ý nghĩa của việc Chúa hoán cải chị có liên quan
tới các người khác nữa chứ không phải chỉ vì cá
nhân chị và cho riêng chị. Chúa nói với chị như sau:
*“Giờ đây con hãy chứng tỏ là con đã hoán cải; con hãy
kêu gọi những người khác thống hối nữa... Các ân sủng*

Cha đã ban cho con không phải chỉ giành riêng cho một mình con”.

Thế rồi, nhờ nỗ lực đáp ứng của chị trước lời Chúa kêu gọi, chị đã làm cho các tội nhân chẳng những ở Ý mà còn ở Pháp và Tây Ban Nha bỏ đảng tội lỗi mà quay về với Lòng Thương Xót Chúa như chị. Thậm chí thành phần dân chúng ở thành Cortona của chị không còn ngờ vực chị nữa, nhưng đã chạy đến với chị trong những lúc khó khăn khốn khó. Chị đã qua đời vào ngày 22/2/1297, hưởng dương 50 tuổi, sau 23 năm ăn năn thống hối. Ngay ngày chị qua đời chị đã được dân chúng địa phương tuyên xưng là một vị thánh và cùng năm ấy dân thành Cortona cũng đã xây một thánh đường kính chị.

Chị quả thực đã trở thành một vị thánh lớn của chung hội dòng Phanxicô Khó Khăn, đến nỗi, như Chúa Giêsu cho chị biết khi chị còn sống rằng: *“Con là ánh sáng thứ ba được ban cho hội dòng của Phanxicô yêu dấu của Cha. Phanxicô là thứ nhất trong số những người Anh Em Dòng Hèn Mọn; Clara là thứ hai trong số các nữ tu, con sẽ là thứ ba của Hội Dòng Ba Thống Hối”.*

Hiện nay thi hài của chị, một thân thể dù đã trải qua một thời gian chín năm dài dăm ô lằng loàn đảng điếm vẫn được ơn còn nguyên vẹn sau khi chết, vì chị quả thực đã có lòng thống hối ăn năn, hãm mình phạt xác và làm việc bác ái của chị, những việc yêu

nhieu thì được tha nhiều, nhờ đó chị có thể đền bù tội lỗi của chị với tất cả tấm lòng “tan nát khiêm cung” trước Thánh Nhan của Thiên Chúa vô cùng nhân hậu.

Vào ngày lễ của Thánh Catherine thành Alexandria Tử Đạo (25/11 theo lịch phụng vụ cũ), khi Thánh Nữ Margaret đang ở bàn thờ để rước lễ thì nghe thấy Chúa Giêsu nói cùng mình rằng: “*Con Cha ơi, chỗ của con sẽ ở giữa thần Seraphim cùng với các trinh nữ bừng cháy tình yêu thần linh*”. Nghe thấy thế Thánh nữ sùng sốt đáp lại rằng: “*Lạy Chúa, làm sao điều ấy có thể xảy ra được với một con người nhớp nhúa tội lỗi chứ?*”

Chị đã nghe thấy câu giải đáp của Chúa như sau: “*Những đau khổ vô vàn của con sẽ thanh tẩy tâm hồn con khỏi tất cả mọi thứ thu hút phạm tội, và trong nỗi đón đau và ăn năn thống hối của mình, con sẽ phục hồi sự tinh tuyền đồng trinh của con*”. Thánh nữ lại càng cảm thấy sợ hãi trước câu trả lời của Chúa và đã than lên rằng: “*Ôi Chúa Kitô là Sư Phụ của con, phải chăng Thánh Mai Đệ Liên thuộc về thành phần các trinh nữ trong vinh quang thiên đình?*” Chúa liền tiết lộ cho chị biết rằng: “*Ngoại trừ Mẹ Maria và Catherine Tử Đạo, không ai hơn Mai Đệ Liên ở hàng ngũ trinh nữ*”.

(A Tuscan Petinent: The Life and Legend of Saint Margaret of Cortona, by Father Cuthbert, Burns Oates and Washbourne, Ltd, 1900, pages 160-161).

NGOẠI TÌNH **tại sao “yes” - làm sao “no”**

Tình Yêu trong Hôn Nhân **Tình Dục ngoài Hôn Nhân**



Mới đây tôi được một nữ giới hỏi một vấn đề hết sức tế nhị liên quan tới sinh lý trong đời sống hôn nhân rằng tác động vợ chồng hoàn toàn vì tình dục, không xuất phát từ yêu thương, có được không, có tội không?

Câu trả lời theo nguyên tắc chung của tôi như thế này: tác động tình dục của vợ chồng *bình thường* đều phát xuất từ tình yêu, ngược lại, **tất cả mọi xúc động hay tác động ngoài hôn nhân được gọi là “tình yêu” đều hoàn toàn hướng đến tình dục, phát xuất từ tình dục, và chỉ là tình dục.**

Trong câu trả lời này, chữ “bình thường” ở đây nghĩa là cũng có một số trường hợp tác động vợ chồng hoàn toàn phát xuất từ tình dục, như trường hợp hai vợ chồng muốn ngừa thai nhân tạo, một hành động tội lỗi theo Giáo Lý của Giáo Hội Công Giáo, hay như trường hợp cưỡng bức nhau, cho dù trong một lần nào đó, chứ không phải luôn luôn hay thường xuyên, một trong hai vợ chồng có lý do chính đáng không thể đáp ứng tác động này của nhau và với nhau như mọi lần, một hành động cưỡng bức không thể không tác hại đến tình yêu hôn nhân bởi làm cho nhau cảm thấy mình bị lạm dụng như một đồ vật hơn là một con người, một người vợ hay một người chồng.

Ngoài ra, ngoài ít là hai trường hợp này ra, tác động vợ chồng đều minh nhiên hay mặc nhiên xuất phát từ yêu thương hay để bày tỏ yêu thương và duy trì cùng phát triển tình yêu hôn nhân. Vấn đề căn bản ở đây là nếu không yêu thương nhau, (chẳng hạn như đang tức giận nhau, hận ghét nhau v.v.), hai vợ chồng không thể gần nhau và có hứng để mà “nên

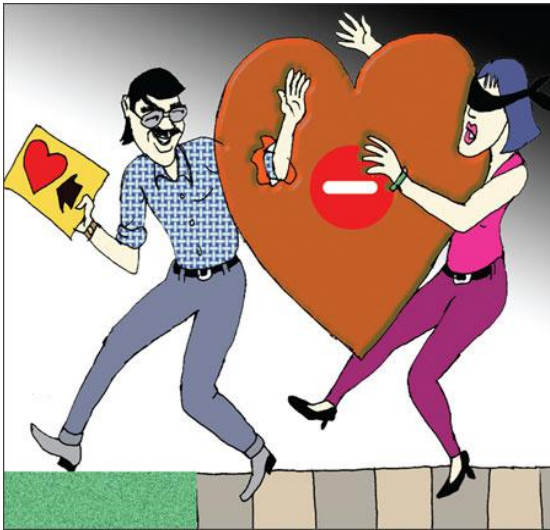
một xác thịt” với nhau. Bởi thế, bình thường, một khi còn gần gũi nhau, còn chung chăn chung gối, vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau, không nhiều thì ít, không mạnh thì nhẹ, và một khi vì còn gần bó yêu thương gần gũi nhau, vợ chồng không thể nào tránh được cái rạo rức của cảm giác, cái kích thích của tình dục, cái đòi hỏi của xác thịt – cái đòi hỏi chính đáng trong việc nên một xác thịt, cái đòi hỏi theo bản chất của đời sống hôn nhân vợ chồng. Thật ra, trên thực tế và về thể lý, đôi phối ngẫu không thể nào “nên một xác thịt” chỉ bằng tác động ân ái vợ chồng, nếu họ không yêu thương nhau, một động lực ngay từ đầu đã thu hút họ lại với nhau và đã kết hợp họ nên một trong đời sống hôn nhân, một hiệp nhất được thể hiện cụ thể và sống động bằng những lần ân ái vợ chồng “nên một xác thịt” với nhau.

Có thể nói chính nhờ hôn nhân hay tình yêu vợ chồng mà tình dục phái tính của con người được hợp pháp hóa, như Thánh Phaolô đã khuyên những ai không thể chịu đựng được đòi hỏi của tình dục và để tránh sống đời dâm ô lãng loạn thì hãy lập gia đình khi đề nghị với họ một cách rất thực tế rằng: *“Nếu họ không thể tự chủ thì họ phải lập gia đình. Thà kết hôn còn hơn bị nung nấu”* (1Cor 7:9).

Hơn thế nữa, tình dục trong hôn nhân và nhờ hôn nhân chẳng những được hợp thức hóa mà còn được thăng hóa nữa, vì nhờ hôn nhân và trong hôn nhân,

nhất là hôn nhân được thánh hóa bởi Bí Tích Hôn Phối, tình dục không còn ở mức độ thú tính theo bản năng, trái lại, nó chẳng những trở thành tác động của tình yêu vợ chồng mà còn làm cho tình yêu hôn nhân thêm mặn nồng thắm thiết, đến độ sinh hoa kết trái nơi sự sống cao quý của những người con cái xuất phát từ tình yêu vợ chồng.

Ngoại Tình - tại sao “yes”



Chính vì tác động tình dục “nên một xác thịt” này chỉ thuộc về những con người sống yêu thương nhau như vợ chồng trong đời sống hôn nhân, mà nếu một trong hai người, vào một lúc nào đó, “nên một xác thịt” với bất cứ một người nào khác không phải là vợ hay chồng của mình, dù tác động “vợ

chồng” lén lút ấy phát xuất từ cái được gọi là “tình yêu” hay “tình cảm” với “người tình vụng trộm” ấy của họ, là họ đã trầm trọng phạm đến chính bản tính “nên một xác thịt” của hôn nhân, đến độ, người chồng hay vợ bị phản bội được quyền ly dị, căn cứ theo lời Chúa Giêsu phán trong Phúc Âm Thánh Mathêu đoạn 19 câu 9, “bất cứ ai ly dị vợ mình (trừ trường hợp ngoại tình) mà lấy người khác là phạm tội ngoại tình”.

Người chồng hay vợ ngoại tình này phạm đến chẳng những chính bản chất của tình yêu là hiệp nhất nên một, ở chỗ thủy chung (trước sau như một) với nhau giữa hai người yêu nhau, mà còn phạm đến chính bản chất của hôn nhân Công giáo, bởi vì họ phạm đến chính lời hôn ước của họ, một lời hôn ước mà họ đầy ý thức và trịnh trọng trao cho nhau trước nhan Thiên Chúa là Đấng đã xe duyên kết nghĩa cho họ và trước việc chứng dự của Giáo Hội qua vị linh mục chủ tế và cộng đồng dân Chúa bấy giờ, một lời thề hứa “*sẽ giữ lòng chung thủy với em/anh*” làm nên mô thể thành hiệu của chính Bí Tích Hôn Phối, một lời thề hứa sau đó còn được biểu hiệu qua việc trao nhẫn cưới cho nhau, một biểu hiệu tròn đầy khít khao không một kẽ hở “*để làm bằng chứng tình yêu và lòng trung thành của anh/em*”.

Đó là lý do, nếu tác động tình dục của vợ chồng bình thường đều phát xuất từ tình yêu, thì tất cả mọi tác động của những gì được cho là “tình yêu” không

phải là vợ chồng với nhau sau hôn nhân đều *hoàn toàn* phát xuất từ tình dục và chỉ là tình dục. Trong tình yêu hôn nhân còn có những tác động tình dục, như trường hợp ngừa thai nhân tạo và cưỡng bức, thì những tác động tình dục ngoài hôn nhân làm sao lại có thể nói là hoàn toàn do “tình yêu” được chứ? Biết nhau đã có gia đình mà còn quyến luyến nhau, đến độ tiến đến chỗ lén lút và vụng trộm ăn nằm với nhau thì động lực chính là tình dục được đội lốt “tình yêu” mà thôi. Ở chỗ nào?

Theo tâm lý tự nhiên của phái tính, một tâm lý thật sự có nền tảng trong Thánh Kinh, thì tình dục nơi nam giới xuất phát từ thị giác và nơi phái nữ xuất phát từ xúc giác. Không phải hay sao, chính vì nữ giới được gọi là phái đẹp mà nữ giới đã trở thành đối tượng cho cái nhìn ngắm về thị giác của nam giới, và vì nam giới đóng vai chủ động về tình dục mà phái đẹp bẩm sinh vốn thiên về cảm tình và cảm xúc còn trở thành đối tượng chiếm đoạt của nam giới bằng những cử chỉ sờ mó giao chạm liên quan tới xúc giác của nữ giới!

Đúng thế, đối với nam nhân, tình dục quả thực xuất phát từ thị giác, từ mắt nhìn, nhanh hơn nơi nữ giới, từ xúc giác. Bởi vì, thị giác có tính cách chủ động và chớp nhoáng, còn xúc giác có tính cách thụ động, cần được đụng chạm, sờ mó. Kinh nghiệm “cua gái” cho thấy nam nhân theo đuổi nữ giới hơn là ngược

lại. Đó là lý do ngay từ đầu Mạc Khải Thánh Kinh, qua Sách Khởi Nguyên, đoạn 2 câu 24, đã cho thấy xu hướng tự nhiên bẩm sinh “theo đuổi” của phái nam trước sức hấp dẫn của phái đẹp đó là “người nam bỏ cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình”.

Thế nhưng, nam nhân theo đuổi nữ nhân vì cái đẹp nơi nữ nhân và cái đẹp nơi nữ nhân là những gì trước hết đập vào mắt nam nhân. Bởi thế nữ giới được gọi là phái đẹp, và việc làm đẹp là cái khiếu bẩm sinh thiên phú của họ. Cái đẹp của phái nữ là đối tượng thu hút thị giác hay ánh nhìn của nam nhân được thể hiện nơi thân xác của họ: nhìn đằng sau của một người nữ, nam nhân có thể bị thu hút bởi cái eo thon nhỏ, cái mông đầy đặn hay mái tóc mây bay của họ; nhìn đằng trước, phái mạnh có thể cảm thấy ngây ngất trước dung nhan diễm lệ của họ, hay bộ ngực nảy nở của họ, hoặc tay chân mềm mại của họ. Đó là chưa kể đến những trang điểm phụ họa (có những lúc lò loẹt) nơi họ, qua phấn son trên nét mặt của họ hoặc qua cách phục sức thời trang (có những lúc hết sức khô gò như mồi mọc) của họ, cùng với những cử chỉ thái độ duyên dáng đầy dễ thương của họ.

Thấy một người nữ có vẻ hấp dẫn, chẳng hạn nhìn từ đằng sau họ, người nam cảm thấy bắt đầu bị thu hút, để rồi sau đó, lại tìm cách nhìn đằng trước họ nữa xem cô nàng đẹp xấu ra sao, mà đẹp thì đẹp đến

cỡ nào. Hay ngược lại, chợt thấy một người nữ đẹp, người nam bắt đầu chú ý và để ý đến cả đằng sau người nữ ấy nữa, khi người đẹp ấy bước đi ngang qua mặt người nam hay quay lưng lại phía người nam. Chưa hết, một khi bị thu hút bởi một người phụ nữ kiều diễm, theo tự nhiên, người nam sẽ để ý tới người nữ đó, và nếu có thể và có dịp thuận lợi, người nam sẽ tiến tới chỗ tìm cách làm quen với người nữ này, nhờ đó từ từ lấy lòng người đẹp để được gần gũi với người đẹp, và cuối cùng được chiêm ngưỡng người đẹp.

Nếu cách thức ăn mặc lộ liễu đầy khêu gợi của một người nữ, nhất là một người nữ đẹp, làm cho người nam tự nhiên bùng bùng nổi dậy dục tính đầy thèm thường của mình, đến độ, nếu cơ hội cho phép, chắc chắn họ sẽ chiếm đoạt người nữ này, thì người nam ấy đã tự mình phạm tội tà dâm, như lời Chúa Giêsu khẳng định trong Phúc Âm Thánh Mathêu đoạn 5 câu 28: *“Ai nhìn một người phụ nữ một cách dâm ô thì đã phạm tội ngoại tình với người phụ nữ này trong lòng mình rồi vậy”*. Qua câu nói này của mình, Chúa Giêsu chẳng những khẳng định tội ngoại tình trong lòng mà còn xác nhận rằng nam nhân thực sự bị cám dỗ về tình dục từ thị giác, từ nhìn xem, nếu không biết cẩn trọng, không biết tự chế.

Tệ hại hơn nữa nếu xảy ra trường hợp ngoại tình thật sự, giữa người nam bị người nữ thu hút và

người nữ đã (vô tình hay cố ý) thu hút người nam. Như đã nhận định, nếu tình dục nơi nam nhân xuất phát từ hay lên con bởi thị giác, thì tình dục nơi người nữ lại trực tiếp liên quan tới xúc giác của họ. Nếu họ để cho người nam nào đụng đến họ là họ có thể bắt đầu bị choáng váng và sa ngã, cho dù họ đã là một người vợ và thân thể của họ đã được người chồng âu yếm vuốt ve nhiều lần, nhất là trong những lần vợ chồng ân ái với nhau. Đó là kinh nghiệm của ít là một người phụ nữ trong bài viết “Như Phút Yếu Lòng”:

“Ban đầu chỉ là những lời mời đi uống nước hoặc những cuộc vui chơi cùng các bạn trong lớp. Anh trò chuyện với tôi, chúng tôi chỉ trao đổi với nhau về quan niệm sống hoặc bàn luận về một vấn đề gì đó rất sôi nổi. Tôi đâu biết anh đã để ý đến tôi, dành cho tôi một tình cảm đặc biệt. Rồi một hôm anh thổ lộ tình cảm với tôi. Tôi thực sự bối rối vì tôi chưa bao giờ nghĩ đến điều đó. Tôi không thể tưởng tượng được một người phụ nữ đã có hai con và với độ tuổi như tôi giờ đây lại có người nói lời yêu với mình. Nhưng con tim cũng có những lý lẽ riêng. Khi anh nắm tay tôi, một cảm giác rất lạ trào dâng, xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi tự hỏi liệu có phải mình cũng có tình cảm với anh rồi không? Anh nói về rất nhiều điều, tôi chỉ lắng nghe và cảm nhận. Tôi thấy như mình được sống lại thời tuổi trẻ, cũng khao khát, cũng cháy bỏng yêu thương”.

Tuy nhiên, để có thể giao chạm đến thân thể đầy nhạy cảm và xúc giác của nữ giới, nam nhân cần phải thực hiện một bước quyết liệt, đó là phải làm sao lọt vào tai của người đẹp. Đúng thế, nếu người đẹp dễ lọt vào mắt của người nam thế nào thì người nam cũng dễ lọt vào tai người nữ như vậy, nếu người nam biết cách tán tỉnh và tán đúng ngay tim đen của người nữ. Theo tâm lý tự nhiên của mình, tâm lý của phái đẹp và chuyên môn làm dáng để tỏ ra mình đẹp (và có thể nhờ đó được chú ý bởi nam nhân và thu hút nam nhân), thì người nữ thích được khen, nhất là khen mình trẻ đẹp nói riêng. Có một chị bạn, cách đây khoảng 10 năm, khi chị ấy ở độ tuổi ngũ tuần, đã nói trước mặt bạn bè của mình, trong đó có cả tôi, rằng: “phụ nữ thích được khen, cho dù biết rằng lời khen ấy chỉ là giả dối!”

Với những tay nam nhân tán tỉnh lành nghề thì họ thường tiến tới với một người nữ đang được họ tận tình theo dõi và theo đuổi bằng câu khen đẹp với đầy vẻ chân tình và bằng con mắt đắm đuối ngắm nhìn của họ. Sau đó, cũng theo kinh nghiệm “tán gái” chuyên nghiệp của mình, nhất là của những người đã từng làm chồng, khi thời cơ chín mùi tới, họ mới tiến thêm bước thứ hai, đó là bước tỏ tình, trước khi tới bước thứ ba là bước ân cần chiều chuộng và cung phụng người đẹp như là thần tượng của họ, cho đến khi thực sự chiếm được người đẹp và người đẹp trở thành nô lệ cho thú vui nhục dục

đầy thú tính của họ. Bấy giờ “phái đẹp” đang được phái nam tôn thờ như thần tượng đột nhiên trở thành “phái yếu” bị đè dưới thân mình của phái mạnh đang chiếm hưởng họ, đến độ bấy giờ họ chẳng khác gì như thân phận của một Đại Điểm Đô Babylon trong Sách Khải Huyền (17: 3-4, 16).

Trước hết, con đại điểm đô Babylon tiêu biểu cho thế gian đầy sức thu hút và cám dỗ này ăn mặc lộng lẫy sa hoa và làm chủ được cả con mãnh thú đam mê nhục dục của con người ta, qua hình ảnh được Thánh Tông Đồ Gioan nhìn thấy như sau: *“Một người đàn bà ngồi trên một con mãnh thú đỏ tươi... Con mãnh thú này có 7 đầu và 10 sừng. Người nữ này ăn mặc lụa là và trang điểm vàng bạc cùng ngọc trai và các thứ châu báu khác”*. Thế nhưng, cuối cùng, chính con đại điểm có vẻ đóng vai bà chủ này lại bị chính con mãnh thú đầy đam mê nhục dục của con người toi bồi tấn công hạ: *“Mười cái sừng trên con mãnh thú sẽ hận thù quay lại tấn công con điểm này; chúng sẽ lột trần cô nàng ra; chúng sẽ nuốt sống nàng và nung nấu nàng”*.

Thế nhưng, phủ phàng thay, thực tế vẫn xảy ra là, một khi biết được có người theo đuổi mình, mê mết vì mình, thành phần phái đẹp tự nhiên vẫn không khỏi cảm thấy xúc động và thỏa mãn, và càng cảm thấy gắn bó với người đàn ông ấy hơn nữa khi thấy mình, dù đã làm vợ, được họ lưu tâm chăm sóc cho,

nhều khi vì được yêu nên cảm thấy người theo đuổi mình chăm sóc cho mình còn hơn cả chồng mình, thậm chí còn cho việc chồng mình chăm sóc cho mình chỉ vì phận sự hơn là vì yêu thương như “người ta”. Sau đây là lời tự thú của nữ tác giả bài “Từ ‘Say Nắng’ Đến Mất Chồng”:

“Học trò của tôi là một người nước ngoài đứng tuổi đã biết tiếng Việt ít nhiều giờ muốn học nâng cao. Tôi dạy ông tiếng Việt qua tiếng Anh nhưng ngược lại, ông lại bổ túc tiếng Anh cho tôi qua giao tiếp bằng cả hai thứ tiếng, do đó ông tiến bộ rất nhanh... Sau cái hôn hôm ấy, ông đặc biệt ân cần với tôi... tôi chưa bao giờ được ai chăm sóc như thế, kể cả anh (chồng). Cũng chưa thấy một người đàn ông nào chăm sóc một phụ nữ như thế. Ông dắt tôi lên cầu thang như thể dắt tay một đứa bé mới tập đi. Qua một rãnh nước, ông xúc nách tôi, (chắc ông chủ vườn tưởng chúng tôi là vợ chồng) và dù việc ấy chỉ xảy ra trong giây lát, nhưng cái cảm giác bay bổng, lâng lâng trong cánh tay mạnh mẽ của ông thì không gì so được. Cái cảm giác tin cậy khi đi bên ông làm cho tôi dễ chịu và thích thú. Những buổi đi làm như thế, thật sự là những ngày vui của tôi. Tôi chải chuốt kỹ càng hơn, bắt đầu quan tâm tới các loại mỹ phẩm chăm sóc mái tóc, làn da và mong ngóng nhanh đến ngày đi làm”.

Thế nhưng, đúng như thân phận của con đại điểm Babylon trong Sách Khải Huyền trên đây, cuối cùng nữ tác giả này đã thấy được bộ mặt thật đầy đẽu giả

và đào mỏ của người đàn ông không phải là chồng mình, bề ngoài tỏ ra tốt lành chăm sóc cho mình hơn cả anh chồng để có thể chiếm đoạt lòng mình trước khi chiếm đoạt thân mình trong thời gian còn có thể, với một hậu quả cô nàng phải gánh chịu quá ư là phũ phàng như sau:

“Một phụ nữ còn chưa hiểu bao nhiêu về đàn ông, ngay cả với chồng mình cũng chưa hiểu gì cho lắm, lại gần gũi như thế, với một người đàn ông mà cái gì cũng có sức hấp dẫn mạnh mẽ kỳ lạ, kể cả tấm thân đàn ông cao lớn với nước da trắng hồng của ông. Làm sao bứt ra khỏi sức cám dỗ ấy? Và việc ấy đã đến với ông và tôi trong suốt một buổi học, chỉ sau ngày sinh của tôi có một ngày. Tôi lao vào cuộc truy hoan, với niềm đam mê khoái lạc rất đàn bà, mà với sự từng trải của mình, lần nào ông cũng biết thôi búng nó lên làm tôi cứ mê đi rất lâu. Nhưng, rồi một hôm, ông bỗng bảo tôi rằng phải về nước gấp và đưa cho tôi một chiếc phong bì khá dày: ‘Coi như chúng ta đã thanh lý hợp đồng’. Tôi tái mặt thất thần. Người vẫn còn bưng bưng ngất ngây sau trận mây mưa cuồng phong, bỗng rũ ra như tàu dưa héo chợ chiều. Tôi không thể gào lên, không thể chửi ông. Không phải vì tôi không biết chửi, mà vì biết rằng, mình không thể chửi người ta được, ngoài việc phải chửi rửa, phải xỉ vả chính mình... Mở cửa vào nhà, vừa định bấm nút máy thu hình theo thói quen cho đỡ trống nhà, tay tôi đã vội rụt lại. Một mảnh giấy màu vàng dính vào giữa màn hình: ‘Ngẫu

nhiên anh phát hiện ra mình bị phản bội. Không gì có thể biện hộ được đâu. Vĩnh biệt em!".

Việc người nam lọt vào tai người nữ, bằng những lời tán tỉnh đúng với tâm lý nữ giới, ở chỗ khen đẹp và tỏ tình, để có thể nhờ đó chạm đến da thịt của người nữ, trước khi chiếm đoạt người nữ, là việc đi theo đúng đường lối của Satan cám dỗ Evà ngay từ ban đầu, khi hắn đáng trúng tim đem ham muốn của người nữ nguyên tổ tiên khởi này, như được Sách Khởi Nguyên cho biết ở đoạn 3 từ câu 1 đến câu 6 liên quan tới cây trái cấm "biết lành biết dữ".

Đừng tưởng rằng một người vợ hay chồng được chồng con hay vợ con yêu thương thật tình và tha thiết mà không thể sa ngã phạm tội ngoại tình. Lý do rất đơn giản đó là vì lòng tham vô đáy của con người, thế thôi! Bởi vậy, có thể nói rằng chỉ khi nào con tim của người chồng hay người vợ tràn đầy chất ngất hình ảnh chồng con hay vợ con của mình thì họ may ra mới có thể thoát được những chước cám dỗ ngoại tình mà thôi. Như trường hợp của nữ tác giả bài viết "Như Phút Yếu Lòng" trên đây, ở đoạn kết của bài viết đã dứt khoát với lòng mình như sau:

"Tôi có một công việc yêu thích với mức thu nhập tương đối ổn định. Rồi tôi được cơ quan cử đi học thêm lớp nâng cao nghiệp vụ ở xa nhà. Chồng tôi động viên, ủng hộ việc tôi đi học và còn về quê đón bà di lên để chăm sóc con cái

cho tôi yên tâm học hành. Điều đó càng làm tôi thấy yêu chồng và yêu gia đình mình hơn, tôi thầm cảm ơn ông trời đã ban cho tôi một người đàn ông mẫu mực. Việc học của tôi cũng khá thuận tiện vì tôi chỉ học vào những ngày cuối tuần. Đến lớp tôi chỉ chăm chú vào học, việc giao lưu với các bạn trong lớp cũng ở mức độ vì tôi cũng là một người khá trầm tính.... (chỗ này là đoạn trích trên)... Lớp học có thời gian gián đoạn định kì nên chúng tôi tạm chia tay nhau. Trở về nhà, tôi vẫn đảm đương vai trò của một người vợ, người mẹ. Chồng tôi càng yêu thương, nồng nàn hơn sau những ngày xa cách. Hàng ngày, anh bạn cùng lớp thường xuyên gọi điện hoặc nhắn tin cho tôi (tất nhiên là chỉ trong giờ hành chính). Tôi lâng lâng với cảm giác bỗng được một người khác chăm sóc đặc biệt và tôi vui vì điều đó. Một hôm, chồng tôi có việc phải xa nhà. Buổi tối, ba mẹ con ngủ với nhau. Nhìn hai đứa trẻ ngủ ngon lành, khuôn mặt thơ ngây và đẹp như thiên thần, tôi bỗng chạnh lòng nhìn lại mình trong suốt thời gian qua. Phải nói hai đứa trẻ nhà tôi rất dễ thương. Tôi thấy mình thật có lỗi với chồng, với con. Mặc dù giữa anh và tôi chưa hề có chuyện gì đáng tiếc xảy ra nhưng dẫu sao tôi cũng đã từng có những phút giây xao xuyến trong lòng. Điều đó, giờ đây làm tôi cảm thấy xấu hổ. Anh vẫn nhắn tin cho tôi, tôi không dám trả lời. Tôi tự hỏi liệu mình có dỗi lòng hay không? Nhưng ngay sau đó tôi đã có câu trả lời. Tôi không thể. Tình cảm với anh chỉ là những phút giây rung động nhất thời, nó không có cơ sở cho sự tồn tại. Tôi thầm nói: 'Xin lỗi anh!' và cảm ơn về những điều đã qua. Về những phút giây anh cho tôi hiểu

được tình yêu thương giữa con người với con người. Và tôi sẽ đi về phía không anh, nơi ấy có chồng tôi và hai đứa con đẹp như thiên thần đang đợi. Tôi nghĩ đến lần đi học tới, tôi sẽ phải đối diện với anh. Nhưng tôi sẽ không trốn chạy, tôi tin và biết mình sẽ phải làm gì”.

Quả vậy, cho dù được nhau yêu thương tròn đầy, nhưng nếu con tim của một người làm chồng hay làm vợ không tràn đầy nhau, cho dù còn một chút kẽ hở nào đó, không vẹn toàn như chiếc nhẫn cưới, thì người vợ hay người chồng ấy không thể nào hay khó lòng thoát được một việc mà họ thoát tiên cảm thấy áy náy xấu hổ nhưng rồi vẫn không thể nào chống trả được, như trường hợp của nữ tác giả của bài viết “Từ ‘Say Nắng’ Đến Mất Chồng” trên đây, hay như nam tác giả của bài viết “Tâm Sự của Người Chồng Ngoại Tình” sau đây:

“Tôi là một người đàn ông ngoài 40 tuổi có sự nghiệp, có sức khỏe dồi dào, có gia đình hạnh phúc, bạn bè nhìn vào gia đình tôi ai cũng ngưỡng mộ. Tôi cũng rất tự hào về gia đình với người vợ tốt và những đứa con ngoan. Để có được điều này đều nhờ vào công sức của vợ tôi, nói vậy để các bạn thấy rằng tôi rất yêu vợ. Tuy nhiên có một điều mà tôi thấy khó nói, đó là chuyện sinh hoạt vợ chồng không được như mong muốn, vợ tôi vốn là một người phụ nữ xinh đẹp mảnh mai, sau khi sinh cho tôi hai thiên thần cộng với việc lo toan cho gia đình thì sức khỏe giảm sút rõ rệt, việc này làm cho nhan sắc của vợ tôi không còn

tươi tắn và cũng không nồng nhiệt trong chuyện chăn gối. Tôi rất thông cảm và chấp nhận cho dù đôi khi tôi cũng thấy 'thiếu thốn'. Trong các cuộc nhậu, bạn bè tôi thì thoảng rủ tôi tìm đến gái làng chơi, mặc dù 'phần con' trong tôi cũng thôi thúc, nhưng tôi quyết không phản bội vợ, hơn nữa tôi cũng sợ lây bệnh. Ở nơi tôi làm việc các nhân viên nữ dưới quyền tôi rất xinh đẹp và trẻ trung, họ rất ngưỡng mộ tôi, có một vài người còn chủ động tấn công, họ nói gần nói xa là mong muốn có người bạn trai giống như tôi. Nếu muốn có họ làm nhân tình thì tôi chẳng cần mất tí công sức tán tỉnh nào cả, tuy nhiên tôi vẫn tự nhủ thăm mình sẽ hy sinh một chút để giữ gia đình yên ấm và hạnh phúc cho các con. Tôi nghĩ về chuyện này ngày một nhiều hơn, khi 'thằng đàn ông' trong tôi luôn thôi thúc. Trong khi tôi còn đang nghĩ ngợi thì cơ hội đã đến, một cô gái trong công ty tỏ ra quan tâm tôi trên mức bình thường, luôn tỏ ra sẵn sàng đến với tôi mặc dù cô ấy biết rất rõ gia đình tôi đang hạnh phúc. Tôi đã tặc lưỡi cứ thử một lần xem sao, quả thật tôi cũng hào hứng và đầy cảm xúc với sự trẻ trung và tươi tắn của cô ấy, chỉ sau 2 châu cà phê và một bữa ăn trưa là cô ấy đã thuộc về tôi. Chúng tôi lao vào nhau như những con thiêu thân, tôi như kẻ đói ăn lâu ngày nay mới được bữa thỏa thuê. Mãn nguyện là vậy nhưng khi bước chân về đến nhà thì tôi lại thấy vô cùng ân hận và làm mọi cách để vợ con tôi vui vẻ. Mọi việc đã diễn ra suôn sẻ hơn một năm, tôi chu cấp đầy đủ cho cô nhân tình, và luôn tìm cách bù đắp tinh thần cho vợ con, cho đến một ngày cô

nhân tình yêu cầu tôi ly dị vợ để cưới cô ấy, nếu tôi ngại thì cô ấy sẽ nói chuyện với vợ tôi..."

Ngoại Tình – làm sao “no”

Như thế, phương thế trước hết và trên hết để có thể đề phòng và thắng vượt được chước cám dỗ ngoại tình trong đời sống hôn nhân đó là làm sao cho con tim của mình lúc nào cũng tràn đầy chồng con hay vợ con của mình, để không một hình ảnh nào khác có thể lọt được vào đây. Bất cứ lúc nào hay bất cứ hình ảnh nào còn có thể lọt vào được con tim của mình, nghĩa là được mình chấp nhận và lưu luyến, chứ không cương quyết chống trả và dùng hết cách bỏ đi, thì bấy giờ người chồng hay người vợ ấy không còn yêu thương chồng con hay vợ con của mình thật sự và trọn vẹn nữa, trái lại, đã bắt đầu phản bội chính tình yêu tự bản chất vốn là một và bao giờ cũng nên một, một phản bội mà trên thực tế phạm đến những con người thân yêu nhất của mình, những con người hết tình yêu thương mình. Để có thể biết được mình có thật tình yêu thương người phối ngẫu của mình và yêu thương một cách trọn hảo hay chẳng, người vợ hay người chồng nói chung, nhất là khi một trong hai trở thành nạn nhân bị trắng trợn và phũ phàng phản bội bởi vợ hay chồng của mình, có biết tha thứ và tiếp tục chấp nhận người phối ngẫu của mình một khi họ biết lỗi, thú lỗi và xin lỗi với mình hay chẳng?

Tuy nhiên, về bề ngoài, để cẩn thận đề phòng hơn các dịp tội có thể đưa đến chỗ ngoại tình, người chồng, vì là nam nhân, cần phải biết giữ mắt, đừng buông thả thị giác, và người vợ, vì là nữ giới, cần phải biết giữ tai, không dễ nghe lời khen tặng, và giữ mình, chẳng những ở chỗ không cho một nam nhân nào ngoài chồng mình động chạm tới da thịt nhạy cảm đàn bà của mình, mà còn không bao giờ ăn mặc khêu gợi hở hang. Nghĩa là cả hai người đều phải sống đoan trang nết na đức hạnh. Nguyên thái độ và đời sống đức hạnh của một người chồng người vợ cũng đủ trở thành một cản trở tấn công của kẻ thù vô cùng quỷ quyệt khôn lanh là Satan qua thành phần tác nhân được hấn sử dụng để cướp đoạt không phải chỉ thân xác mà là chính linh hồn của những con người vốn yếu đại, nhất là những con người chẳng những yếu đại lại còn dễ dàng chiều theo đam mê nhục dục của mình.

Kinh nghiệm tự nhiên về phái tính cho thấy, một con người làm vợ dễ cảm nhận được hơi hám tình cảm của đối phương nam nhân đang để ý đến mình, đang tìm cách ve vãn gần gũi mình, và một con người làm chồng cũng không khó nhận ra những cử chỉ và hành động của đối phương nữ đang tìm cách lôi kéo chú ý của mình. Một khi vừa cảm nhận được nguy hiểm, nếu là một người vợ hay người chồng thật tình yêu thương gia đình và coi gia đình mình trên hết, họ tự nhiên sẽ biết phải làm sao, phải phản

ứng ra sao, chứ không thể nào để mình bây giờ đang còn tỉnh táo thấy được hiểm nguy trở thành mê man đi tới chỗ mê dại, cho tới khi tỉnh lại thì lại nói rằng không biết tại sao mình có thể làm như thế! Cho dù cảm nhận phái tính của họ có sai lầm về một đối phương nào đó liên quan tới cảm tình đối với họ, thì nguyên tắc “phòng bệnh hơn chữa bệnh” bao giờ cũng vẫn đúng và vẫn hơn.

Tuy vậy, cho dù có tự giữ mình mấy chẳng nữa, những con người làm vợ làm chồng cũng khó lòng hay không thể nào làm chủ được hoàn cảnh và không thể nào kiểm soát được những những trường hợp bất ngờ xảy ra. Chẳng hạn như người chồng bất ngờ nhìn thấy bộ ngực nõ nang của một người đàn bà đang cúi xuống trước mặt mình, hay bất gặp cặp mắt của một người đàn bà lạ đang trù mẩn nhìn mình, hay người vợ đột nhiên nghe thấy lời khen tặng sắc đẹp của mình nơi một người đàn ông đồng nghiệp hàng ngày vẫn giao tiếp với nhau. Trong những trường hợp xảy ra ngoài ý muốn này, nếu con tim của người chồng hay người vợ bấy giờ vẫn tràn đầy vợ chồng con cái của mình thì cùng lắm chỉ là những rung động nhất thời rồi qua đi như mây mù thoáng qua nhưng không mưa xuống vậy.

Bằng không, cái nhìn trù mẩn của người đàn bà lạ ấy, hay lời khen đẹp của người đàn ông đồng nghiệp quen biết ấy, sẽ tiếp tục ám ảnh tâm trí của

họ, để rồi, vào một lúc nào đó, nhất là khi vợ chồng có những chuyện bất đồng khó tránh, chuyện ngoại tình trong lòng bắt đầu xảy ra trước khi tiến tới tình trạng ngoại tình thực sự bề ngoài, như một chút tàn thuốc lá được vút vào đám cỏ khô đã trở thành một trận rừng đốt cháy bao nhiêu là ngôi nhà vô tội vậy. Một con tim được gọi là tròn đầy chồng con hay vợ con của mình, về mặt tích cực chỉ biết có gia đình mình, và về mặt tiêu cực, không thể bị rạn nứt bởi bất cứ một bất toàn vô tình hay hữu ý nào gây ra bởi người phối ngẫu của mình, để từ đó và bởi đó, cho phép một hình ảnh nào đó lọt vào được trong đó làm cho nó có những rung động bất thường.

Bởi thế, để đề phòng những bất trắc xảy ra ngoài tầm kiểm soát của mình, của một con người làm chồng làm vợ cho dù có được gia đình yêu thương song vẫn còn những mầm mống ngoại tình và có những lúc vui đi phần nào mức độ yêu thương gia đình, thì chỉ còn một cách duy nhất đó là làm sao tạo được cho mình một con tim trong sạch để có thể thấy được Thiên Chúa, như Chúa Giêsu dạy trong Bài Giảng Trên Núi về Các Phúc Đức Trọn Lành ở đoạn 5 câu 8, Vị Thiên Chúa hiện diện nơi tất cả mọi người, nhất là nơi người phối ngẫu của mình. Có thể nói, nếu vợ chồng biết trân trọng nhau trong Chúa, nhất là liên quan tới vấn đề thân xác của nhau, “nên một xác thịt” với nhau, họ cũng sẽ biết nhìn tất cả mọi người khác, nhất là những người khác phái họ

tự nhiên cảm thấy yêu thích hay đang theo đuổi họ, một cách khách quan như tất cả mọi người anh chị em của mình và trân trọng như là hình ảnh sống động của Thiên Chúa.

Và cũng chính nhờ con tim thanh sạch đến có thể thấy được Thiên Chúa như thế, một điều kiện tối khẩn và bất khả thiếu để có thể chẳng những yêu thương nhau trong tình nghĩa vợ chồng một cách trọn vẹn và trọn hảo mỗi ngày một hơn, mà còn giữ mình khỏi mọi mầm mống cùng các chước cám dỗ ngoại tình trong ngoài, mà người vợ hay người chồng nạn nhân bị người phối ngẫu của mình phản bội bằng việc ngoại tình thật sự của họ chẳng nữa, người chồng hay người vợ nạn nhân này vẫn có thể tha thứ và chấp nhận người phối ngẫu ngoại tình của mình một khi người phối ngẫu ấy biết lỗi, thú lỗi và xin lỗi mình.

Hậu quả của việc ngoại tình gây ra bởi một trong hai người, một khi bị người chồng hay người vợ nạn nhân biết được hay được nhau thành thật tiết lộ, sẽ không thể nào có thể lường được cái tai hại vô cùng của nó, ít là ba cái tai hại thảm thương sau đây, tùy lòng thành thật ăn năn thống hối của người phối ngẫu phạm nhân và lòng quảng đại của người phối ngẫu nạn nhân. Cái tai hại trên hết và trước hết, kinh khủng nhất, gây ra bởi hành động ngoại tình, đó là tình trạng hạnh phúc gia đình có thể hoàn toàn

bị tan vỡ. Cái tai hại sau đó cũng kinh hoàng không kém, nếu còn tiếp tục sống với nhau, đó là niềm tin tưởng nơi nhau bị khủng hoảng, ít là không còn như trước nữa, có thể lúc nào người phối ngẫu nạn nhân cũng sống trong phập phồng lo sợ, và lúc nào người phối ngẫu phạm nhân cũng cảm thấy mình bị theo dõi, dù sự thật không như thế.

Cái tai hại thứ ba đó là việc ân ái vợ chồng sẽ bị khủng hoảng trầm trọng, tới độ có thể làm cho người phối ngẫu nạn nhân mất hứng thú hay thậm chí làm mất đi cả khả năng sinh dục nơi người phối ngẫu nạn nhân khi gần gũi thân xác của người chồng hay người vợ phản bội mình. Bởi vì, vào chính những lúc vợ chồng “nên một xác thịt” ấy, chẳng những hình ảnh ngoại tình của người phối ngẫu của mình lại chòn vòn ám ảnh người chồng hay người vợ nạn nhân, mà ngay cả nơi người phối ngẫu từng ngoại tình cũng có thể vừa ân ái với người vợ người chồng nạn nhân của mình mà vẫn nghĩ đến người tình vụng trộm đã từng ăn nằm với mình, nhất là khi thấy người phối ngẫu nạn nhân của mình không còn cảm thấy hứng thú như xưa nữa với mình, hoạt trở thành bất lực để đáp ứng nhu cầu sinh lý vợ chồng của mình.

Chính vì những hậu quả ngoại tình quá ư là khủng khiếp như vậy mà vấn đề tiết lộ sự việc như nhược này mới trở thành những gì rất ư là tế nhị và ray rứt

đối với người vợ hay người chồng phạm nhân, chưa kể đến tâm trạng vô cùng xấu hổ của họ đối với người phối ngẫu củ họ, nhất là đối với một người phối ngẫu vẫn một lòng thủy chung yêu thương họ, không hề hề nghi theo dõi họ, hoàn toàn tin tưởng nơi họ. Và chính vì được yêu thương hết tình như thế mà họ càng cảm thấy tội lỗi và day dứt áy náy, tới độ không thể nào không tự thú, bởi tin tưởng vào lòng quảng đại của người vợ người chồng thật tình yêu thương mình.

Một trong những lý do cần phải can đảm và chân thành thú nhận tội ngoại tình của mình với người vợ hay người chồng nạn nhân của mình là vì để nhờ đó họ có thể tránh được tội này, không tiếp tục vấp phạm nữa. Nếu lấy lý sợ rằng thú ra làm cho người phối ngẫu nạn nhân quá đau khổ không chịu đựng nổi mà cứ tiếp tục sống ngoại tình thì lý do được viện ra đó chỉ là cái có để sống vụng trộm với người tình của mình. Ngoài ra, cũng cần phải thú tội ngoại tình của mình ra để lấy lại niềm tin tưởng vợ chồng với nhau, chứ đừng để cho tới khi bị bắt được quả tang hay cho tới khi bằng chứng ngoại tình của mình được phơi bày ra không thể chối cãi thì đã quá muộn, muộn đời không còn niềm tin tưởng vợ chồng nữa, từ đó hạnh phúc gia đình sẽ chỉ là một lâu đài hoang xây trên cát, sụp đổ bất cứ lúc nào, nếu cả hai cố gắng tiếp tục sống với nhau chỉ vì lợi ích của con cái.

Đúng vậy, chỉ có người phối ngẫu nạn nhân nào yêu thương vợ mình hay chồng mình thật lòng và hết lòng, với một niềm tin sâu xa vững chắc, mới có thể dễ dàng và sẵn sàng chấp nhận người bạn đời ngoại tình lăng loàn gian dâm đê hèn vụng trộm của mình mà thôi, như Vị “Thiên Chúa là Tình Yêu” (1Jn 4:8,16) đối với thành phần dân Do Thái tuyển chọn của Ngài, ở chỗ Ngài luôn trung thành với giao ước tự động của Ngài, cho dù trong Lịch Sử Cứu Độ, thành phần dân ưu tú trên thế gian này liên li ngoại tình với đủ mọi thứ ngẫu tượng của họ, hằng phản bội bất trung với Đấng đã chủ động kết giao với họ và đã luôn chở che bênh vực họ, giải thoát họ khỏi thân phận làm tôi Ai Cập.

Qua chính việc quảng đại thứ tha này của mình, người vợ hay người chồng nạn nhân càng chứng tỏ tình yêu chẳng những thủy chung của mình mà còn cho thấy tình yêu này là một tình yêu trọn lành, thực sự phản ánh tình yêu cao cả của Thiên Chúa nữa. Với việc thứ tha của mình như thế, người vợ hay người chồng nạn nhân cho thấy rằng, nếu người phối ngẫu của họ, qua việc ngoại tình, trước hết và trên hết, đã phản bội Chúa và bất trung với Chúa là Đấng đã xe duyên kết nghĩa giữa người phối ngẫu phạm nhân với họ là người vợ hay người chồng nạn nhân thế nào, thì người phối ngẫu nạn nhân, qua việc rộng lượng thứ tha của họ, cũng cho thấy rằng, trước hết và trên hết, họ tỏ ra thủy chung với Chúa,

tỏ ra tận trung với Đấng đã cho người phối ngẫu kia ở với họ, do đó, họ không thể loại trừ người này, dù người ấy có thể nào chẳng nữa, có phản bội mình và mình bởi đó có quyền ly dị, như cha mẹ không thể phủ nhận và ruồng bỏ con cái ruột thịt của mình, từ mình mà có, không công nhận nó nữa, vì nó hư thân mất nết và làm cho cha mẹ bị tủi nhục.

Chính tình yêu thương chân thật và trọn hảo đây quảng đại thứ tha này sẽ là những gì biến đổi người vợ hay người chồng ngoại tình, làm cho họ tăng thêm sức mạnh để dứt khoát gắn bó với người phối ngẫu nạn nhân vô cùng đáng thương và đồng thời cũng rất đáng kính của mình. Như thế, tình yêu hôn nhân đã làm cho nhau nên trọn hảo hơn và gia tăng hạnh phúc chân thực hơn.

Tuy nhiên, để hàn gắn một việc làm ngoại tình hoàn toàn phản lại với bản chất của hôn nhân và tình yêu vợ chồng này không phải là chuyện dễ dàng theo tự nhiên đối với cả người phối ngẫu nạn nhân lẫn người vợ hay người chồng phạm nhân. Người phối ngẫu nạn nhân cần phải có một tấm lòng rất quảng đại, một tình yêu thật trọn hảo mới có thể tha thứ và chấp nhận người bạn đời gian dối lừa đảo giả hình của mình, một người bạn đời khi nằm với mình thì nói “anh/em yêu em/anh” và khi ân ái với “người ta” cũng không ngưng ngừng nói cùng một câu

“em/anh yêu anh/em”. Một thứ tình yêu hai lòng trở mặt này thật là một thứ tình yêu thật là quái gở!

Đó là lý do, một khi chân thành hối lỗi trở về với người vợ người chồng một lòng thủy chung với mình, nhất là hết lòng quảng đại tha thứ cho mình, người phối ngẫu phạm nhân mới cảm thấy vô cùng xấu hổ và hoàn toàn bất xứng, với một mặc cảm không thể xóa mờ hay xóa mờ một cách mau chóng, nhất là khi ân ái với nhau. Bấy giờ, với tâm trạng nặng nề và sâu xa mặc cảm như thế, người vợ hay người chồng phạm nhân ngoại tình sẽ trở thành nạn nhân đáng thương còn hơn là người phối ngẫu bị họ phản bội nữa. Họ cảm thấy nhục nhã và thậm chí không dám gần gũi với người phối ngẫu thủy chung quảng đại của mình, cho dù có được người bạn đời khả ái này của mình thật tình tiếp nhận chứ không phải chỉ vì thương hại. Có những lúc, với tâm trạng quá sức là hối hận và giận mình, họ cảm thấy họ thà bị và đáng bị người bạn đời bị họ phản bội thậm tệ nhục mạ và chửi rủa cho xứng với tội tày trời không thể tha thứ của họ, hơn là được người bạn đời này rộng lượng thứ tha.

Thế nhưng, nếu mặc cảm tội lỗi ngoại tình làm cho họ xa cách hơn với người phối ngẫu khả ái chí tình của mình, thì mặc cảm tội lỗi này lại trở thành những gì không tốt và đầy nguy hiểm đến hạnh phúc lứa đôi và chung gia đình. Ngược lại, mặc cảm

tội lỗi ngoại tình chỉ chính đáng khi nó giúp cho người vợ hay người chồng phạm nhân bấy giờ cảm thấy rằng chính họ mới là nạn nhân trong cuộc hơn là người bạn đời bị họ phản bội, theo tinh thần và ý nghĩa của lời Chúa phán với đám phụ nữ Giêrusalem ở chặng thứ VIII của Đường Thánh Giá: “Các người chớ khóc thương Ta một hãy khóc thương bay...” (xem Lk 23:28).

Đúng thế, tình yêu thủy chung của người bạn đời bị họ phản bội, và lòng quảng đại thứ tha của người phối ngẫu này phải là những gì lôi kéo họ lại, nhờ đó, họ cần phải làm sao nỗ lực tỏ ra đáp ứng lại một cách xứng đáng hơn, không bao giờ phản bội nữa. Thật ra, theo bản tính tự nhiên, người phối ngẫu bị họ phản bội cũng có thể như họ sa ngã phạm tội ngoại tình nếu không có ơn Chúa, và cũng không thể nào sẵn sàng tha thứ cho người chồng người vợ lừa đảo phản bội của mình nếu Chúa không ở với. Bởi thế, tình yêu chân tình, thủy chung và cao cả của người bạn đời chí tình khả ái này bấy giờ phải nói là những gì trung thực và sống động phản ánh chính tình yêu trọn hảo của Thiên Chúa đối với họ, một vị Thiên Chúa giang rộng cánh tay ra ôm ấp họ như người con phung phá trở về nhà, cho dù nó thật lòng cảm thấy không còn xứng đáng với cha của nó nữa (xem Luke 15:18-21).

Sống tinh thần Tận Hiến trong đời hôn nhân gia đình nơi trường hợp người chồng hay người vợ ngoại tình

Xin giới hạn tinh thần tận hiến vào phạm vi vợ chồng mà thôi, chứ không bao gồm các lãnh vực khác của chung đời sống gia đình, như sống tinh thần tận hiến trong sứ vụ giáo dục con cái, trong trường hợp gia đình gặp hoạn nạn thử thách như bị thất nghiệp, tật nguyên, thiên tai v.v.

Cái đau khổ nhất trong đời sống hôn nhân là gì?

- Bị phản bội và ngờ vực!

Để mở đầu cho bài chia sẻ nội trong vòng 45 phút, không kể 45 phút hội thảo nhóm và 30 phút đúc kết chung, tôi đã đặt câu hỏi gợi ý đầu tiên như thế này: "*Mẹ Maria đã sống tinh thần tận hiến ra sao trong cuộc đời hôn nhân của Mẹ?*" Sau 3 câu trả lời

không đúng như những gì tôi muốn nhập đề, tôi hé mở thêm: "tức là giữa Mẹ và Thánh Giuse!" Tức khắc nhiều người nói chính xác cùng trả lời một câu như nhau, đó là sự kiện Thánh Giuse tính bỏ Đức Mẹ mà đi! Sau khi cùng mọi người ôn lại thuộc lòng đoạn Phúc Âm Thánh Mathêu (1:18:25), tôi đã phân tích đoạn trình thuật này với 3 điểm chính yếu sau đây.

Điểm thứ nhất, đó là, qua đoạn Phúc Âm này, tục lệ Do Thái cho phép trai gái sống với nhau dù mới đính hôn, bằng không thì biến cố Truyền Tin không thể nào xảy ra khi Mẹ Maria mới chỉ đính hôn với Thánh Giuse và chưa về chung sống với nhau.

Điểm thứ hai liên quan tới Thánh Giuse. Vì "là người công chính", ngài không thể chấp nhận những gì là sai trái, và cái sai trái ngay trước mắt của ngài bấy giờ là cái thai trong lòng người nữ mình đã đính hôn. Tuy thế, theo nguyên tắc ghét tội nhưng thương người có tội, ngài vẫn tôn trọng con người có dính dáng tới cái sai trái ấy, nên ngài đã không tố cáo người nữ đã đính hôn với mình, trái lại, đã quyết định âm thầm bỏ đi. Tuy nhiên, hành động bỏ đi của ngài chỉ chứng tỏ rằng ngài không hề có liên quan gì tới cái thai trong bụng người nữ thành Nazarét ấy, một người nữ đã thuộc về ngài nhưng sau khi đi thăm người chị họ là mẹ của thai nhi tiền hô Gioan Tẩy Giả 3 tháng trở về đã mang

bầu. Thế nhưng, đối với Mẹ Maria thì hành động bỏ đi này rất nguy hiểm. Bởi Mẹ có thể bị ném đá chết khi sinh con không có chồng bên cạnh và dù chồng chưa chết mà đã góa chồng v.v.

Điểm thứ ba liên quan tới Mẹ Maria. Chắc chắn Mẹ Maria biết được tình trạng bối rối của Thánh Giuse. Vì hai bên vẫn có thể gặp nhau và thăm nhau thì chẳng lẽ Thánh Giuse không có mắt và chẳng lẽ Mẹ Maria "thắt lưng buộc bụng" làm như không có gì xảy ra! Trái lại, cho dù không thể giấu diếm được người nam đã dính hôn với mình, Mẹ Maria vẫn không ngại gặp Thánh Giuse mỗi khi cần phải gặp. Nhưng Mẹ không hề lên tiếng để làm sáng tỏ vấn đề, (mà có cố gắng thanh minh biện bạch chẳng nữa thì chắc gì Thánh Giuse tin tưởng hay lại càng gây thêm thắc mắc và bối rối), trái lại, Mẹ vẫn âm thầm chịu đựng, hoàn toàn phó thác cho Thiên Chúa, Đấng duy nhất biết Mẹ là đủ và Ngài sẽ ra tay vào thời điểm của Ngài.

Phản ứng của Mẹ hoàn toàn sống theo tinh thần tận hiến của giây phút Truyền Tin: "Xin vâng" hay "xin hãy thực hiện nơi tôi những gì ngài truyền" (Lk 1:38). Quả nhiên, Thiên Chúa đã làm sáng tỏ vấn đề khi sai Thiên Thần báo mộng cho Thánh Giuse. Ngài đã nhận Mẹ Maria về làm vợ, nhưng không liên hệ với nhau cho tới khi Mẹ Maria sinh con và đặt tên là Giêsu.

Ngay sau khi dẫn giải vấn nạn về trường hợp Mẹ Maria đã sống tinh thần tận hiến trong đời sống hôn nhân vợ chồng như thế, vấn đề thứ hai được đặt ra đó là "**cái đau khổ nhất trong đời sống hôn nhân là gì?**" hay nói ngược lại, "**trong đời sống hôn nhân gia đình những gì làm cho người chồng hay người vợ đau khổ nhất?**" Mấy câu trả lời được nêu lên, nhưng không câu nào đúng theo chiều hướng của bài phúc âm vừa được phân tích. Người chia sẻ mới gợi ý là cái đau khổ nhất trong đời sống hôn nhân mà một người chồng hay một người vợ cảm thấy nhức nhối nhất và cay đắng nhất đó là bị người bạn đời của mình phản bội hay bị người bạn đời của mình ngờ vực, như đã xảy ra, ở một ý nghĩa khách quan nào đó nơi trường hợp của Mẹ Maria và Thánh Giuse trong bài Phúc Âm. Tất cả mọi người đều gật gù và nghiêm chỉnh đồng ý.

Vấn đề thứ ba tiếp tục được đặt ra là "**thế nào là ngoại tình hay ngoại tình là gì?**" Với câu hỏi hết sức thực tế này, ai cũng đồng ý là tất cả những hành động nào phạm đến Điều Răn 6 "chớ làm sự dâm dục" với bất cứ ai không phải là chồng mình hay vợ mình. Còn Điều Răn Thứ 9 thì sao? Không ai chối cãi là ngoại tình cũng bao gồm cả những gì âm thầm kín đáo ở bên trong con người nữa: "chớ muốn vợ chồng người", nghĩa là bao gồm cả việc ngoại tình bên trong nữa chứ không phải chỉ có hành động tà dâm bên ngoài thôi.

Bầu không khí của buổi hướng dẫn có tính cách chia sẻ chủ đề càng trở nên căng thẳng nhưng hào hứng hơn ở câu hỏi thứ bốn: "**Tại sao lại xảy ra ngoại tình nơi người vợ hay người chồng?**" Ba câu trả lời chính xác tức khắc đã được phát biểu một cách gãy gọn như kinh nghiệm xót xa sẵn có chỉ chờ bột phát: 1- vì chán nhau; 2- vì thích mới; 3- vì tham lam.

Chán nhau ở đây ngoài vấn đề về sinh dục vợ chồng còn bao gồm cả phương diện tâm lý vợ chồng: kỵ nhau qua những thường xuyên đụng chạm nhau gây ra bởi những yếu tố khác biệt nhau, đối nghịch nhau, thậm chí phạm đến nhau.

Thích mới ở đây không phải chỉ vì chán nhau mà còn vì ham thích của lạ, chẳng hạn ở Mỹ quốc cũng như ở Việt Nam đều có những thứ club vợ chồng để hội đồng làm tình với nhau, giữa chồng này vợ kia hay chồng kia vợ nọ v.v.

Trước khi sang lý do thứ ba gây ra ngoại tình trong đời sống vợ chồng, câu hỏi thứ năm bất ngờ được nhẩy vào khiến cho thành phần thánh giả bị khựng lại một chút và không đồng nhất với nhau như câu hỏi thứ năm, đó là câu hỏi: "**có khi nào hôn nhân rất hạnh phúc, được chồng hay vợ hết tình yêu thương mà ngoại tình vẫn xảy ra hay chẳng?**" Sau một giây lát im lặng, câu trả lời đầu tiên là "có thể", và câu trả lời thứ hai cương quyết nhưng thoát tiên có vẻ rụt rè

là "có", cuối cùng tiếng "có" mỗi ngày một lớn hơn và đông hơn, như đẩy ra ánh sáng một sự thật quá ư là phũ phàng không thể chối cãi, có thể đã cảm nghiệm được từ chính những ai đã thật sự trải qua, không thể phủ nhận.

Tham lam ở chỗ cho dù đã được vợ mình hay chồng mình hết lòng yêu thương chiều chuộng và thủy chung nhưng vẫn không thể nào ngăn cản nỗi người vợ hay người chồng vụng trộm lén lút ngoại tình, cho dù tận đáy lòng của người vợ hay người chồng ngoại tình này không muốn phá vỡ hạnh phúc hôn nhân đang có của họ cũng như không muốn đánh mất niềm tin nơi vợ hay chồng mình!

Vấn ngoại tình cho dù đã có được hạnh phúc thật sự trong đời sống hôn nhân gia đình

Để khai triển thêm về trường hợp ngoại tình vì tham lam này, tôi đã chứng minh bằng hai câu truyện: một từ Thánh Kinh Cựu Ước và một trong cuộc sống thực tế đời thường.

Câu truyện ngoại tình vì tham lam trong Thánh Kinh Cựu Ước đó là câu truyện về Thánh Vương Đavít, được thuật lại trong Sách Samuel quyển thứ 2 đoạn 11, trong đó, người ta thấy rằng có một buổi chiều tối Vua Đavít đang đi dạo trên sân thượng thì trông thấy xa xa có một phụ nữ nhan sắc đang tắm.

Sau khi biết được gốc gác của bà ta, Vua liền cho triệu bà ta vào cung và ăn nằm với bà ấy. Khi biết tin bà có thai Vua liền triệu chồng bà là Uria về để 2 lần tìm cách cho vợ chồng họ gần gũi nhau, nhưng bất thành nên Vua ra lệnh sát hại người chồng nơi trận chiến bằng gươm giáo của quân thù.

Trường hợp ngoại tình của Vua Đavít rất đặc biệt và lạ lùng, đáng lẽ không thể nào xảy ra nơi một con người đầy niềm tin, bác ái và đạo đức như vậy. Vua là một con người đầy niềm tin, ở chỗ, cho dù chỉ là một thiếu niên nhỏ người non dại cũng đã thắng được Goliát to con lớn tướng đầy kinh nghiệm chiến trường và ngạo mạn (xem 1Sam 17:32-58). Vua là một con người đầy bác ái vị tha, ở chỗ, đã tha chết cho kẻ thù mình là Vua Saolê hai lần chỉ vì ghen hận đã đem quân đi lùng giết Đavít (xem hai đoạn 24 và 26). Vua là một con người đạo đức khi nghĩ đến Hòm Bia Chúa và ra lệnh cung nghinh về Giêrusalem là nơi vua cư ngụ trong lâu đài nguy nga tráng lệ (xem 2Sam đoạn 6).

Chưa hết, vấn đề muốn nhấn mạnh ở đây là Vua Đavít đã có một gia đình nhiều thế hệ nối tiếp đông con đến thế mà vẫn còn thòm thèm tình dục. Ở Hebron khi cai trị Xứ Giuđa 7 năm vua đã có 7 người vợ, mỗi bà đều có một người con trai với vua, trừ người con gái của Vua Saulê bị son sẻ vì khinh thường vua khi thấy vua nhảy múa trước Hòm Bia

được cung nghinh về Thành Giêrusalem (xem 2Sam 6:16,20-23), và ở Giêrusalem khi cai trị toàn dân Yến Duyên (Israel) 33 năm nữa, vua lấy thêm thê và thiếp, trong đó có cả người đàn bà vua ngoại tình, và đã sinh thêm được 11 người con trai con gái khác nữa (xem 2Sam 5:13-15).

Câu chuyện ngoại tình vì tham lam trong đời thường được một người vợ trẻ ở Việt Nam thuật lại dưới nhan đề là "từ 'say nắng' đến mất chồng" như thế này. Trước hết, chị ta có một gia đình rất hạnh phúc:

"Tôi đi làm về trong một tâm trạng cực kỳ vui vẻ. Tháng lương đầu tiên đấy. Tháng lương đầu tiên trong đời, tháng lương đầu tiên sau hạnh phúc được làm vợ anh, được làm mẹ của bé Thanh Tùng. Rồi những ngày dài ở nhà trông con, thu vén nhà cửa, chuẩn bị bữa ăn đón anh đi làm về. Anh ôm cả hai mẹ con, hôn tôi rồi mới bế con, nhấc bổng nó lên quá đầu, rúc mặt vào quả ót tí xíu của nó. Tôi sung sướng ngất ngây trong hạnh phúc làm mẹ, làm vợ như thế..."

Sau đó, chị kể lại tình trạng làm việc với một người Mỹ để lĩnh lương hàng tháng của ông như sau:

"Học trò của tôi là một người nước ngoài đứng tuổi đã biết tiếng Việt ít nhiều giờ muốn học nâng cao. Tôi dạy ông tiếng Việt qua tiếng Anh nhưng ngược lại, ông lại bỏ túc tiếng Anh cho tôi qua giao tiếp bằng cả hai thứ tiếng,

do đó ông tiến bộ rất nhanh... Tôi cứ nghe ông nói, cứ nhìn vào đôi mắt long lanh biếc xanh của ông, mỗi lúc càng long lanh hơn. Đôi mắt ấy cũng chăm chăm nhìn vào mắt tôi. Và khi ngừng nói, ông đưa cả hai tay qua chiếc bàn hẹp, miệng vừa hỏi 'Đúng không nào?', hai tay vừa giữ chặt lấy hai bên đầu tôi, vừa vươn người sang, nghiêng đầu hôn tôi. Tôi vội đưa hai tay gỡ tay ông ra, nhưng không được. Tôi có giẫy ra khỏi cái miệng ông cứ gắn chặt lấy miệng tôi, nhưng không lại! Cảm thấy không phải với anh, đêm ấy tôi chủ động gợi ý, nhưng anh không hưởng ứng. Công việc vất kiệt sức anh sau ngày làm việc ở cơ quan mà vẫn phải đem về nhà làm mới xong. Anh mãi mê với công việc, không may mắn nhận ra rằng, thỉnh thoảng tôi lại nhìn trộm anh, lại đưa tay lên môi, lên má. Ngay cả lúc soi gương tôi vẫn như nhìn thấy dấu vết tội lỗi trên mặt. Sau cái hôn hôm ấy, ông đặc biệt ân cần với tôi và chăm sóc thì... tôi chưa bao giờ được ai chăm sóc như thế, kể cả anh. Cũng chưa thấy một người đàn ông nào chăm sóc một phụ nữ như thế. Ông dắt tôi lên cầu thang như thể dắt tay một đứa bé mới tập đi. Qua một rãnh nước, ông xúc nách tôi, (chắc ông chủ vườn tưởng chúng tôi là vợ chồng) và dù việc ấy chỉ xảy ra trong giây lát, nhưng cái cảm giác bay bổng, lâng lâng trong cánh tay mạnh mẽ của ông thì không gì so được. Cái cảm giác tin cậy khi đi bên ông làm cho tôi dễ chịu và thích thú. Những buổi đi làm như thế, thật sự là những ngày vui của tôi. Tôi chải chuốt kỹ càng hơn, bắt đầu quan tâm tới các loại mỹ phẩm chăm sóc mái tóc, làn da và mong ngóng nhanh đến ngày đi làm....

"Hôm ấy, anh có một bình hoa hồng cho tôi, một gói thịt lợn nạc quay, thơm mùi lá mọc mật mà anh nhờ một người bạn chạy tàu Lạng Sơn mua về, món ăn tôi thích nhất. Một đôi tất chân dài để tôi đi với váy ngắn, và khi bé Thanh Tùng đã ngủ say là một cuộc làm tình rất nồng nàn. Nhưng anh không thể ngờ rằng, nguyên nhân của sự nồng nàn hơn mọi lần như thế, chính là vì trong lúc ấy tôi đã... nghĩ đến ông. Một phụ nữ còn chưa hiểu bao nhiêu về đàn ông, ngay cả với chồng mình cũng chưa hiểu gì cho lắm, lại gần gũi như thế, với một người đàn ông mà cái gì cũng có sức hấp dẫn mạnh mẽ kỳ lạ, kể cả tấm thân đàn ông cao lớn với nước da trắng hồng của ông. Làm sao bứt ra khỏi sức cám dỗ ấy? Và việc ấy đã đến với ông và tôi trong suốt một buổi học, chỉ sau ngày sinh của tôi có một ngày. Tôi lao vào cuộc truy hoan, với niềm đam mê khoái lạc rất đàn bà, mà với sự từng trải của mình, lần nào ông cũng biết thổi bùng nó lên làm tôi cứ mê đi rất lâu. Nhưng, rồi một hôm, ông bỗng bảo tôi rằng phải về nước gấp và đưa cho tôi một chiếc phong bì khá dày: 'Coi như chúng ta đã thanh lý hợp đồng'. Tôi tái mặt thất thần. Người vẫn còn bừng bừng ngất ngây sau trận mây mưa cuồng phong, bỗng rũ ra như tàu dừa héo chợ chiều. Tôi không thể gào lên, không thể chửi ông. Không phải vì tôi không biết chửi, mà vì biết rằng, mình không thể chửi người ta được, ngoài việc phải chửi rửa, phải xỉ vả chính mình. Tôi phóng xe đến nhà con bạn đã giới thiệu hợp đồng này, thì nó cũng như đĩa chết rồi: 'Thằng mắt xanh, mũi lõ của tao cũng biến rồi. Thật ra, cái thằng của mày sôi tiếng Việt từ lâu rồi. Tao kéo mày

vào cuộc, để tính sang bên ấy cho có bạn có bè. Ai ngờ!'. Mở cửa vào nhà, vừa định bấm nút máy thu hình theo thói quen cho đỡ trống nhà, tay tôi đã vội rụt lại. Một mảnh giấy màu vàng dính vào giữa màn hình: 'Ngẫu nhiên anh phát hiện ra mình bị phản bội. Không gì có thể biện hộ được đâu. Vĩnh biệt em!''.

Phần của bài nói trên đây vừa đủ cho 45 phút theo chương trình ấn định. Tôi chấm dứt tại đây làm cho nhiều người tỏ ra hết sức tiếc xót. Bởi thế, phần hội thảo theo nhóm 45 phút và phần đúc kết 30 phút sau đó đã được yêu cầu bãi bỏ để nghe tôi nói tiếp. Thế là sau 15 phút giải lao, tôi đã tiếp tục phần hai của bài nói, phần chẳng những liên quan tới phán quyết của Mạc Khải Thánh Kinh đối với thành phần làm chồng làm vợ sống ngoại tình, mà còn liên quan tới cả nguyên nhân gây ra ngoại tình cùng phương thế phải làm sao để sống tận hiến trong đời sống hôn nhân khi bị người chồng hay người vợ của mình phản bội cũng như để có thể thủy chung với nhau.

Người vợ ngoại tình: “con điểm vô liêm sỉ” -

Người chồng ngoại tình: thứ đàn ông nô lệ đàn bà

Trước hết, về thành phần làm vợ ngoại tình, được tiêu biểu nơi Dân Yến Duyên (Israel) luôn bỏ Vị Thiên Chúa duy nhất của mình, Đấng đã tự động ký giao ước yêu thương với dân tuyển chọn này, nhưng họ vẫn mù quáng sống ngoại tình tà dâm với các thứ

ngẫu tượng giả dối do chính họ nghĩ ra, Mạc Khải Thánh Kinh đã phán quyết về họ trong Sách Tiên Tri Êzêkiên (16:30-34) như thế này:

"Người hoang dâm nhục dục là chường nào! Chúa là Thiên Chúa phán người đã hành động tất cả những điều ấy như một thứ gái điếm vô liêm sỉ (shameless prostitute)... Người vợ ngoại tình, thay vì ở với chồng, lại tư thông với người khác. Tất cả mọi thứ gái điếm đều nhận thù lao. Còn người, người lại tặng quà cho tất cả các tình nhân của người, người đem quà tặng chúng để từ khắp mọi miền chung quanh chúng đến mà dâng điếm với người. Như thế, khi hoang dâm, người đã đi làm chuyện ngược đời khác với các người đàn bà khác!"

Mạc Khải Thánh Kinh gọi **thành phần làm vợ ngoại tình là những "con điếm vô liêm sỉ"**, và họ là thành phần gái điếm ngược đời, bởi họ chẳng những không nhận thù lao mà còn tặng quà cho những ai đến với họ nữa. Nghĩa là, như cùng cuốn Sách Tiên Tri này cho biết, ở câu 15, vì họ kiêu hãnh về nhan sắc của họ và được khen là đẹp, tức là ai ngưỡng mộ nhan sắc của họ và khen nịnh họ, khéo ve vướn họ, thì họ hiến thân cho người ấy, thỏa mãn tình dục của người ấy như một thứ quà tặng cho người ấy:

"Người đã cậy mình có nhan sắc, ỷ vào danh tiếng của người để dâng điếm và hoang dâm với mọi khách qua đường là thành phần người thuộc về".

Còn đối với người chồng ngoại tình, được tiêu biểu nơi trường hợp của Vua Solomon, một con người quyền uy danh giá, khôn ngoan thông sáng và giàu sang phú quý nhất thiên hạ, đến độ, như Sách Huấn Ca ở đoạn 47 cho biết, về tinh thần vua có "kiến thức bao trùm vũ trụ" (câu 15) và "danh tiếng lừng vang khắp nơi" (câu 16), và về vật chất có "vàng nhiều như sắt... bạc nhiều như chì" (câu 18), "thế mà đã trao thân cho bọn nữ giới, để cho họ thống trị thân xác của mình" (câu 19).

Nếu nhan sắc và hấp lực thu hút là những gì tiêu biểu cho nữ giới nói chung và cho người vợ nói riêng để được thương yêu chiều chuộng, thì quyền uy danh giá, khôn ngoan kiến thức và giàu sang phú quý là những gì tiêu biểu cho chung nam giới và cho riêng thành phần làm chồng, những yếu tố then chốt được nữ giới yêu chuộng ham muốn và cần cho người làm vợ. Solomon có tất cả những gì là quyền uy, khôn ngoan và giàu sang, nhưng đã trở thành nô lệ cho nữ giới, cho 700 vợ và 300 thiếp (xem 1Kings 11:3), và đã phải xây cất các đền chùa để tôn thờ những thần ngoại bang theo đòi hỏi của tất cả các nàng thê thiếp của mình (xem 1Kings 11:7-8).

Thật ra, trường hợp của Solomon không phải là trường hợp ngoại tình trắng trợn như của Đavít vương phụ của mình. Thế nhưng, những cuộc hôn nhân của Solomon với đông đảo các người vợ ngoại

bang, thành phần tôn thờ các thứ tà thần, là những cuộc hôn nhân bất hợp pháp, hoàn toàn trái với ý muốn của Thiên Chúa Tối Cao (xem 1Kings 11:2). Bởi thế, ở một nghĩa nào đó, các cuộc hôn nhân này, trước nhan Thiên Chúa, là những cuộc sống chung vợ chồng bất chính, chẳng khác gì ngoại tình vậy. Như thế, theo ngôn từ Mạc Khải Thần Linh thì ***những chồng ngoại tình là thành phần nam nhân làm nô lệ đàn bà*** hơn là chiếm đoạt nữ giới: "đã trao thân cho bọn nữ giới, để cho họ thống trị thân xác của mình".

Vấn đề được đặt ra ở đây là nếu Vua Đavít thánh đức như thế và Vua Solomon khôn ngoan như vậy mà còn ngoại tình đến khủng khiếp không thể nào tưởng tượng nổi như thế thì chúng ta tầm thường về cả đạo hạnh lẫn kiến thức làm sao có thể sống thủy chung vợ chồng, làm sao tuyệt đối tránh được những hành động ngoại tình phạm đến điều răn thứ 6, (như hôn hít, sờ mó, giao hợp v.v.) và / hay có những giao tiếp ngoại tình phạm đến điều răn thứ 9, (như nhớ nhung người ta, thích gần gũi nói chuyện với người ta, lén lút ăn trưa với họ, nhận quà tặng của họ, tặng quà cho họ, gọi điện thoại cho họ, thư từ hay text cho họ, chụp hình với họ, giữ hình của họ, làm gì cũng nghĩ đến họ, cũng vì họ, hoặc kín đáo nhìn ngắm các bộ phận sexy của người ta, thậm chí ngay trong lúc vợ chồng ân ái với nhau mà tâm trí lại nghĩ tưởng đến hình ảnh người khác v.v.)!

Bởi thế, vấn đề thứ sáu được đặt ra đó là **nếu muốn tránh khỏi rơi vào tình trạng ngoại tình thì phải làm sao?** Xin thưa, chẳng những bề ngoài phải xa tránh dịp tội và bề trong còn phải sống tinh thần tận hiến nữa.

Phải xa tránh dịp tội và sống tinh thần tận hiến

Trước hết, phải làm sao để có thể tránh dịp tội, tức là phải làm sao để đừng rơi vào trong vòng ảnh hưởng (được gọi là từ trường) của nam châm, tức rơi vào khoảng cách hay phạm vi chắc chắn bị nam châm thu hút không thể cưỡng lại được. Đó là làm sao đừng để cho mình có tình cảm với bất cứ một ai không phải là vợ mình hay chồng mình. Một khi đã có tình cảm thì thật là khó lòng mà dứt ra được. Thà mất lịch sự còn hơn mất linh hồn, mất hạnh phúc hôn nhân gia đình (một tràng pháo tay tự động bật phát vang lên từ phía thánh giá). Bất cứ cảm xúc nào hướng về một người không phải là chồng hay vợ của mình đều là những thứ tình cảm lằng loàn, xuất phát từ tình dục, dẫn đến tình dục và chỉ là tình dục, phạm đến Điều Răn Thứ 9.

Sau nữa, dịp tội không phải ở nơi nhan sắc và hấp lực của nữ giới, hoặc nơi quyền lực, tài giỏi, danh tiếng hay giàu sang của nam giới, mà là ở chính bản thân con người. Bằng không, nếu căn nguyên tội là

do người khác thì tôi phạm tội người khác xuống hỏa ngục thay tôi! Đó là lý do, ở Bài Giảng Phúc Đức Trọn Lành Trên Núi, Chúa Giêsu đã khẳng định là: "Nếu mắt phải của các con nên dịp tội cho các con thì hãy móc nó đi... Nếu tay phải của các con nên dịp tội cho các con thì hãy chặt nó đi..." (Mt 5:29-30). Ở đây chúng ta nên chú ý đến 2 chi tiết trong lời Chúa dạy. Chi tiết thứ nhất là "mắt" và "tay", chứ không phải các cơ quan khác trong cơ thể: Vì "mắt" là cơ quan tiêu biểu cho lòng muốn (liên quan tới điều răn thứ 9), và "tay" là cơ quan tiêu biểu cho việc làm (liên quan tới điều răn thứ 6). Chi tiết thứ hai là vị trí của mắt và tay, ở bên "phải": "mắt phải" và "tay phải", chứ không phải "tay trái" hay "mắt trái" hoặc "mắt" hay "tay" nói chung, nghĩa là tất cả những ước muốn và việc làm *cố tình* của con người phạm đến riêng điều răn thứ 6 và thứ 9 đều có tội và cần phải tránh ("móc nó đi", "chặt nó đi") mới có thể giữ mình trong sạch và thủy chung trong đời sống hôn nhân vợ chồng.

Đúng thế, theo tâm lý và kinh nghiệm đời thường thì tình cảm (thường ở nơi nữ giới) và tình dục (thường ở nơi nam giới) là những gì quả thực xuất phát từ giác quan của con người: xuất phát từ con mắt của nam giới và lỗ tai của nữ giới, một tâm lý và kinh nghiệm rất xác thực với Mạc Khải Thánh Kinh nữa.

Nơi nam giới, tình dục gắn liền với con mắt và xuất phát từ con mắt. Mạc Khải Thánh Kinh đã khẳng định về nam giới như sau: "Các con đã nghe thấy giới luật 'các người không được ngoại tình'. Điều Thầy bảo các con đó là bất cứ ai dâm ô nhìn ngắm một người phụ nữ thì đã ngoại tình với họ ở trong tư tưởng của mình rồi" (Mt 5:27-28). Thánh Vương Đavít cũng chỉ vì bất chợt nhìn thấy một người nữ kiều diễm đang tắm mà dùng một cái đĩa sa ngã phạm cả tội ngoại tình lẫn tội sát nhân. Adong cũng chỉ nên một xác thịt với Eva khi nhìn thấy nàng sau giấc mộng sâu và nhận biết nàng là "xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi" (Gen 2:23). Thực tế cũng cho thấy nam giới thường bị cám dỗ ngắm nhìn và có khuynh hướng thích ngắm nhìn thân thể của nữ giới, ở những bộ phận vốn hấp dẫn đàn ông của họ, ở cả đằng sau của họ (tóc dài, eo thon, hông đầy, căng cao v.v.) lẫn đằng trước của họ (ngực nở, mặt xinh, da mịn, mắt tình v.v.).

Nơi nữ giới, tình cảm gắn liền với lỗ tai và xuất phát từ lỗ tai. Mạc Khải Thánh Kinh cũng xác nhận như thế, ở chỗ Evà đã nghe rần qui cám dỗ và đã sa ngã phạm tội mất lòng Chúa (xem Gen 3:1-5,13). Evà sau khi nghe Adong nhận biết mình xuất phát từ chàng nên chàng bỏ cha mẹ mà gắn bó với mình thì nàng cùng chàng nên một thân thể (xem Gen 2:23-24).

Theo tâm lý tự nhiên, nữ giới thích được nịnh hót, cho dù là những lời họ biết là giả trá không thật, chẳng hạn khen họ đẹp cho dù họ không đẹp, khen họ trẻ cho dù họ không trẻ. Vì nữ giới sống theo cảm tình hơn là lý trí mà những gì đánh trúng tâm lý của họ là ăn tiền, là lời kéo được họ một cách dễ dàng. Chính vì nữ giới nặng tình cảm mà trong nam giới, thành phần được đa số nữ giới tự nhiên yêu thích là thành phần nghệ sĩ (nhạc sĩ, ca sĩ, họa sĩ, nhiếp ảnh gia v.v.). Tất nhiên thành phần nam giới có tiền và có quyền cũng được họ mộ mến theo đuổi. Nếu "trao tài gái sắc" thì, trong số nam nhân nghệ sĩ hay có thể lược, ai khéo "tán tỉnh", sẽ dễ dàng lấy được lòng nữ giới và chiếm được tình cảm của họ, bởi tình cảm của nữ giới xuất phát từ lỗ tai, từ những gì họ nghe bùi tai.

Có thể nói một khi chiếm được tình cảm của nữ giới thì kể như chiếm được cả con người của họ, chiếm được niềm tin tưởng tuyệt đối của họ, con tim của họ, và tất nhiên cả thân xác của họ là tặng vật quý báu họ dùng để đáp lễ những lời khen tặng chúc tụng của tình nhân: "Đối với anh em đẹp hơn vợ anh nhiều... Anh cảm thấy thật hạnh phúc khi ở bên em, khi được nói chuyện với em... Chỉ có em mới hiểu anh và thương anh thật mà thôi... Giờ đây nếu cần phải chọn hay được chọn lại thì anh chọn em chứ không phải vợ anh... Anh bị lỗ mất rồi, khi lấy nàng, cho tới bây giờ anh mới tìm thấy được hạnh

phúc đích thật ở nơi em... Anh không thể sống thiếu em đâu... Đừng bỏ anh nhé... Em là lẽ sống của đời anh..."

Kinh nghiệm cho thấy, nếu người nữ cố ý lắng nghe những lời tán tỉnh thì thế nào cũng bị ám ảnh và ngã vào vòng tay của người đàn ông không phải là chồng mình. Để tránh dịp tội và phạm tội ngoại tình, hãy tránh cho xa những con người như thế, những gã sở khanh biết mình có chồng mà còn theo đuôi, đừng đến gần họ và nhất là đừng để họ nói vào tai mình.

Về phía nam nhân cũng thế, kinh nghiệm cho thấy, khi bất chợt thấy một bộ phận nào hấp dẫn nơi người nữ, người đàn ông nói chung và người có vợ nói riêng phải làm chủ mình liền, bằng cách quay đi chỗ khác, hay hướng về Chúa ngay, thầm thì cầu nguyện cùng Chúa, chứ đừng tiếp tục nhìn cho kỹ hơn và nhìn thêm những bộ phận khác của đối tượng đang thu hút mình, bằng không, sẽ không thể nào tránh được tội phạm đến điều răn thứ 9. Có một anh chia sẻ là trong văn phòng làm việc của anh, dưới quyền anh có cả gần 20 người nữ ở đủ mọi lứa tuổi, trong số đó có một số người nữ ăn mặc đến độ có thể nhìn thấu hết mọi sự, khiến anh phải âm thầm than lên rằng "lạy Chúa, xin cứu con khỏi giờ này".

Tránh dip tội mà thôi chưa đủ. Thực tế cho thấy có những cái bất ngờ xảy ra ngoài tầm kiểm soát của chúng ta. Chẳng hạn như chợt nhìn thấy những gì cần phải tránh né, hay nghe thấy những gì không đáng nghe. Và một khi những ấn tượng ấy lọt vào mắt và vào tai, chúng ta rất khó xua đuổi chúng ta, trái lại, cứ bị chúng ám ảnh và quấy nhiễu, như những con ma chập chòn theo đuổi chúng ta, khiến chúng ta bất an nếu cố gắng chống trả, hay chiều theo nếu chúng ta cảm thấy khoái thú.

Đó là lý do bề trong chúng ta cần phải ý thức sâu xa rằng hôn nhân là một ơn gọi, và người vợ hay chồng của mình là người Thiên Chúa đã cho ở với mình. Bởi thế nếu chúng ta phản bội họ là chúng ta, trước hết và trên hết, phản bội chính Chúa, Đấng xe duyên kết nghĩa cho chúng ta, là chúng ta tháo gỡ những gì Thiên Chúa đã nối kết ràng buộc (xem Mt 19:6). Ngược lại, nếu chúng ta là nạn nhân bị chồng hay vợ phản bội, bằng hành động ghê tởm trắng trợn gian dâm ngoại tình của họ, tuy theo nguyên tắc (xem Mt 19:9) được phép ly dị họ, vì họ đã phạm đến chính yếu tính làm nên hôn nhân, chúng ta vẫn có thể tiếp tục sống với họ, bằng cách tha thứ cho họ một khi họ thực tình ăn năn thống hối và dứt khoát cương quyết trở về với chúng ta, nhờ đó tình yêu vợ chồng của chúng ta mới thực sự phản ánh tình yêu trọn hảo của Thiên Chúa đối với Dân Yếu Duyên.

Có một chị nhận định là người vợ thường dễ tha thứ cho người chồng ngoại tình nhưng người chồng lại khó tha thứ cho người vợ ngoại tình! Tôi đã trả lời rằng đó là vì, trước hết bởi ảnh hưởng của nền văn hóa nói chung và văn hóa Á Đông nói riêng, chồng được năm thê bảy thiếp. Vợ được coi là sở hữu của chồng, thuộc về chồng, không được thuộc về ai nữa. Sau nữa, theo tâm lý, sở dĩ vợ dễ tha cho chồng ngoại tình là vì cái tai của vợ, một khi nghe chồng năn nỉ và xin lỗi là mềm lòng ngay; còn chồng, không thể nào chấp nhận được một người đàn ông nào khác chiếm đoạt thân thể của vợ mình, nhất là khi người vợ của mình lại tự động và ngoan ngoãn hiến dâng thân thể cho hắn hoan hưởng! Khi người vợ ngoại tình thì, theo quan niệm chung, thân thể của người vợ bị coi là ô uế, như nhớp, ghê tởm.

Tóm lại, tinh thần tận hiến trong đời sống hôn nhân vợ chồng bao gồm 5 ý thức thiết yếu sau đây:

1. Hôn nhân là một ơn gọi chứ không phải là một thứ pro-choice tùy ý, thích hay hợp thì ở, không thích hay không hợp nữa thì bỏ đi lấy người khác;
2. Thiên Chúa là Đấng đã nhiệm màu xe duyên kết nghĩa vợ chồng cho chúng ta, chúng ta chỉ nhận thức và chấp nhận nhau trong Ngài và như Ngài an bài;

3. Người vợ hay người chồng của chúng ta là người Chúa cho ở với chúng ta và chính chúng ta đã ý thức và long trọng tuyên hứa một cách tự do chấp nhận họ và sống đời với họ;
4. Chúng ta phải liên li thủy chung với họ, chỉ yêu thương gắn bó với một mình họ, không được phản bội họ, cả bề trong lẫn bề ngoài, theo nhân đức thanh tịnh của đời sống hôn nhân vợ chồng;
5. Chúng ta cần tha thứ cho người nên một thân thể với mình, nếu chẳng may họ lỡ sa ngã phạm tội ngoại tình bề trong hay bề ngoài cách nào, một khi họ thành tâm thống hối ăn năn xin lỗi chúng ta.

Tôi đã dọn sẵn vấn đề cần được hội thảo sau bài chia sẻ trên đây của tôi như thế này:

Xin hãy đọc lại thật kỹ bài phúc âm Thánh Gioan về tiệc cưới Cana (2:1-11) rất quen thuộc sau đây và trả lời 2 câu hỏi: 1- Bài phúc âm này có liên hệ gì tới tinh thần tận hiến và việc tận hiến cho Mẹ Maria hay chẳng? 2- Nếu không: tại sao? Nếu có: ở chỗ nào và nếu mang ra áp dụng thực hành thì có chắc chắn sẽ thật sự công hiệu?

Tôi cũng đã có ý định giải đáp 2 câu hỏi được đặt ra trong phần hội thảo nhóm này vào lúc đúc kết như sau:

Nếu ở tiệc cưới Cana là nơi chỉ quen biết với Mẹ mà Mẹ Maria còn tự động can thiệp vào một tình huống nhỏ mọn về vật chất, thì Mẹ làm sao có thể không lo đến phần rỗi vô cùng cao quý của thành phần con cái Mẹ! Nếu ở tiệc cưới Cana chủ tiệc và đôi tân hôn không biết mình thiếu rượu mà Mẹ còn để ý tới, thì Mẹ làm sao không ân cần chăm sóc cho những đứa con biết mình bé mọn yếu đuối đại khờ nên tự nguyện tận hiến cho Mẹ! Nếu ở tiệc cưới Cana người ta cho dù có biết mình thiếu rượu cũng chẳng biết Mẹ là ai mà kêu cầu mà Mẹ còn tự động ra tay cứu giúp, thì Mẹ làm sao chê chối lời kêu cầu của con cái Mẹ chứ! Nhất là trong những lúc vợ chồng thiếu rượu: không còn đức thanh tịnh vợ chồng với nhau, và không còn niềm tin tưởng nơi nhau...

*Khóa Tĩnh Huấn 41HK 2011 ở Riverside California -
"Tinh Thần Đồng Công nơi đời sống hôn nhân gia đình"*



KHỦNG BỐ GIA ĐÌNH

Văn hóa sự chết khủng bố tấn công gia đình bằng những kỹ thuật tạo sinh nhân tạo của khoa sinh học tân tiến

Chắc ai trong chúng ta cũng đều nghe rất quen thành ngữ “văn hóa sự chết – culture of death”, một thành ngữ đã được Đức Cố Giáo Hoàng Gioan Phaolô II sáng chế, vị Giáo Hoàng tác giả của Thông Điệp “Phúc Âm Sự Sống – Evangelium Vitae”, ban hành ngày 25/3/1995, cũng như thành ngữ quen thuộc “văn minh yêu thương – civilization of love” là thành ngữ của Đức Thánh Cha Phaolô VI, tác giả của bức Thông Điệp nổi tiếng “Sự Sống Con Người – Humanae Vitae”, ban hành ngày 25/7/1968. “Văn hóa sự chết” đây là một thứ văn hóa trước hết và trên hết liên hệ trực tiếp tới đời sống hôn nhân gia đình. Chẳng hạn như phá thai, mẹ sát hại con ngay trong bụng của mình, hay việc triệt sinh trợ tử hoặc triệt sinh an tử đối với những người thân yêu trong gia đình chẳng những đã trở thành vô dụng mà còn

trở nên gánh nặng cho xã hội, như trường hợp những người thân yêu ấy bị tàn tật, già nua hay yếu tử.

Phải chăng hậu quả của việc lạm dụng môi trường sống của con người đã gây ra hiện tượng hâm nóng toàn cầu, kéo theo bao nhiêu là thiên tai kinh hoàng khủng khiếp ở khắp nơi trên thế giới trong những năm gần đây thế nào, thì hậu quả của việc con người phí phạm chính sự sống hết sức quý báu của mình, qua việc phá thai và triệt sinh đủ kiểu như thế, con người cũng đang phải gánh chịu một cuộc khủng hoảng về kinh tế toàn cầu chưa từng thấy từ tháng 12/2007 tới nay, một cuộc khủng hoảng gây ra bởi một yếu tố hiển nhiên và không kém phần quan trọng đó là dân số, ở chỗ, ít dân thì cũng ít người tiêu thụ, mà ít tiêu thụ thì thị trường chứng khoán tất yếu sẽ bị suy sụp mà thôi?

Có cái lạ đây mâu thuẫn ở đây là chính lúc người ta phá thai vì một trong những lý do đầu tiên và chính yếu đó là sợ dân số gia tăng thế giới sẽ không đủ lương thực cung cấp, thì hiện nay, từ thập niên 1990, nhờ những kỹ thuật tối tân của khoa sinh thể học, con người lại tìm cách tạo sinh với đủ thứ kiểu cách, tạo sinh ống nghiệm hay tạo sinh ngoại thân (in vitro), tạo sinh thai mướn, tạo sinh sao bản (cloning), tạo sinh tuyển giống v.v. Như thế, gia đình bị văn hóa sự chết khủng bố tấn công về cả hai

mặt, cả mặt triết sinh liên quan tới việc sát hại mạng sống, lẫn mặt tạo sinh liên quan tới việc nhân tạo sự sống. Vậy, trước hết, để hiểu rõ hơn vấn đề tạo sinh khùng bố gia đình tại sao và ra sao, chúng ta hãy ôn lại một số đoạn tiêu biểu trong Bản Hướng Dẫn mang tựa đề Nhân Phẩm của Thánh Bộ Tín Lý Đức Tin của Tòa Thánh Rôma, ban hành ngày Lễ Sinh Nhật Đức Mẹ 8/9/2008 sau đây.

Hai Nguyên Tắc và Ba Hệ Luận

Khoản 4: “Nhân loại cần phải được tôn trọng và đối xử như là một con người từ lúc thụ thai; và vì thế, cũng từ lúc ấy các quyền lợi của họ là một con người cần phải được nhìn nhận, trong số đó trước hết là quyền sống bất khả vi phạm của hết mọi con người vô tội”.

Khoản 6: “Nguồn gốc của sự sống con người thực sự liên quan tới hôn nhân và gia đình, nơi nó xuất phát nhờ tác động bày tỏ yêu thương nhau giữa một người nam và một người nữ. Việc truyền sinh thực sự tỏ ra hữu trách liên quan con trẻ được sinh ra cần phải là hoa trái của hôn nhân”.

Căn cứ vào hai nguyên tắc cốt yếu trên thì được phép thực hiện những kỹ thuật nào tỏ ra:

1. tôn trọng “quyền sống và tinh cách toàn vẹn về thể lý của hết mọi con người” (khoản 12),
2. tôn trọng “mối hiệp nhất của hôn nhân, tức là việc tương kính quyền của nhau trong hôn nhân được trở thành một người cha hay một người mẹ chỉ bằng cách hợp với người phối ngẫu kia” (khoản 12) và
3. tôn trọng “những giá trị về tính dục đặc biệt của con người” (khoản 12), những thứ giá trị đòi hỏi việc sinh sản một con người mới, cần phải xuất phát như là thành quả của tác động vợ chồng giành riêng cho tình yêu thương giữa một người chồng và một người vợ.

Theo đó, Tòa Thánh đã đặt vấn đề với những việc làm sau đây:

Việc cấy tinh trùng vào noãn bào hay tế bào trứng

“Kỹ thuật này, một kỹ thuật bất hợp pháp về luân lý, là những gì gây ra một cuộc tách biệt hoàn toàn giữa vấn đề sinh sản với tác động vợ chồng” (khoản 17).

Việc làm đông lạnh các noãn bào hay tế bào trứng

“Vấn đề bảo trì ở một nhiệt độ cực thấp này không xứng hợp với việc tôn trọng cần phải tỏ ra đối với các phôi thai nhân bào; nó bao hàm việc sản xuất những phôi thai nhân bào ngoài thân thể; nó gây nguy tử trầm trọng hay tai hại về thể lý cho những phôi thai nhân bào, vì tiến trình làm đông lạnh và làm ấm nòng này không đạt được tỷ lệ cao; nó làm cho những phôi thai nhân bào mất đi ít là tạm thời việc được thai mẫu tiếp nhận và thai nghén; nó đặt những phôi thai nhân bào vào tình trạng những phôi thai nhân bào ấy có thể bị xúc phạm và mạo dụng hơn nữa” (khoản 18).

Việc ngăn chặn thai nghén và chống thai nghén

“Những gì xảy ra thực tế là việc phá hủy một phôi thai bào vừa mới đậu thai... việc sử dụng phương tiện ngăn chặn và chống thai nghén thuộc về *tội phá thai* và là những gì vô luân cách nghiêm trọng” (khoản 23).

Việc tạo sinh sao bản con người

“Việc tạo nên các phôi thai bào với ý định hủy diệt chúng đi, thậm chí với ý định giúp đỡ cho các bệnh nhân chẳng nữa, hoàn toàn bất xứng với phẩm giá con người, vì nó tạo nên việc hiện hữu của một con người ở giai đoạn phôi thai chỉ bằng cách để sử dụng và hủy diệt đi. Thật là hết sức vô luân trong

việc hy sinh sự sống của con người cho những mục đích trị liệu” (khoản 30).

Việc sử dụng các thân bào cũng được gọi là tế bào gốc để trị liệu

“Việc tạo được những thân bào từ một phôi thai nhân bào sống ... bao giờ cũng gây ra cái chết của phôi thai bào ấy và vì thế là những gì hết sức trái phép... Thật vậy, việc nghiên cứu này tiến triển bằng việc triệt hạ những mạng sống con người bình đẳng về phẩm giá với các sự sống của các con người khác và với mạng sống của chính những nghiên cứu gia” (khoản 32).

Việc nỗ lực làm lai giống từ tế bào trứng thú vật

“Theo quan điểm đạo đức học thì những phương thức như vậy cho thấy một thứ xúc phạm tới phẩm giá của con người gây ra bởi cái hỗn hợp giữa những yếu tố về di giống chất của con người và thú vật, một xúc phạm có thể phá vỡ căn tính chuyên biệt của con người” (khoản 33).

Văn hóa sự chết khủng bố tấn công gia đình bằng chính sách triệt sinh toàn cầu của Hội Nghị ở Cairo Ai Cập về Dân Số 1994

Nếu ai theo dõi cẩn thận lịch sử thế giới và Giáo Hội, sẽ thấy rằng nếu 15 năm trước đây, Hội Nghị ở Cairô Ai Cập về Dân Số do Liên Hiệp Quốc tổ chức thành công, thì nhân loại lại càng tự diệt sớm hơn bao giờ hết, vì cả thế giới sau đó, nhất là ở các nước chậm tiến, sẽ phải áp dụng thi hành triệt để chính sách phá thai quốc tế. Hậu quả từ đó sẽ ra sao, nếu không phải thay vì mỗi năm có trung bình 30 triệu thai nhi sát hại, thì có cả 300 triệu hay 500 triệu con người không bao giờ được sống trên đời này. Và chẳng mấy chốc xã hội loài người, thay vì chận đứng được nạn dân số gia tăng lại bị mất giống. Tuy nhiên, làm thế nào hội nghị phò phá thai này được chính quyền Clinton của một đệ nhất cường quốc Hoa Kỳ ủng hộ và đẩy mạnh lại thảm bại như thế?

Trước hết, phải kể đến nỗ lực chính yếu của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II: trước hết, ngài đã mạnh mẽ và thẳng thắn công khai lên tiếng phê bình bản dự nghị thảo với những chữ nghĩa mập mờ, như qua các Buổi Nguyện Kinh Truyền Tin trưa Chúa Nhật hằng tuần hay các Buổi Triều Kiến Chung mỗi ngày Thứ Tư hằng tuần, ngày 12/6, 19/6, 22/6, 26/6, 3/7, 10/7, 17/7, 24/7, 31/7, 7/8, 14/8, 28/8/1994. Sau đó, ngài viết thư gửi cho từng vị lãnh đạo quốc gia hay chính quyền trên thế giới ngày 19/3/1994, trong đó, ngài nhấn mạnh rằng: *‘Có lý do để mà sợ rằng bản thảo ấy có thể gây ra một tình trạng suy thoái về luân lý khiến cho nhân loại bị thụt lùi một cách trầm trọng’*. Sau hết

ngài mời đến để gặp riêng 49 phút người phụ nữ Pakistan Hồi giáo là Nafis Sadik, nhân vật giữ vai trò lãnh đạo Ngân Quỹ của LHQ cho Các Hoạt Động Về Dân Số, nhưng ĐTC GPII sau đó đã bị bà cho rằng “Ông ta không thích nữ giới”.

Thế nhưng, theo bài tường thuật “*Những Gì Đã Xây Ra Ở Hội Nghị Cairo*” của Dale O’Leary, được phổ biến trong tờ Nguyệt San Inside The Vatican số Tháng 2/1999, trang 85-87, cũng như theo những nhận định của sử gia George Weigel, một trong những bình luận gia hàng đầu về tình hình luân lý và xã hội ở Hoa Kỳ, trong cuốn “*Chứng Từ Hy Vọng - Witness to Hope*” (Cliff Street Books, 1999), ở trang 726-727, chúng ta có thể thấy được rằng “tối tăm không át được ánh sáng”, như Phúc Âm Thánh Gioan đã khẳng định ở đoạn 1 câu 5.

“Hội Nghị Quốc Tế Liên Hiệp Quốc về Vấn Đề Dân Số và Phát Triển năm 1994 đã được tổ chức tại Cairo trong việc đối đầu với những đe dọa của nhóm Hồi Giáo cực đoan và trách Tòa Thánh Vatican đã hợp tấu việc đàn áp nữ giới. Các tham dự viên chia rẽ nhau một cách dữ dội về vấn đề phá thai. Bên được dẫn đầu bởi phái đoàn đại biểu Hoa Kỳ thì tranh đấu về từ ngữ có thể đưa đến việc chấp nhận phá thai như một phần của vấn đề sức khỏe sinh sản. Bên kia chống lại bất cứ một áp đặt nào về việc phá thai đối với các nước đang coi phá thai là việc bất

hợp pháp. Các vị đại biểu của Tòa Thánh đóng vai trò chủ động trong cuộc tranh luận, bên vực sự sống và gia đình, bên vực người nghèo và các quyền lợi đích thực của nữ giới...

“Chính quyền Clinton hết lòng ủng hộ chủ trương của bản thảo ấy. Năm 1994, chính quyền Hoa Kỳ đã tăng ngân khoản tài trợ cho các chương trình dân số quốc tế lên tới 600 triệu Mỹ kim. Trong cuộc họp sửa soạn cho Hội Nghị, các đại biểu Hoa Kỳ làm áp lực bắt các đại biểu Châu Mỹ Latinh không được chống đối. Marta Casco, một đại biểu ở Honduras, đã đứng lên phản đối áp lực của Hoa Kỳ và tỏ ra không ưng thuận với việc dùng từ ngữ của bản thảo. ..

“Việc Đức Thánh Cha phê phán về bản thảo đã làm bùng lên hàng loạt cuộc tấn công Tòa Thánh Vatican cũng như tấn công giáo huấn Công Giáo đối với vấn đề tính dục, sự sống và nữ giới. Mặc dầu Đức Thánh Cha đã kêu gọi nhiều lần việc tôn trọng nữ giới và việc bên vực nữ giới, Tòa Thánh cũng vẫn bị tố cáo là chống lại việc giải phóng nữ giới.

“Trong khi có một số người ủng hộ bản thảo cho rằng Tòa Thánh Vatican đã hiểu lầm nó và cho rằng vấn đề này không tấn công gia đình hay vấn đề phá thai, thì lần nào các vị đại biểu yêu cầu các câu định nghĩa loại trừ vấn đề phá thai ra cần phải cho vào bản thảo họ đều bị chống đối kịch liệt.

“Cuộc tranh cãi giữa những vị đại biểu xảy ra dữ dội. Đến lúc căng thẳng nhất thì Dr. Sai đã đổ lỗi cho Tòa Thánh Vatican là gây cản trở cho việc đồng lòng thỏa thuận với nhau. Vào ngày 8 tháng 9 năm 1994, nhật báo Terra Viva, tờ tường thuật về các hoạt động của Liên Hiệp Quốc, đăng một đầu đề: ‘Các quyền của nữ giới bị giữ làm con tin: Nạn nhân của tình trạng thiếu đồng ý về việc phá thai’. Một bức tranh hí họa vẽ một đấng bậc Công giáo đang cau mày giữ chặt lấy cây thập giá và quay lưng lại với một đám đông đa văn hóa đang cầm các bảng hiệu yêu cầu ‘cùng nhau đồng thuận lòng’ và ‘dung hòa’.

“Thật ra, không có một sự thỏa thuận nào cả, vì các đại biểu của các nước Hồi Giáo và Công Giáo lo ngại là, nếu ngôn từ đang tranh luận về sức khỏe sinh dục và sinh sản được chấp nhận, thì việc ngoại quốc viện trợ sẽ dính liền với việc chấp nhận các chương trình cổ võ phá thai hay làm băng hoại các giá trị tôn giáo. Hội nghị đã đi đến chỗ tắc nghẽn.

“Bấy giờ phái đoàn đại biểu Ai Cập mới đề nghị dung hòa: vấn đề ngôn từ về sức khỏe sinh dục và sinh sản vẫn để nguyên trong bản văn, nhưng sẽ được thêm vào ở đầu văn kiện một đoạn rào đón là vấn đề thực hiện Chương Trình Thực Hiện là quyền tối hậu của mỗi quốc gia đối với việc hoàn toàn tôn

trọng các giá trị đạo giáo và luân thường khác nhau của dân chúng.

“Bản Chương Trình Thực Hiện cũng nói rõ ràng là hội nghị không có thẩm quyền ban bố các thứ nhân quyền mới, như thế là phủ nhận chủ trương ‘các quyền sinh sản và sinh dục’.

Tuy nhiên, theo George Weigel, trong cuốn “Witness to Hope” thì:

“Việc thảm bại của chính quyền Clinton cũng như của nhóm liên minh quốc tế ở hội nghị dân số Cairô chắc chắn không phải là thành quả của riêng một mình Tòa Thánh... Tất cả những yếu tố này (*được tác giả cho biết là do khôi các quốc gia đệ tam thực hiện từ hai hội nghị dân số trước đó cho tới hội nghị lần ba đây*), cộng với những can thiệp của Tòa Thánh, đã giúp vào việc chuyển hướng mẫu thức kiểm soát của hội nghị dân số ở Cairô từ ‘việc kiểm soát dân số’ đến ‘việc cho quyền nữ giới’... Nếu mẫu thức trao quyền cho nữ giới được phối hợp với việc tái sinh hóa đời sống gia đình cũng như việc tái xác nhận quyền năng làm mẹ của nữ giới, hơn là với cuộc cách mạng dục tính như đang diễn tiến nơi thế giới các nước phát triển, thì trên cầu trường chính trị quốc tế ở thế kỷ 21 sẽ xảy ra khác hẳn...

“Hội nghị Cairô đã diễn tiến như thế hoàn toàn không đếm xỉa gì tới cuộc vận động của Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II trong những tháng trước đó...

“Ai cũng nắm chắc được là trong tương lai vẫn không thể nào thoát được những cuộc đối chọi tương tự như thế xảy ra... Tuy nhiên, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng đã đẩy mạnh cái chính yếu của luân lý trong lập luận về dân số lên chính tâm điểm của khẩu trường thế giới, đã làm thay đổi được bản chất của cuộc tranh luận chung này, và đã giúp vào việc chuyển hướng cái bố cục của cuộc bàn luận từ ‘việc kiểm soát’ dân số sang việc cho quyền nữ giới.

“Tiến trình hội nghị dân số ở Cairô đã được thay đổi là như thế”.

Tòa Thánh bảo vệ “Phúc Âm Sự Sống”, tranh đấu cho nhân quyền và bênh vực nhân phẩm

Qua phần nhất, chúng ta thấy gia đình là cộng đồng yêu thương và sự sống đang bị văn hóa sự chết khủng bố tấn công bằng những kỹ thuật của khoa sinh học tân tiến, và qua phần hai, chúng ta còn thấy văn hóa sự chết khủng bố tấn công còn dữ dội hơn nữa, qua Hội Nghị ở Cairô Ai Cập về Vấn Đề Dân

Số năm 1994, với mưu đồ chính sách hóa việc phá thai trên khắp thế giới.

Qua phần hai vừa rồi, với phần tường thuật và nhận định của hai vị tác giả, chúng ta cũng đã thấy được phần nào tinh thần thế gian sống theo xác thịt, xuất phát từ thành phần chủ trương văn hóa sự chết, với tinh thần Phúc Âm sống theo Thần Linh xuất phát từ chính ĐTC Gioan Phaolô II cũng như từ phái đoàn đại biểu của Tòa Thánh tham dự hội nghị gay go chưa từng thấy này.

Tuy nhiên, để có thể phần nào cảm thấy được bầu khí hết sức căng thẳng giữa đôi bên và đầy khó khăn về phía Tòa Thánh trong việc bảo vệ “Phúc Âm Sự Sống”, nhất là để tỏ lòng biết ơn Tòa Thánh đã luôn can đảm tranh đấu cho nhân quyền và bênh vực nhân phẩm cho từng người và chung nhân loại, qua bài phỏng vấn trong nguyệt san *Inside The Vatican* số tháng 8-9/1999, trang 67, chúng ta cần nghe lại chính những lời tự thuật của vị đại diện phái đoàn Tòa Thánh bấy giờ là Đức Tổng Giám Mục Renato Martino sau đây:

“Tôi lãnh đạo phái đoàn đại biểu của Tòa Thánh ở Cairô (năm 1994). Tôi có thể cho quý vị (phóng viên nguyệt san *Inside The Vatican* 8-9/1999, trang 67) biết là ở Hội Nghị Cairô chúng tôi có rất nhiều người, nhiều vị đại biểu, nhiều phái đoàn đại biểu

và nhiều người khác nữa chống lại chúng tôi. Chúng tôi thật là đau khổ khi thấy được tình trạng hận thù này. Tôi sẽ không đề cập đến thành phần thù hận chúng tôi làm gì, mà chỉ cho quý vị biết những gì đã xảy ra tại Hội Nghị Cairô thôi.

“Trong việc thương thuyết vào lúc cuối cùng của cuộc Hội Nghị Cairô, nhóm phác họa vấn đề đã đi đến kết luận thiên về việc phá thai, và vị chủ tọa của nhóm này bắt đầu kêu gọi các phái đoàn đại biểu mà ông biết là thích phá thai. Thế rồi, chỉ vào phút cuối cùng – chỉ vào phút cuối cùng mà thôi – ông mới nhường lời cho Tòa Thánh. Dĩ nhiên là Tòa Thánh nói ‘Không đồng ý!’ – chống lại việc phá thai.

“Sau đó, ông ta cho giải tán phiên họp. Thế nhưng ông đã không thềm đếm xia gì tới 17 chữ ký của các phái đoàn đại biểu cùng chí hướng với Tòa Thánh yêu cầu được trình bày để chống lại việc phá thai. Và cái gì đã xảy ra? Ngày hôm sau, các đầu đề của tất cả mọi tờ báo trên thế giới đăng là ‘Toàn Thánh Vatican Cản Trở Hội Nghị Cairô’, ‘Tòa Thánh Vatican Bị Cô Lập’, ‘Tòa Thánh Vatican Đơn Thân Độc Mã’ v.v... v.v.

“Hôm sau, vị chủ tọa ấy đã xin lỗi về đường lối ông điều khiển buổi họp cũng như về việc ông phải cho các phái đoàn đại biểu yêu cầu đêm hôm trước được phát biểu. Đây là những mưu mô và là những

phương pháp – những mưu mô bản thủ – họ chơi chúng tôi. Từ bấy giờ họ đã cố gắng cho tới cùng, trong các cuộc họp khác, để đẩy mạnh ý tưởng phá thai.

“Một mình chúng tôi phải chịu trận, nếu cần, để chi cần bảo vệ những gì Đức Giáo Hoàng đã nói. Chúng tôi thấy có một số nước, mặc dù đồng ý với những nguyên tắc được chúng tôi bênh vực, song vào phút chót, đã rút lui khỏi vị thế bênh vực của Tòa Thánh, chỉ vì những ý tứ về chính trị, mặc dù họ hoàn toàn chấp nhận nguyên tắc được Tòa Thánh bênh vực. Thế nhưng, vào giây phút cuối cùng họ lại nói: ‘Này, chúng tôi không muốn làm phiền đến người này, người kia hay người nọ’. Thế là, vì ý tứ chính trị, họ chấp nhận đứng ở vị thế mập mờ, và họ bảo vệ một vai trò mập mờ.”

Sau đây là những nhận định về cuộc sống hôn nhân gia đình hiện đại riêng tại Mỹ Châu của Những Chính Trị Gia và Các Nhà Lập Pháp ở Mỹ Châu trong Cuộc Họp Quốc Tế Thứ Hai diễn ra tại Mexico City ngày 6-8/6/1996 về “Phẩm Giá của Gia Đình và Sự Sống trong Lãnh Vực Chính Trị và Ngành Lập Pháp ở Mỹ Châu theo Chiều Hướng của Thông Điệp Phúc Âm Sự Sống”.

“Bất chấp tất cả mọi biến động lung tung xảy ra nơi địa lục to lớn của chúng ta, một thực tại vẫn còn đó

ở ngay tâm điểm của mọi quốc gia, đó là gia đình, một tế bào căn bản, nguyên khởi và sống còn của xã hội. Trong đời sống gia đình làm nên bởi hôn nhân, sự sống con người đã được thụ thai, sinh nở và nuôi dưỡng. Vì gia đình là cung thánh của sự sống, do đó, những vấn nạn nghiêm trọng liên quan đến sự sống của con người, như phá thai, trợ tử cũng như các mối đe dọa và các cuộc tấn công sự sống không thể là những vấn nạn chẳng có liên quan gì tới gia đình. Vì gia đình là yếu tố chính yếu tiên khởi của xã hội mà những qui chế về kinh tế và xã hội phải góp phần xây dựng gia đình và phải làm cho gia đình thêm vững chắc...

“Vấn đề dân số xảy ra theo chiều hướng khác nhau tại các quốc gia. Việc di dân tăng phát đã gây ra những thách đố khác nhau. Tiến trình của việc làm giảm bớt và nắm vững tình trạng tăng nhân số, được các chuyên gia coi như là vấn đề chuyển tiếp về dân số, cũng đang được tiến triển tốt đẹp nơi nhiều vùng đất của chúng ta. Tuy nhiên, bởi hiểu lầm về những dữ kiện dân số, tân ý hệ Malthusian đã hào hứng phác họa ra các qui chế kiểm soát dân số tại rất nhiều quốc gia của chúng ta, qua việc ngừa thai, chặn thai, thậm chí phá thai. Được các quốc gia giàu có nâng đỡ, các tác nhân thuộc ý hệ hủy hoại và lầm lạc này đã trở thành những tổ chức quốc tế giàu tiền lắm của dẫn thân vào việc, như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II gọi là, ‘âm mưu chống lại sự

sống' (Thông Điệp Sự Sống Con Người, đoạn 17). Vì họ mâu thuẫn với quyền lợi của dân chúng mà các tổ chức quốc tế phải nhắm vào việc phục vụ công ích phổ quát và phải tránh những hoạt động không xứng hợp với sứ vụ nguyên thủy của mình.

“Phá thai là một sự dữ đầu tiên và là một trong những nạn trầm trọng trong thời đại của chúng ta. Ở Hoa Kỳ, phá thai đã được hợp pháp hóa đến những mức độ cao nhất của tình trạng tệt hại và rùng rợn nơi những việc phi nhân bản như ‘việc phá thai bán phần’. Ở Châu Mỹ Latinh, những khoản luật bệnh vực quyền sống vẫn còn hiệu lực đã bị triệt tiêu bởi việc không chịu áp dụng chúng, cũng như bởi những nỗ lực phối hợp tranh đấu cho việc phá thai khỏi bị luật pháp trừng phạt, cùng với những dự định biến tội ác này thành một ‘thứ quyền’, nại đến nhiều lý do sai quấy, trong số đó có lý do ‘sức khỏe sinh sản của nữ giới’ và ‘quyền sinh sản’. Trợ tử cũng vào hùa với phá thai trong việc khinh thường sự sống. Ở Bắc Mỹ Châu, những nỗ lực sử dụng việc trợ tử đang đe dọa mạng sống của hàng triệu con người không có khả năng tự vệ, nhất là thành phần già yếu và tật nguyền, những người có quyền được yêu thương và chăm sóc trong gia đình.

“Chính luật lệ là nguyên tắc của quyền lợi cũng đang bị bại hoại. Ở đằng sau những cuộc tấn công hủy diệt sự sống, chúng ta thấy được chủ nghĩa

pháp lý tích cực và duy lợi, qua việc hạ bộ quyền sống vốn có từ đầu xuống theo ý muốn tuyệt đối của các nhà lập pháp, chuyên viên pháp luật hay vị lãnh thủ quốc gia. Gắn liền với những lực lượng này là các hình thức tàn nhẫn của chủ nghĩa tư bản (x. Thông Điệp Bách Niên, đoạn 33) cùng với chủ nghĩa cá nhân và hưởng thụ, làm suy giảm, thậm chí hủy diệt đi cả giá trị lẫn trách nhiệm của dục tính, hôn nhân và đời sống gia đình. Như Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II nhận định, những lực lượng như vậy đang soi mòn đến tận gốc rễ của nền dân chủ đích thực (x. Thông Điệp Phúc Âm Sống, đoạn 20)".

Giáo Dục Con Cái của Chúa như một người lớn còn nhỏ hơn là một đứa nhỏ chưa lớn

Vấn đề đầu tiên được đặt ra đó là trong chúng ta ai là người làm cha mẹ có thể nói gì các con cũng nghe và không hề gặp trục trặc gì với con cái bao giờ? - Có mấy bàn tay đã rụt rè giờ lên ... Tạ ơn Chúa!

Vấn đề thứ hai được nêu lên đó là chúng ta có nghiệm thấy rằng con cái của mình ở ngay trong nhà với mình, ăn cùng bàn với mình, ở ngay trước mặt mình v.v., thế mà mình không biết chúng đang ở đâu, như những đứa con bị lạc ngay trong gia đình? - Có những chiếc đầu gật gật đồng ý, những ánh mắt bày tỏ cảm thương và một bầu khí im lặng dường như chấp nhận một sự thật phũ phàng!

Vấn đề thứ ba được đặt ra đó là ai trong chúng ta, ngay đêm tân hôn, biết chắc chắn rằng mình sẽ có con? Ai cũng lắc đầu! Cho dù biết mình vừa mới thụ thai, có ai biết chắc chắn rằng mình sẽ sinh con trai hay con gái hay chẳng? Câu trả lời đồng thanh là “không”! Thế rồi đang khi thụ thai, có ai biết rằng đứa con mình sinh ra sau này mặt mũi như thế nào và tính nết ra sao hay chẳng? Những tiếng “không” vẫn tiếp tục vang lên! Sau hết, khi đã sinh ra những đứa con, biết được chúng là trai hay gái, và mặt mũi chúng ra sao, có ai trong chúng ta thấy trước được tương lai của chúng ra sao hay chẳng? Tất cả những chiếc đầu đều hòa điệu lắc với tiếng “không”!

Vấn đề thứ bốn được nêu lên và đều được tất cả công nhận đó là nếu con của chúng ta mà chúng ta cũng không biết chúng trước khi thụ thai, bắt đầu thụ thai, đang khi cưu mang và sau khi sinh ra chúng, thì con cái không phải là của chúng ta hơn là của Chúa, không phải thuộc về chúng ta hơn thuộc về Chúa, bởi thế chúng ta chỉ là thành phần quản lý viên chứ không phải là chủ nhân ông của chúng, nên chúng ta phải giáo dục chúng theo ý Chúa hơn là ý của chúng ta, chúng ta phải dâng con cái được Chúa ký gửi cho chúng ta như những nén bạc về lại cho Chúa, như Mẹ Maria và Bô Giuse đã dưỡng nuôi Con Thiên Chúa để hiến tế Người cho Thiên Chúa vậy.

Đó là lý do chúng ta thấy người mẹ có 7 người con tử đạo cùng một ngày trong Cựu Ước ở Sách Macabê quyển 2, câu 22-23 và 27-29 đã sâu xa thâm tín nhắc nhở và phẫn khích con cái mình rằng:

"Mẹ không rõ các con đã thành hình trong lòng mẹ thế nào. Không phải mẹ ban cho các con hơi thở và sự sống. Cũng không phải mẹ sắp đặt các phần cơ thể cho mỗi người trong các con. Chính Đấng Tạo Hoá càn khôn đã nắn đúc nên loài người, và đã sáng tạo nguồn gốc muôn loài. Chính Người do lòng thương xót, cũng sẽ trả lại cho các con hơi thở và sự sống, bởi vì bây giờ các con trọng Luật Lệ của Người hơn bản thân mình."

"Con ơi, con hãy thương mẹ: chín tháng cưu mang, ba năm bú mớm, mẹ đã nuôi nấng dạy dỗ con đến ngần này tuổi đầu. Mẹ xin con hãy nhìn xem trời đất và muôn loài trong đó, mà nhận biết rằng Thiên Chúa đã làm nên tất cả từ hư vô, và loài người cũng được tạo thành như vậy. Con đừng sợ tên đao phủ này; nhưng hãy tỏ ra xứng đáng với các anh con, mà chấp nhận cái chết, để đến ngày Chúa thương xót, Người sẽ trả con và các anh con cho mẹ."

Chính vì ý thức con cái là của Chúa và cần phải trả chúng về cho Ngài một cách tốt đẹp hơn mà bà mẹ tràn đầy đức tin và dũng mạnh được tin này đã có thể can trường hơn nam nhi bội phần trong việc

chúng kiến cảnh tượng vô cùng kinh hoàng cả 7 người con trai của mình bị cực hình và chết thảm thương mà bà chẳng những không thất đảm cùng cực buồn đau đến khuyên con cái mình chối Chúa để được sống, trái lại, bà còn phẫn khích các con chết cho Ngài nếu biết ơn bà là người mẹ đã cứu mạng sinh dưỡng chúng.

Trên thực tế, về mặt tiêu cực, cha mẹ chẳng những không làm cho con cái nên tốt hơn lại còn làm cho chúng hư đi, bằng gương mù gương xấu của mình, rồi chửi bới trách móc thậm chí đánh đập con vì những tính mê nết xấu chúng bị lây nhiễm từ cha mẹ. Chưa hết, về mặt tích cực, cha mẹ hay muốn con làm theo ý mình hơn là ý chúng, nhất là trong việc học hành và thành hôn. Ở Orange County California đầu năm 2010 có một người con trai vừa bị kết án bởi đã giết mẹ là người muốn người con trai này học bác sĩ hơn là học được sĩ theo lòng ước muốn và khả năng của mình. Trong những trường hợp như vậy, cha mẹ đã mặc nhiên hay minh nhiên cho con cái hoàn toàn và tuyệt đối là của mình, tức đã đi ngược với nguyên tắc giáo dục Kitô giáo: con cái là của Chúa hơn là của mình, thuộc về Chúa hơn thuộc về mình, nên mình phải giáo dục chúng theo ý Chúa hơn là ý mình.

Để áp dụng nguyên tắc giáo dục qui thần hơn qui nhân này, thành phần cha mẹ cần phải nhớ qui luật

hay nguyên tắc giáo dục bất khả thiếu sau đây: **Hãy giáo dục con cái như một người lớn con nhỏ, hơn là một đứa nhỏ chưa lớn.** Đây là nguyên tắc Thánh Kinh được Chúa Kitô khẳng định trong Phúc Âm Thánh Mathêu đoạn 18 câu 10-11 như sau: “Đừng bao giờ tỏ ra khinh thường một trong những đứa nhỏ như những con trẻ này. Thầy nói cho các con biết các thiên thần của chúng ở trên trời hằng nhìn thấy dung nhan Cha trên trời”. Tại sao đừng khinh một đứa trẻ nào lại liên quan tới lý do thiên thần của chúng hằng thấy thiên nhan, nếu không phải các thiên thần bản mệnh này chỉ phục vụ từng người theo thiên ý mà thôi!

Bình thường cha mẹ giáo dục con cái theo chiều hướng là những đứa nhỏ chưa lớn, nên dễ “bắt nạt” chúng, không trọng kính chúng, và theo ý riêng mình, coi chúng là sở hữu tối cao của mình, muốn làm gì chúng thì làm v.v. Ngược lại, nếu biết giáo dục con cái là những người lớn còn nhỏ, cha mẹ sẽ chẳng những hết lòng kính trọng *phẩm giá* của con cái mình, vì chúng là hình ảnh thần linh và là con cái của Thiên Chúa, mà còn chuyên chăm vun trồng *ơn gọi* cao cả nên Thánh của chúng và mau mắn đáp ứng ơn gọi đặc thù của chúng, về bậc sống hay nghề nghiệp.

Một khi cha mẹ giáo dục con cái theo chiều hướng coi con cái là thành phần người lớn còn nhỏ hơn là

những đứa nhỏ chưa lớn, như Mẹ Maria và Bô Giuse đối với Con Thiên Chúa Làm Người nơi ấu nhi, thiếu nhi và thiếu niên Giêsu xưa, họ thực sự trở thành các vị mục tử chăn dắt đàn chiên con cái của mình theo gương Đấng đã phán “Tôi là mục tử nhân lành. Tôi biết chiên Tôi và chiên Tôi biết Tôi” (Gioan 10:14), và vị mục tử nhân lành Giêsu này đã tỏ ra mình biết chiên và được chiên nhận biết ở chỗ “khi dẫn dắt chiên thì đi trước chiên” (Gioan 10:4).

Đúng thế, **tất cả nghệ thuật giáo dục con cái là ở chỗ “đi trước chiên”**. Nếu đường lối giáo dục này chí lý thì tất cả mọi thất bại trong việc giáo dục là ở chỗ cha mẹ đã đi sau con cái... Tại sao? Phải chăng vì cha mẹ coi con cái mình chỉ là những đứa nhỏ chưa lớn chứ không phải thành phần người lớn còn nhỏ, nên họ phải luôn luôn đi đằng sau canh chừng chúng, không tin tưởng chúng, sợ mất chúng, sợ chúng vượt mất khỏi thẩm quyền chủ quan của mình, sợ không chu toàn trách nhiệm đối với chúng, nếu chúng không nghe lời mình thì đổ lỗi cho chúng là khó bảo chứ không phải do mình không biết dạy chúng v.v.

Vậy làm thế nào để cha mẹ có thể đi trước con cái? “Đi trước” đây, theo gương Chúa Kitô là vị mục tử nhân lành, trong đoạn Phúc Âm 10 của Thánh Gioan, đoạn phúc âm Chúa Giêsu muốn dùng để trực tiếp dạy cho thành phần Pharisiêu biết cách

hướng dẫn dân chúng, và ngấm dạy cho thành phần làm cha mẹ biết cách giáo dục con cái, có thể bao hàm những ý nghĩa sau đây:

Thứ nhất, “đi trước” đây có nghĩa là làm gương sáng cho con cái, ở chỗ, muốn con cái nên người, cha mẹ phải làm người trước, muốn con cái làm thánh, cha mẹ phải làm thánh trước, hay ngược lại, muốn con cái không hư thân mất nết, cha mẹ đừng gây dịp tội cho chúng, đừng làm gương mù cho chúng. Muốn con cái yêu thương nhau mà hai vợ chồng cứ cãi nhau trước mặt chúng thì thật là mâu thuẫn, phản giáo dục.

Thứ hai, “đi trước” đây nghĩa là hy sinh phục vụ con cái chứ không hưởng thụ con cái ở chỗ làm theo ý mình hơn là ý Chúa nơi chúng và hoàn toàn nhắm đến lợi ích của chúng hơn là thỏa mãn ý nghĩ, ý thích, ý muốn của mình. Chẳng hạn khi thấy con không chòng mà chữa th bì khuyên chúng phá thai để giữ mặt mũi thể diện gia đình.

Thứ ba, “đi trước” đây nghĩa là tin tưởng con cái, để chúng được tự do phát triển theo khả năng và ơn gọi của chúng, khuyến khích nâng đỡ chúng, chứ không ngăn chặn và cấm đoán chúng trong những gì hợp với chúng dù không hợp với mình miễn là không trái luân thường đạo lý một cách rõ ràng hay có thể nguy hại tới phần rỗi.

Thứ tư, “đi trước” đây nghĩa là khôn ngoan biết được những cám dỗ có thể gây nguy hiểm cho con cái để dẫn dắt và gìn giữ con cái cho khỏi rơi vào cạm bẫy của xác thịt, thế gian và ma quỷ, chẳng những bằng lời khuyên dạy mà nhất là bằng việc cầu nguyện kèm theo việc hãm mình khổ chế hy sinh cho con cái.

Thứ năm, “đi trước” đây nghĩa là thông biết con cái của mình, ở chỗ “pro active” biết trước được những gì con cái muốn hay cần để đáp ứng chúng đúng lúc hay liệu cho chúng ngay cả trước khi chúng ngỏ ý xin mình, nhờ đó, chúng cảm thấy được cha mẹ luôn quan tâm săn sóc, và sẽ không phiền trách cha mẹ khi bị cha mẹ cấm đoán ngặt nghèo ở những điều khác.

Thứ sáu, “đi trước” đây còn có nghĩa là luôn thông cảm với bản chất khác biệt của con cái và sẵn sàng tha thứ cho những lỗi lầm của con cái, nhất là những thái độ và hành vi cử chỉ vô phép hay vô ơn của chúng đối với mình; trái lại, nếu có lỗi gì coi chúng, như gây gương mù cho chúng, sẵn sàng công khai lên tiếng xin lỗi con cái.

Tóm lại, **nghệ thuật giáo dục con cái là ở chỗ làm sao làm cho con cái tin tưởng cha mẹ.** Có tin tưởng cha mẹ, con cái mới cởi mở với cha mẹ, mới gần gũi cha mẹ, mới tâm sự với cha mẹ, nhờ đó cha mẹ mới

biết con cái mình như thế nào và đang ở đâu, để mà hướng dẫn chúng và dìu dắt chúng một cách hiệu nghiệm vì chúng dễ lắng nghe cha mẹ bởi cảm mến cha mẹ và thấy không đâu bằng gia đình, bằng không, một khi vì bất cứ một lý do nào đó, con cái không còn tin tưởng cha mẹ nữa, không cảm phục cha mẹ nữa, chúng sẽ tìm kiếm các nơi nương tựa khác ngoài gia đình, thường là bạn bè chúng v.v. và chúng sẽ nghe theo thành phần cố vấn tối cao này của chúng và làm những gì cha mẹ không thể ngờ được.

Tổng lược nguyên tắc và nghệ thuật căn bản trong việc giáo dục con cái, như được chia sẻ trên đây, có thể được tóm gọn trong 3 điểm chính yếu sau đây:

1. *Vì con cái là của Chúa và thuộc về Chúa hơn là của mình và thuộc về mình; cha mẹ dưỡng dục con cái là để trả về cho Chúa chứ không phải để được hưởng lợi đền ơn báo đáp từ con cái;*
2. *Nên hãy coi con cái là thành phần người lớn còn nhỏ hơn là những đứa nhỏ chưa lớn, khi tỏ ra tôn trọng phẩm giá làm người cao cả của chúng và ơn gọi chuyên biệt thích đáng của chúng;*
3. *Bằng cách hãy “đi trước” con cái trong mọi sự, nhất là ở chỗ chẳng những làm gương lành cho con cái, hoàn toàn hy sinh phục vụ cho lợi ích của con cái, mà*

còn tin tưởng con cái, thấu biết con cái mình muốn gì và cần gì để đáp ứng chúng mau mắn và kịp thời, chấp nhận chúng từ tay Chúa và trong tay Chúa.

Sau đây là 4 câu vấn nạn trong phần hội thảo được đặt ra căn cứ vào bài Phúc Âm Thánh Luca (2:41-52) trình thuật về sự kiện Chúa Giêsu ở lại trong Đền Thờ 3 ngày liên quan tới đề tài về giáo dục con cái.

- 1. Với thân phận làm con theo bản tính loài người của mình, việc Chúa Giêsu tự động bỏ cha mẹ mà ở lại đền thờ khi mới 12 tuổi, tuổi vị thành niên, có lỗi hay chẳng? Nếu có lỗi tại sao Người làm? Nếu không làm sao có thể biện minh cho hành động chính đáng này của Người?*
- 2. Với vai trò làm cha mẹ, Mẹ Maria và Bô Giuse của Thiếu Nhi Giêsu có lỗi hay chẳng khi để người con trai duy nhất của mình bị thất lạc như vậy mà không hề hay biết? Nếu Mẹ Maria và Bô Giuse đều có lỗi thì tại sao Mẹ Maria còn dám lên tiếng trách móc con của mình? Trong việc lạc mất con của mình, nếu Mẹ và Bô Giuse hoàn toàn không có lỗi thì đâu là lý do chính đáng?*
- 3. Nếu quả thực Mẹ Maria đã biết Thiếu Nhi Giêsu Con Mẹ là Thiên Chúa Làm Người thì tại sao Mẹ còn dám trách Người? Mẹ là loài người thuần túy, dù đầy ơn phúc, có thực quyền và khả năng dạy dỗ Con Thiên*

Chúa là Đấng vô cùng trọn hảo và thông biết hết mọi sự hay chẳng?

4. *Chúng ta học được gì nơi biến cố lạc mất con và tìm thấy con này từ Mẹ Maria và Bô Giuse, đặc biệt từ Mẹ Maria, liên quan tới nghệ thuật giáo dục con cái?*

Không ngờ 4 câu hỏi này đã gây ra tranh luận hết sức sôi nổi ở từng nhóm (4 nhóm được chia theo tuổi dưới 50, 50-60, 60-65, trên 65). Trong phần đúc kết, vấn đề được giải quyết hết sức đơn giản như thế này:

Chúa Giêsu là Thiên Chúa Làm Người, một ngôi vị duy nhất với hai bản tính có chủ thể là thần tính nên không thể sai lầm hay sai trái trong bất cứ điều gì.

Lời Mẹ Maria nói cùng Thiếu Nhi Giêsu bấy giờ không phải với tư cách bề trên nói với bề dưới mà là bề dưới than lên với bề trên, như chúng ta cảm thấy đau khổ thì than van với Chúa vậy.

Mẹ Maria đã lưu lại cho chúng ta bài học về nghệ thuật giáo dục con cái ở chỗ Mẹ đã coi Con mình là một người lớn (Con Thiên Chúa) còn nhỏ (con trẻ Giêsu), hơn là một đứa nhỏ chưa lớn.

*Khóa Tĩnh Huấn 39HK 2010 ở Riverside California -
“Hãy Đổ Nước Đầy Các Chum” (Gioan 2:7)*



Giáo Hoàng Chân Phước Gioan Phaolô II với Mục Vụ về Gia Đình

Trong giáo triều dài thứ ba trong lịch sử của mình, dài 26 năm rưỡi, ngoài linh mục và giới trẻ là hai thành phần được vị giáo hoàng triết gia nhân bản Gioan Phaolô II đặc biệt ưu tiên chăm sóc mục vụ, còn có cả những ai sống đời hôn nhân gia đình nữa. Thật vậy, vào chính ngày 13/5/1981, cách đây hơn 30 năm, ngày ngài bị ám sát chết hụt ở Quảng trường Thánh Phêrô, ngài đã chính thức thành lập hai cơ cấu mới trong Giáo Hội để lo việc mục vụ cho lãnh vực hôn nhân gia đình này, một môi trường nhân bản được ngài cảm thấy càng ngày càng trở nên nguy hiểm hơn bao giờ hết trước cuộc khủng bố tấn công của mãnh lực văn hóa sự chết. Hai cơ cấu này đó là Hội Đồng Tòa Thánh về Gia Đình và Giáo Hoàng Học Viện nghiên cứu về Hôn Nhân Gia Đình.

Đức Thánh Cha Biển Đức XVI đã nhắc lại việc thành lập hai cơ cấu này ở ngay đầu bài huấn từ ngày 13/5/2011 ngài ngỏ cùng thành phần phục vụ thuộc Giáo Hoàng Học Viện nghiên cứu về Hôn Nhân Gia Đình ở Đại Học Tòa Thánh Latêranô này như sau:

- *"Hôm nay tôi hân hoan gặp gỡ anh chị em, sau ít ngày phong chân phước cho Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II, vị 30 năm trước, như chúng ta đã biết, đã muốn thành lập cả Hội Đồng Giáo Hoàng đặc trách về Gia Đình lẫn giáo hoàng học viện của anh chị em; hai cơ cấu cho thấy ngài mãnh liệt xác tín là chừng nào về tầm quan trọng quyết liệt của gia đình đối với Giáo Hội cũng như đối với xã hội".*

Chưa hết, đối với ưu tiên mục vụ liên quan tới lãnh vực hôn nhân gia đình này, vị giáo hoàng hăng say rao giảng "phúc âm sự sống" và cương quyết bênh vực "văn hóa sự sống" của chúng ta là tân chân phước Gioan Phaolô II này còn thành lập Cuộc Hội Ngộ Thế Giới Các Gia Đình từ năm 1994, năm về gia đình được Liên Hiệp Quốc tổ chức, nhưng lại chính là năm gia đình bị khủng bố tấn công hơn bao giờ hết ở Hội Nghị Cairô Ai Cập về Dân Số, mà nếu không có vị giáo hoàng thiên định này hết mình can thiệp bằng mọi cách và mọi giá, các gia đình trên thế giới đã bị quyền lực của văn hóa sự chết ăn tươi nuốt sống bằng chính sách toàn cầu hóa phá thai, một âm mưu thâm độc đã được chính quyền Clinton Mỹ quốc bấy giờ nhiệt liệt ủng hộ cùng tài trợ và

theo đó được các nhóm kế hoạch hóa gia đình hung hăng vận động hợp thức hóa để buộc các nước trên thế giới, nhất là các nước nghèo và nhận viện trợ của Mỹ, phải triệt để áp dụng.

Thế là biến cố Cuộc Hội Ngộ Thế Giới Các Gia Đình của Giáo Hội hoàn vũ bắt đầu vào thời điểm 8-9/10/1994 ở Rôma, với đề tài "*Cuộc Hội Ngộ Thế Giới thứ nhất được Đức Gioan Phaolô II kêu gọi trong Năm Gia Đình*". Sau đó, cứ 3 năm một lần lại tái diễn Cuộc Hội Ngộ Thế Giới Các Gia Đình. Đó là lý do, cho tới nay biến cố của Giáo Hội hoàn vũ về hôn nhân gia đình này đã tuần tự diễn tiến ở các nơi khác nhau trên thế giới như sau: Lần thứ hai: vào thời điểm 4-5/10/1997 ở Rio de Janerio (Ba Tây), với chủ đề "*Gia Đình: tặng ân và dẫn thân, niềm hy vọng của nhân loại*"; lần thứ ba: vào những ngày 14-15/10/2000 ở Rôma, với chủ đề "*Con cái là mùa xuân của gia đình và xã hội*"; lần thứ tư: vào thời khoảng 25-26/1/2003 ở Manila (Phi Luật Tân), với chủ đề "*Gia Đình Kitô giáo: Tin mừng cho ngàn năm thứ ba*"; lần thứ năm: vào thời điểm 8-9/7/2006 ở Valencia (Tây Ban Nha), với chủ đề "*Việc truyền đạt đức tin trong gia đình*"; lần thứ sáu: vào những ngày 14-18/1/2009 ở Mexico City Mỹ Tây Cơ, với chủ đề "*Gia đình là thầy dạy về các giá trị nhân bản và Kitô giáo*"; lần thứ bảy: vào thời khoảng 30/5 đến 2/6/2012 ở Milan Ý quốc, với chủ đề "*Gia đình: làm việc và nghỉ ngơi*".

Ngoài ra, trong Năm Gia Đình được Đức Thánh Cha Gioan Phaolô tổ chức cho và trong Giáo Hội hoàn vũ nhân năm về gia đình của Liên Hiệp Quốc 1994, đầu năm, ngài gửi một *Bức Thư cho các gia đình* vào Lễ Đức Mẹ Dâng Con mừng 2/2/1994 và cuối năm ngài gửi thêm một *Bức Thư cho thành phần con cái* vào ngày 13/12/1994. Tiếp tục chiều hướng bênh vực đời sống hôn nhân gia đình trước cuộc khủng bố tấn công của quyền lực văn hóa sự chết, vào năm sau đó, năm 1995, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã gửi một *Bức Thư cho nữ giới* vào ngày 29/6/1995, vì năm 1995 này Liên Hiệp Quốc muốn giành riêng cho nữ giới và tổ chức Hội Nghị Bắc Kinh ở Trung quốc về nữ giới, một biến cố toàn cầu cho thấy quyền lực văn hóa sự chết nhất định không chịu buông tha những gì họ bắt thành trong năm gia đình 1994 tại Hội Nghị Cairô về dân số, ở chỗ, lợi dụng hội nghị về nữ giới ở Bắc Kinh trong năm 1995 ngay sau năm về gia đình 1994, các nhóm pro choice trên thế giới lại nổi vòng tay lớn hung hăng tranh đấu cho quyền lợi của nữ giới đối với thân thể của họ, liên quan tới vấn đề phá thai.

Về mục vụ gia đình, không thể nào không nói đến những giáo huấn chính thức liên quan tới một số vấn kiện quan trọng sau đây của chung Giáo Hội dưới triều Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II: trước hết, đối nội, là Tông Huấn "*Familiaris Consortio - Tình Nghĩa Gia Đình*", ban hành ngày 22/11/1981, một văn

kiện về vai trò của gia đình Kitô giáo trong thế giới tân tiến, một văn kiện đúc kết Thượng Nghị Giám Mục Thế Giới thường lệ lần thứ V diễn ra vào thời khoảng 26/9 đến 25/10/1980, một thượng nghị giám mục thế giới đầu tiên của giáo triều Đức Gioan Phaolô II bàn về chủ đề "*Gia Đình Kitô giáo*", một vấn đề cho thấy ngài lưu tâm đến gia đình ngay từ đầu giáo triều của mình; sau đó, đối ngoại, là *Bản Hiến Chương về Các Quyền Lợi của Gia Đình* ngày 22/10/1983 được Tòa Thánh gửi chung đến tất cả mọi người, mọi cơ cấu tổ chức cùng hết mọi thẩm quyền trên thế giới còn quan tâm tới sứ vụ của gia đình trong thế giới ngày nay. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II lưu tâm và ưu tiên ngay từ đầu mục vụ gia đình chẳng những qua Thượng Nghị Giám Mục Thế Giới đầu tiên trong giáo triều của ngài như thế, mà còn qua loạt bài giáo lý của ngài về nhân bản nữa.

Thật vậy, theo gương của vị tiền nhiệm Gioan Phaolô I trong việc lợi dụng các buổi triều kiến chung - general audience vào Thứ Tư hằng tuần để dạy giáo lý, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng đã liên tục dạy giáo lý cho con cái mình suốt 26 năm rưỡi trời về đủ mọi lãnh vực thần học, thánh mẫu, giáo hội và tu đức, nhưng mở đầu về nhân bản, vì ngài đã dùng 5 năm trời (1979-1984) để khai triển đề tài "*tình yêu con người theo ý định của Thiên Chúa*". Đề tài này có thể được chia ra làm ba phần, phần nhất được bắt đầu bằng một loạt 23 bài giáo lý về sự hiệp

nhất nguyên thủy giữa người nam và người nữ theo sách Khởi Nguyên, trong khoảng thời gian từ ngày 5-9-1979 đến ngày 2-4-1980. Sau đó chuyển sang phần hai với 41 bài giáo lý về cái phúc của những ai có lòng trong sạch theo bài giảng trên núi và thư thánh Phaolô, vào thời khoảng từ ngày 16-4-1980 đến ngày 6-5-1981. Cuối cùng phần ba đã được bắt đầu với 50 bài về thần học hôn nhân và độc thân theo ý nghĩa phục sinh của thân xác, thời khoảng từ ngày 11-11-1981 đến ngày 4-7-1984. Loạt bài giáo lý về tài "*tình yêu con người theo ý định của Thiên Chúa*" cuối cùng được kết thúc bằng 12 bài, thời khoảng từ ngày 11-7 đến 21-11-1984, về việc ôn lại Thông điệp "*Sự Sống Con Người*" của Đức Thánh Phaolô VI. Tất cả tổng số bài giáo lý về hôn nhân gia đình liên quan tới thần học về thân xác này của ngài là 136 bài.

Sau đây, chúng ta cần đi sâu vào chính nội dung giáo huấn của ngài về hôn nhân gia đình, để nhờ đó thành phần sống Mâu Nhiệm Cao Cả liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội chúng ta có thể trở thành một cộng đồng yêu thương và sự sống nhờ đó trở thành một Giáo Hội Tại Gia, một Giáo Hội Thu Nhỏ. Trước hết, chúng ta hãy cố gắng thẩm thấu một đoạn tiêu biểu trong Thư Gửi Các Gia Đình của ngài ngày 2/2/1994 liên quan tới Mâu Nhiệm Cao Cả làm nên cốt lõi của đời sống hôn nhân. Sau nữa, chúng ta cần ôn lại huấn dụ của ngài muốn nhấn nhủ chung các

gia đình và riêng các đôi phối ngẫu nhân ngày giành cho các gia đình trong Đại Năm Thánh 2000 là ngày 15/10. Và sau hết cùng với ngài chúng ta cầu cho các gia đình, một kinh nguyện được chính ngài soạn cho Cuộc Hội Ngộ Thế Giới Các Gia Đình lần IV ở Manila Phi Luật Tân năm 2003.

Hôn Nhân Gia Đình: Mẫu Nhiệm Cao Cả

(Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II: Thư Gửi Các Gia Đình ngày 2/2 trong Năm Gia Đình 1994, đoạn 19)

Thánh Phaolô sử dụng một cụm từ ngắn gọn để ám chỉ về đời sống gia đình: đó là một “*mẫu nhiệm cao cả*” (Eph 5:32). Những gì ngài viết trong Bức Thư gửi cho Kitô hữu Êphêsô này về “*mẫu nhiệm cao cả*”, mặc dù được sâu xa bắt nguồn từ Sách Khởi Nguyên cũng như từ toàn thể truyền thống Cựu Ước, song lại tiêu biểu cho một đường lối mới được thể hiện sau đó nơi Giáo Huấn của Giáo Hội.

Giáo Hội tuyên xưng rằng Hôn Nhân, một Bí Tích của mỗi giao ước giữa người chồng và người vợ, là một “*mẫu nhiệm cao cả*”, vì nó thể hiện *tình yêu phu thê của Chúa Kitô đối với Giáo Hội*. Thánh Phaolô viết: “*Hỡi những người chồng, hãy yêu thương vợ của mình, như Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội và hiến mình cho Giáo Hội, để Người thánh hóa Giáo*

Hội, thanh tẩy Giáo Hội bằng nước rửa của lời nói” (Eph 5:25-26). Thánh Tông Đồ ở đây đang nói về Phép Rửa là những gì đã được ngài nói dài trong Bức Thư gửi cho Kitô hữu Rôma, bức thư ngài trình bày phép rửa này như là việc thông phần vào cuộc tử nạn của Chúa Kitô để được chia sẻ với sự sống của Người (x Rm 6:3-4). Noi Bí Tích này, người tín hữu được *hạ sinh* như là một con người mới, vì Phép Rửa có quyền năng thông ban sự sống mới, sự sống của chính Thiên Chúa. Mẫu nhiệm của vị Thiên Chúa Làm Người, một cách nào đó, được thu gọn vào biến cố Phép Rửa. Như Thánh Irenaeus về sau nói, cùng với nhiều vị Giáo Phụ khác của Giáo Hội ở cả Đông phương lẫn Tây phương, là “Chúa Giêsu Kitô, Chúa của chúng ta, Con Thiên Chúa, đã trở nên con của loài người để loài người được trở nên con Thiên Chúa”.

Như thế, vị Phu Quân cũng chính là Vị Thiên Chúa làm người. Trong Cựu Ước, Giavê xuất hiện như Vị Phu Quân của Yến Duyên là dân được tuyển chọn – một vị Phu Quân vừa luyến ái vừa nghiêm khắc, vừa ghen tương vừa trung tín. Những lúc phản bội, đào ngũ và thờ ngẫu tượng của Yến Duyên, những lúc được các vị Tiên Tri diễn tả bằng những từ ngữ mãnh liệt và khích động, cũng không bao giờ có thể làm tắt lịm tình yêu được *Vị Thiên Chúa Hôn Phu* “yêu thương đến cùng” (x Jn 13:1).

Việc xác nhận và hoàn trọn mối liên hệ phu thê giữa Thiên Chúa và dân của Ngài được hiện thực nơi Chúa Kitô, trong Tân Ước. Chúa Kitô bảo đảm với chúng ta rằng Vị Hôn Phu này ở với chúng ta (x Mt 9:15). Người ở với tất cả chúng ta; Người ở với Giáo Hội. *Giáo Hội trở thành một Hôn Thê*, vị Hôn Thê của Chúa Kitô. Vị Hôn Thê được Bức Thư gửi Kitô hữu Êphêsô nói tới này hiện diện ở nơi mỗi một con người được rửa tội và như là một hôn thê trình diện trước Vị Hôn Phu của mình. “Chúa Kitô đã yêu thương Giáo Hội và đã hiến mình cho Giáo Hội..., để Người thấy được một Giáo Hội vinh quang, vô tì tích hay dấu vết hoặc bất cứ điều gì như thế, hầu Giáo Hội trở nên thánh hảo vẹn tuyền” (Eph 5:25-27). Tình yêu Vị Hôn Phu “đã yêu thương” Giáo Hội “cho đến cùng” tiếp tục canh tân tình trạng thánh đức của Giáo Hội nơi các vị thánh của Giáo Hội, cho dù Giáo Hội vẫn là Giáo Hội của thành phần tội nhân. Ngay cả thành phần tội nhân, “thành phần thu thuế và gái điếm”, cũng được kêu gọi nên thánh, như chính Chúa Kitô khẳng định trong Phúc Âm (x Mt 21:31). Tất cả đều được kêu gọi để trở nên một Giáo Hội vinh quang, thánh hảo và vẹn tuyền. Chúa phán: “Hãy thánh hảo vì Ta thánh hảo” (Lev 11:44; x 1Pt 1:16).

Đó là ý nghĩa sâu xa nhất của “màu nhiệm cao cả” này, một ý nghĩa nội tại của *tặng ân bí tích* trong Giáo Hội, một ý nghĩa sâu xa nhất của Phép Rửa và

Thánh Thê. Những bí tích này là hoa trái của tình yêu Vị Hôn Phu đã yêu thương chúng ta đến cùng, một tình yêu tiếp tục lan tỏa và ban phát để con người được thông dự vào sự sống siêu nhiên hơn nữa.

Sau khi nói “hỡi những người chồng, hãy yêu thương vợ mình” (Eph 5:25), Thánh Phaolô còn nhấn mạnh thêm rằng: “Chồng phải yêu thương vợ thậm chí như chính thân thể mình. Ai yêu thương vợ là yêu thương bản thân mình. Vì không ai từng ghét xác thịt của mình cả, song nuôi dưỡng và chăm sóc nó, như Chúa Kitô đối với Giáo Hội, vì chúng ta là chi thể của thân mình Người” (Eph 5:28-30). Rồi Thánh Nhân thúc giục các đôi phối ngẫu bằng những lời lẽ như sau: “Hãy nhường nhịn nhau vì lòng tôn kính Chúa Kitô” (Eph 5:21).

Thật sự đây là một thứ trình bày mới mẻ về sự thật bất biến liên quan tới đời sống hôn nhân gia đình theo chiều hướng của Tân Ước. Chúa Kitô đã mạc khải sự thật này trong Phúc Âm bằng việc Người hiện diện ở Cana xứ Galilêa, bằng hy tế Thập Giá và các Bí Tích của Giáo Hội Người. Nhờ thế, thành phần làm chồng làm vợ khám phá thấy nơi Chúa Kitô *cái điểm tựa cho tình yêu phu thê của họ*. Khi nói Chúa Kitô là Vị Hôn Phu của Giáo Hội, Thánh Phaolô sử dụng kiểu so sánh tình yêu phu thê là những gì đã được đề cập tới ở Sách Khởi Nguyên:

“Người nam lìa bỏ cha mẹ mình mà gắn bó với vợ mình, và cả hai trở thành một xác thịt” (Gen 2:24). Đó là “mầu nhiệm cao cả” của một tình yêu hằng hữu đã từng hiện diện nơi việc tạo thành, được tỏ hiện nơi Đức Kitô và được ký thác cho Giáo Hội. Thánh Phaolô lập lại rằng: “Mầu nhiệm này là một mầu nhiệm sâu xa, tôi đang muốn nói đến Chúa Kitô và Giáo Hội” (Eph 5:32). Bởi thế, Giáo Hội không thể nào được hiểu như là Nhiệm Thể của Chúa Kitô, như là dấu hiệu của việc con người Giao Ước với Thiên Chúa trong Chúa Kitô, hay như bí tích cứu độ phổ quát, trừ khi chúng ta nhớ rằng “mầu nhiệm cao cả” này có liên quan tới việc tạo dựng nên con người có nam có nữ, cũng như tới ơn gọi của cả hai trong việc yêu thương phu thê, trong vai trò làm cha và vai trò làm mẹ. “Mầu nhiệm cao cả” này, đó là Giáo Hội và nhân loại trong Chúa Kitô, không hiện hữu một cách tách biệt đối với “mầu nhiệm cao cả” được thể hiện nơi “một xác thịt” (x Gen 2:24; Eph 5:31-32), tức là nơi thực tại của đời sống hôn nhân gia đình.

Chính gia đình là mầu nhiệm cao cả của Thiên Chúa. Là “giáo hội tại gia”, gia đình là *hôn thê của Chúa Kitô*. Giáo Hội hoàn vũ, và hết mọi Giáo Hội riêng trong Giáo Hội hoàn vũ, được tỏ hiện một cách trực tiếp nhất như là hôn thê của Chúa Kitô nơi “giáo hội tại gia” cũng như nơi cảm nghiệm yêu thương của giáo hội tại gia này: cảm nghiệm của

tình yêu phu thê, tình yêu cha mẹ, tình yêu huynh đệ, tình yêu của một cộng đồng bao gồm những con người và các thế hệ. Chúng ta có thể nghĩ rằng tình yêu của con người thiếu được hay chẳng Vị Hôn Phu này và tình yêu mà Người đã yêu thương chúng ta trước cho đến cùng? Chỉ khi nào những người làm chồng và làm vợ tham phần vào tình yêu ấy cũng như vào “mầu nhiệm cao cả” ấy, họ mới có thể yêu thương “đến cùng” mà thôi. Trừ khi họ thông dự vào tình yêu ấy, bằng không họ sẽ không biết yêu thương “cho đến cùng” là gì, và chẳng biết quan trọng là chừng nào những đòi hỏi của tình yêu này. Và như thế thì rất u là nguy hiểm đối với họ.

Giáo huấn của Bức Thư gửi Kitô hữu Êphêsô khiến chúng ta lấy làm bỡ ngỡ lạ lùng trước tính cách sâu xa của nó cũng như trước *thẩm quyền giảng dạy về đạo lý của nó*. Nói đến hôn nhân, và gián tiếp đến gia đình, như là một “mầu nhiệm cao cả” liên quan tới Chúa Kitô và Giáo Hội, Thánh Phaolô đã tái khẳng định những gì ngài đã nói trước đó với thành phần làm chồng rằng: “Mỗi người trong anh em hãy yêu thương vợ mình như chính mình”. Ngài nói tiếp: “Và người vợ hãy tôn kính chồng của mình” (Eph 5:33). Tôn kính, vì người vợ yêu thương và biết rằng mình đã được yêu thương. Chính vì tình yêu thương này mà vợ chồng mới *trở nên tặng ân cho nhau*. Yêu thương bao gồm việc nhận biết phẩm vị riêng tư của người khác, và tính cách chuyên nhất

đặc thù của mình hay của vợ. Thật vậy, mỗi một con người phối ngẫu, là con người, theo ý muốn của Thiên Chúa, trong tất cả mọi tạo sinh trên trái đất này, sống cho mình. Tuy nhiên, mỗi người trong họ, bằng tác hành ý thức và hữu trách, tự hiến bản thân mình cho nhau và cho con cái được Chúa ban. Vấn đề ở đây là Thánh Phaolô tiếp tục những lời huấn dụ của ngài bằng cách làm âm vang điều răn thứ tư: “Hỡi con cái, hãy vâng lời cha mẹ của mình trong Chúa, vì đó là điều chân thực. ‘Hãy tôn kính cha mẹ’ (đây là giới răn thứ nhất được kèm theo lời hứa là), ‘để các người sống an lành và để các người sống lâu dài trên trái đất này’. Hỡi những người làm cha, đừng quở trách con cái mình khiến chúng tức giận, nhưng hãy dạy bảo chúng theo kỷ cương và lời Chúa dẫn dắt” (Eph 6:1-4). Vậy Thánh Tông Đồ thấy nơi giới răn thứ bốn này việc hoàn toàn dẫn thân của niềm tương kính giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con cái, và ngài nhận thấy nơi mỗi tương kính này *cái nguyên tắc bền vững của gia đình*.

Cái tổng luận to tát vĩ đại của Thánh Phaolô liên quan tới “màu nhiệm cao cả” này, ở một nghĩa nào đó, hiện lên như là một thứ *summa* hay *tổng lược giáo huấn về Thiên Chúa và loài người*, một màu nhiệm cao cả được Chúa Kitô hoàn trọn. Tiếc thay, tư tưởng Tây phương, theo đà phát triển của *chủ nghĩa duy lý tân tiến*, dần dần đã xa rời với giáo huấn ấy. Nhà triết gia nêu lên nguyên tắc “*Cogito, ergo sum* – tôi

ngĩ tưởng nên tôi hiện hữu” cũng cố gắng hiến cho quan niệm tân tiến về con người tính cách lưỡng diện đặc thù chuyên biệt của nó. Nó là một mẫu thức duy lý trong việc gây ra noi con người cái hoàn toàn tương phản giữa tinh thần và thân xác, giữa thân xác và tinh thần. Thế nhưng, con người là một ngôi vị duy nhất với cả thân xác và tinh thần của họ. Thân xác không bao giờ được biến thành thuần chất thể: nó là *một thân thể được tinh thần hóa*, như tinh thần của con người thật là gắn bó với thân xác mà họ có thể được diễn tả như là *một tinh thần nhập thể*. Nguồn kiến thức dồi dào nhất về thân thể là Lời hóa thành nhục thể. *Chúa Kitô đã tỏ cho con người biết được bản thân họ*. Ở một nghĩa nào đó, câu phát biểu này của Công Đồng Chung Vaticanô II là câu trả lời đã được Giáo Hội mong đợi từ lâu để cố gắng hiến cho chủ nghĩa duy lý tân tiến vậy.

Câu trả lời này có một tầm vóc rất quan trọng để hiểu biết gia đình, nhất là trước bối cảnh của nền văn minh ngày nay, một nền văn minh, như đã nói, dường như ở rất nhiều trường hợp đã buông xuôi nỗ lực trở thành một “nền văn minh yêu thương”. Thời đại tân tiến này đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc hiểu biết cả thế giới vật chất lẫn tâm lý con người, thế nhưng, đối với chiều kích sâu xa nhất, chiều kích siêu hình học của mình thì con người đương thời vẫn còn là *một hữu thể vô tri* về bản thân mình rất nhiều. Bởi thế, gia đình vẫn còn là

một *thực tại mù mờ vô thức*. Kết quả của tình trạng ly gián khỏi “màu nhiệm cao cả” được Thánh Tông Đồ nói tới là thế.

Việc tách lìa tinh thần và thân xác nơi con người đã dẫn đến một khuynh hướng càng ngày càng gia tăng trong việc coi thân thể của con người, không theo những thể loại đặc biệt giống như Thiên Chúa của nó, mà là dựa trên căn bản nó giống với tất cả những thân thể khác có mặt trong thế giới thiên nhiên này, những thân xác được con người sử dụng như loại vật thể nguyên chất trong việc cố gắng sản xuất ra các thứ vật dụng để hưởng dùng. Thế nhưng ai cũng có thể nhận ra ngay những hiểm nguy khổng lồ là chúng nào đang thập thò ở đằng sau việc áp dụng cái qui tắc ấy cho con người. Khi thân thể của con người, được coi như tách biệt khỏi tinh thần và tâm tưởng, bị sử dụng như một *vật thể nguyên chất* giống như thân thể của các con thú vật – và điều này thực sự đang xảy ra nơi việc thí nghiệm các phôi thai và bào thai chẳng hạn – chúng ta sẽ không thể nào tránh được tình trạng tiến đến chỗ bị thảm bại một cách kinh hoàng về đạo lý.

Trong cùng một quan điểm về nhân loại học tương tự, gia đình của nhân loại đang phải đối diện với cái thách đố của một *chủ nghĩa nhị nguyên mới*, một chủ nghĩa mà thân thể và tinh thần trở thành hoàn toàn đối nghịch nhau; thân xác không lãnh nhận sự sống

từ tinh thần, và tinh thần không cố gắng hiến sự sống cho thân xác. Bởi thế mà con người đang *không còn sống như là một ngôi vị và là một chủ thể*. Bất kể bất cứ ý hướng nào hay những lời công bố nào nghịch lại chẳng nữa, con người cũng đang trở thành thuần *vật thể*. Thứ văn hóa tân nhị nguyên thuyết này đã dẫn đến chỗ, chẳng hạn, coi tính dục của con người như là một lãnh vực để *mạo dụng và khai thác* hơn là theo chiều hướng của *cái ngõ ngàng ban đầu* khiến Adong ngay từ khởi nguyên của cuộc tạo dựng đã kêu lên trước Evà rằng: “Cuối cùng thì đây là xương bởi xương tôi và thịt bởi thịt tôi” (Gen 2:23). Nỗi ngõ ngàng tương tự ấy đã được âm vang nơi những lời của Bài Ca Solomon: “Em đã chiếm đoạt trái tim anh rồi, hỡi em ơi, hôn thê ơi, em đã chiếm đoạt trái tim anh bằng ánh mắt của em” (Song 4:9). Một số những tư tưởng tân tiến đã trở nên xa cách biết bao đối với kiến thức sâu xa về nam tính và nữ tính ở trong Mạc Khải Thần Linh! Mạc Khải dẫn chúng ta đến chỗ nhận thức nơi *tính dục của con người một kho tàng cân xứng với con người*, thành phần tìm thấy thực sự viên trọn nơi gia đình, cũng là thành phần có thể tỏ hiện ơn gọi sâu xa của mình nơi việc giữ mình đồng trinh cũng như cuộc sống độc thân vì Vương Quốc của Thiên Chúa.

Chủ nghĩa duy lý tân tiến *không chấp nhận màu nhiệm*. Nó không chấp nhận màu nhiệm về con người có nam có nữ, hay nó cũng không muốn công

nhận rằng sự thật trọn vẹn về con người đã được tỏ hiện nơi Chúa Giêsu Kitô. Đặc biệt là nó không chấp nhận “mâu nhiệm cao cả” được công bố trong Bức Thư gửi Kitô hữu Êphêsô, song hoàn toàn chống lại mâu nhiệm cao cả này. Nó có thể nhìn nhận một cách rõ ràng, liên quan tới loại thần thánh mơ hồ, sự có thể hay thậm chí nhu cầu cần phải có một Hữu Thể tối cao hay thần linh, nhưng nó mạnh mẽ loại trừ ý tưởng về một vị Thiên Chúa làm người để cứu độ con người. Đối với duy lý thuyết, không thể nào tưởng tượng nổi Thiên Chúa lại cần phải là Đấng Cứu Chuộc, Ngài lại càng *không phải là “Vị Hôn Phu”*, là nguồn mạch nguyên thủy và đặc thù của tình yêu con người giữa các cặp phu thê. Duy lý thuyết cố gắng hiển một cách nhìn hoàn toàn khác hẳn trong việc nhìn ngắm việc tạo thành cũng như ý nghĩa của việc con người hiện hữu. Thế nhưng, một khi con người bắt đầu không còn nhìn thấy một vị Thiên Chúa yêu thương mình nữa, một vị Thiên Chúa kêu gọi con người nơi Đức Kitô để sống trong Ngài và sống với Ngài, và một khi gia đình không còn khả năng để tham dự vào “mâu nhiệm cao cả”, thì nó còn lại những gì nếu không phải chỉ còn duy *chiều kích tạm thời của cuộc sống* hay sao? Cuộc sống trần gian không còn là gì khác ngoài một chuỗi tranh đấu để hiện hữu, một cuộc kiếm tìm chiếm đoạt vô vọng, và là một cuộc chiếm đoạt tiền tài trước hết mọi sự.

Những căn gốc sâu xa của “mâu nhiệm cao cả”, một bí tích của yêu thương và sự sống được mở màn ở Cuộc Tạo Dựng và Cứu Chuộc, và là một bí tích có Chúa Kitô là Vị Hôn Phu như một bảo đảm tối hậu của mình, đã bị mất đi theo cách nhìn tân tiến về sự vật. “Mâu nhiệm cao cả” đang bị đe dọa nơi chúng ta và chung quanh chúng ta. Chớ gì việc Giáo Hội cử hành Năm Gia Đình này là một cơ hội hiệu nghiệm cho những cặp vợ chồng tái nhận thức mâu nhiệm ấy và tái quyết tâm sống mâu nhiệm ấy một cách mạnh mẽ, can đảm và nhiệt tình.

Hôn Nhân Gia Đình: Giáo Hội Tại Gia

(Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II nhấn nhủ chung các gia đình và riêng các đôi phối ngẫu nhân ngày giành cho các gia đình trong Đại Năm Thánh 2000 là ngày 15/10)

Anh chị em đến đây không phải với tư cách cá nhân mà là với tư cách gia đình. Anh chị em từ khắp nơi trên thế giới đến Rôma, mang theo niềm xác tín sâu xa về vấn đề gia đình là tặng ân cao cả của Thiên Chúa, một tặng ân tiên nguyên được đánh dấu bằng phép lành của Người” (đoạn 1.2).

“Phép lành tiên nguyên này được gắn liền với chính dự án của Thiên Chúa... ‘Con người lẻ loi một mình không tốt; Ta sẽ tạo nên cho con người một trợ nhân xứng hợp với con người’ (Gen 2:18). Như thế là tác giả

sách thánh của Sáng Thế Ký đã cho thấy cái *đòi hỏi nền tảng* làm nên mối hiệp nhất nam nữ trong hôn nhân, cũng như mối hiệp nhất nơi đời sống gia đình phát xuất từ mối hiệp nhất nam nữ. Nó là *một đòi hỏi của môi hiệp thông*. Con người không được dựng nên để sống le loi cô độc một mình; họ mang nơi chính bản thân mình một ơn gọi giao hữu được bắt nguồn từ bản tính linh thiêng của họ. Vì ơn gọi này, họ mới lớn lên tới mức sống liên kết với nhau, khi hoàn toàn nhận thức được chính mình bằng cách duy nhất là ‘chân tình trao tặng bản thân’ (Hiến Chế Vui Mừng Và Hy Vọng, số 24)” (đoạn 2.1).

“Đối với con người, *những môi giao hữu thuần túy về phận vụ* vẫn chưa đủ. Họ cần có cả *những môi giao hữu liên cá vị* nữa, những môi giao hữu phong phú sâu xa trong nội tâm, vô tư và hy sinh tự hiến. Căn bản nhất trong những môi giao hữu liên cá vị này là môi giao hữu hiện diện nơi gia đình giữa vợ chồng với nhau, cũng như giữa họ và con cái của họ. Toàn thể cơ cấu bao rộng nơi những môi giao hữu của loài người đều được phát xuất từ cũng như được tái sinh một cách ý thức từ mối giao hữu làm cho con người nam nữ nhận ra rằng, họ được dựng nên cho nhau và đã đi đến quyết định kết hợp đời sống riêng tư của mình thành một dự án của đời sống: ‘*Thế nên người nam đã lìa bỏ cha mẹ mình mà gắn bó với vợ của mình, và cả hai đã trở nên một xác thịt duy nhất*’ (Gen 2:24)” (đoạn 2.2).

“*Một xác thịt duy nhất!* Làm sao các con lại có thể không thấy được cái mãnh lực của lời diễn tả này? Chữ ‘xác thịt’ theo thánh kinh không phải chỉ có ý nghĩa về bản chất thể lý của con người, mà còn là *toàn thể con người có thể xác và tinh thần của họ* nữa. Cái mà đôi phối ngẫu đạt được không phải chỉ là việc kết hợp thân thể với nhau mà là một mối hiệp nhất thực sự nơi ngôi vị của họ với nhau. Một mối hiệp nhất sâu xa đến nỗi làm cho họ, một cách nào đó, đã trở thành một *hình ảnh* trong lịch sử loài người phản ánh cho thấy ‘*cái Chúng Ta*’ nơi Ba Ngôi *Vị thần linh* (xem *Thư gửi Các Gia Đình*, 8)” (đoạn 3.1).

“... Trong hôn nhân theo bí tích, đôi phối ngẫu – như những cặp trẻ trung Cha sắp sửa chúc lành cho đang làm đây – dẫn thân để nói lên với nhau cũng như để chứng tỏ cho thế giới thấy *tình yêu mãnh liệt bất khả phân ly Chúa Kitô dành cho Giáo Hội*. Đó là một ‘màu nhiệm cao cả’ theo nhận định của Thánh Phaolô Tông Đồ (x Eph 5:32)” (đoạn 4.3).

“*Xin Chúa là nguồn mạch sự sống chúc lành cho các người!*” (đáp ca). Phúc lành của Thiên Chúa ngay từ đầu không phải chỉ ban cho việc hiệp thông hôn nhân mà thôi, còn cho cả *việc họ quảng đại đảm nhận trách nhiệm hướng đến sự sống* nữa. Con cái thực sự là ‘mùa xuân của gia đình và xã hội’, như khẩu hiệu của Cuộc Mừng Kỷ Niệm của các con nói lên. Chính nơi con cái mà hôn nhân nở hoa, ở chỗ chúng làm

thăng hóa tất cả mối hiệp thông của sự sống (*'totius vitae consortium'*: Giáo Luật khoản 1055.1), một mối hiệp thông làm cho vợ chồng nên 'một xác thịt duy nhất'; điều này thực sự là như thế đối với cả con cái được sinh ra từ mối *giao thân tự nhiên* của đôi phối ngẫu lẫn những đứa con được họ nhận làm *con nuôi*. Con cái không phải là 'đồ phụ tùng' đối với dự án của cuộc sống hôn nhân. Chúng không phải là một thứ '*chọn lựa tùy ý*' mà là một '*tặng ân cao cả*' (Hiến Chế *Vui Mừng và Hy Vọng*, 50), được ghi dấu ngay nơi chính cơ cấu của việc hiệp nhất vợ chồng... Như thế, trong việc sống hợp với lời của Thiên Chúa, gia đình trở nên một học đường dạy làm người và tình đoàn kết chân thực" (đoạn 5).

"Cả cha mẹ lẫn con cái đều được kêu gọi để thực hiện công việc này, thế nhưng, như Cha đã viết trong Năm Gia Đình 1994 thì '*Cái chúng tôi của cha mẹ, của vợ chồng, phát triển thành cái chúng tôi của gia đình, một thứ chúng tôi được ghép vào những thể hệ tiền thân và hướng tới chỗ lan rộng*'..." (đoạn 6.1).

"Các gia đình Kitô hữu rất thân mến... Chớ gì gia đình của anh chị em tiếp tục lớn lên như là một 'giáo hội tại gia', bằng việc hằng ngày anh chị em dâng lời chúc tụng Thiên Chúa, và bằng việc anh chị em làm tràn lan giòng tình yêu thương đầy phúc đức và tái sinh ra ở khắp xã hội loài người" (đoạn 7.1).

Kinh Cầu Cho Gia Đình

(Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II viết kinh nguyện cầu cho các gia đình này nhân Cuộc Hội Ngộ Thế Giới Các Gia Đình lần IV ở Manila Phi Luật Tân năm 2003)

Lạy Chúa là Thiên Chúa, là Đấng mà mọi gia đình trên trời dưới đất có được tên gọi.

Lạy Cha, Cha là Tình Yêu và là Sự Sống./ Qua Con của Cha là Đức Giêsu Kitô được hạ sinh bởi một người nữ,/ Và nhờ Thánh Thần là suối nguồn đức ái thân linh,/ Xin ban cho hết mọi gia đình trên trái đất này/ được trở thành Đền thờ sự sống và yêu thương/ Cho từng thế hệ kế tiếp.

Xin Cha ban ơn hướng dẫn tâm tưởng và hành động/ Của những người chồng người vợ/ Vì thiện ích của gia đình họ cũng như cho tất cả mọi gia đình trên thế giới này.

Xin ban cho giới trẻ được tìm thấy trong gia đình/ Nơi nương tựa vững chắc cho phẩm vị con người của họ/ Cũng như cho việc họ tăng trưởng trong chân lý và yêu thương.

Xin ban cho tình yêu,/ Được ơn bí tích hôn phối kiên cường/ Trở nên mãnh liệt hơn tất cả mọi yếu hèn và thù thách/ Mà gia đình của chúng con đôi khi phải trải qua.

Nhờ việc chuyển cầu của Thánh Gia Nazaret,/ Xin ban cho Giáo Hội được thành đạt trong việc thi hành/ Sứ vụ toàn cầu của mình nơi gia đình/ Và qua gia đình.

Nhờ Đức Kitô Chúa chúng con,/ Đấng là Đường, là Sự Thật và là Sự Sống/ Muôn thuở muôn đời./ Amen

